

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU
KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT – NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO



BARIA VUNGTAU
UNIVERSITY
CAP SAINT JACQUES

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

XÂY DỰNG WEBSITE BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ HOSTING

Giảng viên hướng dẫn	: TS. Bùi Thị Thu Trang
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Quang Hiến
Trình độ đào tạo	: Đại Học Chính Quy
Ngành đào tạo	: Công nghệ thông tin
Chuyên ngành	: Công nghệ thông tin
MSSV	: 18033887
Lớp	: DH18CT
Niên Khóa	: 2018-2022

BÀ RỊA – VŨNG TÀU, NĂM 2021

LỜI NÓI ĐẦU

Project trong quá trình triển khai dùng Odoo 14.0, Postgresql 12, Docker, Visual Code, Ngôn ngữ lập trình Python, Javascript, kiến thức html, xml, scss, jquery, reactjs, vuejs, owlframework,...

Xuyên suốt quá trình xây dựng đồ án, bản thân sinh viên góp nhặt được không ít kinh nghiệm về chuyên môn lập trình nói riêng và về cách hoạt động của doanh nghiệp nói chung. Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến với những người đã luôn bên cạnh và hỗ trợ trong khoảng thời gian từ lúc bắt đầu đến lúc đồ án hoàn thiện.

Xin trân trọng cảm ơn!

Sinh Viên Thực Hiện

Nguyễn Quang Hiến

Mục Lục

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN	12
1.1 ERP LÀ GÌ	12
1.2 ODOO LÀ GÌ	12
1.3 LỢI ÍCH KHI TRIỂN KHAI ODOO CHO DOANH NGHIỆP	12
1.4 LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	12
1.5 ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU	13
1.6 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	14
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG	15
2.1 CHỨC NĂNG	15
2.2 YÊU CẦU ĐẶT RA	15
2.3 CHỨC NĂNG CHUNG	16
2.4 CHỨC NĂNG CỦA TỪNG TÁC NHÂN	20
2.5 CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG QUÁT CỦA HỆ THỐNG	35
2.6 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ NGƯỜI DÙNG	38
2.7 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ SẢN PHẨM	39
2.8 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ ĐƠN HÀNG	40
2.9 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ THANH TOÁN	41
2.10 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ HÓA ĐƠN	42
2.11 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ DỊCH VỤ HOSTING	43
CHƯƠNG 3: CÀI ĐẶT VÀ TRIỂN KHAI ODOO CHO DOANH NGHIỆP THỰC TẾ	45
3.1 SỬ DỤNG DOCKER	45
3.1.1 DOCKER LÀ GÌ ?	45
3.1.2 VÌ SAO DOANH NGHIỆP SỬ DỤNG DOCKER ?	45
3.1.3 TRIỂN KHAI DOCKER CHO DOANH NGHIỆP	45
3.2 TRIỂN KHAI PROJECT ODOO BẰNG DOCKER	48
3.2.1 CẤU HÌNH DOCKER COMPOSE VÀ DOCKER FILE	48
3.2.2 KHỞI ĐỘNG PROJECT	49
3.3 CÀI ĐẶT MODULE VÀ TRIỂN KHAI MODULE	51
3.3.1 CÀI ĐẶT MODULE	51
3.3.2 CÁC CHỨC NĂNG ĐƯỢC XÂY DỰNG TRONG MODULE LICENSE MANAGEMENT	53
3.4 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ SẢN PHẨM	56
3.5 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ NHÓM DANH MỤC	59
3.6 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ THUỘC TÍNH CỦA SẢN PHẨM	64
3.7 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ SẢN PHẨM DỊCH VỤ HOSTING	69

3.8 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG	85
3.9 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ ĐƠN HÀNG.....	88
3.10 QUY TRÌNH TẠO - QUẢN LÝ HÓA ĐƠN	100
3.11 QUY TRÌNH QUẢN LÝ CÁC GÓI DỊCH VỤ	121
3.12 WEBSITE	147
3.12.1 Trang “Sign up”	148
3.12.2 Trang “Login”	148
3.12.3 Trang “Home”.....	149
3.12.4 Trang “Contact Us”	151
3.12.5 Trang “Shop”	151
3.12.6 Trang “Product Details”	152
3.12.7 Trang “Pricing”	152
3.12.8 Trang “Cart”	153
3.12.9 Trang “Address” (dành cho khách hàng chưa tạo tài khoản)	153
3.12.10 Trang “Payment”	154
3.12.11 Trang “Confirmation”	156
3.12.12 Trang “Subscription”	156
CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN.....	168

Danh mục hình ảnh

Hình 1: Chức năng chung – Sơ đồ tuần tự	17
Hình 2: Chức năng chung – Sơ đồ hợp tác	17
Hình 3: Chức năng tìm kiếm hàng hóa – Sơ đồ tuần tự	18
Hình 4: Chức năng tìm kiếm hàng hóa – Sơ đồ hợp tác	19
Hình 5: Chức năng xem thông tin hàng hóa – Sơ đồ tuần tự	19
Hình 6: Chức năng xem thông tin hàng hóa – Sơ đồ hợp tác	20
Hình 7: Khách hàng chưa có tài khoản – Sơ đồ giữa các tác nhân và usecase	21
Hình 8: Khách hàng chưa có tài khoản – Sơ đồ tuần tự	21
Hình 9: Khách hàng chưa có tài khoản – Sơ đồ hợp tác	22
Hình 10: Khách hàng – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase	22
Hình 11: Khách hàng – Sơ đồ tuần tự	23
Hình 12: Khách hàng – Sơ đồ hợp tác	23
Hình 13: Thanh toán – Sơ đồ tuần tự	24
Hình 14: Thanh toán – Sơ đồ tuần tự	24
Hình 15: Thanh toán – Sơ đồ hợp tác	25
Hình 16: Hosting – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase	25
Hình 17: Hosting – Sơ đồ tuần tự	26
Hình 18: Hosting – Sơ đồ hợp tác	26
Hình 19: Chức năng của nhân viên – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase	27
Hình 20: Chức năng của nhân viên – Sơ đồ tuần tự	28
Hình 21: Chức năng của nhân viên – Sơ đồ hợp tác	28
Hình 22: Quản lý đơn hàng – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase	29
Hình 23: Quản lý đơn hàng – Sơ đồ tuần tự	30
Hình 24: Quản lý đơn hàng – Sơ đồ hợp tác	30
Hình 25: Quản lý hóa đơn – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase	31
Hình 26: Quản lý hóa đơn – Sơ đồ tuần tự	32
Hình 27: Quản lý hóa đơn – Sơ đồ hợp tác	32
Hình 28: Quản lý hosting - Sơ đồ giữa tác nhân và usecase	33
Hình 29: Quản lý hosting - Sơ đồ tuần tự	34
Hình 30: Quản lý hosting - Sơ đồ hợp tác	34
Hình 31: Cơ sở dữ liệu tổng quát 01	35
Hình 32: Cơ sở dữ liệu tổng quát 02	36
Hình 33: Cơ sở dữ liệu tổng quát 03	36
Hình 34: Cơ sở dữ liệu tổng quát 04	37
Hình 35: Cơ sở dữ liệu tổng quát 05	37
Hình 36: Cơ sở dữ liệu tổng quát 06	37
Hình 37: Cơ sở dữ liệu quản lý người dùng	38
Hình 38: Cơ sở dữ liệu quản lý sản phẩm	39
Hình 39: Cơ sở dữ liệu quản lý đơn hàng	40
Hình 40: Cơ sở dữ liệu quản lý thanh toán	41
Hình 41: Cơ sở dữ liệu quản lý hóa đơn	42
Hình 42: Cơ sở dữ liệu quản lý dịch vụ hosting 01	43
Hình 43: Cơ sở dữ liệu quản lý dịch vụ hosting 02	44
Hình 44: Hyper-V	46
Hình 45: Docker	46
Hình 46: Giao diện Docker	47
Hình 47: Cấu hình Docker Compose.prod	47
Hình 48: Cấu hình Dockerfile	48
Hình 49: Cấu hình Docker Compose.dev	48
Hình 50: Chạy lệnh sh dev up	49

Hình 51: Triển khai thành công 01.....	49
Hình 52: Triển khai thành công 02.....	50
Hình 53: Chạy trên web	50
Hình 54: Tổng quan module.....	51
Hình 55: Instal Module License Management	51
Hình 56: Module triển khai theo mô hình MVC.....	52
Hình 57: Inventory	53
Hình 58: Sales	54
Hình 59: Invoicing	54
Hình 60: Module Subscriptions.....	55
Hình 61: Website.....	55
Hình 62: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 01).....	56
Hình 63: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 02).....	57
Hình 64: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 03).....	57
Hình 65: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 04).....	58
Hình 66: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 05).....	58
Hình 67: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 06).....	59
Hình 68: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 01).....	60
Hình 69: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 02).....	60
Hình 70: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 03).....	61
Hình 71: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 04).....	61
Hình 72: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 05).....	62
Hình 73: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 06).....	62
Hình 74: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 07).....	63
Hình 75: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 08).....	63
Hình 76: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 09).....	64
Hình 77: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 01)	65
Hình 78: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 02)	65
Hình 79: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 03)	66
Hình 80: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 04)	66
Hình 81: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 05)	67
Hình 82: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 06)	67
Hình 83: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 07)	68
Hình 84: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 08)	68
Hình 85: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 01)	69
Hình 86: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 02)	70
Hình 87: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 03)	70
Hình 88: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 04)	71
Hình 89: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 05)	71
Hình 90: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 06)	72
Hình 91: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 07)	72
Hình 92: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 08)	73
Hình 93: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 09)	73
Hình 94: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 10)	74
Hình 95: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 11)	74
Hình 96: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 12)	75
Hình 97: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 13)	75
Hình 98: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 14)	76
Hình 99: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 15)	76
Hình 100: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 16)	77
Hình 101: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 17)	77
Hình 102: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 18)	77
Hình 103: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 19)	78

Hình 210: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 19).....	130
Hình 211: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 20).....	130
Hình 212: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 21).....	131
Hình 213: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 22).....	131
Hình 214: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 23).....	132
Hình 215: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 24).....	132
Hình 216: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 25).....	133
Hình 217: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 26).....	133
Hình 218: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 27).....	134
Hình 219: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 28).....	135
Hình 220: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 29).....	135
Hình 221: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 30).....	136
Hình 222: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 31).....	136
Hình 223: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 32).....	137
Hình 224: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 33).....	137
Hình 225: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 34).....	138
Hình 226: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 35).....	138
Hình 227: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 36).....	139
Hình 228: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 37).....	139
Hình 229: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 38).....	140
Hình 230: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 39).....	140
Hình 231: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 40).....	141
Hình 232: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 41).....	141
Hình 233: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 42).....	142
Hình 234: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 43).....	142
Hình 235: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 44).....	143
Hình 236: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 45).....	144
Hình 237: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 46).....	144
Hình 238: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 47).....	145
Hình 239: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 48).....	145
Hình 240: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 49).....	146
Hình 241: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 50).....	146
Hình 242: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 51).....	147
Hình 243: Trang Sign up.....	148
Hình 244: Trang Login.....	149
Hình 245: Trang Home 01	149
Hình 246: Trang Home 02	150
Hình 247: Trang Home 03	150
Hình 248: Trang Contact Us	151
Hình 249: Trang Shop.....	151
Hình 250: Trang Product Details	152
Hình 251: Trang Pricing.....	152
Hình 252: Trang Cart	153
Hình 253: Trang Address	154
Hình 254: Trang Payment	155
Hình 255: Trang Payment	155
Hình 256: Trang Confirmation.....	156
Hình 257: Trang Subscription 01	157
Hình 258: Trang Subscription 02.....	157
Hình 259: Trang Subscription 03	158
Hình 260: Trang Subscription 04.....	158
Hình 261: Trang Subscription 05.....	159
Hình 262: Trang Subscription 06.....	159

Hình 263: Trang Subscription 07	160
Hình 264: Trang Subscription 08	161
Hình 265: Trang Subscription 09	161
Hình 266: Trang Subscription 10	162
Hình 267: Trang Subscription 11	162
Hình 268: Trang Subscription 12	163
Hình 269: Trang Subscription 13	163
Hình 270: Trang Subscription 14	164
Hình 271: Trang Subscription 15	164
Hình 272: Trang Subscription 16	165
Hình 273: Trang Subscription 17	165
Hình 274: Trang Subscription 18	166
Hình 275: Trang Subscription 19	166
Hình 276: Trang Subscription 20	167
Hình 277: Trang Subscription 21	167

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1.1 ERP LÀ GÌ

ERP, viết tắt của “*Enterprise Resource Planning*”, nghĩa là “Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp”. Tuy nhiên theo Christopher Koch, để thực sự hiểu ERP, đừng quá chú trọng toàn bộ nghĩa của nó. Hãy tạm quên phần “hoạch định”, nó không có ý nghĩa gì nhiều, cũng hãy quên phần “nguồn lực”, và chú ý vào phần “Doanh nghiệp”. Đấy mới là tham vọng thực sự của ERP.

Mục đích của phần mềm ERP là hợp nhất mọi phòng ban và chức năng của tổ chức vào một hệ thống duy nhất có thể đáp ứng bất kỳ nhu cầu đặc thù nào từ những bộ phận khác nhau.

Thông thường, trước khi ứng dụng phần mềm ERP, mỗi bộ phận – tài chính kế toán, kinh doanh, mua hàng, kho hàng, nhân sự - đã có một hệ thống phần mềm phục vụ các đặc trưng riêng biệt của từng bộ phận.

1.2 ODOO LÀ GÌ

ERP Odoo là một trong những phần mềm quản trị doanh nghiệp mã nguồn mở, sử dụng ngôn ngữ lập trình Python, chạy phía server. Odoo không phải đơn thuần là một webapp bởi phần mềm này không dùng bất cứ web framework nào như Django, Tornado... Odoo được tích hợp nhiều công nghệ điện toán đám mây, phù hợp với nhiều ngành nghề và lĩnh vực.

1.3 LỢI ÍCH KHI TRIỂN KHAI ODOO CHO DOANH NGHIỆP

- 1. Chi phí thấp:** Odoo ERP là phần mềm có mã nguồn mở, doanh nghiệp có thể tận dụng các thư viện phần mềm miễn phí có sẵn, nhờ vậy có thể tiết kiệm được khá nhiều chi phí để lập trình. Bên cạnh đó, Odoo không chịu ảnh hưởng của các chi phí marketing, bán hàng, đây cũng là lý do mà chi phí để sử dụng Odoo thấp hơn so với các phần mềm quản lý khác.
- 2. Nhiều chức năng hữu dụng:** Phần mềm Odoo giúp giảm thiểu được thời gian làm việc cho nhân viên, rút ngắn thời gian hoàn thành công việc. Nhờ vậy sản phẩm thường được hoàn thành kịp tiến độ, đảm bảo hiệu quả công việc. Với phần mềm này, những người quản lý có thể dễ dàng nắm rõ tình hình hoạt động của doanh nghiệp một cách nhanh chóng.
- 3. Công nghệ được cập nhật liên tục:** Là phần mềm được tích hợp nhiều công nghệ hiện đại và những công nghệ này thường xuyên được cập nhật. Ngay khi phiên bản mới của Odoo được phát hành, hoàn toàn có thể tiến hành nâng cấp và sử dụng chúng. Hiện tại phiên bản mới nhất của phần mềm quản trị doanh nghiệp này là Odoo 14 và chuẩn bị có bản 15.

1.4 LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Lập trình và tạo ra sản phẩm có thể ứng dụng được vào thực tế và đồng thời mang về được giá trị cũng như lợi ích cho cộng đồng luôn là thứ mà những lập trình viên vẫn luôn hướng tới. Để có thể xây dựng và phát triển một sản phẩm

dành cho doanh nghiệp đưa vào sử dụng thì cần không chỉ là kỹ năng lập trình của người lập trình viên mà họ còn phải có một lượng kiến thức nhất định về cách vận hành của một hệ thống của doanh nghiệp.

ERP Odoo vừa là một cơ hội nhưng cũng vừa là một thử thách khi nó giúp người lập trình viên có thêm kinh nghiệm về hệ thống doanh nghiệp. Đôi lại, bản thân người lập trình phải cập nhật và trang bị những kiến thức mới mẻ để bắt kịp xu hướng và đồng thời phải làm quen với việc xây dựng một hệ thống phải đáp ứng đủ các tiêu chí về đồng bộ, nâng cấp và bảo trì,...

Các doanh nghiệp cung cấp giải pháp công nghệ thường chưa có hệ thống quản lý hosting riêng. Đề tài “Xây dựng website bán hàng và cung cấp dịch vụ hosting” được triển khai đồng thời có thể giải quyết được bài toán quản lý doanh nghiệp bằng Website và ứng dụng được ERP Odoo để áp dụng vào thực tế. Đề tài được triển với 2 chức năng là bán hàng và cung cấp dịch vụ hosting:

- Đối với chức năng cung cấp dịch vụ hosting cho phép nhân viên quản lý thông tin hàng hóa, thông tin server, thông tin khách hàng, tình trạng hàng hóa trong hệ thống bán hàng online và cung cấp dịch vụ.
- Đối với chức năng bán hàng cho phép người dùng có thể sử dụng hệ thống để mua hàng trực tuyến và sử dụng các dịch vụ của Website.

1.5 ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu cách vận hành của một hệ thống dành cho doanh nghiệp.
- Nghiên cứu cách hoạt động của Server.
- Nghiên cứu các ngôn ngữ lập trình, framework,.. phục vụ cho việc phát triển hệ thống.
- Nghiên cứu và ứng dụng UX/UI vào sản phẩm.
- Giải quyết các vấn đề về thuật toán, hiện thực hóa ý tưởng bằng sản phẩm trực quan.

1.6 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Về Lý thuyết

- Tìm hiểu ngôn ngữ lập trình Python, Javascript.
- Tìm hiểu cấu trúc của các framework như: owlframework, reactJS, vueJS.
- Tìm hiểu về PostgreSQL
- Tìm hiểu về Docker, Kubernetes.
- Tìm hiểu các kiến thức cơ bản và nâng cao của HTML, SCSS,..
- Tìm hiểu các thư viện như Flickity, AOS animation,..
- Tìm hiểu cách vận hành và đóng gói module của ERP Odoo.

Về thực nghiệm

- Ứng dụng ngôn ngữ lập trình Python cùng với owl-framework để xây dựng sản phẩm.
- Ứng dụng kiến thức PostgreSQL để quản lý cơ sở dữ liệu.
- Ứng dụng Docker, Kubernetes để khởi tạo môi trường ảo, deploy, quản lý server,...
- Ứng dụng các kiến thức về HTML, SCSS để xây dựng giao diện cho sản phẩm.
- Ứng dụng linh hoạt các thư viện như Flickity, AOS animation,... để hỗ trợ sản phẩm trong phương diện UX/UI.
- Ứng dụng kiến thức vận hành của doanh nghiệp cùng với cách hoạt động và triển khai của ERP Odoo để đóng gói sản phẩm, xây dựng cấu trúc sản phẩm dễ dàng nâng cấp và bảo trì.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG

Đề tài: “Xây dựng Website bán hàng và cung cấp dịch vụ hosting”

2.1 CHỨC NĂNG

Đây là website với 2 chức năng: Bán hàng và cung cấp dịch vụ hosting.

Đối với chức năng cung cấp dịch vụ hosting cho phép nhân viên quản lý thông tin hàng hóa, thông tin server, thông tin khách hàng, tình trạng hàng hóa trong hệ thống bán hàng online và cung cấp dịch vụ.

Đối với chức năng bán hàng cho phép người dùng có thể sử dụng hệ thống để mua hàng trực tuyến và sử dụng các dịch vụ của Website.

Các chức năng của Website:

- Quản lý sản phẩm;
- Quản lý khách hàng;
- Quản lý bán hàng;
- Quản lý đơn hàng;
- Quản lý hóa đơn;
- Quản lý dịch vụ hosting;
- Xuất dữ liệu;
- Thanh toán;
- Gửi thông báo.

2.2 YÊU CẦU ĐẶT RA

Hệ thống gồm 2 phần: *Khách hàng* và *Quản trị viên*.

a. Khách hàng:

- ❖ **Khách hàng giao dịch** là những người có nhu cầu về hàng hóa, họ sẽ tìm kiếm hàng hóa bằng cách lên Website để mua hàng. Vì thế phải có những chức năng sau:
 - Khách hàng đăng kí thành viên và đăng nhập hệ thống;
 - Khách hàng tìm kiếm hàng hóa;
 - Khách hàng xem thông tin hàng hóa;
 - Khách hàng thực hiện đặt hàng;
 - Khách hàng kiểm tra đơn hàng;
 - Khách hàng hủy đơn hàng;
 - Khách hàng thanh toán đơn hàng online;
 - Khách hàng chọn gói dịch vụ hosting;
 - Khách hàng thanh toán gói dịch vụ hosting;
 - Khách hàng nâng cấp gói dịch vụ hosting;
 - Khách hàng có thể tương tác trên website.

b. Quản trị viên:

- ❖ **Quản trị viên** được cung cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập hệ thống dành cho quản trị để thực hiện các chức năng:
 - Quản lý sản phẩm;
 - Quản lý khách hàng;
 - Quản lý bán hàng;
 - Quản lý đơn hàng;
 - Quản lý hóa đơn;
 - Quản lý dịch vụ hosting;
 - Xuất dữ liệu và gửi thông báo.

2.3 CHỨC NĂNG CHUNG

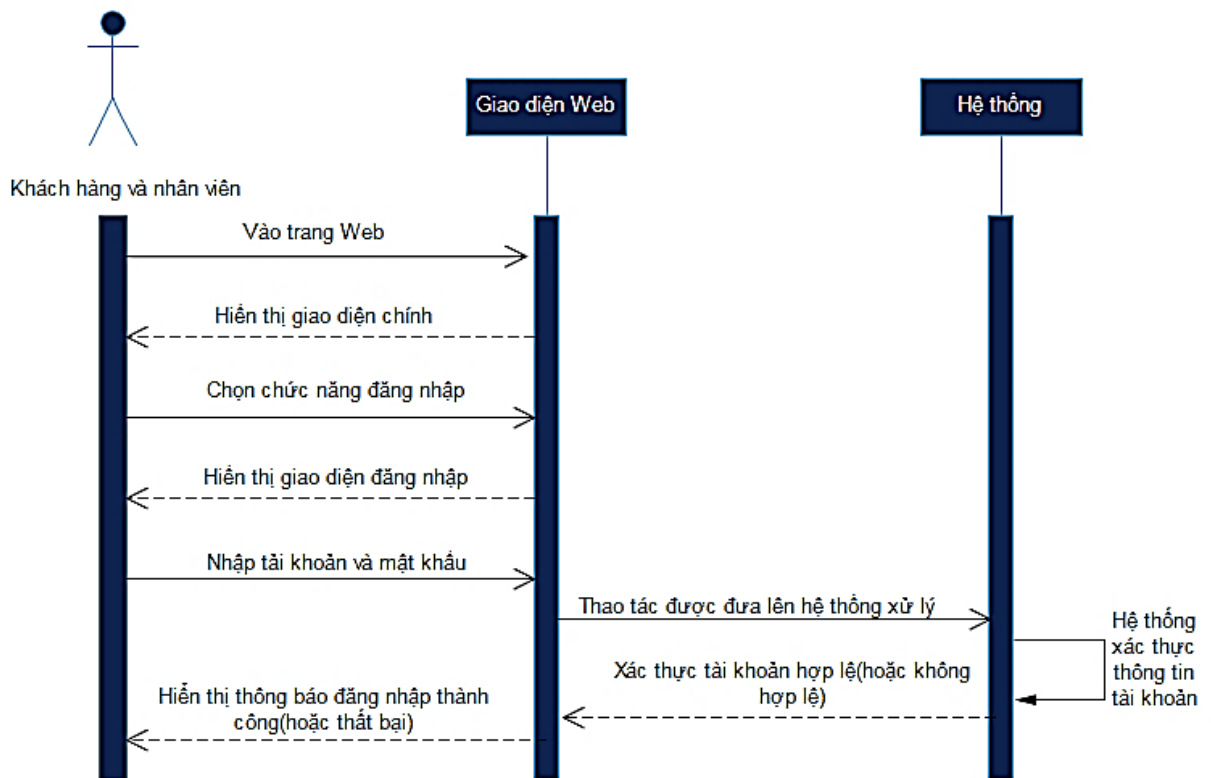
- Các chức năng chung bao gồm:

- Chức năng đăng nhập hệ thống của khách hàng và nhân viên;
- Chức năng tìm kiếm hàng hóa;
- Chức năng xem thông tin hàng hóa.

❖ Chức năng đăng nhập hệ thống của khách hàng và nhân viên:

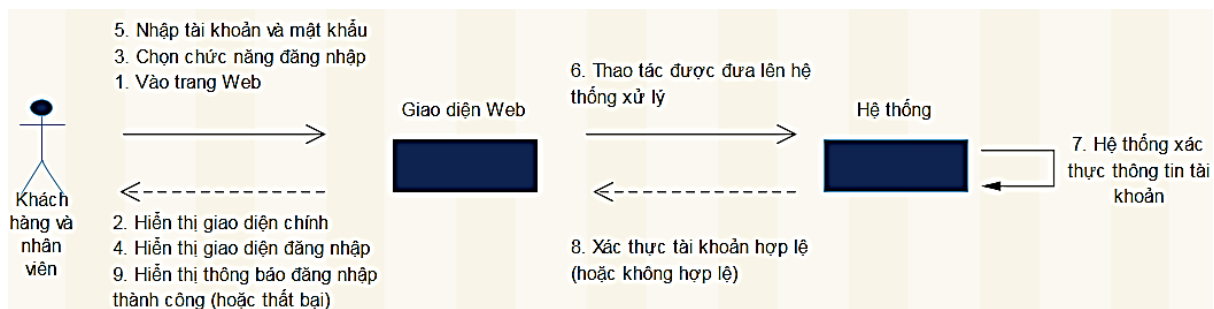
- Người dùng vào Website;
- Website hiển thị giao diện chính;
- Người dùng chọn chức năng đăng nhập;
- Website hiển thị giao diện đăng nhập;
- Người dùng nhập tài khoản và mật khẩu;
- Thao tác được đưa lên hệ thống xử lý;
- Hệ thống xác thực thông tin tài khoản;
- Xác thực tài khoản hợp lệ (hoặc không hợp lệ);
- Website hiển thị thông báo đăng nhập thành công (hoặc thất bại).

- Sơ đồ tuần tự:



Hình 1: Chức năng chung – Sơ đồ tuần tự

- Sơ đồ hợp tác:

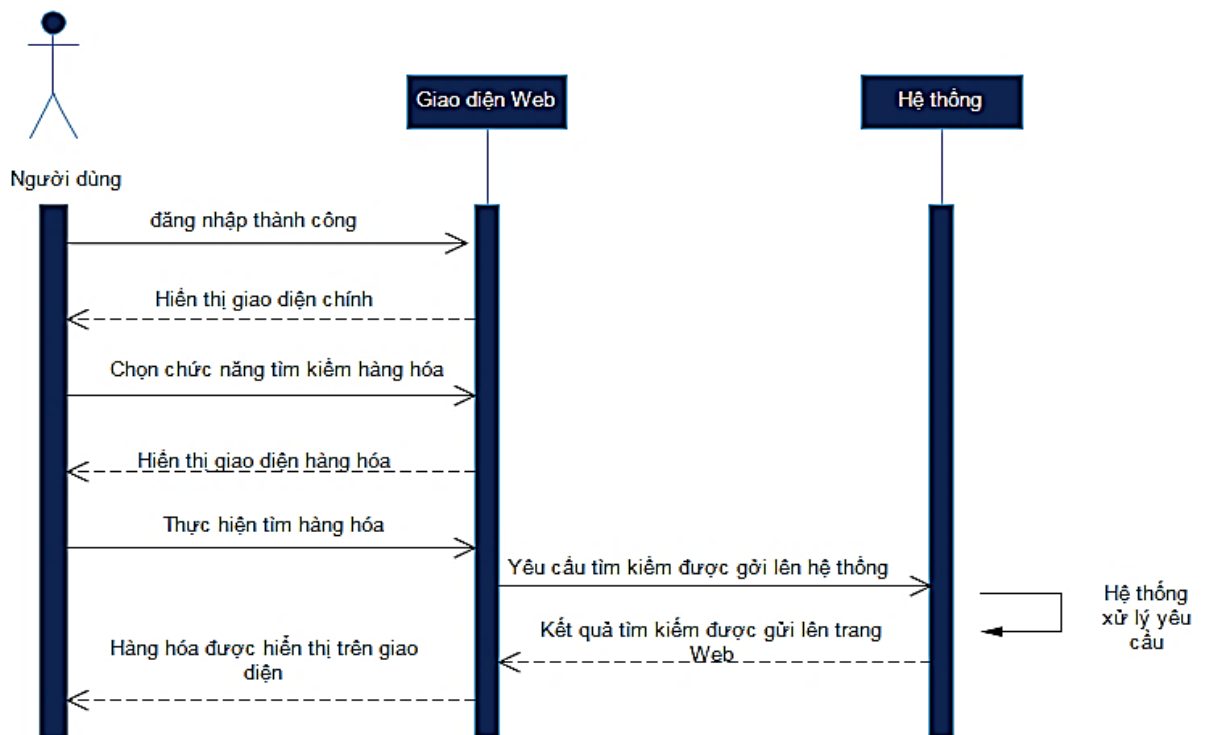


Hình 2: Chức năng chung – Sơ đồ hợp tác

❖ Chức năng tìm kiếm hàng hóa:

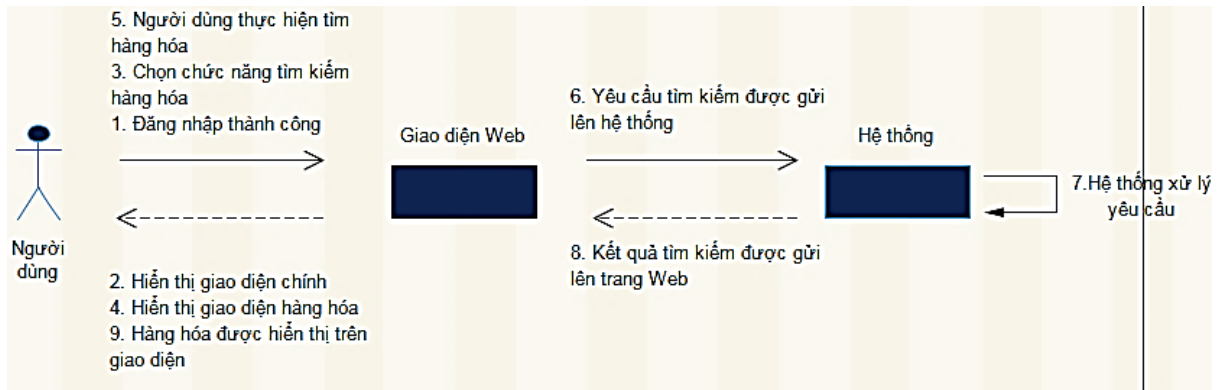
- Người dùng đang nhập vào Website thành công;
- Website hiển thị giao diện chính;
- Người dùng chọn chức năng tìm kiếm hàng hóa;
- Website hiển thị giao diện tìm kiếm hàng hóa;
- Người dùng nhập tên hàng hóa cần tìm kiếm;
- Website gửi yêu cầu về hệ thống để xử lý;
- Hệ thống xử lý yêu cầu;
- Hệ thống gửi kết quả về Website.

- Sơ đồ tuần tự:



Hình 3: Chức năng tìm kiếm hàng hóa – Sơ đồ tuần tự

Sơ đồ hợp tác:

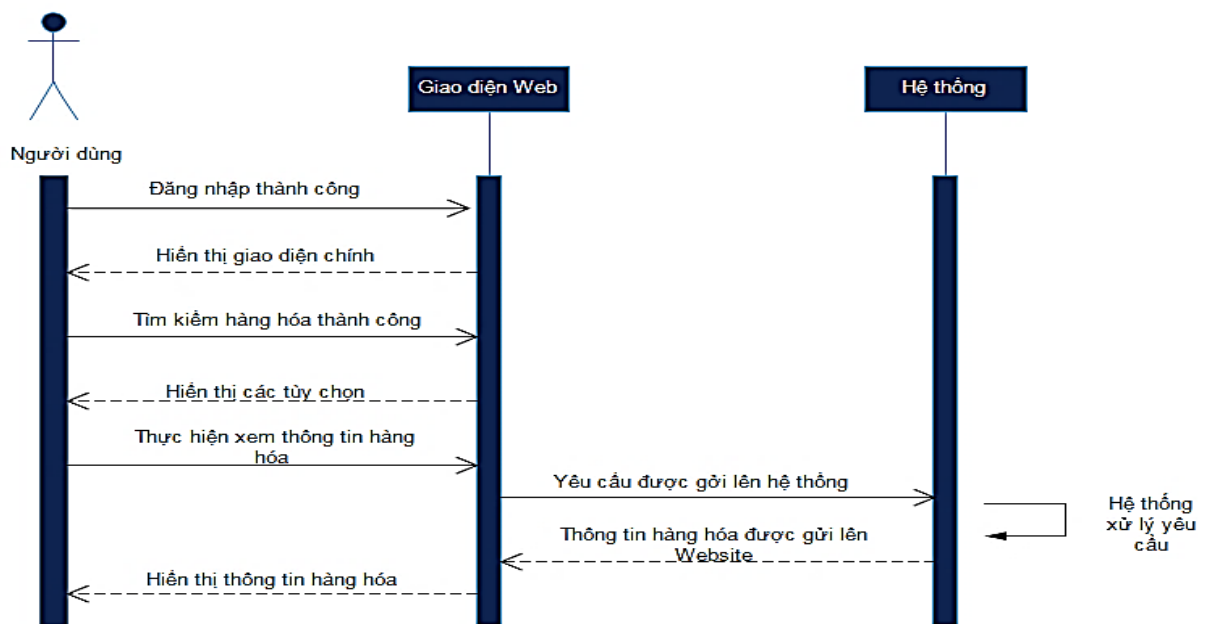


Hình 4: Chức năng tìm kiếm hàng hóa – Sơ đồ hợp tác

❖ Chức năng xem thông tin hàng hóa:

- Người dùng đăng nhập vào Website thành công;
- Website hiển thị giao diện chính;
- Người dùng tìm kiếm hàng hóa thành công;
- Website hiển thị các tùy chọn;
- Người dùng chọn “Xem thông tin” bằng cách nhấn vào sản phẩm;
- Website gửi yêu cầu về hệ thống;
- Hệ thống xác nhận yêu cầu;
- Hệ thống gửi thông tin lên Website;
- Website hiển thị thông tin hàng hóa.

Sơ đồ tuần tự:



Hình 5: Chức năng xem thông tin hàng hóa – Sơ đồ tuần tự

Sơ đồ hợp tác:



Hình 6: Chức năng xem thông tin hàng hóa – Sơ đồ hợp tác

2.4 CHỨC NĂNG CỦA TỪNG TÁC NHÂN

- **Các chức năng của từng tác nhân bao gồm:**
 - Chức năng của khách hàng (chưa có tài khoản):
 - ➔ Đăng kí tài khoản.
 - Chức năng của khách hàng (đã có tài khoản):
 - ➔ Chọn và đặt hàng;
 - ➔ Thanh toán;
 - ➔ Tương tác với hosting.
 - Các chức năng của nhân viên:
 - ➔ Quản lý sản phẩm;
 - ➔ Quản lý đơn hàng
 - ➔ Quản lý hóa đơn;
 - ➔ Quản lý hosting.

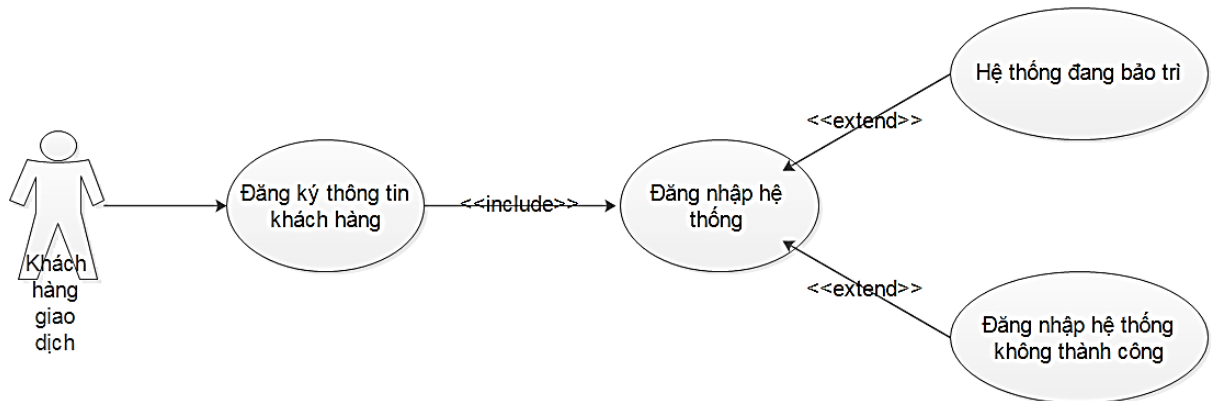
a. Chức năng của khách hàng

❖ Khách hàng chưa có tài khoản

○ Đăng kí tài khoản:

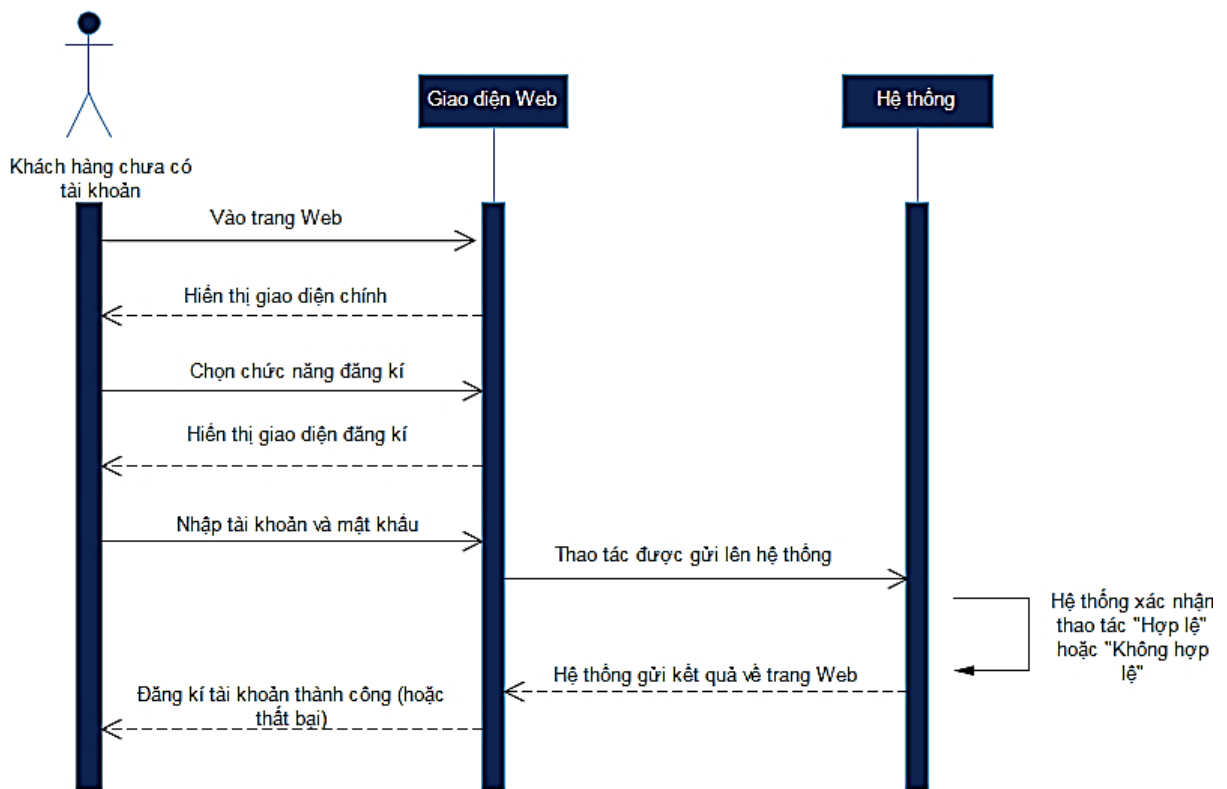
- Khách hàng vào Website;
- Website hiển thị giao diện chính;
- Chọn chức năng đăng ký;
- Website hiển thị giao diện đăng ký;
- Khách hàng nhập tài khoản và mật khẩu;
- Thao tác được gửi lên hệ thống;
- Hệ thống xác nhận tài khoản hợp lệ (hoặc không hợp lệ);
- Hệ thống gửi kết quả thao tác về trang web;
- Website thông báo đăng kí thành công (hoặc thất bại).

- Sơ đồ giữa tác nhân và usecase:



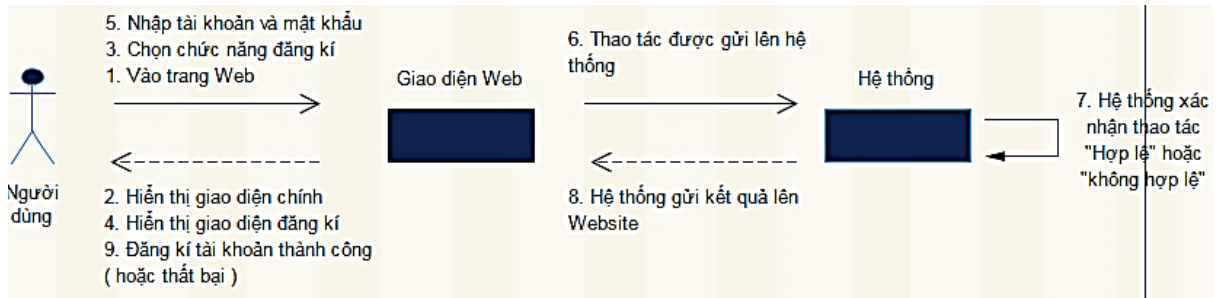
Hình 7: Khách hàng chưa có tài khoản – Sơ đồ giữa các tác nhân và usecase

- Sơ đồ tuần tự:



Hình 8: Khách hàng chưa có tài khoản – Sơ đồ tuần tự

- Sơ đồ hợp tác:



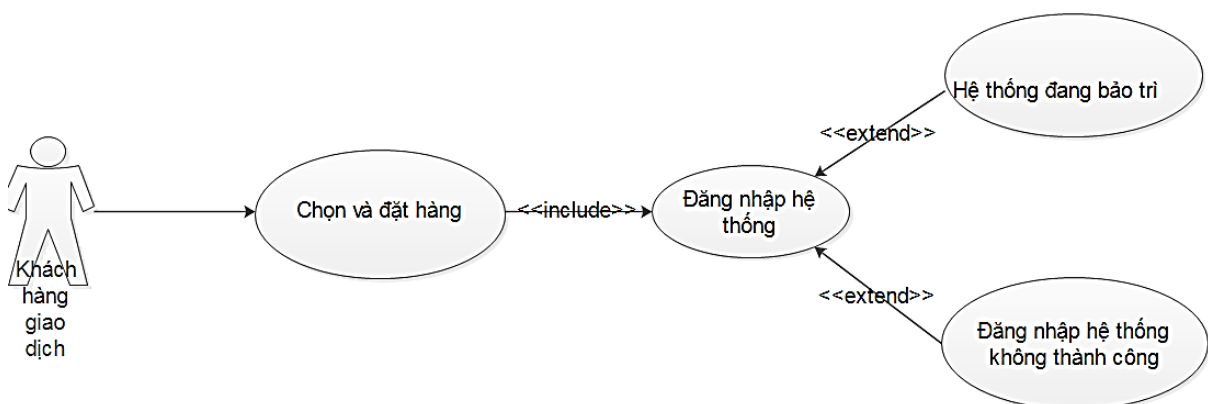
Hình 9: Khách hàng chưa có tài khoản – Sơ đồ hợp tác

❖ Khách hàng đã có tài khoản

○ Chọn & đặt hàng:

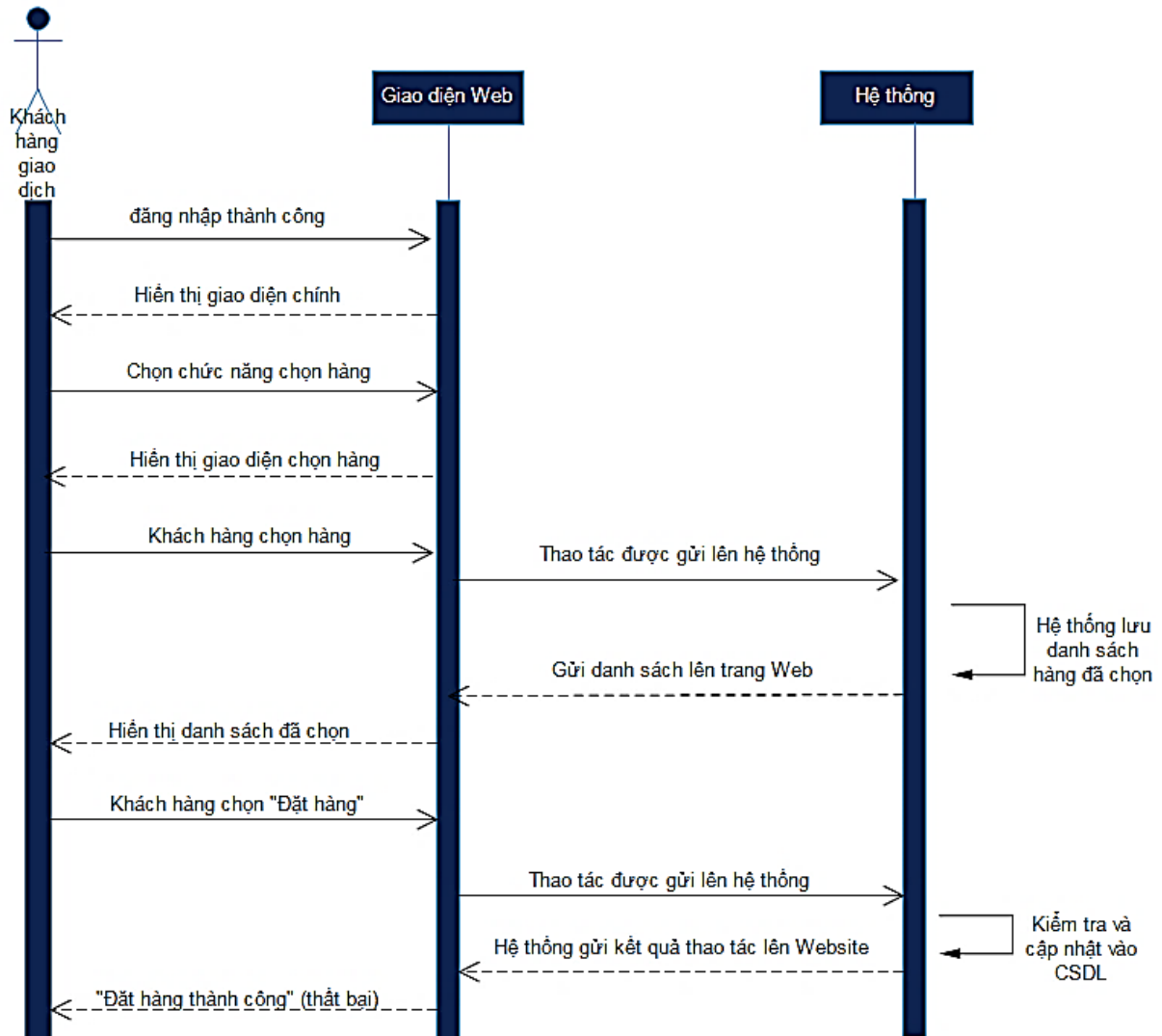
- Khách hàng đăng nhập thành công;
- Website hiển thị trang chủ;
- Khách hàng chọn chức năng lựa chọn hàng;
- Website hiển thị giao diện lựa chọn hàng hóa;
- Khách hàng chọn hàng hóa;
- Thao tác được gửi lên hệ thống;
- Hệ thống lưu danh sách hàng đã chọn;
- Hệ thống gửi kết quả thao tác lên Website;
- Website thị danh sách hàng đã chọn;
- Khách hàng nhấn nút “Đặt hàng”;
- Thao tác được gửi lên hệ thống;
- Kiểm tra, cập nhật đơn hàng vào CSDL;
- Hệ thống gửi kết quả thao tác lên Website;
- Website thông báo đặt hàng thành công.

- Sơ đồ giữa tác nhân và usecase:



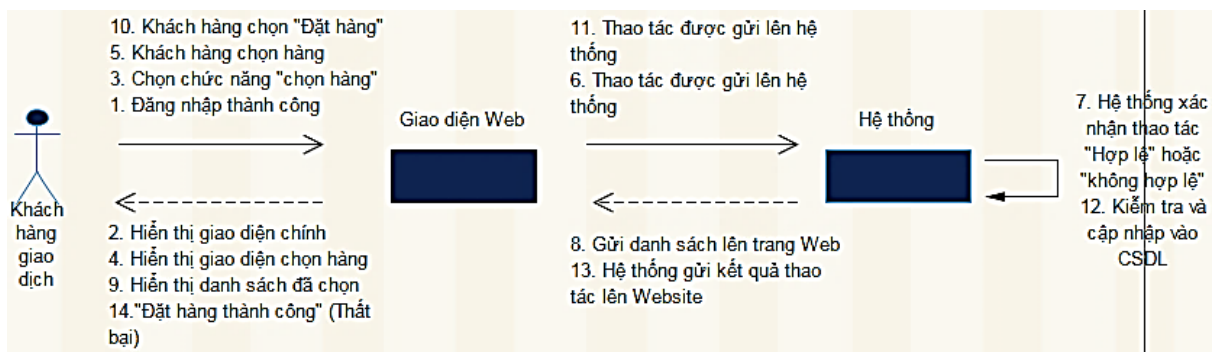
Hình 10: Khách hàng – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase

Sơ đồ tuần tự:



Hình 11: Khách hàng – Sơ đồ tuần tự

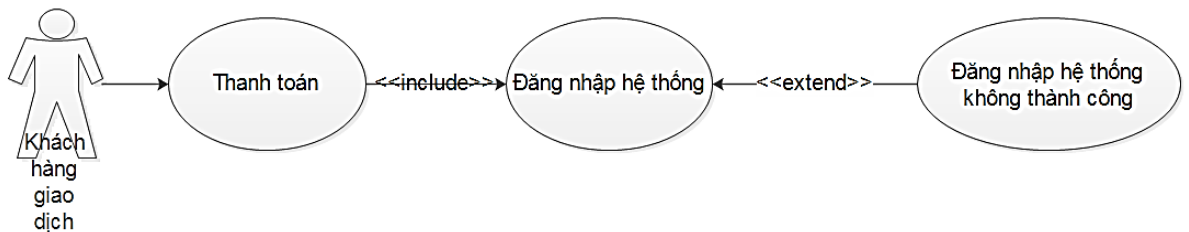
Sơ đồ hợp tác:



Hình 12: Khách hàng – Sơ đồ hợp tác

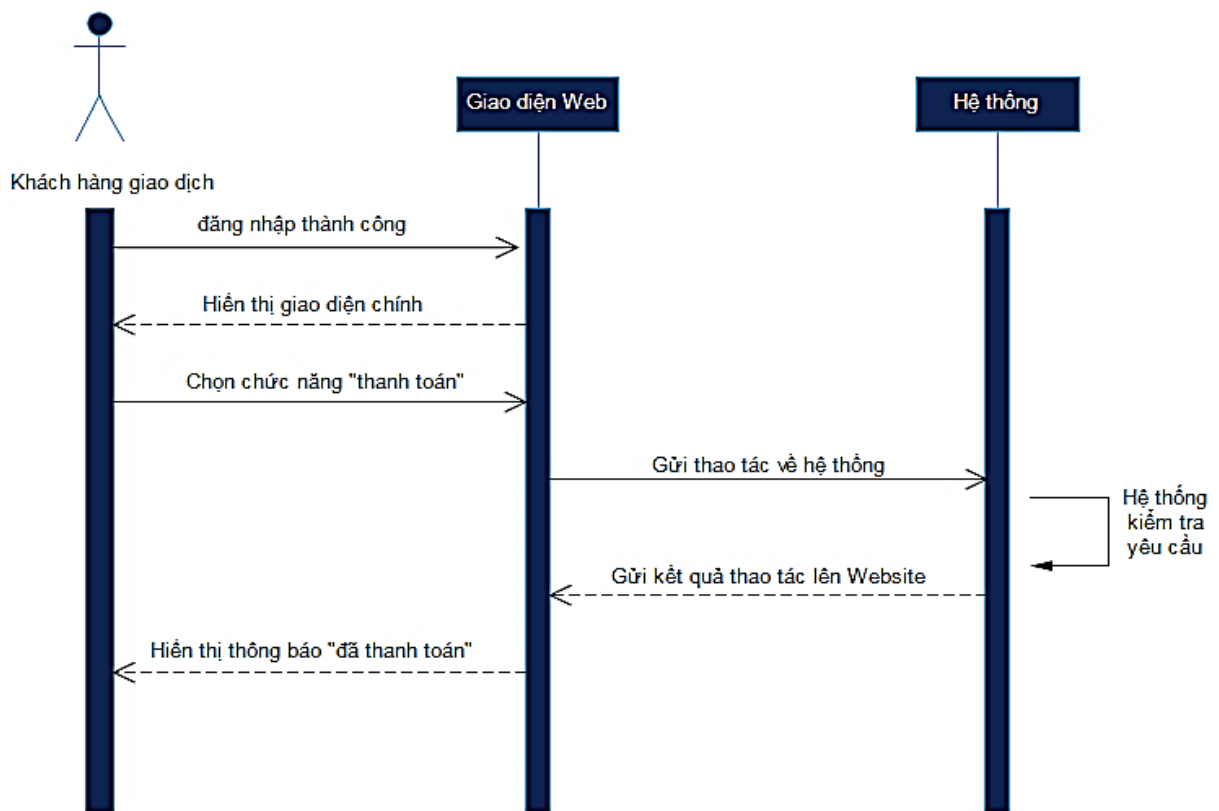
- **Thanh toán:** (sau khi đã đặt hàng thành công)
 - Khách hàng đăng nhập thành công;
 - Website hiển thị trang chủ;
 - Khách hàng chọn chức năng thanh toán;
 - Thao tác được gửi lên hệ thống;
 - Hệ thống kiểm tra tài khoản ngân hàng đã liên kết và tiến hành thanh toán;
 - Hệ thống gửi kết quả thao tác lên Website;
 - Website hiển thị thông báo thanh toán thành công (không thành công).

- **Sơ đồ giữa tác nhân và usecase:**



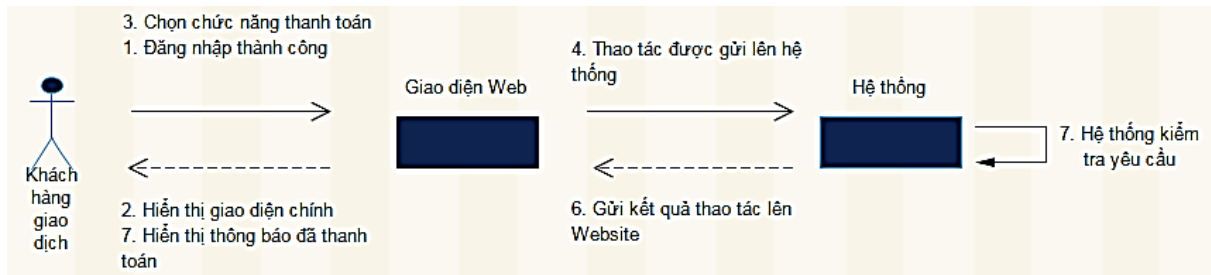
Hình 13: Thanh toán – Sơ đồ tuần tự

- **Sơ đồ tuần tự:**



Hình 14: Thanh toán – Sơ đồ tuần tự

- **Sơ đồ hợp tác:**

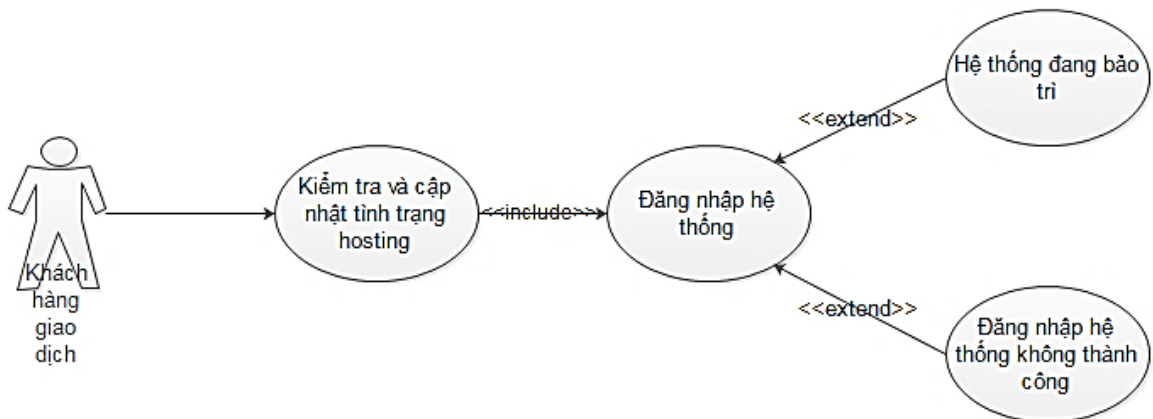


Hình 15: Thanh toán – Sơ đồ hợp tác

○ **Tương tác với hosting:**

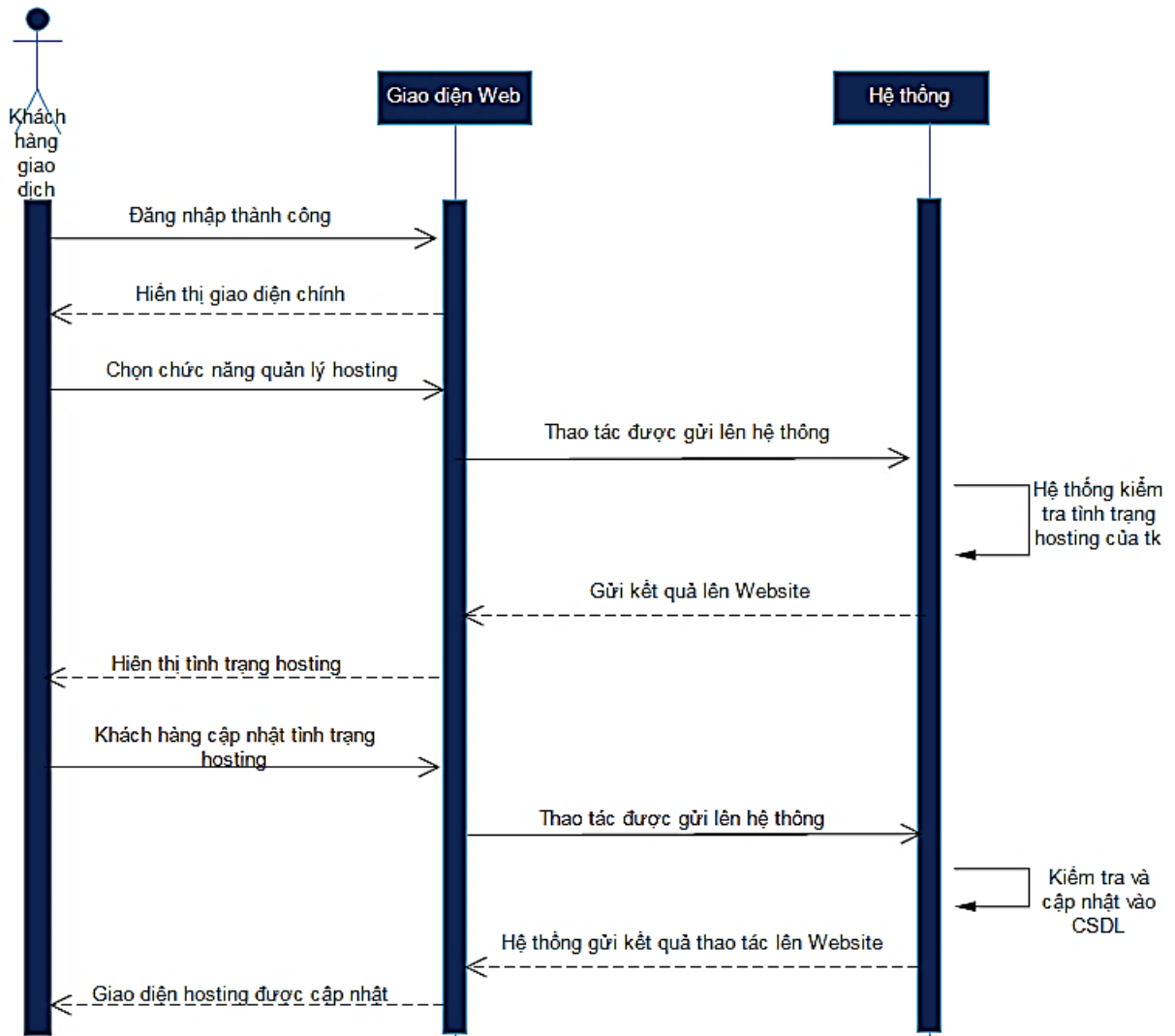
- Khách hàng đăng nhập thành công;
- Website hiển thị trang chủ;
- Khách hàng vào giao diện quản lý hosting;
- Thao tác được gửi lên hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra tình trạng hosting của tài khoản;
- Hệ thống gửi kết quả thao tác lên Website;
- Website hiển thị tình trạng hosting;
- Khách hàng thực hiện cập nhật trạng thái hosting;
- Thao tác được gửi lên hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra và cập nhật lại CSDL;
- Hệ thống gửi kết quả lên Website;
- Giao diện hosting của khách hàng được cập nhật.

- **Sơ đồ giữa tác nhân và usecase:**



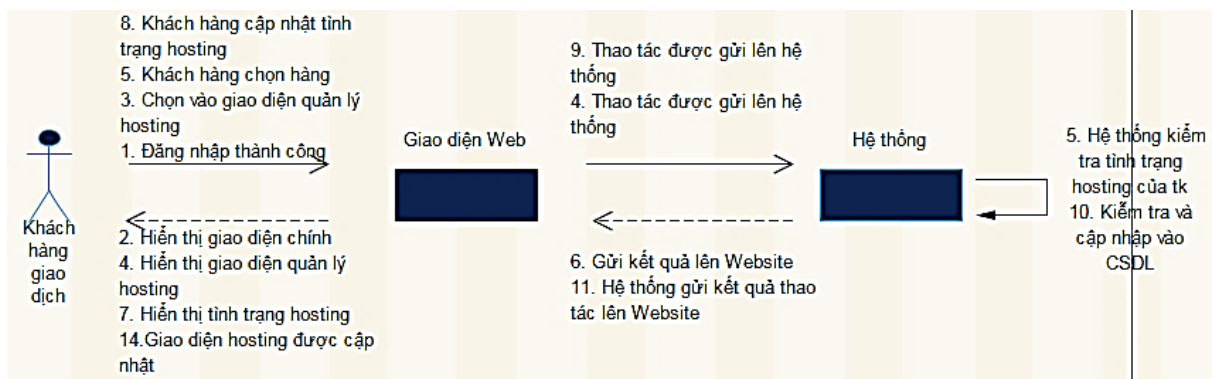
Hình 16: Hosting – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase

Sơ đồ tuần tự:



Hình 17: Hosting – Sơ đồ tuần tự

Sơ đồ hợp tác:



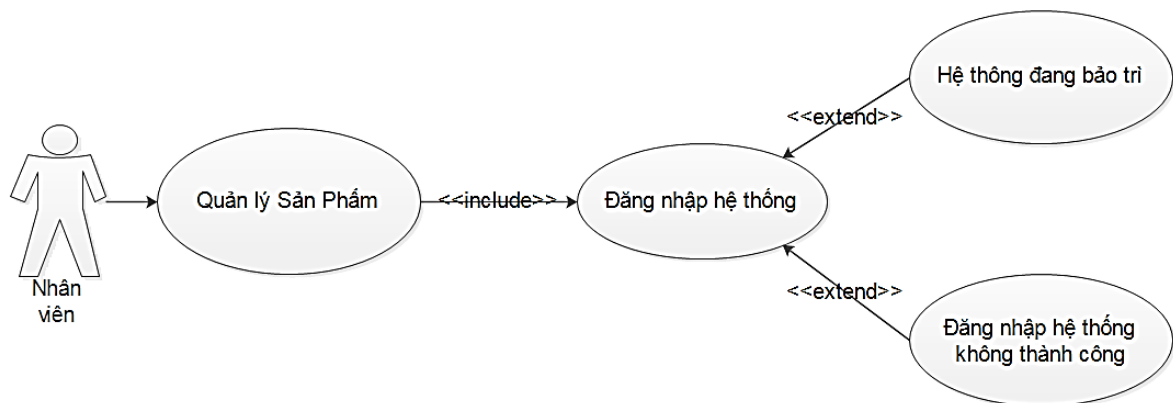
Hình 18: Hosting – Sơ đồ hợp tác

b. Chức năng của nhân viên

○ Quản lý sản phẩm:

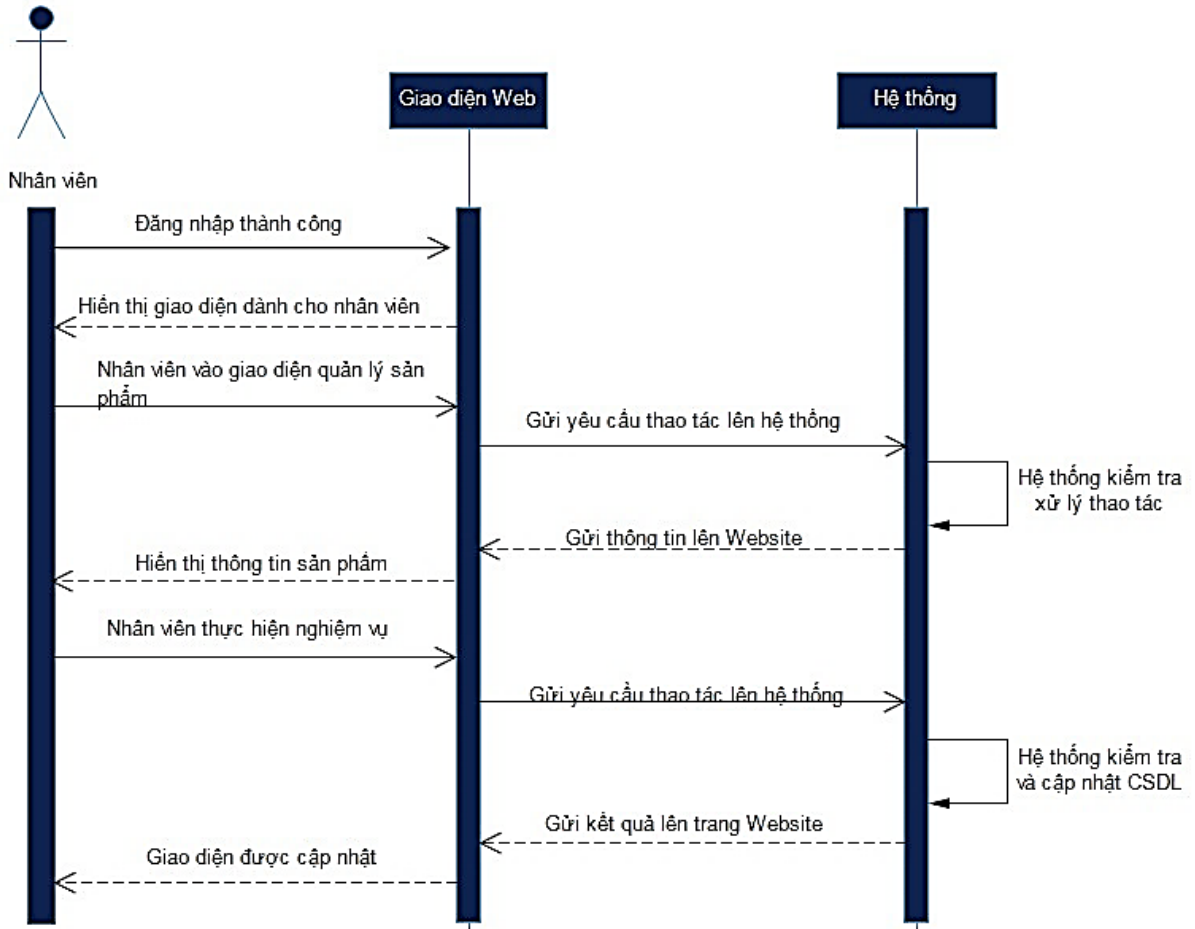
- Nhân viên đăng nhập thành công;
- Website hiển thị giao diện dành cho nhân viên;
- Nhân viên vào giao diện quản lý sản phẩm;
- Yêu cầu gửi về hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra, xử lý yêu cầu;
- Hệ thống gửi thông tin sản phẩm;
- Website hiển thị thông tin sản phẩm;
- Nhân viên thực hiện nghiệp vụ với các sản phẩm trong hệ thống;
- Thao tác được gửi về hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra và cập nhật CSDL;
- Hệ thống gửi kết quả lên Website;
- Giao diện sản phẩm được cập nhật.

- Sơ đồ giữa tác nhân và usecase:



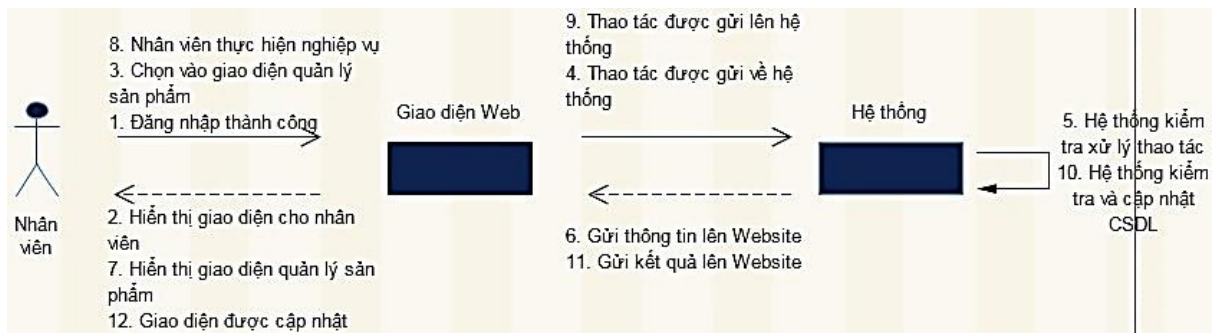
Hình 19: Chức năng của nhân viên – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase

Sơ đồ tuần tự:



Hình 20: Chức năng của nhân viên – Sơ đồ tuần tự

Sơ đồ hợp tác:

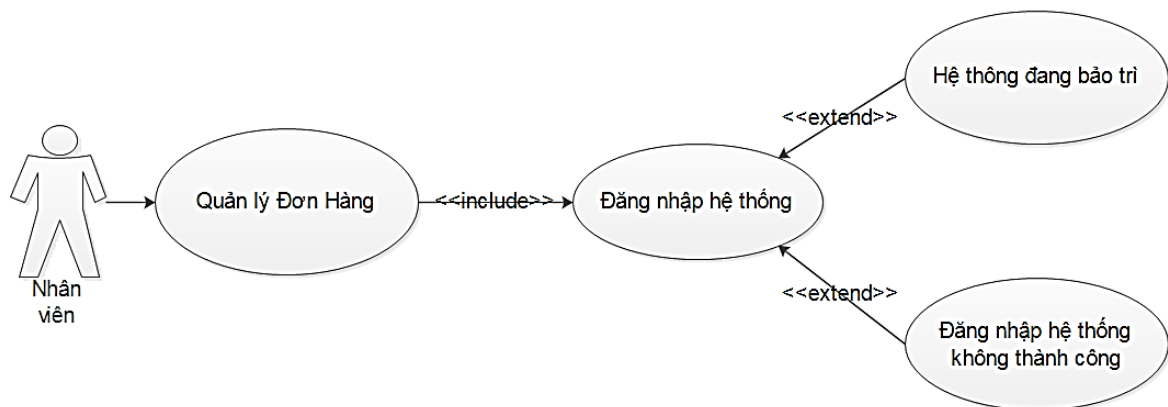


Hình 21: Chức năng của nhân viên – Sơ đồ hợp tác

○ **Quản lý đơn hàng:**

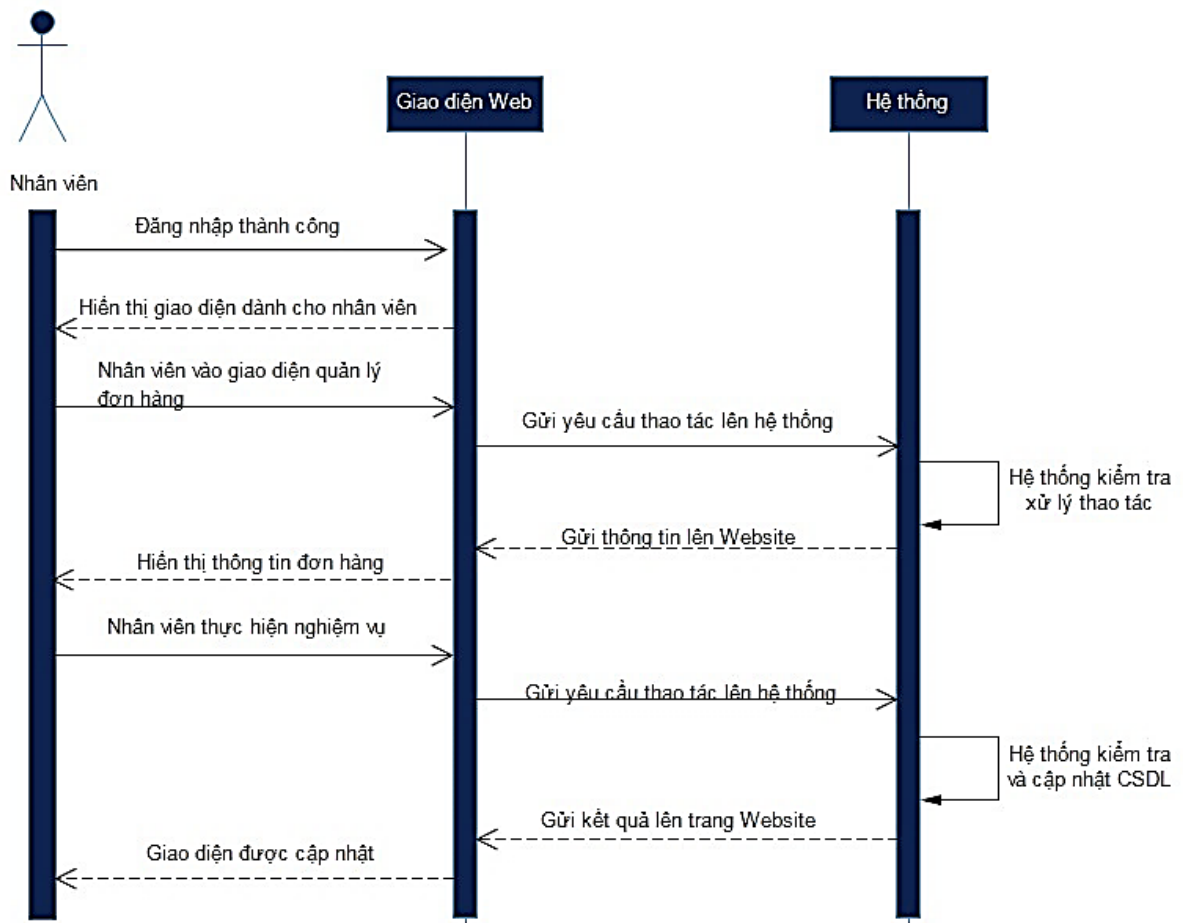
- Nhân viên đăng nhập thành công;
- Website hiển thị giao diện dành cho nhân viên;
- Nhân viên vào giao diện quản lý đơn hàng;
- Yêu cầu gửi về hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra, xử lý yêu cầu;
- Hệ thống gửi thông tin đơn hàng;
- Website hiển thị thông tin đơn hàng;
- Nhân viên thực hiện nghiệp vụ với các đơn hàng trong hệ thống;
- Thao tác được gửi về hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra và cập nhật CSDL;
- Hệ thống gửi kết quả lên Website;
- Giao diện đơn hàng được cập nhật.

- **Sơ đồ giữa tác nhân và usecase:**



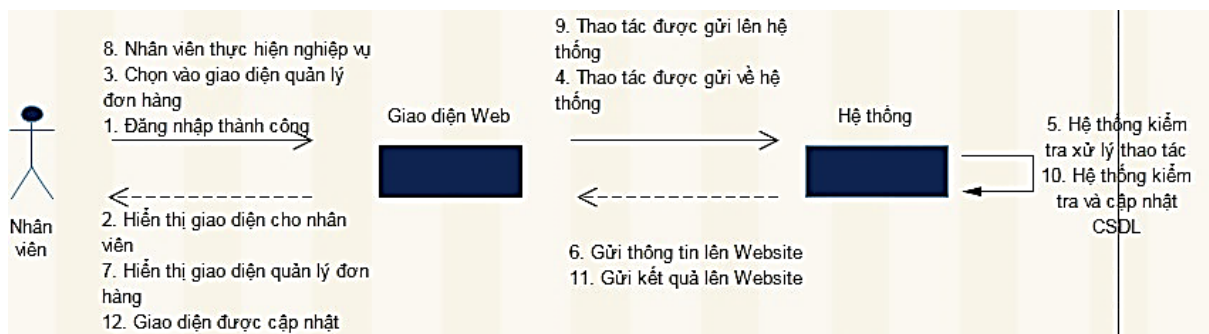
Hình 22: Quản lý đơn hàng – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase

- Sơ đồ tuần tự:



Hình 23: Quản lý đơn hàng – Sơ đồ tuần tự

- Sơ đồ hợp tác:

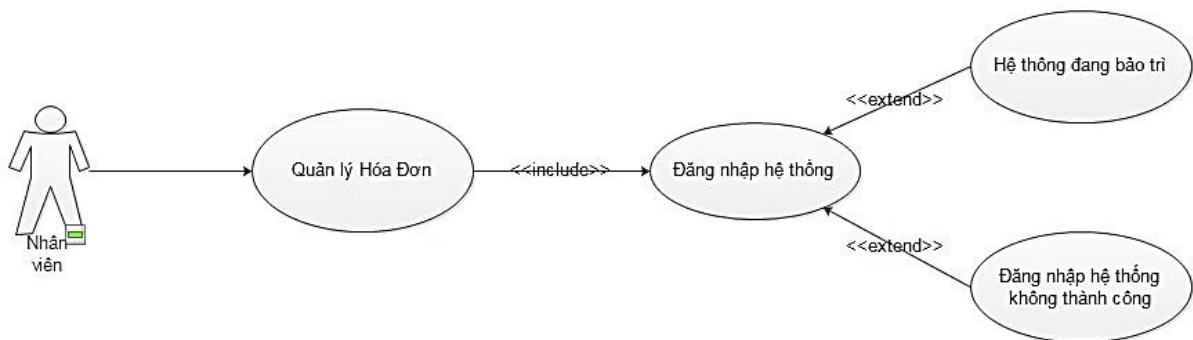


Hình 24: Quản lý đơn hàng – Sơ đồ hợp tác

○ **Quản lý hóa đơn:**

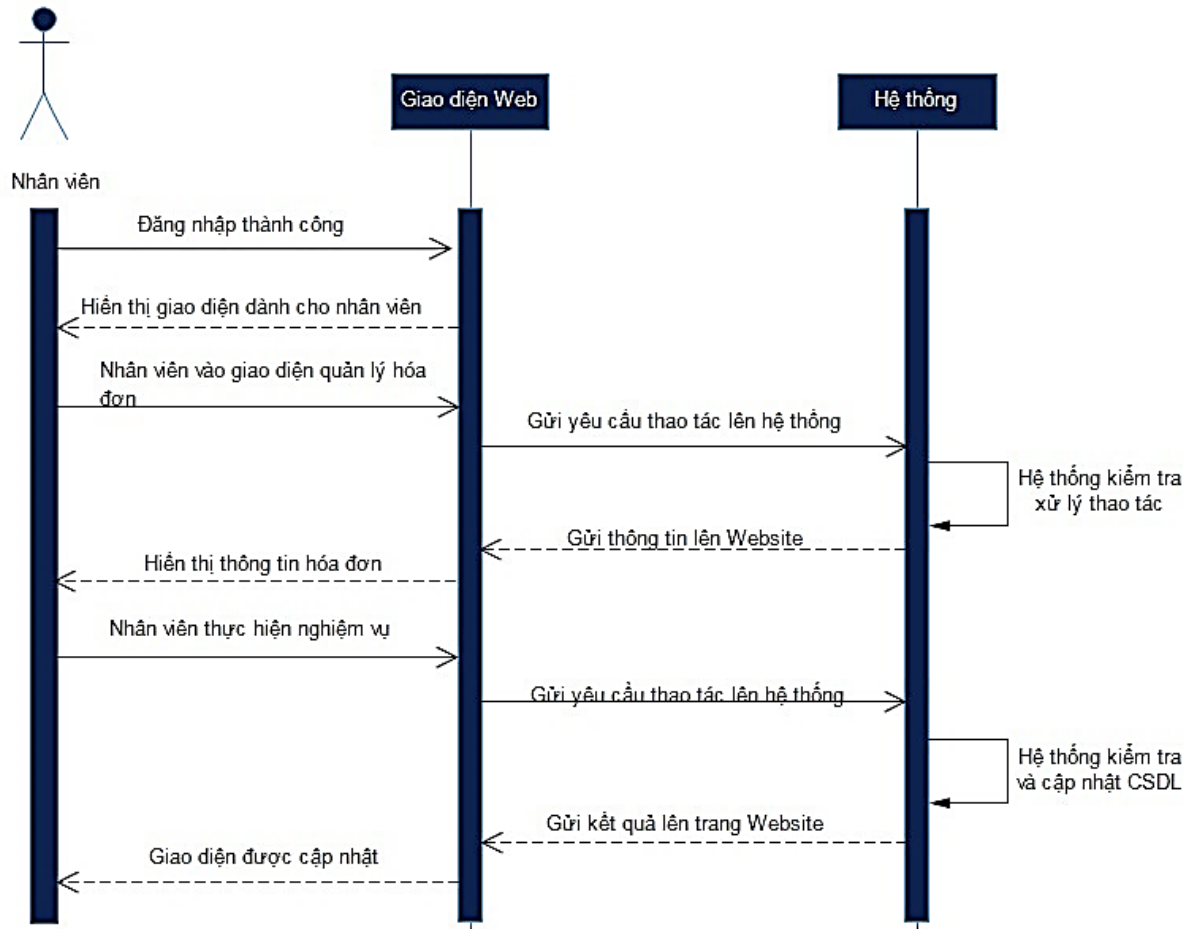
- Nhân viên đăng nhập thành công;
- Website hiển thị giao diện dành cho nhân viên;
- Nhân viên vào giao diện quản lý hóa đơn;
- Yêu cầu gửi về hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra, xử lý yêu cầu;
- Hệ thống gửi thông tin hóa đơn;
- Website hiển thị thông tin hóa đơn;
- Nhân viên thực hiện nghiệp vụ với các hóa đơn trong hệ thống;
- Thao tác được gửi về hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra và cập nhật CSDL;
- Hệ thống gửi kết quả lên Website;
- Giao diện hóa đơn được cập nhật.

- **Sơ đồ giữa tác nhân và usecase:**



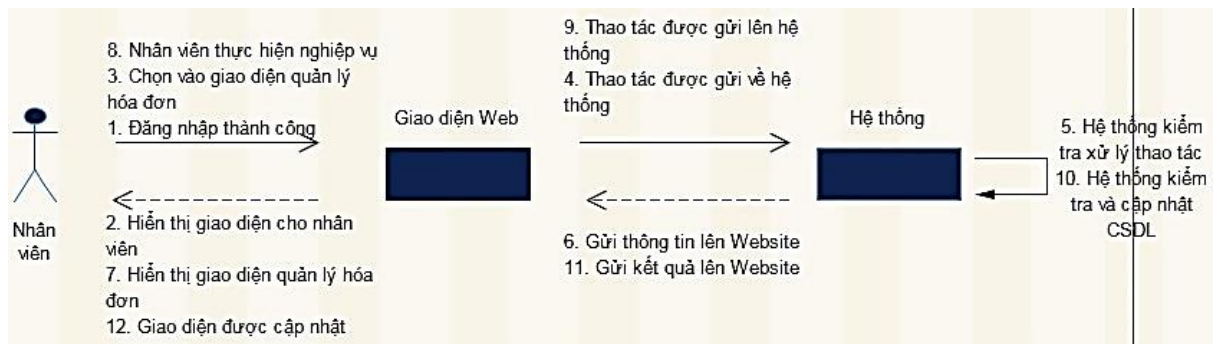
Hình 25: Quản lý hóa đơn – Sơ đồ giữa tác nhân và usecase

- Sơ đồ tuần tự:



Hình 26: Quản lý hóa đơn – Sơ đồ tuần tự

- Sơ đồ hợp tác:

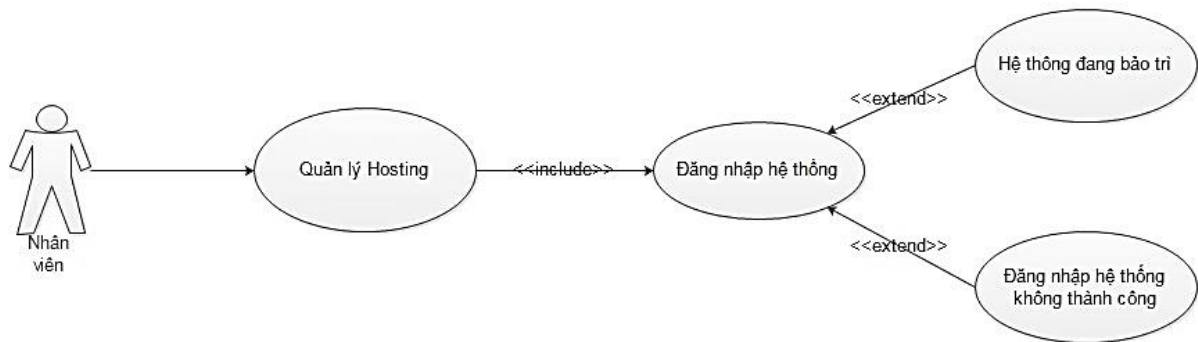


Hình 27: Quản lý hóa đơn – Sơ đồ hợp tác

○ **Quản lý hosting:**

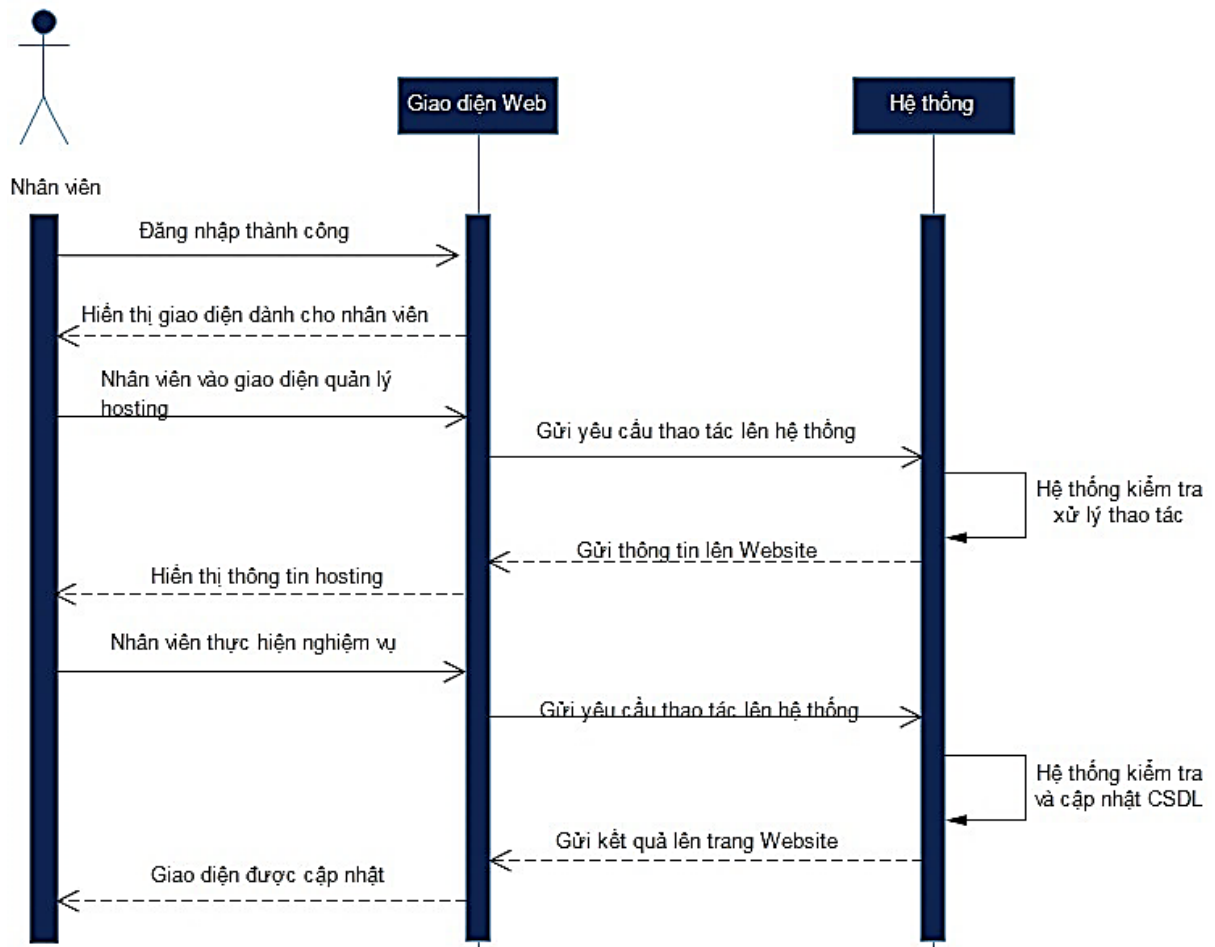
- Nhân viên đăng nhập thành công;
- Website hiển thị giao diện dành cho nhân viên;
- Nhân viên vào giao diện quản lý hosting;
- Yêu cầu gửi về hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra, xử lý yêu cầu;
- Hệ thống gửi thông tin hosting;
- Website hiển thị thông tin hosting;
- Nhân viên thực hiện nghiệp vụ với các hosting trong hệ thống;
- Thao tác được gửi về hệ thống;
- Hệ thống kiểm tra và cập nhật CSDL;
- Hệ thống gửi kết quả lên Website;
- Giao diện hosting được cập nhật.

- **Sơ đồ giữa tác nhân và usecase:**



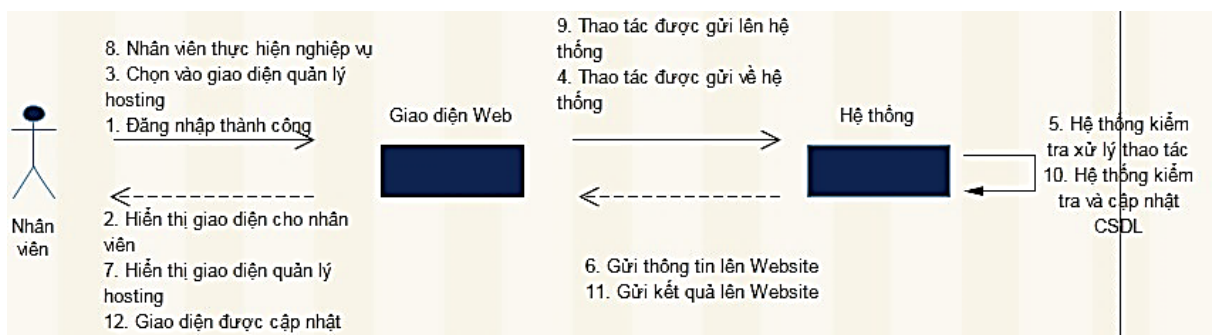
Hình 28: Quản lý hosting - Sơ đồ giữa tác nhân và usecase

- Sơ đồ tuần tự:



Hình 29: Quản lý hosting - Sơ đồ tuần tự

- Sơ đồ hợp tác:

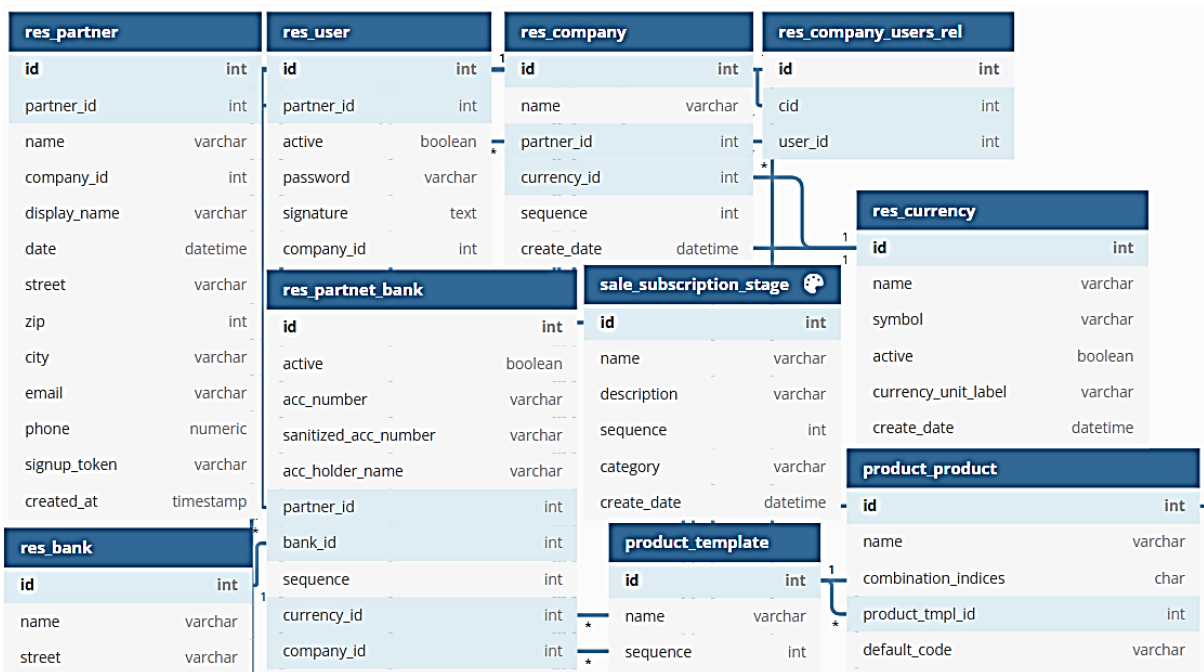


Hình 30: Quản lý hosting - Sơ đồ hợp tác

2.5 CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG QUÁT CỦA HỆ THỐNG

Link online: <https://dbdiagram.io/d/6155bf92825b5b01461acfa2>

- Cơ sở dữ liệu tổng quát của hệ thống bao gồm các bảng được liên kết với nhau như hình bên dưới;
- Các bảng của cơ sở dữ liệu bao gồm các phần chính:
 - Cơ sở dữ liệu quản lý người dùng;
 - Cơ sở dữ liệu quản lý sản phẩm;
 - Cơ sở dữ liệu quản lý đơn hàng;
 - Cơ sở dữ liệu quản lý thanh toán;
 - Cơ sở dữ liệu quản lý hóa đơn;
 - Cơ sở dữ liệu quản lý dịch vụ Hosting.



Hình 31: Cơ sở dữ liệu tổng quát 01

amount_total	numeric	product_id	int	save_token	varchar	account_move_line	
payment_term_id	int	name	varchar	qr_code	boolean	id	int
is_trial	boolean	quantity	numeric	module_id	int	move_id	int
account_payment		uom_id	int	module_state	varchar	move_name	varchar
id	int	price_unit	numeric	payment_flow	varchar	date	datetime
move_id	int	discount	numeric	create_date	datetime	account_id	int
is_reconciled	boolean	price_subtotal	numeric	stripe_secret_key	varchar	sequence	int
payment_method_id	int	currency_id	int	stripe_publishable_key	varchar	name	varchar
amount	numeric	create_date	datetime	stripe_webhook_secret	varchar	quantity	numeric
payment_type	varchar	sale_subscription		stripe_image_url	varchar	product_id	int
partner_type	varchar	id	int	payment_token		price_unit	numeric
payment_reference	varchar	recurring_invoice_line_ids	int	name	varchar	discount	numeric
currency_id	int	name	varchar	partner_id	int	amount_currency	numeric
partner_id	int	code	varchar	acquirer_id	int	price_subtotal	numeric
create_date	datetime	stage_id	int	acquirer_ref	varchar	price_total	numeric
payment_transaction_id	int	partner_id	int	active	boolean	currency_id	int
payment_token_id	int	partner_invoice_id	int	verified	boolean	partner_id	int
check_amount_in_words	varchar	partner_shipping_id	int	create_date	datetime	payment_id	int
payment_transaction		date_start	datetime	stripe_payment_method	varchar	sale_line_ids	int
id	int	date	datetime			amount_residual	numeric
date	datetime	pricelist_id	int			display_type	varchar

Hình 34: Cơ sở dữ liệu tổng quát 04

payment_transaction		partner_shipping_id	int	create_date	datetime	sale_line_ids	int
id	int	date_start	datetime	stripe_payment_method	varchar	amount_residual	numeric
date	datetime	date	datetime			display_type	varchar
acquirer_id	int	pricelist_id	int			create_date	datetime
type	varchar	recurring_next_date	datetime			subscription_id	int
state	varchar	recurring_invoice_day	int			subscription_start_date	datetime
state_message	text	recurring_total	numeric			subscription_end_date	datetime
amount	numeric	recurring_tax	numeric				
acquirer_reference	varchar	recurring_monthly	numeric				
partner_id	int	close_reason_id	int				
partner_name	varchar	template_id	int				
partner_lang	varchar	description	text				
partner_email	varchar	user_id	int				
partner_zip	varchar	uuid	varchar				
partner_address	varchar	stage_category	varchar				
partner_city	varchar	to_renew	boolean				
partner_country_id	int	payment_term_id	int				
partner_phone	varchar	create_date	datetime				
return_url	varchar	show_license_panel	boolean				
is_processed	boolean	license_key	varchar				
payment_token_id	int	addons_repo	varchar				
		dependencies	text				

Hình 35: Cơ sở dữ liệu tổng quát 05

stripe_payment_intent	varchar	extend_date_by_calendar	datetime
stripe_payment_intent_secret	varchar	config	varchar
		is_trial_version	boolean
		end_trial_date	datetime
		hidden_state	varchar
		first_invoice_server_payment	boolean
		first_invoice_server_status	boolean

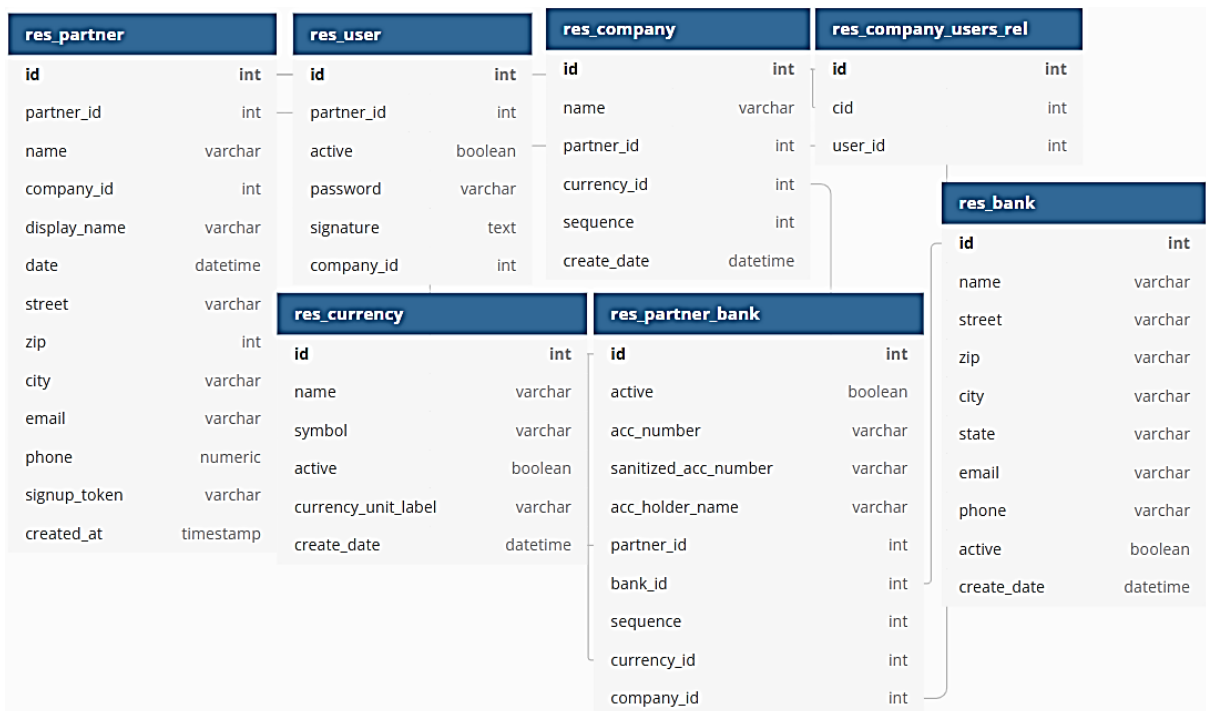
Hình 36: Cơ sở dữ liệu tổng quát 06

2.6 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ NGƯỜI DÙNG

Link online: <https://dbdiagram.io/d/615823d5825b5b01461d830b>

❖ Các bảng chính bao gồm:

- **Res_partner:** Khách hàng nói chung;
- **Res_user:** Khách hàng đã đăng kí tài khoản;
- **Res_company:** Công ty;
- **Res_bank:** Ngân hàng;
- **Res_currency:** Tiền tệ;
- **Res-company-users-rel:** Công ty-Khách hàng;
- **Res_partner_bank:** Ngân hàng-Khách hàng.



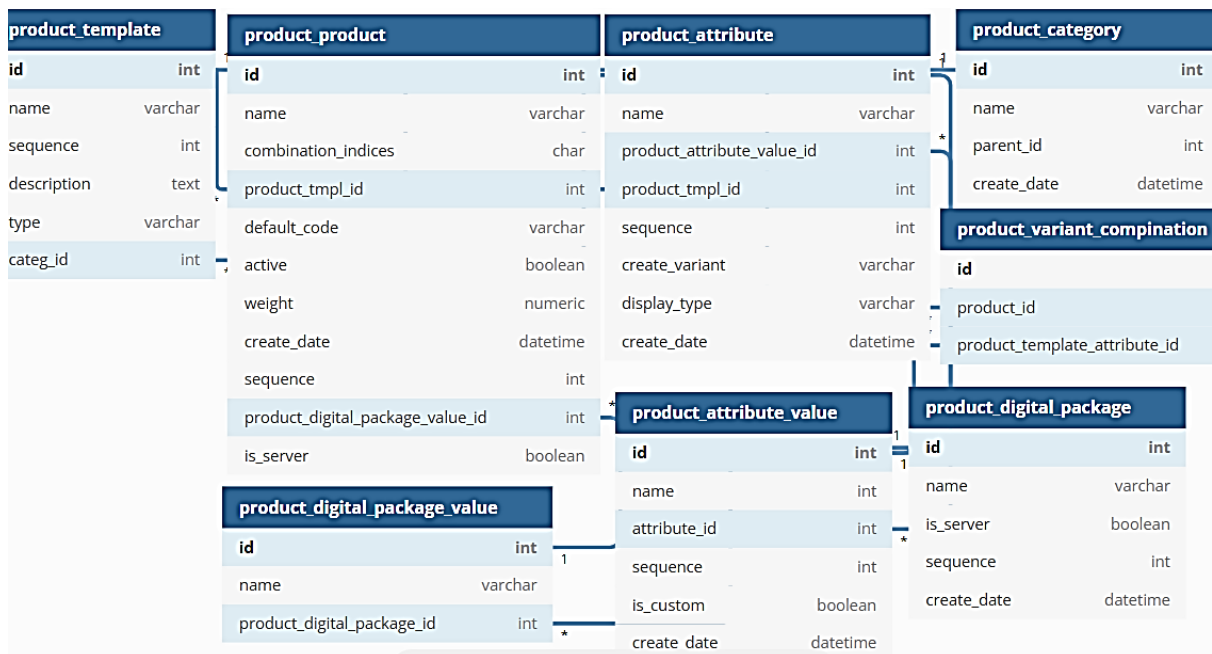
Hình 37: Cơ sở dữ liệu quản lý người dùng

2.7 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ SẢN PHẨM

Link online: <https://dbdiagram.io/d/6157ff09825b5b01461d6992>

❖ Các bảng chính bao gồm:

- **Product_template:** Mẫu sản phẩm (gốc);
- **Product_product:** Sản phẩm bán (Các biến thể của **product_template**);
- **Product_category:** Loại sản phẩm;
- **Product_Attributes:** Thuộc tính sản phẩm;
- **Product_Attributes_value:** Nội dung của từng **product_attriibutte**;
- **Product_digital_package:** Sản phẩm là **Digital**;
- **Product_digital_package_value:** Nội dung của từng **product_digital_package**;
- **Product_variant_compination:** Kết hợp biến thể.



Hình 38: Cơ sở dữ liệu quản lý sản phẩm

2.8 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ ĐƠN HÀNG

Link online: <https://dbdiagram.io/d/61580095825b5b01461d6a64>

❖ Các bảng chính bao gồm:

- **Sale_order:** Đơn hàng;
- **Sale_order_line:** Chi tiết đơn hàng;
- **Sale_order_line_invoice_rel:** Chi tiết đơn hàng-Chi tiết hóa đơn;
- **Sale_order_transaction_rel:** Đơn Hàng-Thanh toán.

sale_order		sale_order_line_invoice_rel		sale_order_line	
id	int	id	int	id	int
order_line	int	invoice_line_id	int	order_id	int
name	varchar	order_line_id	int	name	varchar
state	varchar	sale_order_transaction_rel		sequence	int
date_order	datetime	id	int	invoice_status	varchar
require_signature	boolean	sale_order_id	int	price_unit	numeric
require_payment	boolean	transaction_id	int	price_subtotal	numeric
create_date	datetime			price_tax	numeric
user_id	int			price_total	numeric
partner_id	int			discount	numeric
partner_invoice_id	int			product_id	int
partner_shipping_id	int			product_uom_qty	numeric
pricelist_id	int			product_uom	int
currency_id	int			currency_id	int
invoice_status	varchar			is_downpayment	boolean
ammount_intaxed	numeric			state	varchar
amount_tax	numeric			display_type	varchar
amount_total	numeric			create_date	datetime
payment_term_id	int			subscription_id	int
is_trial	boolean				

Hình 39: Cơ sở dữ liệu quản lý đơn hàng

2.9 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ THANH TOÁN

Link online: <https://dbdiagram.io/d/61581f8a825b5b01461d8026>

❖ Các bảng chính bao gồm:

- **Payment_acquirer:** Quản lý phương thức thanh toán;
- **Payment_transaction:** Quản lý giao dịch;
- **Payment_token:** Quản lý token.

payment_transaction		payment_token		payment_acquirer	
id	int	id	int	id	int
date	datetime	name	varchar	name	varchar
acquirer_id	int	partner_id	int	display_as	text
type	varchar	acquirer_id	int	description	text
state	varchar	acquirer_ref	varchar	sequence	int
state_message	text	active	boolean	provider	varchar
amount	numeric	verified	boolean	state	int
acquirer_reference	varchar	create_date	datetime	auth_msg	text
partner_id	int	stripe_payment_method	varchar	pending_msg	text
partner_name	varchar			done_msg	text
partner_lang	varchar			cancel_msg	text
partner_email	varchar			save_token	varchar
partner_zip	varchar			qr_code	boolean
partner_address	varchar			module_id	int
partner_city	varchar			module_state	varchar
partner_country_id	int			payment_flow	varchar
partner_phone	varchar			create_date	datetime
return_url	varchar			stripe_secret_key	varchar
is_processed	boolean			stripe_publishable_key	varchar
payment_token_id	int			stripe_webhook_secret	varchar
create_date	datetime			stripe_image_url	varchar
stripe_payment_intent	varchar				
stripe_payment_intent_secret	varchar				

Hình 40: Cơ sở dữ liệu quản lý thanh toán

2.10 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ HÓA ĐƠN

Link online: <https://dbdiagram.io/d/615805d4825b5b01461d6d4f>

❖ Các bảng chính bao gồm:

- **Account_move:** Hóa đơn;
- **Account_move_line:** Chi tiết hóa đơn;
- **Account_payment:** Hóa đơn-Thanh toán;
- **Account_payment_term:** Chính sách thanh toán.

account_move		account_payment_term		account_move_line	
id	int	id	int	id	int
invoice_line_ids	int	name	varchar	move_id	int
name	varchar	active	boolean	move_name	varchar
date	datetime	note	text	date	datetime
state	varchar	sequence	int	account_id	int
move_type	varchar	create_date	datetime	sequence	int
currency_id	int	account_payment		name	varchar
partner_id	int	id	int	quantity	numeric
payment_reference	varchar	move_id	int	price_unit	numeric
payment_id	int	is_reconciled	boolean	discount	numeric
amount_untaxed	numeric	payment_method_id	int	amount_currency	numeric
amount_tax	numeric	amount	numeric	price_subtotal	numeric
amount_total	numeric	payment_type	varchar	price_total	numeric
amount_residual	numeric	partner_tyoe	varchar	currency_id	int
payment_state	varchar	payment_reference	varchar	partner_id	int
invoice_date	datetime	currency_id	int	payment_id	int
invoice_date_due	datetime	partner_id	int	ammount_residual	numeric
invoice_origin	varchar	create_date	datetime	display_type	varchar
invoice_payment_term_id	int	payment_transaction_id	int	create_date	datetime
invoice_partner_display_name	varchar	payment_token_id	int	subscription_id	int
access_token	varchar	check_amount_in_words	varchar	subscription_start_date	datetime
create_date	datetime			subscription_end_date	datetime

Hình 41: Cơ sở dữ liệu quản lý hóa đơn

2.11 CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ DỊCH VỤ HOSTING

Link online: <https://dbdiagram.io/d/61580a06825b5b01461d7083>

❖ Các bảng chính bao gồm:

- **Sale_subscription:** Gói dịch vụ;
- **Sale_subscription_line:** Chi tiết gói dịch vụ;
- **Sale_subscription_state:** Trạng thái gói dịch vụ.

sale_subscription		sale_subscription_line		sale_subscription_stage	
id	int	id	int	id	int
recurring_invoice_line_ids	int	analytic_account_id	int	name	varchar
name	varchar	product_id	int	description	varchar
code	varchar	name	varchar	sequence	int
stage_id	int	quantity	numeric	category	varchar
partner_id	int	uom_id	int	create_date	datetime
partner_invoice_id	int	price_unit	numeric		
partner_shipping_id	int	discount	numeric		
date_start	datetime	price_subtotal	numeric		
date	date	currency_id	int		
pricelist_id	int	create_date	datetime		
recurring_next_date	datetime				
recurring_invoice_day	int				
recurring_total	numeric				
recurring_tax	numeric				
recurring_monthly	numeric				
close_reason_id	int				
template_id	int				
description	text				
user_id	int				

Hình 42: Cơ sở dữ liệu quản lý dịch vụ hosting 01

uuid	varchar
stage_category	varchar
to_renew	boolean
payment_term_id	int
create_date	datetime
show_license_panel	boolean
license_key	varchar
addons_repo	varchar
dependencies	text
is_extend	boolean
extend_date_by_calendar	datetime
config	varchar
is_trial_version	boolean
end_trial_date	datetime
hidden_state	varchar
first_invoice_server_payment	boolean
first_invoice_server_status	boolean

Hình 43: Cơ sở dữ liệu quản lý dịch vụ hosting 02

CHƯƠNG 3: CÀI ĐẶT VÀ TRIỂN KHAI ODOO CHO DOANH NGHIỆP THỰC TẾ

3.1 SỬ DỤNG DOCKER

3.1.1 DOCKER LÀ GÌ ?

Docker là một nền tảng để cung cấp cách để building, deploying và running ứng dụng dễ dàng hơn bằng cách sử dụng các containers (trên nền tảng ảo hóa). Ban đầu viết bằng Python, hiện tại đã chuyển sang Golang.

Các containers cho phép lập trình viên đóng gói một ứng dụng với tất cả các phần cần thiết, chẳng hạn như thư viện và các phụ thuộc khác, và gói tất cả ra dưới dạng một package.

Bằng cách đó, nhờ vào container, ứng dụng sẽ chạy trên mọi máy Linux khác bất kể mọi cài đặt tùy chỉnh mà máy có thể có khác với máy được sử dụng để viết code.

Theo một cách nào đó, Docker khá giống virtual machine.

3.1.2 VÌ SAO DOANH NGHIỆP SỬ DỤNG DOCKER ?

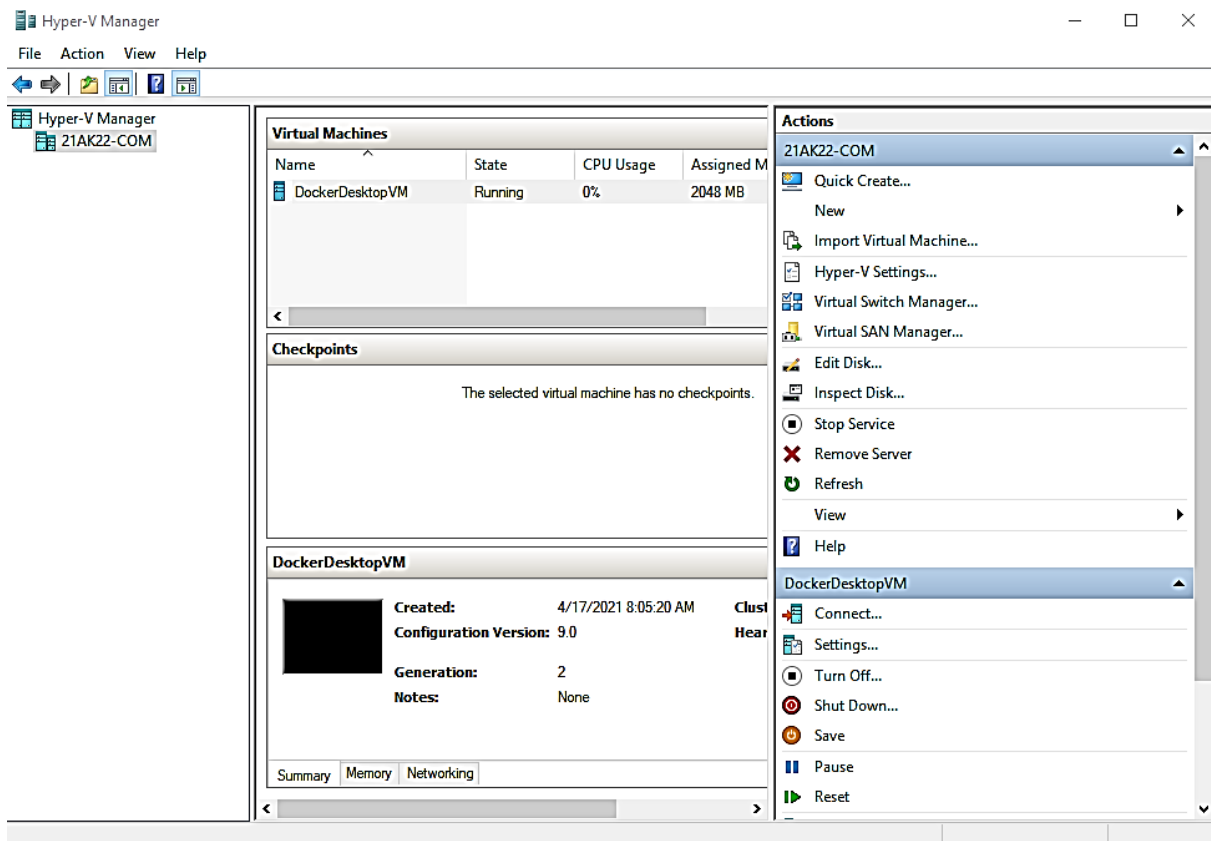
1. Tính dễ ứng dụng: Docker rất dễ cho mọi người sử dụng từ lập trình viên, sys admin... nó tận dụng lợi thế của container để build, test nhanh chóng. Có thể đóng gói ứng dụng trên laptop của họ và chạy trên public cloud, private cloud... Câu thần chú là "Build once, run anywhere".

2. Tốc độ: Docker container rất nhẹ và nhanh, có thể tạo và chạy docker container trong vài giây.

2. Môi trường chạy và khả năng mở rộng: Có thể chia nhỏ những chức năng của ứng dụng thành các container riêng lẻ. Ví dụ Database chạy trên một container và Redis cache có thể chạy trên một container khác trong khi ứng dụng Node.js lại chạy trên một cái khác nữa. Với Docker, rất dễ để liên kết các container với nhau để tạo thành một ứng dụng, làm cho nó dễ dàng scale, update các thành phần độc lập với nhau.

3.1.3 TRIỂN KHAI DOCKER CHO DOANH NGHIỆP

Đầu tiên, máy tính phải kích hoạt được tính năng Hyper-V. Yêu cầu Window 10 Pro trở lên:



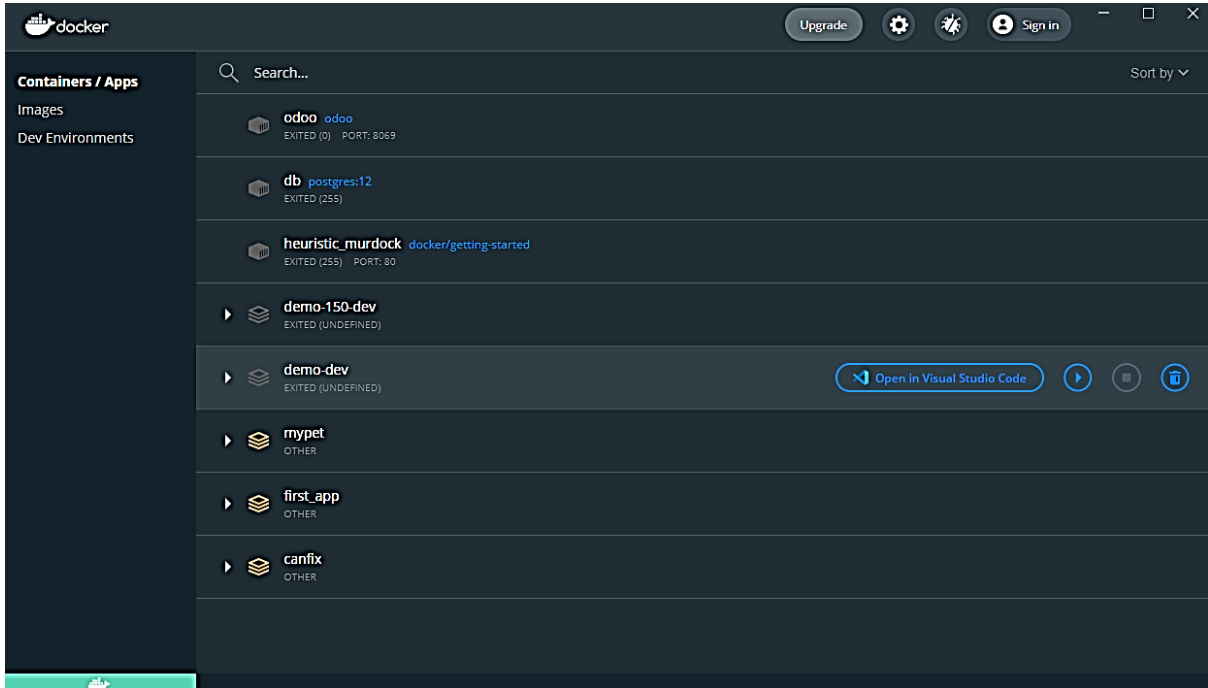
Hình 44: Hyper-V

Vào trang chủ của Docker để tải:

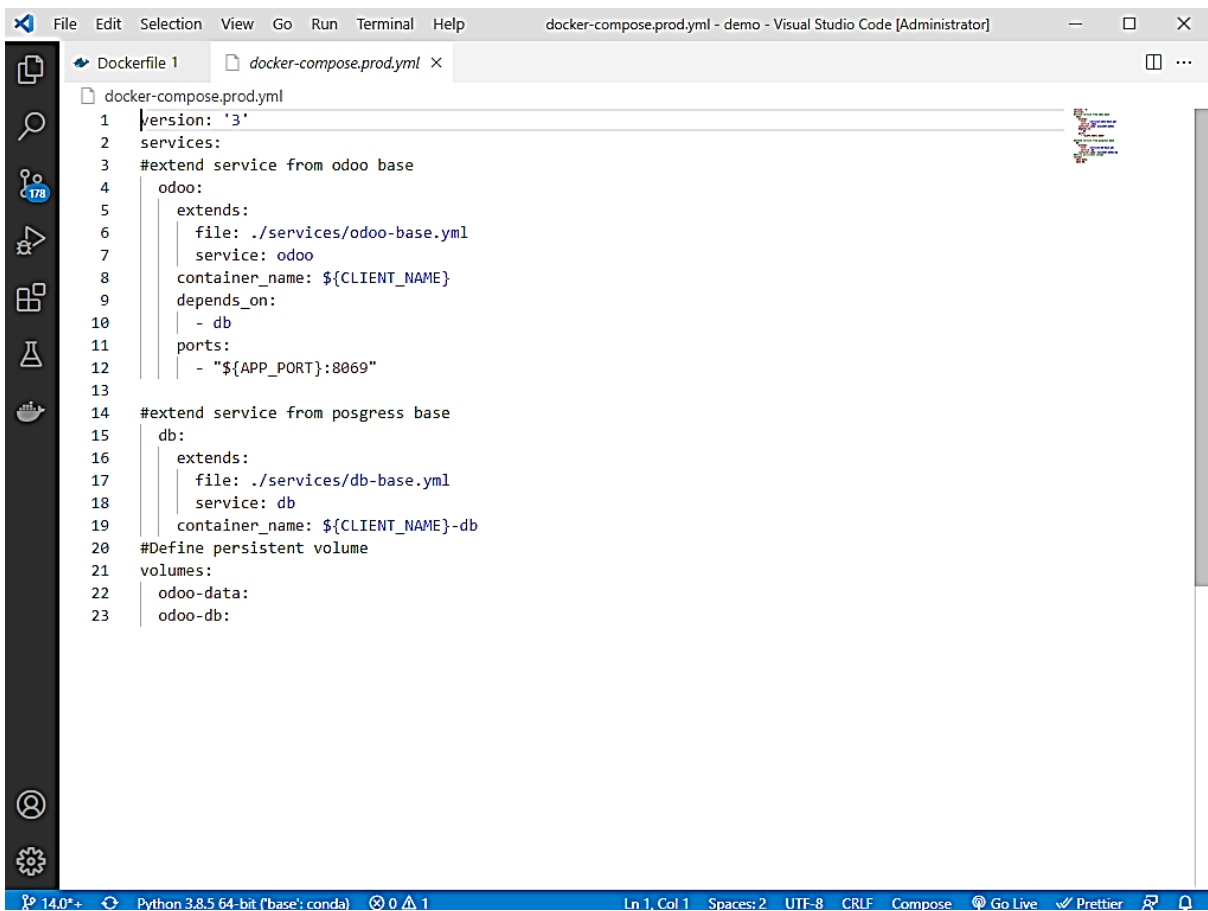


Hình 45: Docker

Giao diện Docker sau khi cài thành công:



Hình 46: Giao diện Docker



Hình 47: Cấu hình Docker Compose.prod

```

1 FROM odoo:13.0
2 MAINTAINER VUA HE THONG <info@vuahethong.com>
3 USER root
4 RUN rm -rf /usr/lib/python3/dist-packages/odoo/addons
5 COPY ./odoo/base /usr/lib/python3/dist-packages/odoo/addons
6 # RUN chown -R odoo:odoo /usr/lib/python3/dist-packages/odoo/addons && chmod +rwx /usr/lib/python3/dist-packages/odoo/addons
7 RUN chmod -R u=rwx,g=rx,o=rx /usr/lib/python3/dist-packages/odoo/addons
8 USER odoo

```

Hình 48: Cấu hình Dockerfile

3.2 TRIỂN KHAI PROJECT ODOO BẰNG DOCKER

3.2.1 CẤU HÌNH DOCKER COMPOSE VÀ DOCKER FILE

```

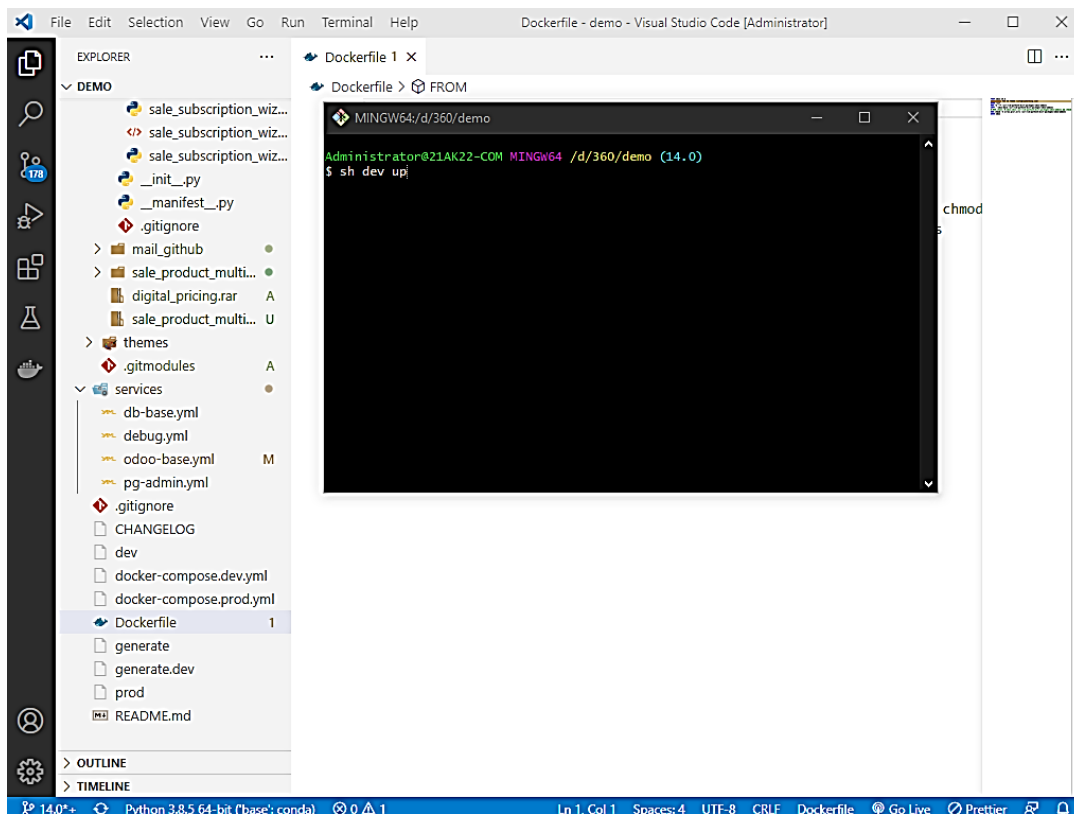
1 version: '3'
2 services:
3 #extend service from odoo base
4   odoo:
5     extends:
6       file: ./services/odoo-base.yml
7       service: odoo
8     container_name: ${CLIENT_NAME}-DEV
9     depends_on:
10      - db
11     ports:
12      - "${APP_PORT}:8069"
13     command: -- --dev=all
14
15 #extend service from posgress base
16   db:
17     extends:
18       file: ./services/db-base.yml
19       service: db
20     container_name: ${CLIENT_NAME}-DEV-db
21
22 #extend service pg admin for developemt only
23   pg-ui:
24     extends:
25       file: ./services/pg-admin.yml
26       service: pg-ui
27     container_name: ${CLIENT_NAME}-pg-ui
28
29 #extend service debug for developemt only
30   debug:
31     extends:
32       file: ./services/debug.yml
33       service: debug
34     container_name: ${CLIENT_NAME}-debug
35
36 volumes:
37   odoo-data:
38   odoo-db:

```

Hình 49: Cấu hình Docker Compose.dev

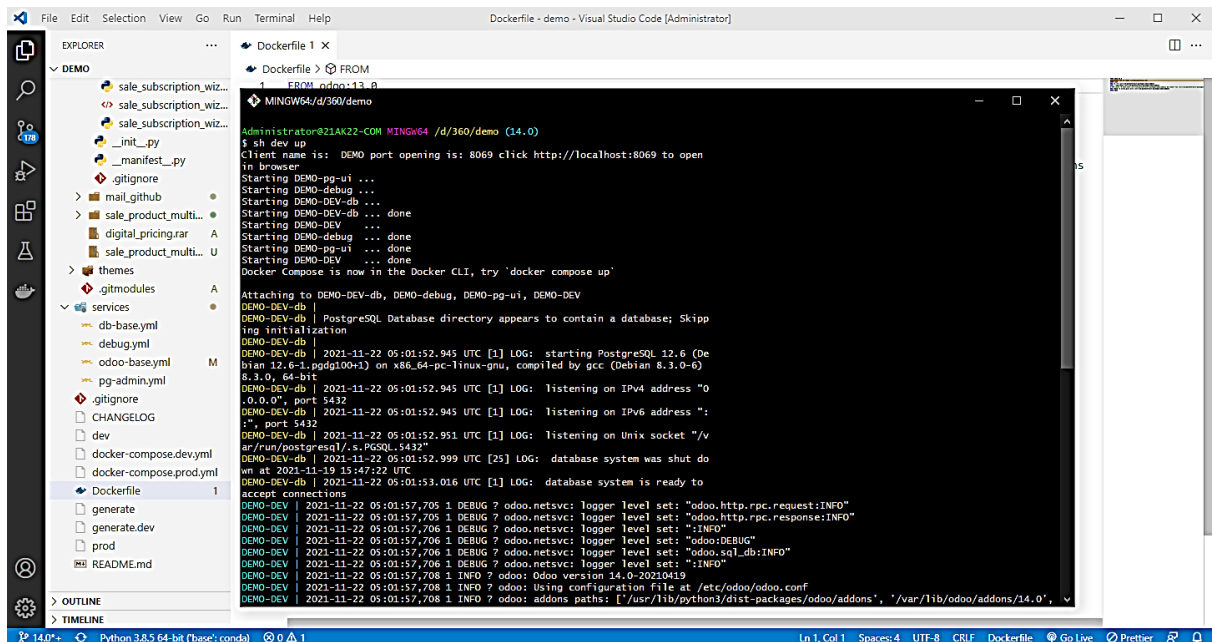
3.2.2 KHỞI ĐỘNG PROJECT

Chạy lệnh sh dev up để triển khai:

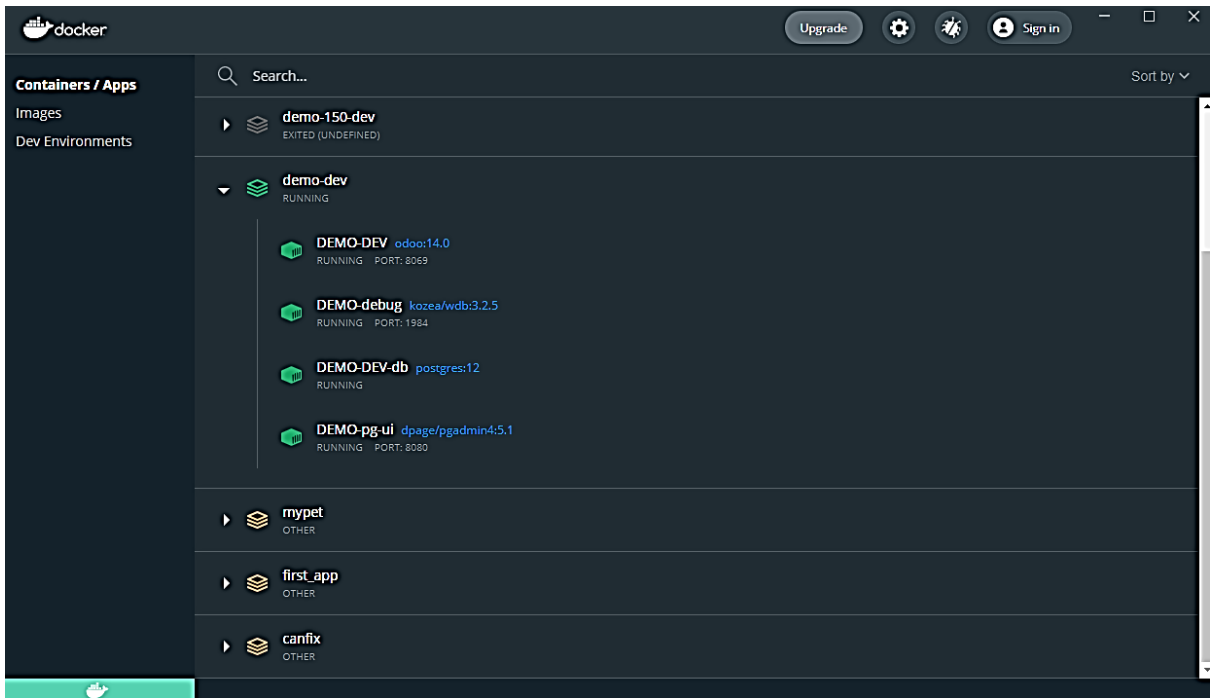


Hình 50: Chạy lệnh sh dev up

Project đã được triển khai:

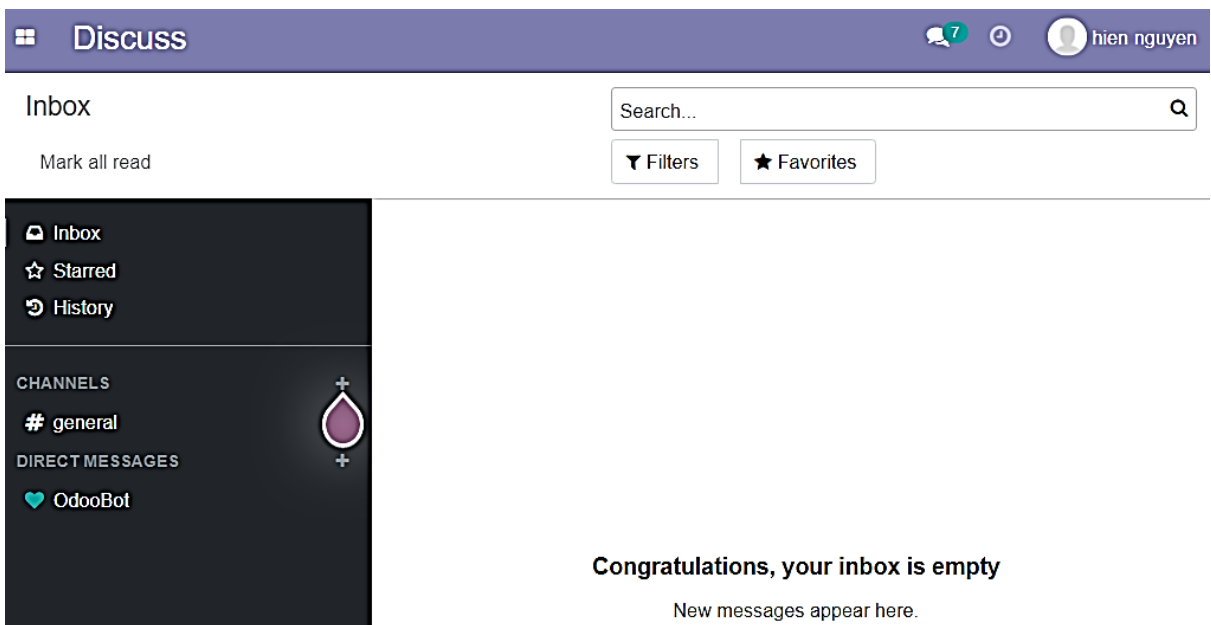


Hình 51: Triển khai thành công 01



Hình 52: Triển khai thành công 02

Mở trên website với tên miền <http://localhost:8069/> (thiết lập trong dockerfile):

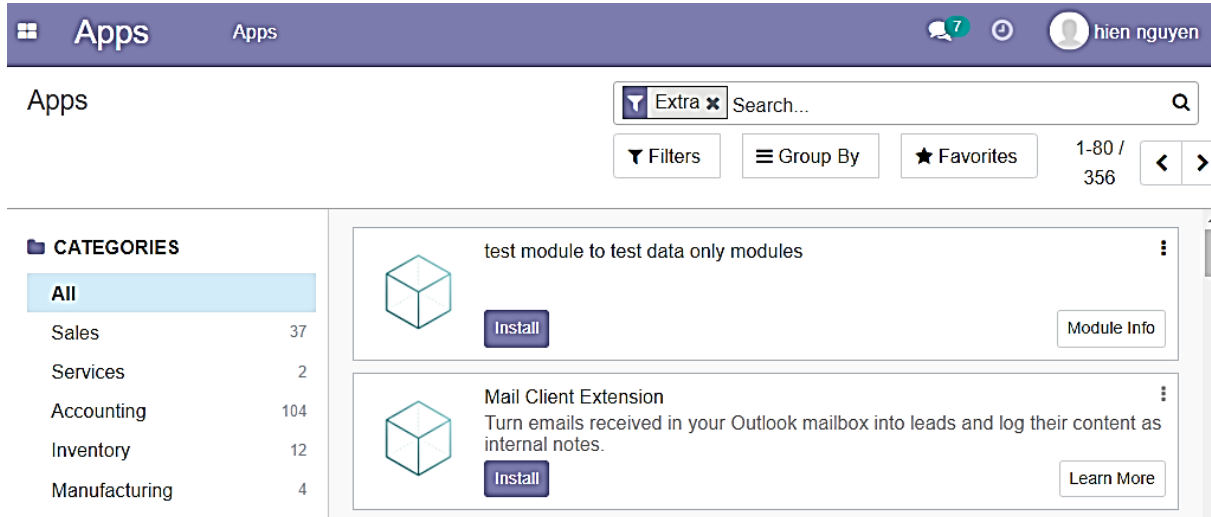


Hình 53: Chạy trên web

3.3 CÀI ĐẶT MODULE VÀ TRIỂN KHAI MODULE

3.3.1 CÀI ĐẶT MODULE

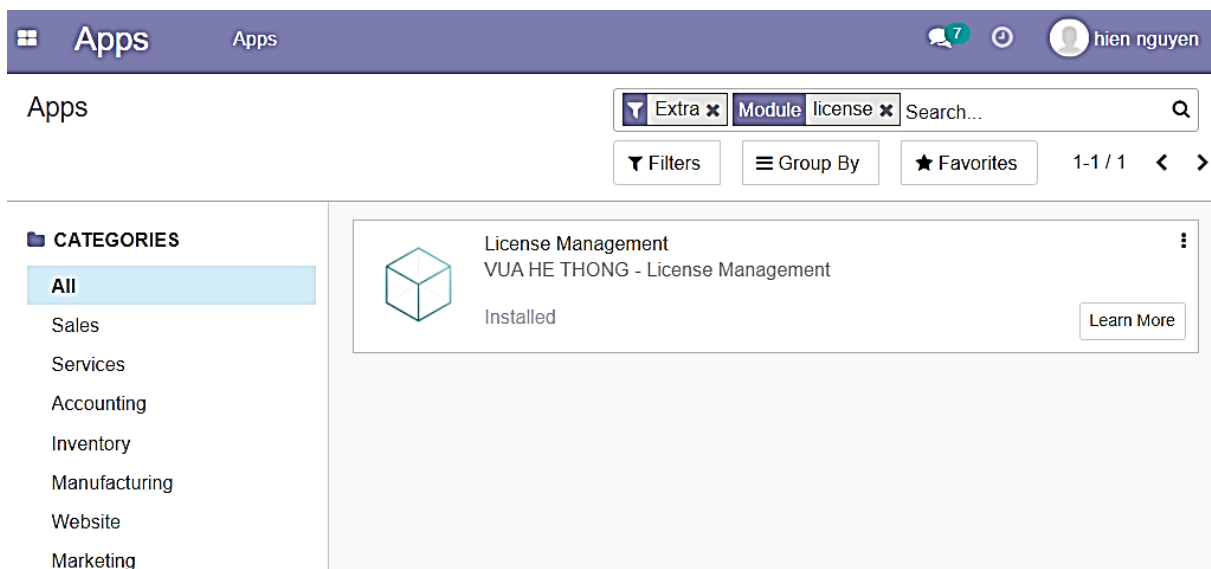
Vì ERP Odoo là phần mềm quản trị doanh nghiệp mã nguồn mở nên chúng ta có thể thấy có một số Module được cung cấp để hỗ trợ:



Hình 54: Tổng quan module

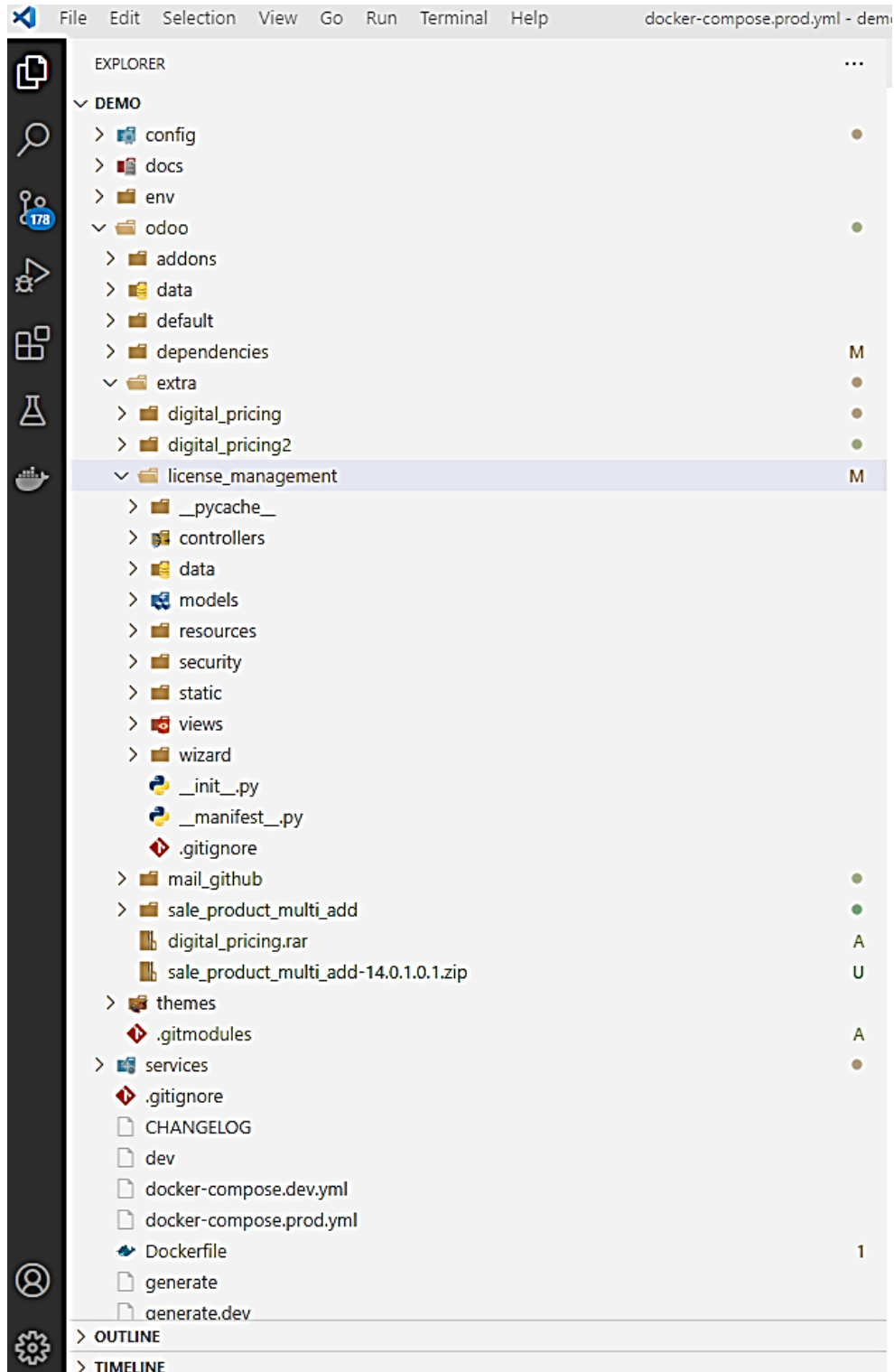
Trong giao diện Apps, tiến hành thực hiện install module:

- Tìm kiếm và install module mà chúng ta đã viết bằng cách gõ tên module vào khung search (Module License Management chính là thư mục cùng tên trong project của chúng ta).
- Những Module được khởi tạo theo cấu trúc của odoo sẽ được nhận dạng và dễ dàng tiến hành cài đặt thông qua nút Install:



Hình 55: Instal Module License Management

Module được triển khai theo mô hình MVC (Model-View-Controller):



Hình 56: Module triển khai theo mô hình MVC

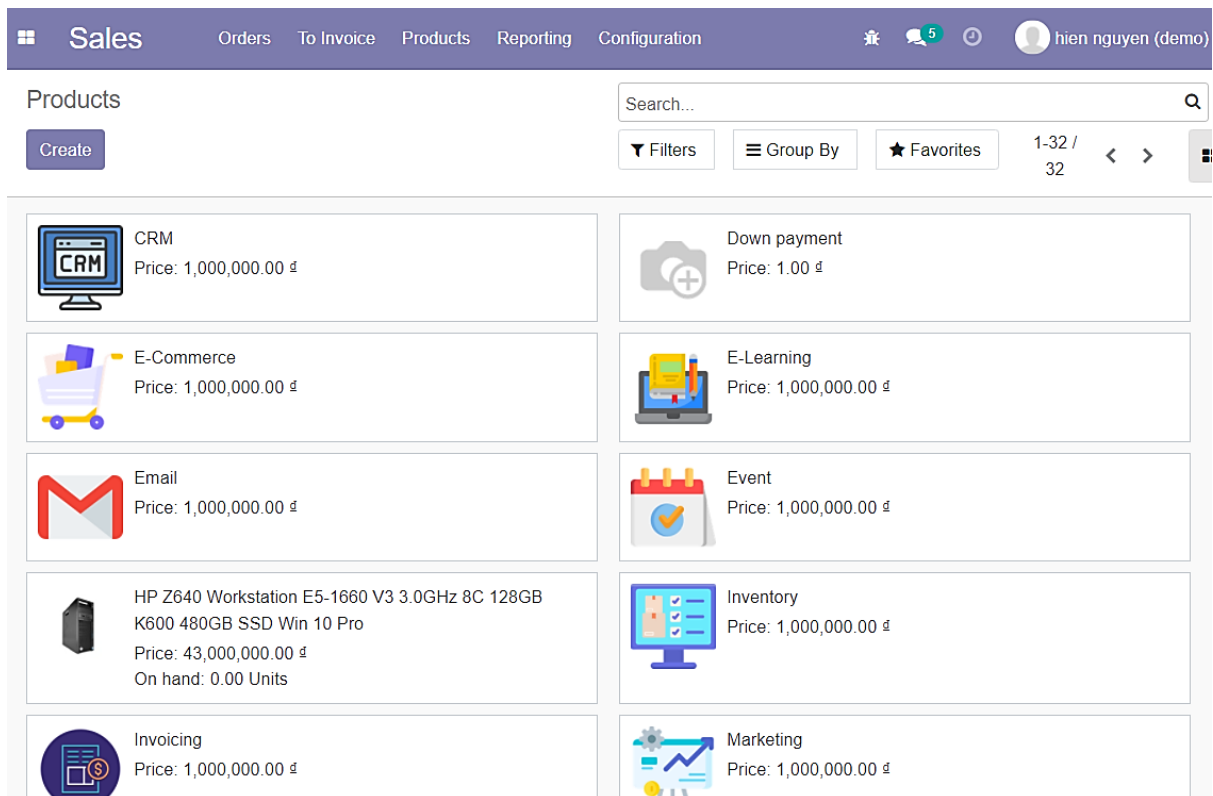
3.3.2 CÁC CHỨC NĂNG ĐƯỢC XÂY DỰNG TRONG MODULE LICENSE MANAGEMENT

- Các chức năng bao gồm:

- Inventory;
- Sales;
- Invoicing;
- Subscriptions;
- Website.

3.3.2.1 INVENTORY

Trang Inventory để tạo và quản lý các sản phẩm, sản phẩm là server và sản phẩm thường sẽ có cách tạo khác nhau và sử dụng khác nhau:



Hình 57: Inventory

3.3.2.2 SALES

Trang Sales để tạo quản lý các đơn hàng;

Đơn hàng có thể được tạo thủ công hoặc tự động trên website:

Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration hien nguyen (demo)

Quotations

Create

Filters Group By Favorites 1-80 / 191

Company Data
Set your company's data for documents header/footer.

Quotation Layout
Customize the look of your quotations.
★ Looks great!

Order Confirmation
Choose between electronic signatures or online payments.

Sample Quotation
Send a quotation to test the customer portal.

<input type="checkbox"/>	Number	Creation Date	Customer	Salesperson	Next Activity	Total	Status
<input type="checkbox"/>	S00306	11/19/2021	BVU, hien nguyen	hien nguyen		3,300,000 đ	Quotation
<input type="checkbox"/>	S00305	11/19/2021	BVU, hien nguyen	hien nguyen		12,320,000 đ	Sales Order
<input type="checkbox"/>	S00304	11/19/2021	BVU, hien nguyen			21,010,000 đ	Sales Order
<input type="checkbox"/>	S00303	11/18/2021	Nguyen Van A	hien nguyen		1,100,000 đ	Sales Order
<input type="checkbox"/>	S00301	11/10/2021	BVU, hien nguyen			17,490,000 đ	Sales Order
<input type="checkbox"/>	S00302	11/18/2021	BVU, hien nguyen	hien nguyen		13,090,000 đ	Sales Order
<input type="checkbox"/>	S00300	11/10/2021	BVU, hien nguyen			20,570,000 đ	Sales Order
<input type="checkbox"/>	S00299	10/22/2021	BVU, hien nguyen			15,990,000 đ	Sales Order

Hình 58: Sales

3.3.2.3 INVOICING

Trang Invoicing để tạo và quản lý các hóa đơn:

Invoicing Customers Vendors Reporting Configuration hien nguyen (demo)

Invoices

Create Upload

Filters Group By Favorites 1-80 / 87

Company Data
Set your company's data for documents header/footer.

Invoice Layout
Customize the look of your invoices.
★ Looks great!

Create Invoice
Create your first invoice.

<input type="checkbox"/>	Number	Customer	Invoice Date...	Due Date	Next Activ...	Tax Excluded	Total	Status	Payment St...
<input type="checkbox"/>	INV/2021/11/0...	BVU, hien ngu...	11/19/2021			100,000 đ	110,000 đ	Posted	Paid
<input type="checkbox"/>	INV/2021/11/0...	BVU, hien ngu...	11/19/2021			19,100,000 đ	21,010,000 đ	Posted	Paid
<input type="checkbox"/>	INV/2021/11/0...	Nguyen Van A	11/18/2021			1,000,000 đ	1,100,000 đ	Posted	Paid
<input type="checkbox"/>	INV/2021/11/0...	BVU, hien ngu...	11/18/2021	In 26 days		15,900,000 đ	17,490,000 đ	Posted	Partially Paid
<input type="checkbox"/>	INV/2021/11/0...	BVU, hien ngu...	11/18/2021			11,900,000 đ	13,090,000 đ	Posted	Paid
<input type="checkbox"/>	INV/2021/11/0...	BVU, hien ngu...	11/10/2021	In 18 days		18,700,000 đ	20,570,000 đ	Posted	Partially Paid
<input type="checkbox"/>	INV/2021/11/0...	BVU, hien ngu...	11/06/2021	In 14 days		13,900,000 đ	15,290,000 đ	Posted	Partially Paid
<input type="checkbox"/>	/	BVU, hien ngu...		18 days ago		10,990,000 đ	11,990,000 đ	Draft	Not Paid

Hình 59: Invoicing

3.3.2.4 SUBSCRIPTIONS

Trang Subscriptions để quản lý server:

The screenshot displays the 'Subscriptions' management interface. At the top, there is a navigation bar with 'Subscriptions', 'Reporting', and 'Configuration' tabs. Below the navigation bar, there is a search bar and a 'Create' button. The main content area is divided into two columns: 'Draft' (12 items) and 'In Progress' (58 items). Each item in the 'In Progress' column shows a subscription name (e.g., 'BVU, hien nguyen SUB014'), a value (e.g., '10,900,000 đ'), and a star icon. A 'Closed (1)' sidebar is visible on the right.

Hình 60: Module Subscriptions

3.3.2.5 WEBSITE

Website dành cho người dùng:

The screenshot displays the website for 'world360' (Vua hệ thống). The website features a navigation bar with 'WEBSITE', 'Pages', 'Customize', and 'Promote' tabs. Below the navigation bar, there is a search bar and a 'Published' status indicator. The main content area has a large banner with the text 'VUA HE THONG' and 'Online Business Administration System & Automation, manage your business anytime, anywhere, on all platforms from Mobile, iPad,'. A 'Contact Us' button is visible below the banner.

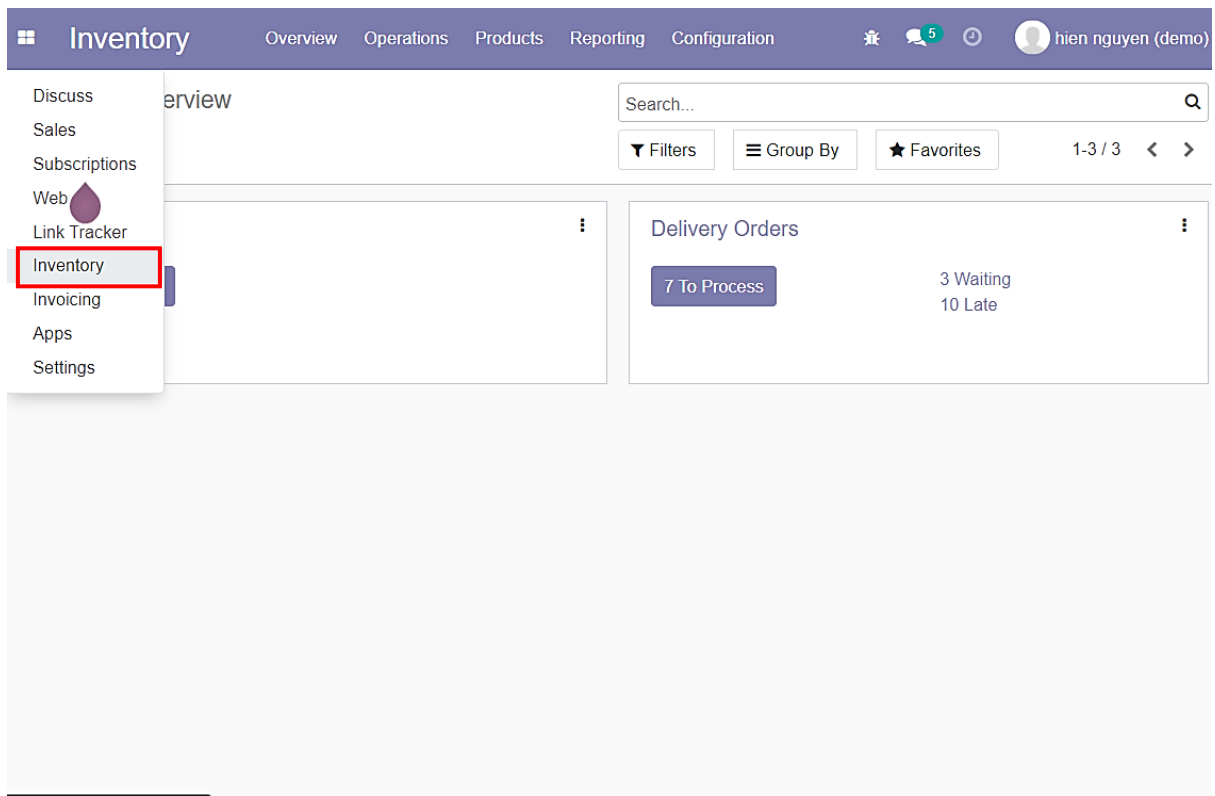
Hình 61: Website

3.4 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ SẢN PHẨM

*Quy trình bao gồm những bước chính:

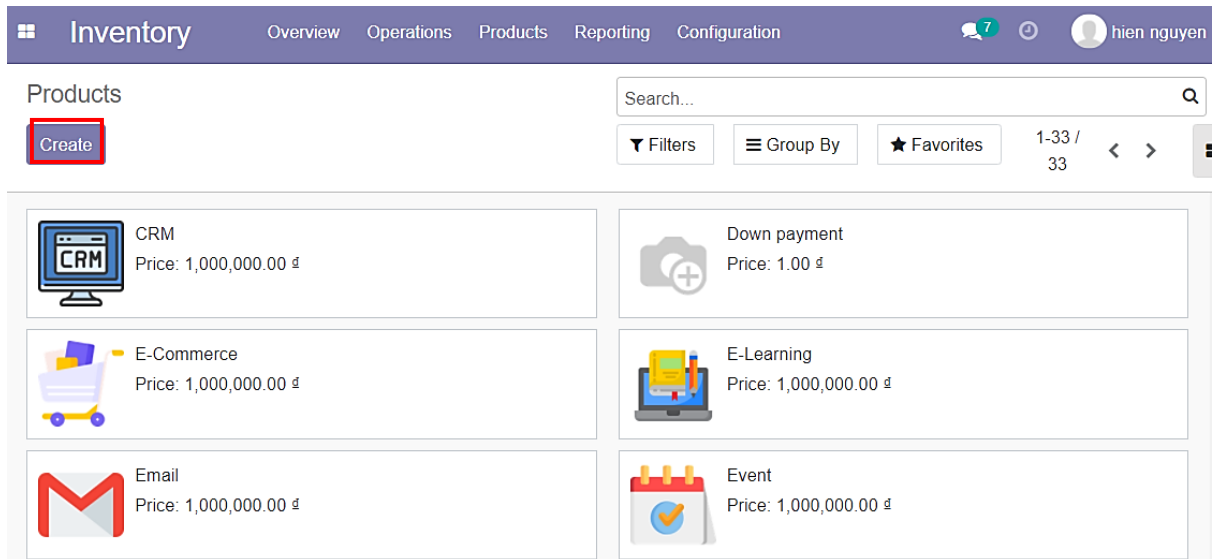
- Người dùng vào giao diện **Inventory**;
- Tiến hành tạo sản phẩm mới bằng cách chọn **Create**;
- Điền thông tin sản phẩm và tiến hành lưu bằng cách nhấn **Save**;
- Có thể chỉnh sửa lại thông tin sản phẩm bằng cách chọn **Edit** -> sửa thông tin và nhấn **Save** để lưu thay đổi;
- Có thể xóa sản phẩm bằng cách chọn **Delete**.

- Chọn mục **Inventory** trong giao diện Dashboard:



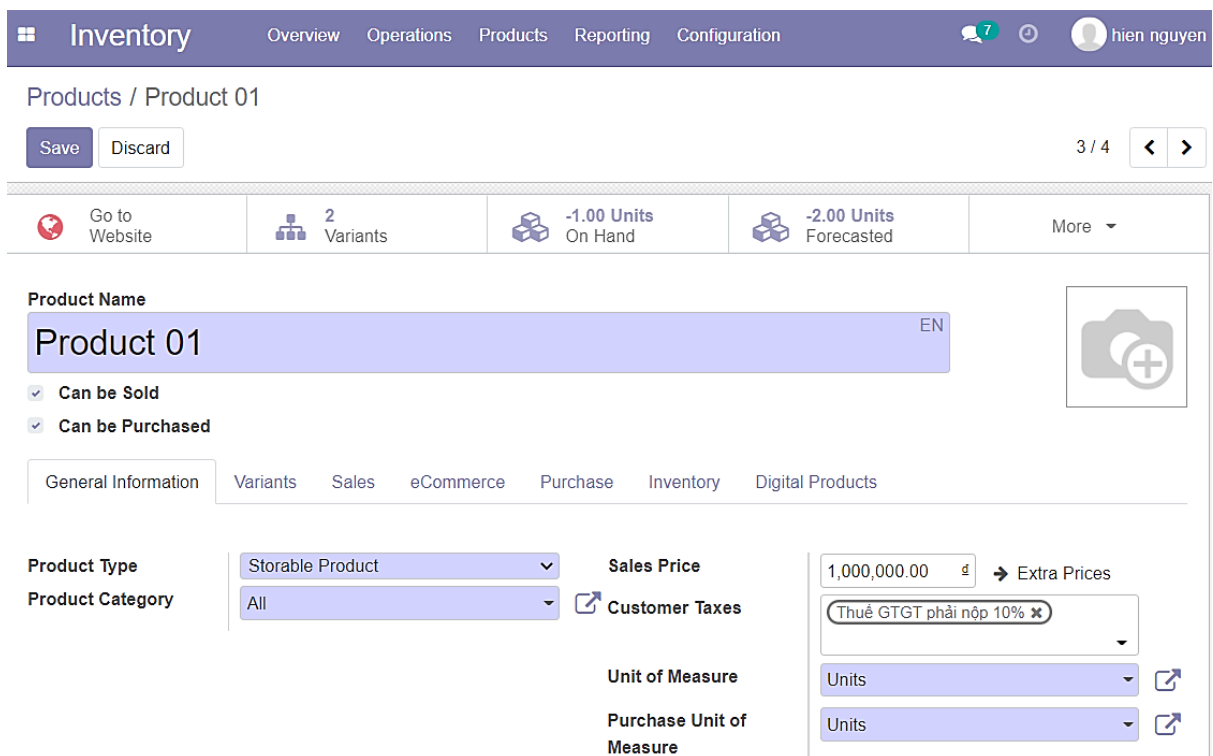
Hình 62: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 01)

- Bấm nút **Create** để tạo sản phẩm:



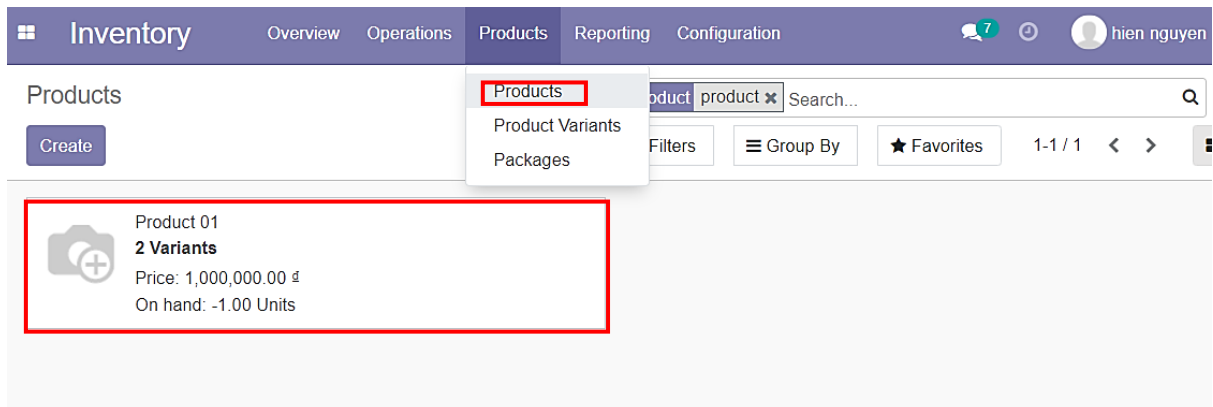
Hình 63: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 02)

- Điền thông tin sản phẩm và lưu lại:



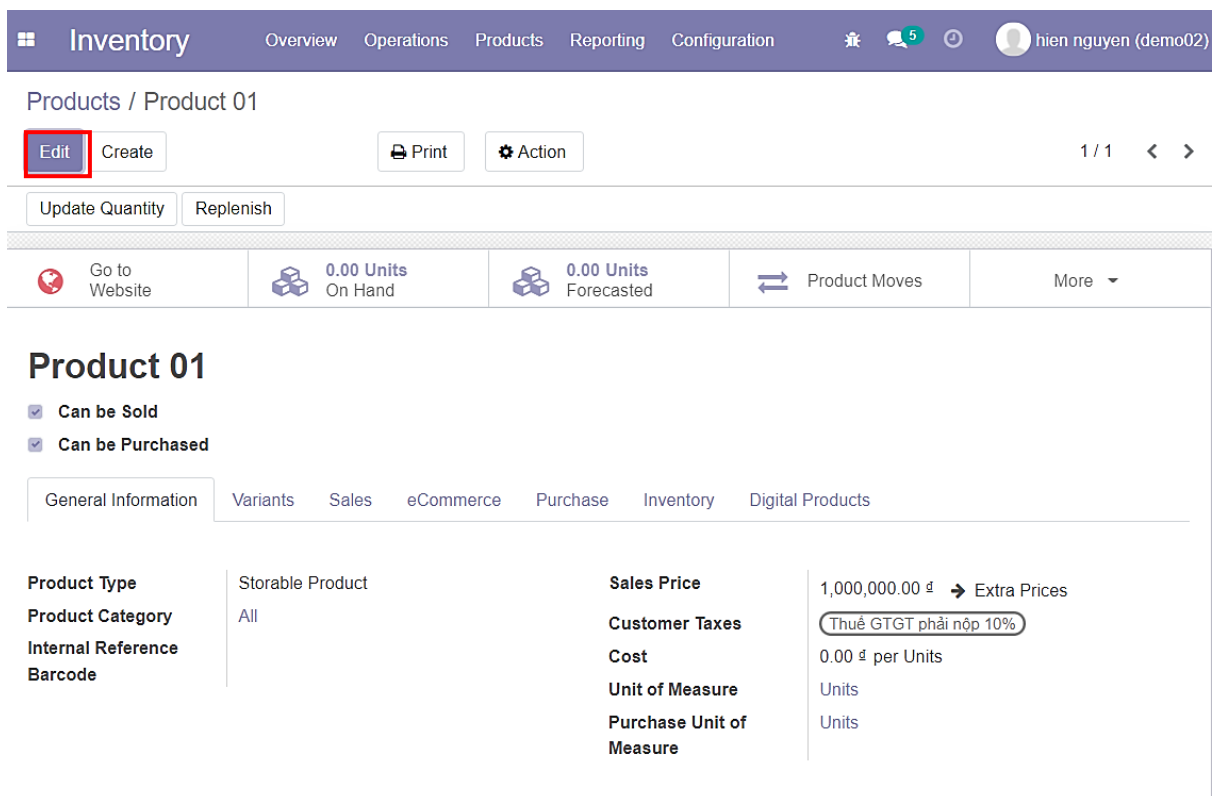
Hình 64: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 03)

- Sản phẩm sẽ xuất hiện trong mục **Product**:



Hình 65: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 04)

- Edit thông tin sản phẩm: Chọn vào sản phẩm muốn edit trong mục **Product**
-> **Bấm** vào nút **Edit** trong giao diện sản phẩm:



Hình 66: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 05)

-> Sửa thông tin và tiến hành **Save** lại:

The screenshot shows the 'Inventory' system interface for editing 'Product 01'. The top navigation bar includes 'Overview', 'Operations', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. The user is logged in as 'hien.nguyen (demo02)'. The 'Save' button is highlighted with a red box. The form includes the following fields and options:

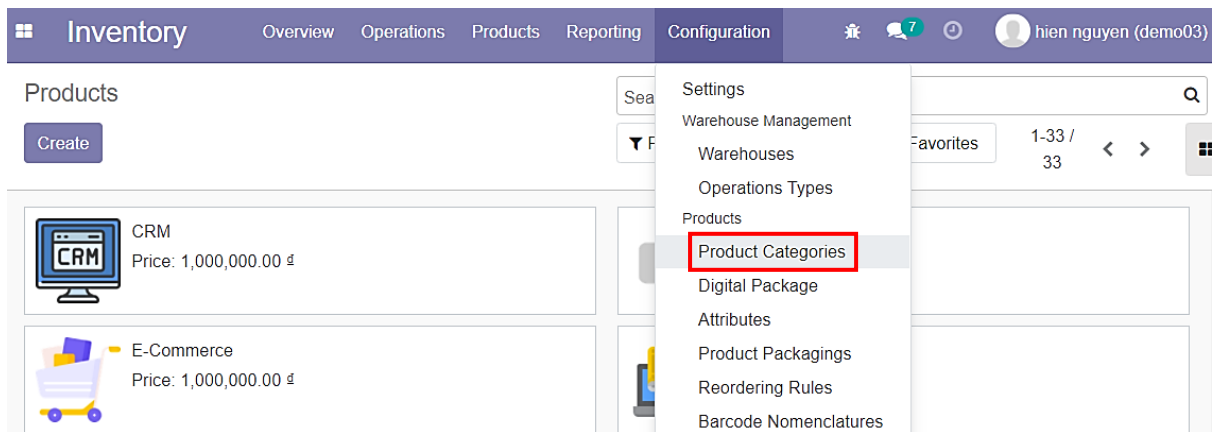
- Product Name:** Product 01 (with a language dropdown set to 'EN') and a camera icon for image upload.
- Checkboxes:** 'Can be Sold' and 'Can be Purchased' are both checked.
- Tabs:** 'General Information', 'Variants', 'Sales', 'eCommerce', 'Purchase', 'Inventory', and 'Digital Products'.
- Product Type:** Storable Product (dropdown).
- Product Category:** All (dropdown).
- Internal Reference:** (text input).
- Barcode:** (text input).
- Sales Price:** 1,000,000.00 (with a currency symbol '₫') and an 'Extra Prices' link.
- Customer Taxes:** Thuế GTGT phải nộp 10% (dropdown).
- Cost:** 0.00 (with a currency symbol '₫').
- Unit of Measure:** Units (dropdown with an external link icon).
- Purchase Unit of Measure:** Units (dropdown with an external link icon).

Hình 67: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm (Bước 06)

3.5 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ NHÓM DANH MỤC

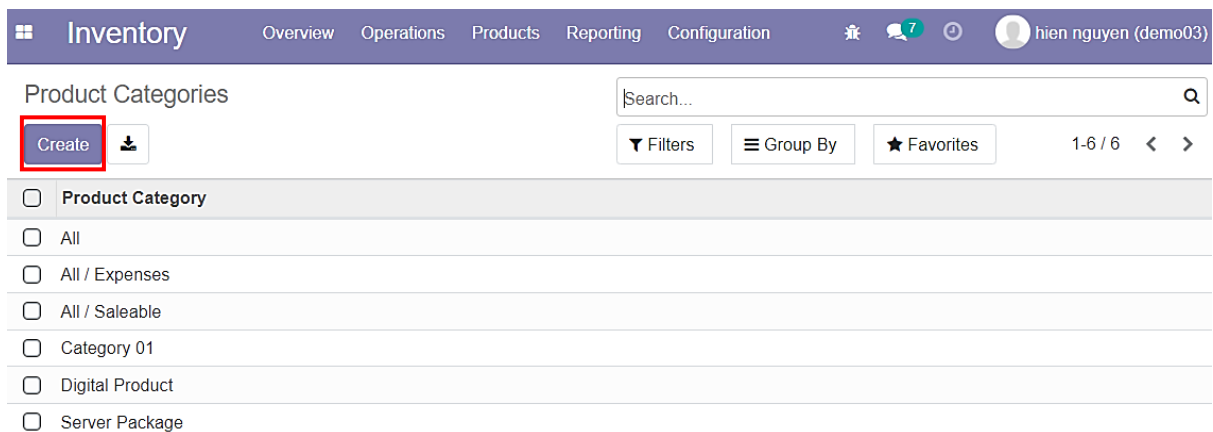
*Quy trình bao gồm những bước chính:

- Người dùng vào giao diện quản lý danh mục;
 - Tiến hành tạo danh mục mới bằng cách chọn **Create**;
 - Điền thông tin danh mục và tiến hành lưu bằng cách nhấn **Save**;
 - Có thể chỉnh sửa lại thông tin danh mục bằng cách chọn **Edit** -> sửa thông tin và nhấn **Save** để lưu thay đổi;
 - Có thể xóa danh mục bằng cách chọn **Delete**;
 - Chọn vào **Button Box Products** để chuyển sang giao diện sản phẩm;
 - Tiến hành tạo mới sản phẩm hoặc chọn sản phẩm sẵn có vào danh mục vừa tạo.
- Tiến hành tạo nhóm danh mục và gom nhóm sản phẩm: vào **config** -> **Product categories**:



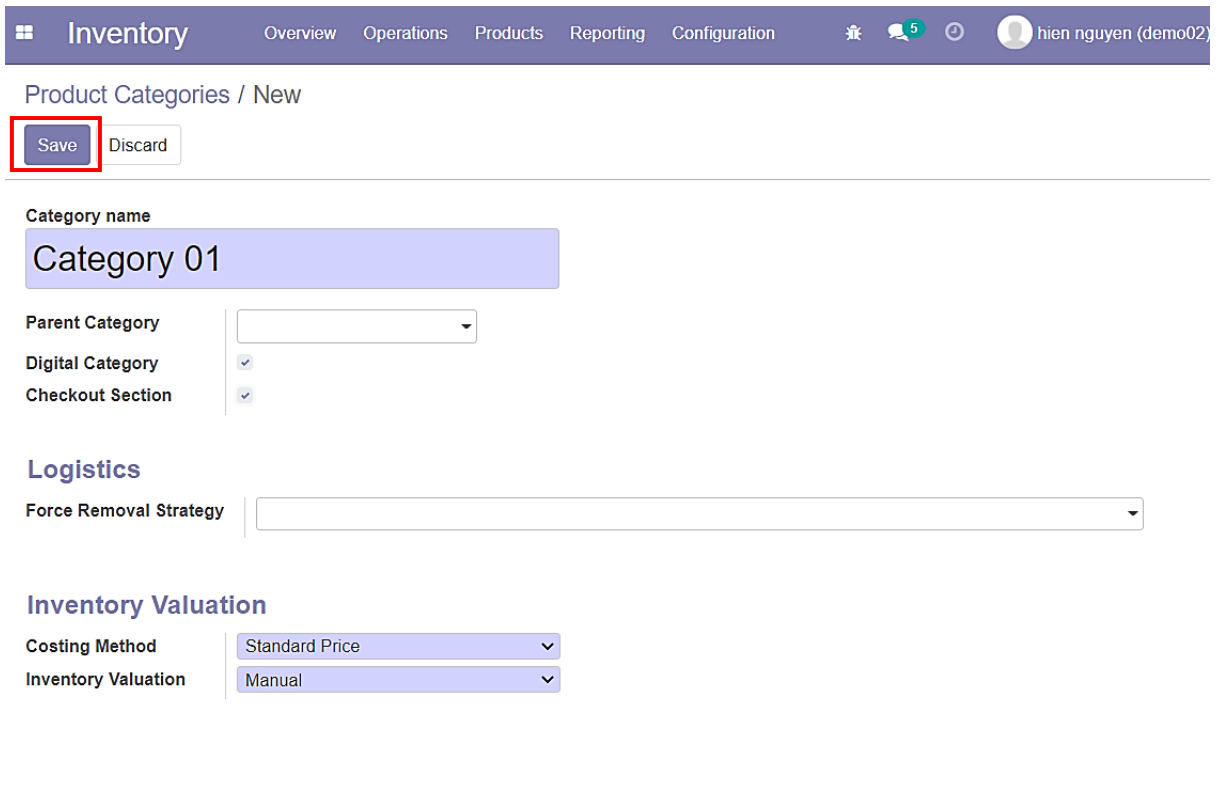
Hình 68: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 01)




- Chọn **Create** để tạo nhóm danh mục mới:



Hình 69: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 02)

- Thiết lập thông tin và tiến hành **Save**:
 - **Parent Category** để chọn Category cha;
 - **Digital Category**: nhóm này chứa những sản phẩm có hình thức thanh toán giống dịch vụ hosting;
 - **Checkout Section**: Sản phẩm thuộc **Category** này trong website sẽ được gom nhóm với tên section đại diện là tên **Category** (Mặc định của sản phẩm thuộc **Category** là all hoặc **Category** không tích vào **Checkout Section** thì section mặc định trong website là **Normal Product**):



Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration  5   hien nguyen (demo02)

Product Categories / New

Save Discard

Category name
Category 01

Parent Category

Digital Category

Checkout Section

Logistics

Force Removal Strategy

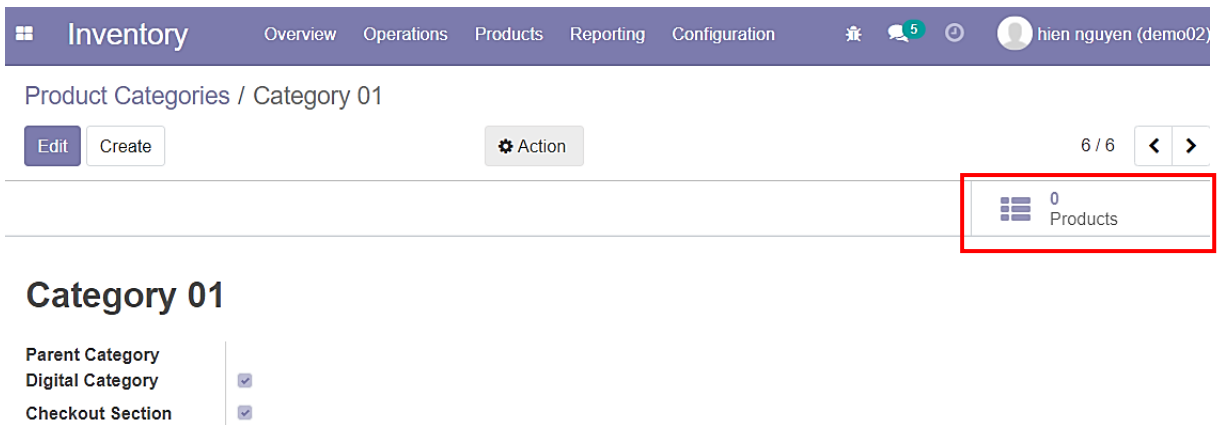
Inventory Valuation




Costing Method Standard Price

Inventory Valuation Manual


Hình 70: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 03)


- Nhấn vào **Button Box: Products** để xem các sản phẩm của danh mục này:



Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration  5   hien nguyen (demo02)

Product Categories / Category 01

Edit Create  Action 6 / 6 < >

 0 Products

Category 01

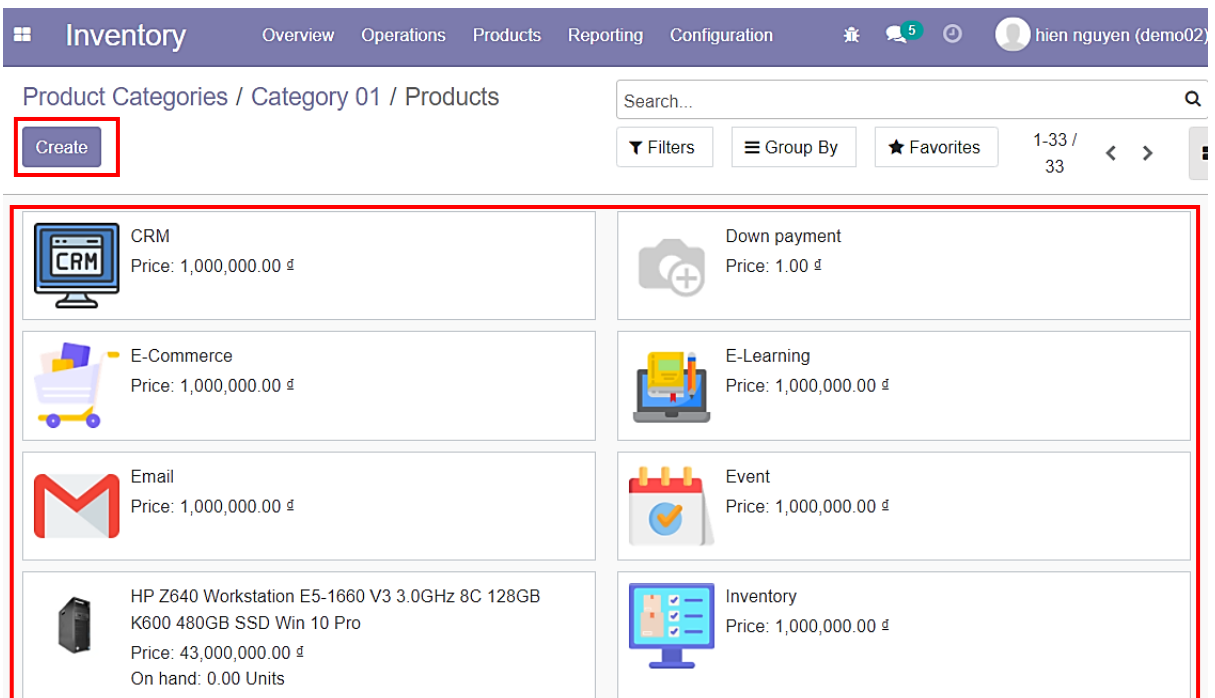
Parent Category

Digital Category

Checkout Section

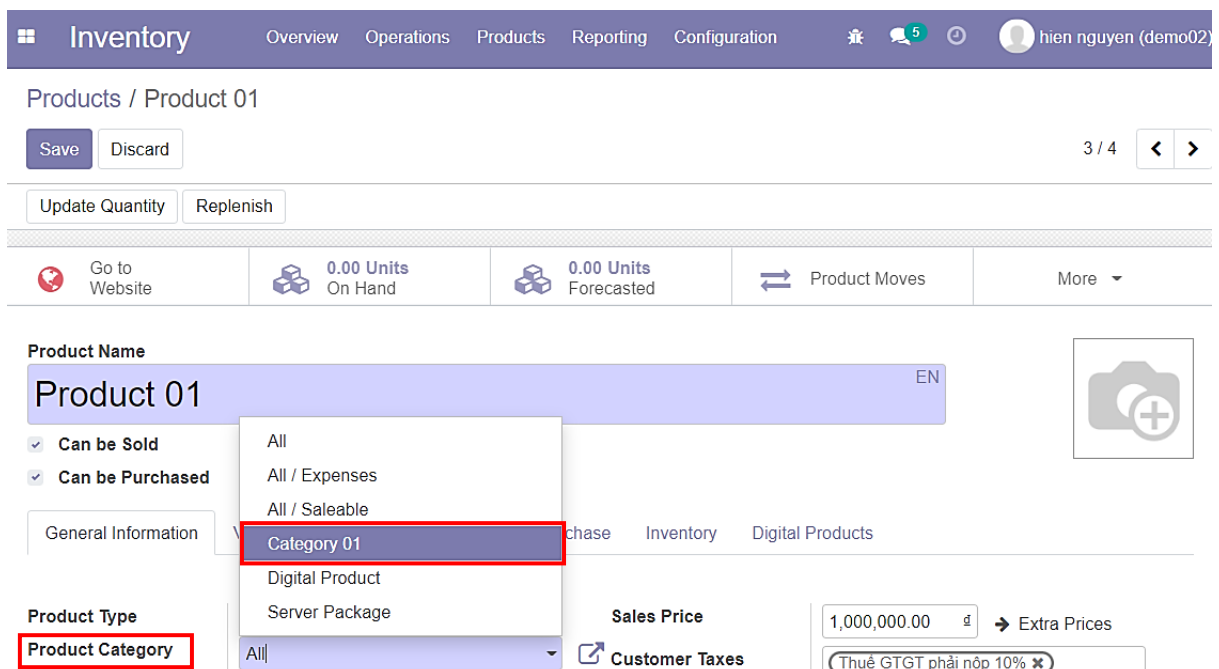
Hình 71: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 04)

- Ở đây có thể tạo nhanh **Product** hoặc chỉnh sửa **Category** của **Product** đang có:



Hình 72: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 05)

- Tiến hành chọn sản phẩm vừa tạo trước đó -> **Edit** -> chọn **Product Category**:



Hình 73: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 06)

- Tên **Category** của **Product** có thể nhấn vào để chuyển nhanh đến giao diện **Category**:

The screenshot shows the 'Inventory' system interface. At the top, there's a navigation bar with 'Inventory' and various menu items like 'Overview', 'Operations', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. Below this, the breadcrumb 'Products / Product 01' is visible. There are buttons for 'Edit', 'Create', 'Print', and 'Action'. A status bar shows '3 / 4' and navigation arrows. Below that, there are buttons for 'Update Quantity' and 'Replenish'. A summary bar displays '0.00 Units On Hand' and '0.00 Units Forecasted', along with a 'Product Moves' button and a 'More' dropdown. The main section is titled 'Product 01' and includes checkboxes for 'Can be Sold' and 'Can be Purchased'. A tabbed interface shows 'General Information' as the active tab. The configuration details include:

- Product Type: Storable Product
- Product Category: **Category 01** (highlighted with a red box)
- Internal Reference Barcode: (empty)
- Sales Price: 1,000,000.00 đ → Extra Prices
- Customer Taxes: Thuế GTGT phải nộp 10%
- Cost: 0.00 đ per Units

Hình 74: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 07)

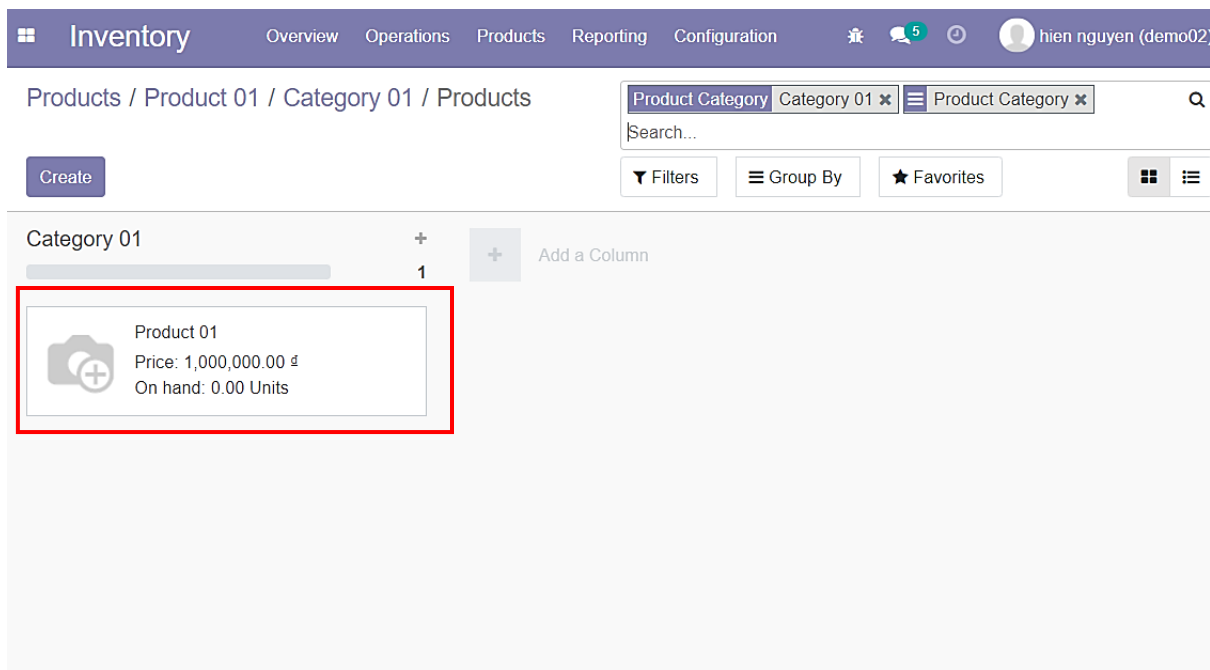
- Tiếp tục nhấn vào Button Box: **Product** để kiểm tra:

The screenshot shows the 'Inventory' system interface for 'Category 01'. The breadcrumb is 'Products / Product 01 / Category 01'. There are buttons for 'Edit', 'Create', and 'Action'. A status bar shows '1 / 1' and navigation arrows. A button box in the top right corner, highlighted with a red box, contains a grid icon and the text '1 Products'. Below this, the main section is titled 'Category 01' and includes:

- Parent Category: (empty)
- Digital Category:
- Checkout Section:
- Logistics: Force Removal Strategy: (empty)
- Inventory Valuation: Costing Method: Standard Price

Hình 75: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 08)

- Đã thêm sản phẩm vào **Category** thành công:



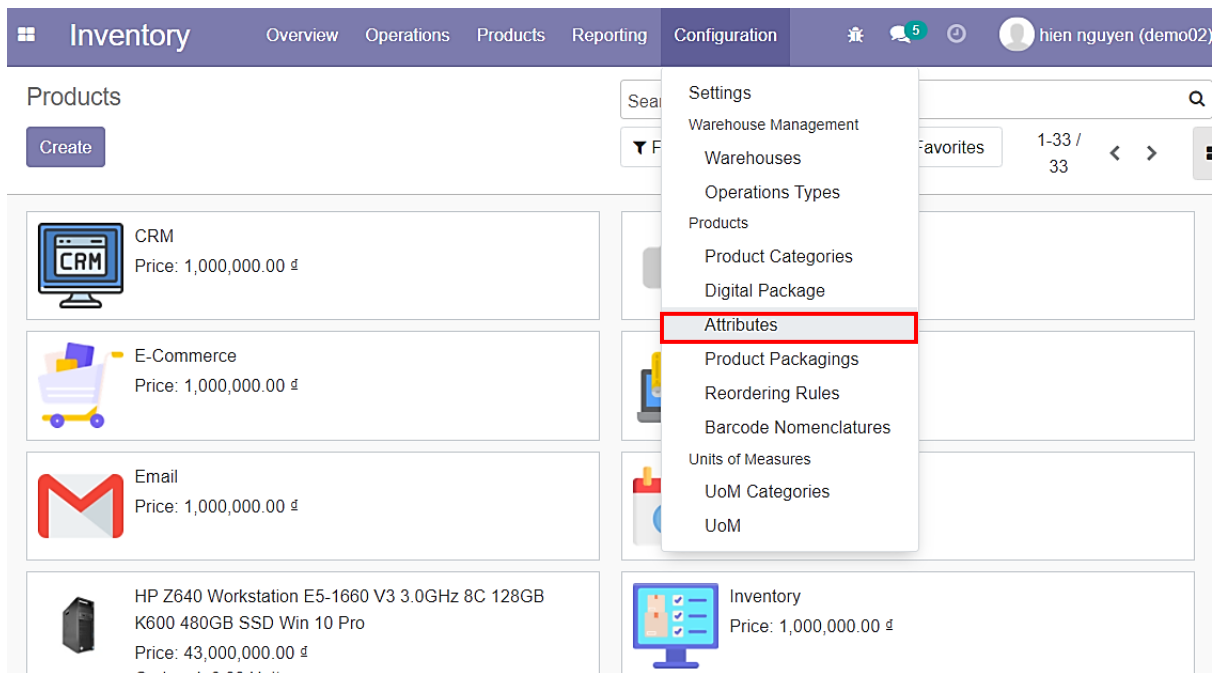
Hình 76: Quy trình tạo – quản lý nhóm danh mục (Bước 09)

3.6 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ THUỘC TÍNH CỦA SẢN PHẨM

*Quy trình bao gồm những bước chính:

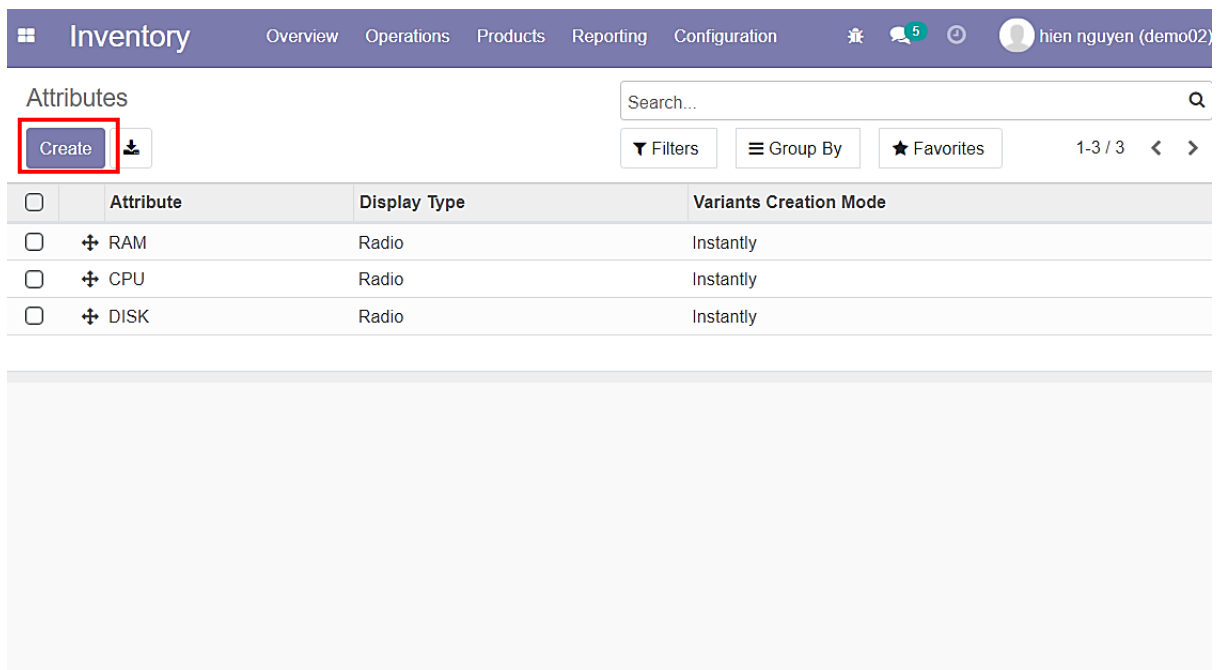
- Người dùng vào giao diện quản lý thuộc tính sản phẩm
- Tiến hành tạo mới thuộc tính của sản phẩm bằng cách chọn **Create**;
- Điền thông tin của thuộc tính và tiến hành lưu bằng cách nhấn **Save**;
- Có thể chỉnh sửa lại thông tin thuộc tính bằng cách chọn **Edit** -> sửa thông tin và nhấn **Save** để lưu thay đổi;
- Có thể xóa thuộc tính bằng cách chọn **Delete**;
- Trong giao diện sản phẩm -> Tiến hành thêm thuộc tính cho sản phẩm.

- Chọn mục **Attributess** trong **Inventory**:



Hình 77: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 01)

- Chọn **Create** để tạo một thuộc tính:



Hình 78: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 02)

- Đặt tên **Attributes**, chọn phương thức, thêm giá trị **Attributes Values**
 → Việc tạo **Attributes** góp phần quản lý sản phẩm có biến thể tốt hơn:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 hien nguyen (demo02)

Attributes / New

Save Discard

Attribute Name: EN

Display Type: Radio Select Color

Variants Creation Mode: Instantly Dynamically Never

Attribute Values

Value	Is cust...
+ Attr 01	<input type="checkbox"/>
+ Attr 02	<input type="checkbox"/>

Add a line

Hình 79: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 03)

- Vào lại giao diện sản phẩm vừa tạo lúc trước, chọn thẻ **Variants** và chọn **Edit**:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 hien nguyen (demo02)

Products / Product 01

Save Discard 3 / 16 < >

Update Quantity Replenish

Go to Website 0.00 Units On Hand 0.00 Units Forecasted Product Moves More ▾

Product Name: EN

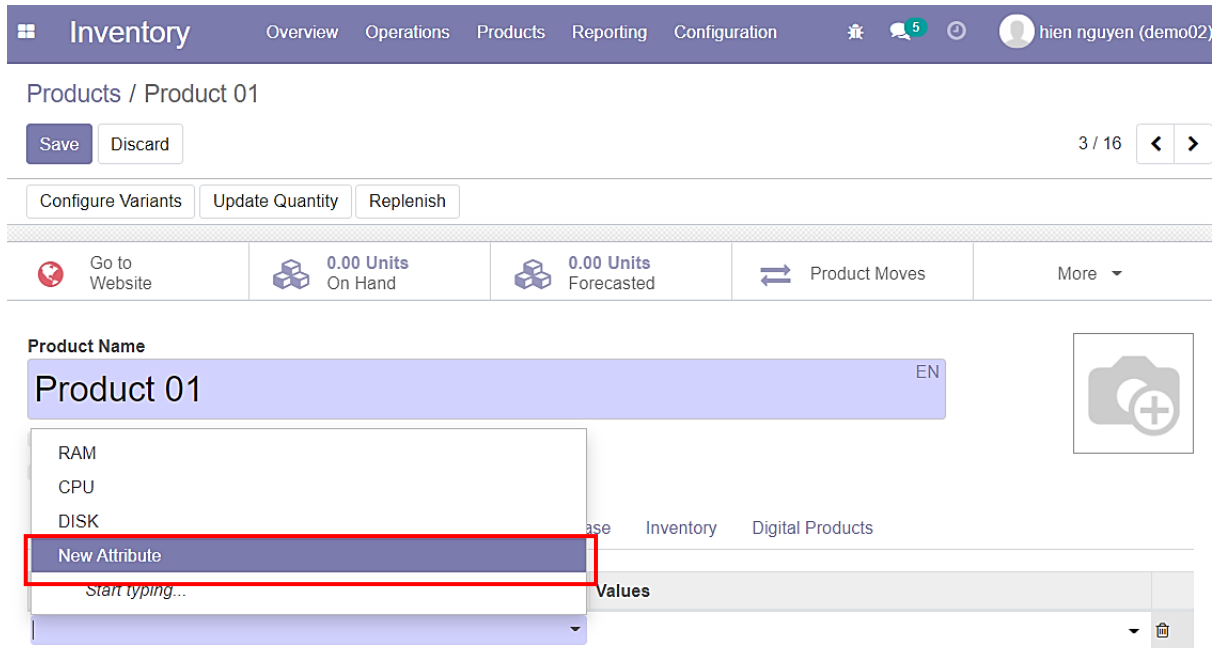
Can be Sold Can be Purchased

General Information **Variants** Sales eCommerce Purchase Inventory Digital Products

Attribute	Values
Add a line	

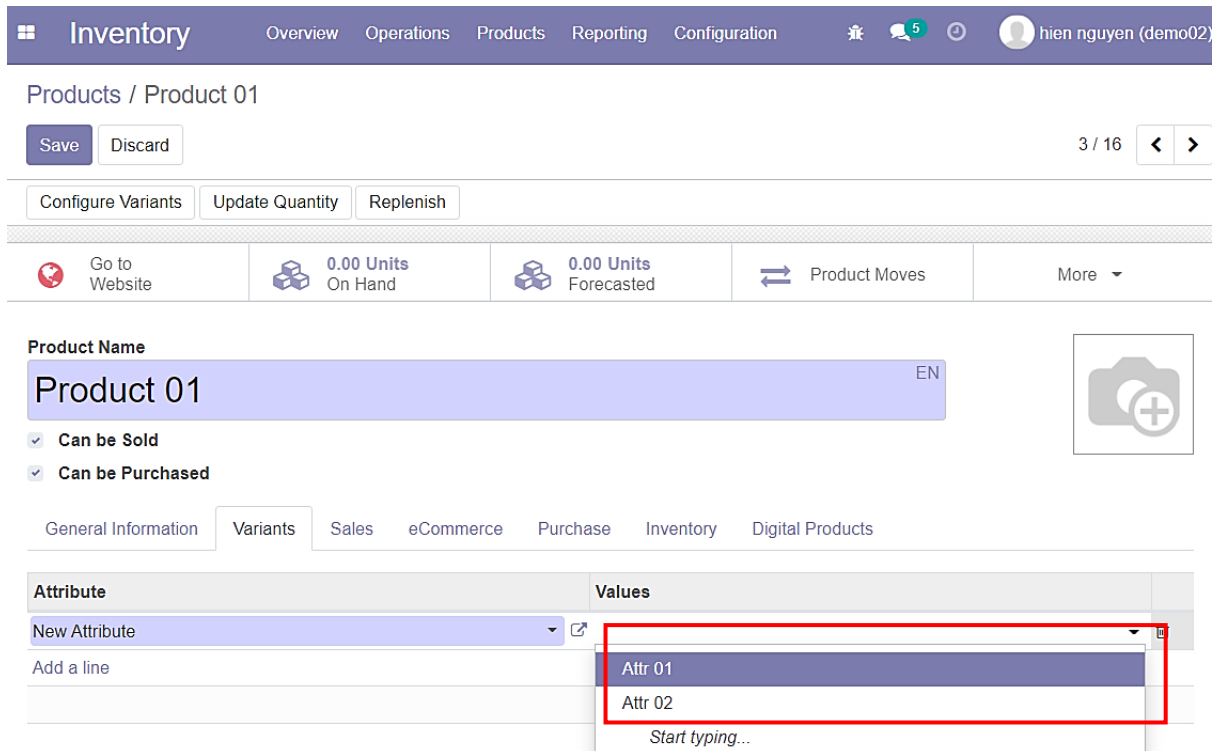
Hình 80: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 04)

- Chọn thẻ selection sẽ chọn được **Attributes** và **Attributes Value**:



Hình 81: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 05)

- Chọn **Value**:



Hình 82: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 06)

- Sau khi chọn xong thì nhấn Save
 → Xuất hiện Buton Box: **Variants** (Những biến thể của sản phẩm gốc dựa vào **Attributes**):

The screenshot shows the 'Inventory' system interface. At the top, there is a navigation bar with 'Overview', 'Operations', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. Below this, the page title is 'Products / Product 01'. There are buttons for 'Edit', 'Create', 'Print', and 'Action'. A secondary bar contains 'Configure Variants', 'Update Quantity', and 'Replenish'. A summary bar shows 'Go to Website', '2 Variants' (highlighted with a red box), '0.00 Units On Hand', and '0.00 Units Forecasted'. The main section is titled 'Product 01' and has checkboxes for 'Can be Sold' and 'Can be Purchased'. Below this are tabs for 'General Information', 'Variants', 'Sales', 'eCommerce', 'Purchase', 'Inventory', and 'Digital Products'. The 'Variants' tab is active, showing a table with columns 'Attribute' and 'Values'. The 'Attribute' column has 'New Attribute' and the 'Values' column has 'Attr 01' and 'Attr 02'.

Hình 83: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 07)

- Những biến thể mới đã được tạo:

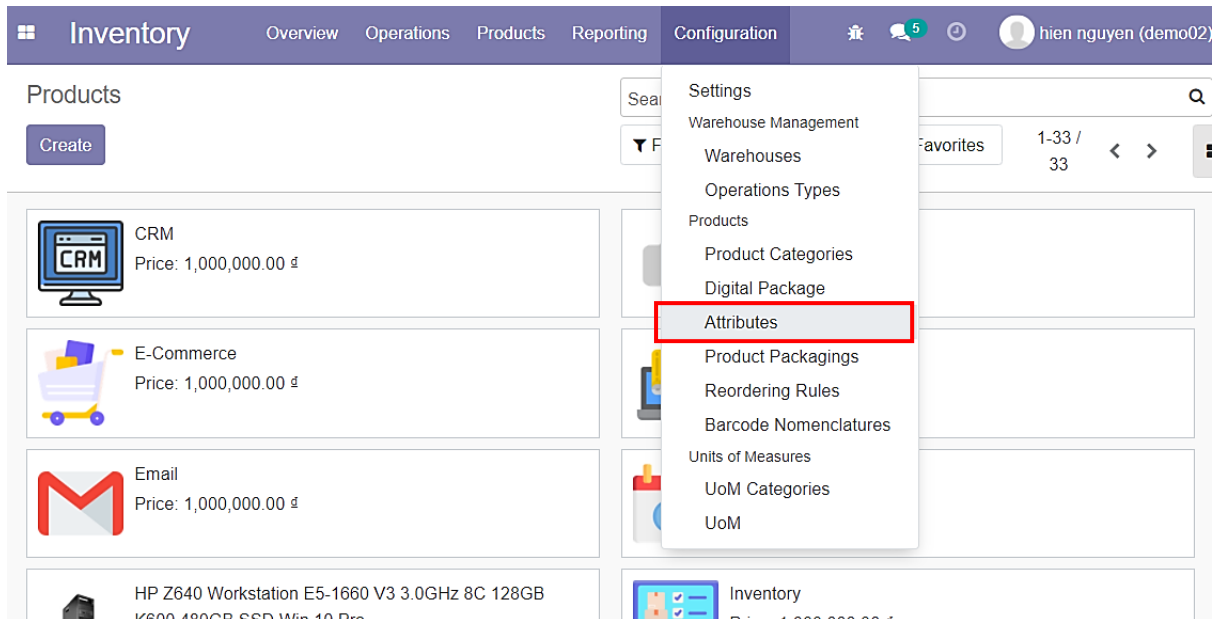
The screenshot shows the 'Inventory' system interface for 'Product 01 / Product Variants'. The page has a search bar and filters. Below the search bar is a table with the following columns: 'Internal Re...', 'Name', 'Apps', 'Digital Pac...', 'Attribute V...', 'Sales Price', 'Cost', 'Quantity O...', 'Forecasted...', and 'Unit of M...'. Two rows are highlighted with a red box. Both rows have 'Product 01' in the 'Name' column and 'New Attrib...' in the 'Attribute V...' column. The 'Sales Price' is 1,000,000.00, 'Cost' is 0.00, 'Quantity O...' is 0.00, and 'Forecasted...' is 0.00. The 'Unit of M...' is 'Units'.

Hình 84: Quy trình tạo – quản lý thuộc tính của sản phẩm (Bước 08)

3.7 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ SẢN PHẨM DỊCH VỤ HOSTING

*Quy trình bao gồm những bước chính:

- Người dùng cần tạo các thuộc tính của sản phẩm dịch vụ hosting: **RAM, CPU, DISK;**
 - Mỗi một thuộc tính sẽ được tạo các giá trị tương ứng. Vd: **RAM: 1GB, 2GB, 3GB,..**
 - Người dùng tiến hành tạo mới sản phẩm: **Server;**
 - Thiết lập thông số cho sản phẩm vừa tạo;
 - Trong thẻ **variants** -> Chọn các thuộc tính phù hợp cho sản phẩm **Server;**
 - Sau khi nhấn **Save** -> Các **variants** của sản phẩm cũng đồng thời được tạo -> nhấn vào **Button Box** để kiểm tra;
 - Tiến hành chọn **Configure Variants** để thiết lập giá trị phát sinh cho các biến thể của **Server;**
 - Tiến hành tạo mới một danh mục: **Server Package;**
 - Áp dụng danh mục này cho sản phẩm **Server;**
 - Tiến hành tạo mới một **“Digital Package”** và thiết lập các giá trị;
 - Tiến hành gán giá trị của **Digital Package** phù hợp cho từng biến thể của **Server.**
- Đầu tiên, tạo **Attributes** cho sản phẩm **Server**. Một sản phẩm **Server** bao gồm 3 yếu tố chính cấu thành: **RAM, CPU, DISK:**



Hình 85: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 01)

- Tạo mới **Attributes** là **RAM** cùng các **values**:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 5 hien.nguyen (demo02)

Attributes / RAM

Save Discard 1 / 4 < >

Attribute Name: RAM EN

Display Type: Radio Select Color

Variants Creation Mode: Instantly

Attribute Values Related Products

Value	Is custom value	
+ 1GB	<input type="checkbox"/>	🗑️
+ 2GB	<input type="checkbox"/>	🗑️
+ 3GB	<input type="checkbox"/>	🗑️

Add a line

Hình 86: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 02)

- Tạo mới **Attributes** là **CPU** cùng các **values**:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 5 hien.nguyen (demo02)

Attributes / CPU

Save Discard 2 / 4 < >

Attribute Name: CPU EN

Display Type: Radio Select Color

Variants Creation Mode: Instantly

Attribute Values Related Products

Value	Is custom value	
+ 1GB	<input type="checkbox"/>	🗑️
+ 2GB	<input type="checkbox"/>	🗑️
+ 3GB	<input type="checkbox"/>	🗑️

Add a line

Hình 87: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 03)

- Tạo mới **Attributes** là **DISK** cùng các **values**:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 hien nguyen (demo02)

Attributes / DISK

Save Discard 3 / 4

Attribute Name: DISK EN

Display Type: Radio Select Color

Variants Creation Mode: Instantly

Attribute Values Related Products

Value	Is custom value
+ 10TB	<input type="checkbox"/>
+ 20TB	<input type="checkbox"/>
+ 30TB	<input type="checkbox"/>

Add a line

Hình 88: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 04)

- Tiến hành tạo mới **Product**:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 hien nguyen (demo02)

Products Search...

Create Filters Group By Favorites 1-33 / 33

CRM Price: 1,000,000.00 ₫	Down payment Price: 1.00 ₫
E-Commerce Price: 1,000,000.00 ₫	E-Learning Price: 1,000,000.00 ₫
Email Price: 1,000,000.00 ₫	Event Price: 1,000,000.00 ₫
HP Z640 Workstation E5-1660 V3 3.0GHz 8C 128GB K600 480GB SSD Win 10 Pro Price: 43,000,000.00 ₫ On hand: 0.00 Units	Inventory Price: 1,000,000.00 ₫

Hình 89: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 05)

- Vào thẻ **Variants** và tiến hành thêm **Attributes** cho **Server**:

The screenshot shows the 'Inventory' system interface for the 'Server' product. The top navigation bar includes 'Overview', 'Operations', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. The 'Products / Server' section has 'Save' and 'Discard' buttons. A 'Configure Variants' button is visible. The product name is 'Server'. Checkboxes for 'Can be Sold', 'Can be Purchased', and 'Server Package' are checked. The 'Variants' tab is highlighted with a red box. Other tabs include 'General Information', 'Sales', 'eCommerce', 'Purchase', and 'Digital Products'. A sidebar on the right shows '27 Variants' and '0.00 Years Sold'.

Hình 92: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 08)

- Sau khi thêm **Attributes** thành công, tiến hành lưu thay đổi:

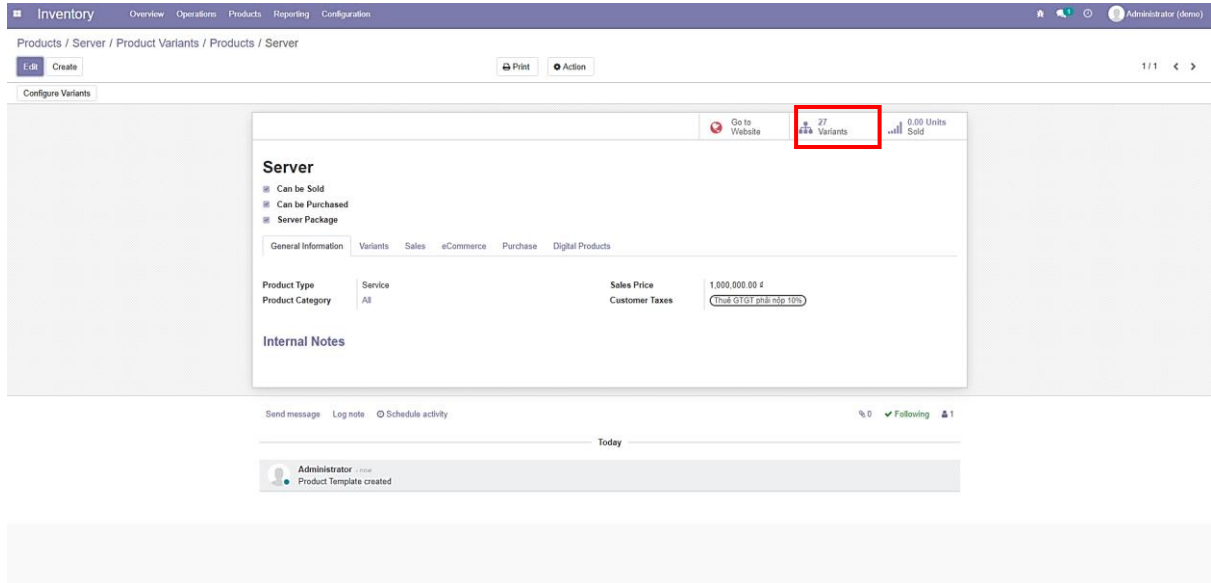
The screenshot shows the 'Inventory' system interface for the 'Server' product. The 'Save' button is highlighted with a red box. The 'Attributes' table is visible, showing the following data:

Attribute	Values
RAM	1GB 2GB 3GB
CPU	1GB 2GB 3GB
DISK	10TB 20TB 30TB

The 'Variants' tab is selected. The 'Save' button is highlighted with a red box. The 'Attributes' table is visible, showing the following data:

Hình 93: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 09)

- Vào ButtonBox **Variants** để kiểm tra các biến thể được sinh ra:



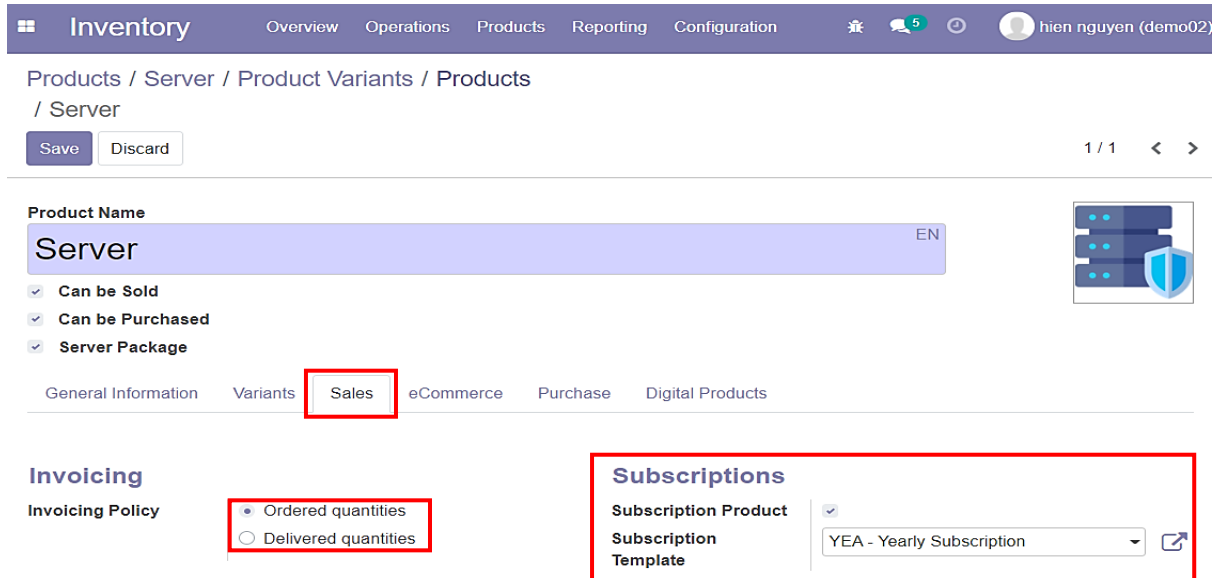
Hình 94: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 10)

- Đã có tất cả 27 biến thể **Server** được sinh ra;
- **Server** có 3 **Attributes** và mỗi **Attributes** có 3 **values**
 → Vậy nên tổ hợp xác suất có $3 \times 3 \times 3 = 27$ biến thể của **Server**:

Internal Re...	Name	Apps	Digital Pac...	Attribute V...	Sales Price	Cost	Quantity O...	Forecasted...	Unit of M...
<input type="checkbox"/>	Server	5	Starter	RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 10TB	10,900,000.00	0.00			Years
<input type="checkbox"/>	Server	5	Starter	RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 20TB	11,000,000.00	0.00			Years
<input type="checkbox"/>	Server	9	Starter	RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 30TB	11,100,000.00	0.00			Years
<input type="checkbox"/>	Server	9	Starter	RAM: 1GB CPU: 2GB DISK: 10TB	11,200,000.00	0.00			Years
<input type="checkbox"/>	Server	9	Starter	RAM: 1GB CPU: 2GB DISK: 20TB	11,300,000.00	0.00			Years

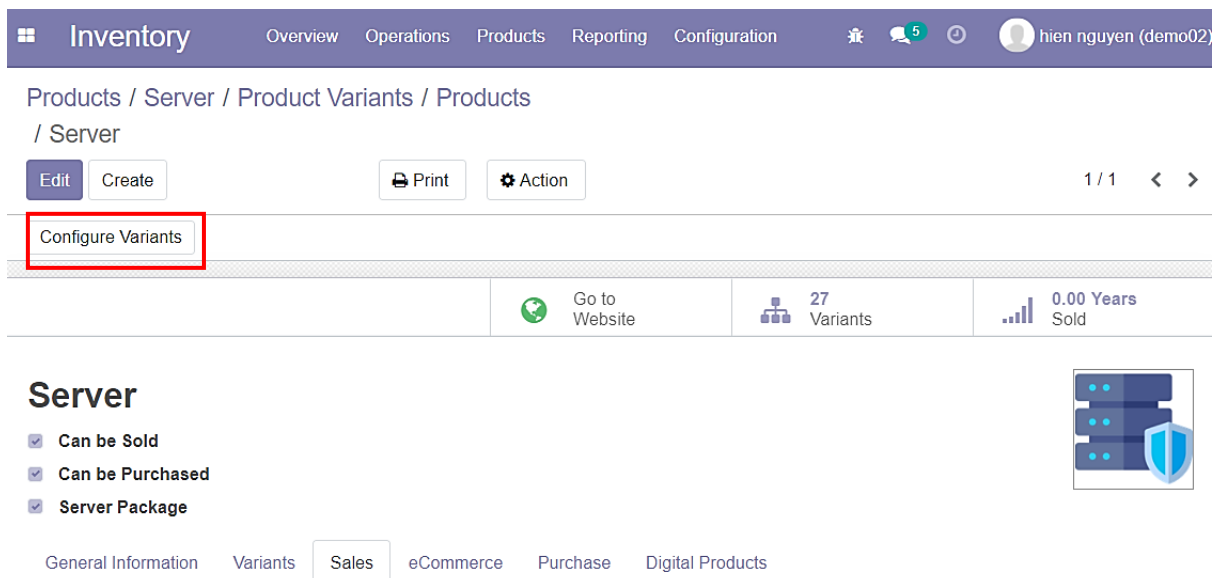
Hình 95: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 11)

- Quay lại giao diện sản phẩm, chọn thẻ Sales:
 - ➔ Chọn **Invoicing Policy** là **Ordered quantities** (Vì đây là sản phẩm **dịch vụ** nên **Hóa đơn** sẽ được xuất mà không cần thông qua bước giao hàng);
 - ➔ Chọn **Subscription Template** mặc định (Trong đây sẽ quy định thời hạn dịch vụ và thời gian đáo hạn hóa đơn định kỳ – Những giá trị này có thể được thay đổi tùy vào nhu cầu của khách hàng):



Hình 96: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 12)

- Vào **Configure Variants** để quy định giá của các thành phần trong biến thể:



Hình 97: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 13)

- Chọn vào các **Attributes values** để thiết lập lại giá đi kèm:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 hien nguyen (demo02)

Products / Server / Product Variants / Products Active Search...

/ Server / Product Variant Values Filters Group By Favorites 1-9 / 9 < >

<input type="checkbox"/>	Attribute	Value	Display Type	HTML Color Index	Value Price Extra
<input type="checkbox"/>	RAM	1GB	Radio		500,000
<input type="checkbox"/>	RAM	2GB	Radio		1,000,000
<input type="checkbox"/>	RAM	3GB	Radio		1,500,000
<input type="checkbox"/>	CPU	1GB	Radio		300,000
<input type="checkbox"/>	CPU	2GB	Radio		600,000
<input type="checkbox"/>	CPU	3GB	Radio		900,000
<input type="checkbox"/>	DISK	10TB	Radio		100,000
<input type="checkbox"/>	DISK	20TB	Radio		200,000
<input type="checkbox"/>	DISK	30TB	Radio		300,000

Hình 98: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 14)

- Set giá cho **Value Price Extra**
- Trong ví dụ thì giá của **Server** là 1.000.000 đ, **RAM: 1GB** có **Value Price Extra** là 500.000 đ
 - ➔ Vậy nên giá của **Server (RAM: 1GB)** là 1.500.000 đ (= 1.000.000 đ + 500.000 đ)
 - ➔ Tương tự theo đó mà ta có thể tính được giá của: **Server (RAM: ...GB, CPU: ...GB, DISK: ...TB)**
- **Exclude for** dùng để loại trừ. Giả dụ 1 **Attribute** được dùng cho nhiều sản phẩm và ở mỗi sản phẩm thì **values** của **Attributes** đó có **Value Price Extra** khác nhau, lúc đó sẽ cần dùng đến **Exclude for**:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 hien nguyen (demo02)

Products / Server / Product Variants / Products

/ Server / Product Variant Values / RAM: 1GB Save Discard 1 / 9 < >

Value	1GB				
Value Price Extra	500,000 đ				
Exclude for	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Product Template</th> <th>Attribute Values</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2">Add a line</td> </tr> </tbody> </table>	Product Template	Attribute Values	Add a line	
Product Template	Attribute Values				
Add a line					

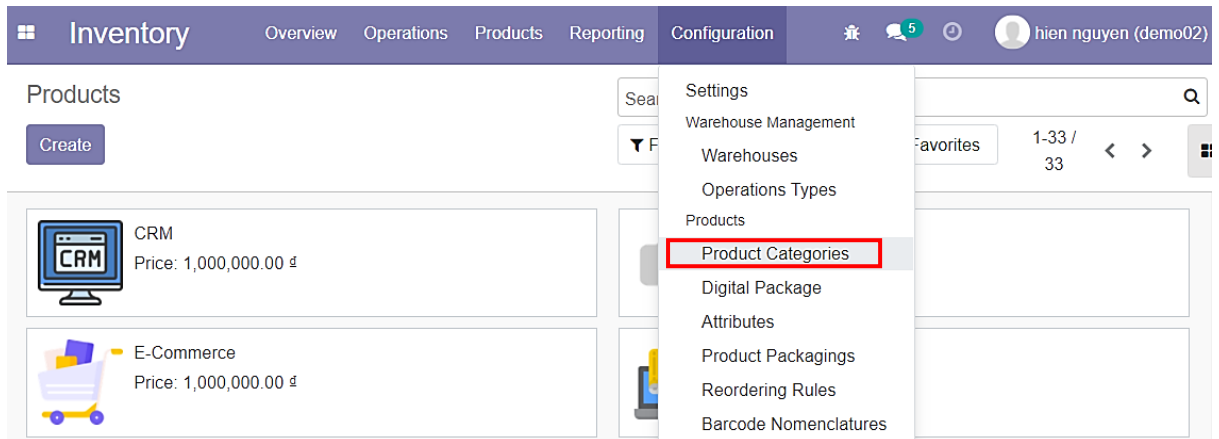
Hình 99: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 15)

- Cập nhật **Value Price Extra** hoàn tất:

<input type="checkbox"/>	Attribute	Value	Display Type	HTML Color Index	Value Price Extra
<input type="checkbox"/>	RAM	1GB	Radio		500,000
<input type="checkbox"/>	RAM	2GB	Radio		1,000,000
<input type="checkbox"/>	RAM	3GB	Radio		1,500,000
<input type="checkbox"/>	CPU	1GB	Radio		300,000
<input type="checkbox"/>	CPU	2GB	Radio		600,000

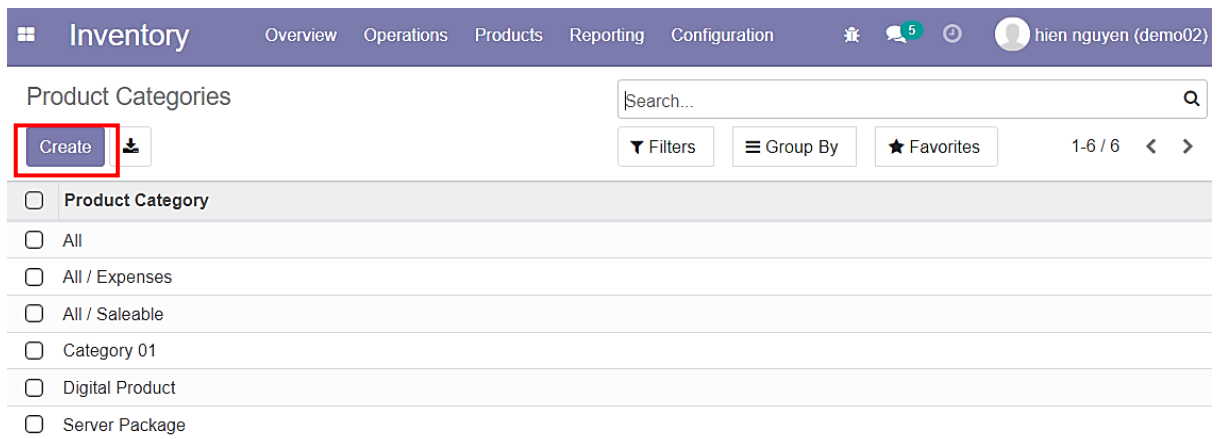
Hình 100: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 16)

- Tiến hành tạo **Product Categories** dành riêng cho **Server**
 → Vào **Configuration** chọn **Product Categories**:



Hình 101: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 17)

- Chọn **Create**:



Hình 102: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 18)

- Đặt tên cho **Category** và chọn **Checkout Section** (Điều này có nghĩa là **Category Name** đồng thời cũng là **Label** của sản phẩm **Server** khi **User** mua hàng trong **Website**)
- Sau khi thiết lập xong thì tiến hành **Save**:

The screenshot shows the 'Inventory' management interface. At the top, there are navigation tabs: Overview, Operations, Products, Reporting, and Configuration. The current page is 'Product Categories / Server Package'. Below the navigation, there are 'Save' and 'Discard' buttons. The main form area includes a 'Category name' field containing 'Server Package', a 'Parent Category' dropdown, a 'Digital Category' checkbox, and a 'Checkout Section' checkbox which is checked. Below this is a 'Logistics' section with a 'Force Removal Strategy' dropdown. The 'Save' button is highlighted with a red box.

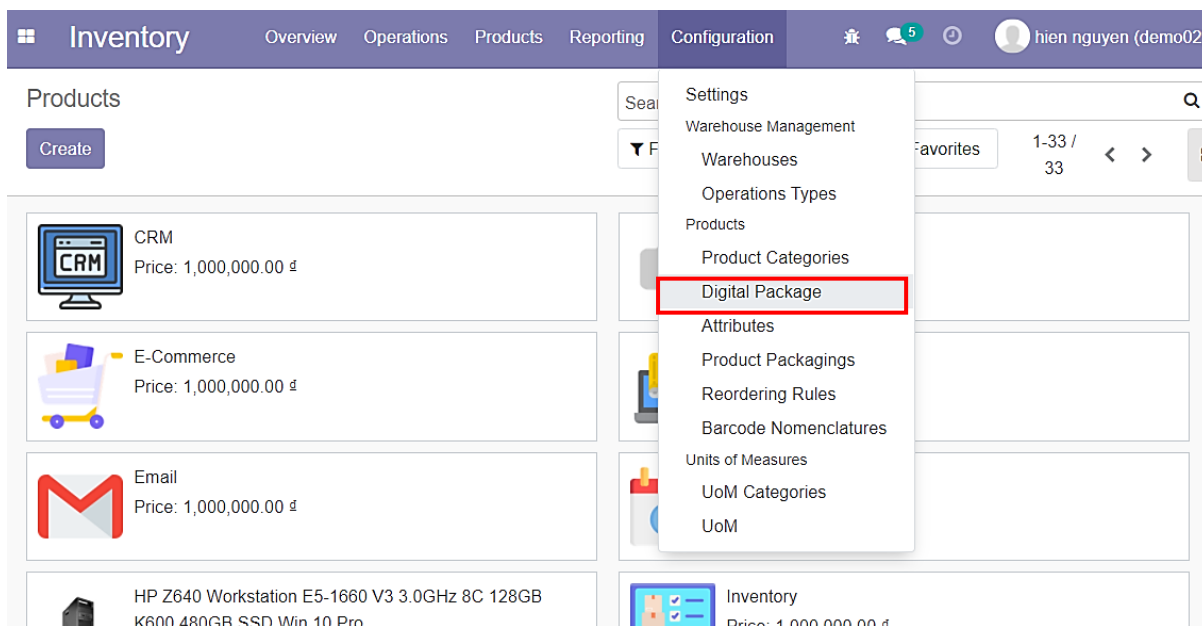
Hình 103: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 19)

- Sau đó, quay lại giao diện của sản phẩm **Server** và chọn **Product Category**:
 ➔ Trong **selection** chọn **Server Package** và nhấn **Save**:

The screenshot shows the 'Inventory' management interface for a 'Server' product. The 'Product Name' is 'Server'. There are checkboxes for 'Can be Sold', 'Can be Purchased', and 'Server Package'. A dropdown menu is open for 'Product Category', showing options like 'All', 'All / Expenses', 'All / Saleable', 'Category 01', 'Digital Product', and 'Server Package'. The 'Server Package' option is highlighted with a red box. The 'Save' button is also highlighted with a red box. Other fields include 'Sales Price' (10,000,000.00) and 'Customer Taxes' (Thuế GTGT phải nộp 10%).

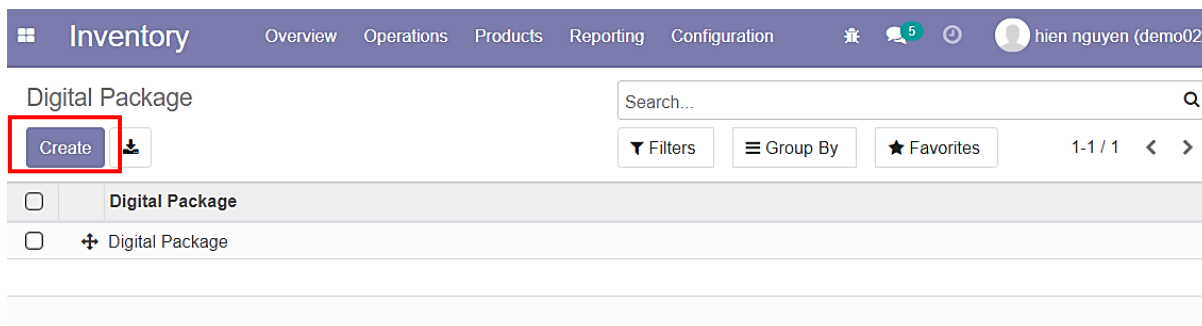
Hình 104: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 20)

- Trong **Inventory** tiếp tục vào **Configuration**
→ Chọn **Digital Package**:



Hình 105: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 21)

- Tạo ra một **Package** mới bằng cách nhấn vào **Create**:



Hình 106: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 22)

- Tiến hành đặt tên cho **Package**, chọn **For Server Product** (**Package** chỉ dành cho sản phẩm là **Server**);
- Trong thẻ **Digital Package Values** tạo thêm 3 **values**:
 - ➔ **Starter**
 - ➔ **Standard**
 - ➔ **Enterprise**
- Sau khi thiết lập xong thì nhấn **Save**;
- Việc tạo ra **Digital Package** giúp dễ dàng gom nhóm các biểu thể, quy định biểu thể nào sẽ xuất hiện trong giao diện nâng cấp **Server** và giúp cho người dùng nhìn nhận trực quan hơn về giá trị của các gói nâng cấp:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 hien nguyen (demo02)

Digital Package / Digital Package

Save Discard 1 / 1 < >

Digital Package Name Digital Package EN

For Server Product

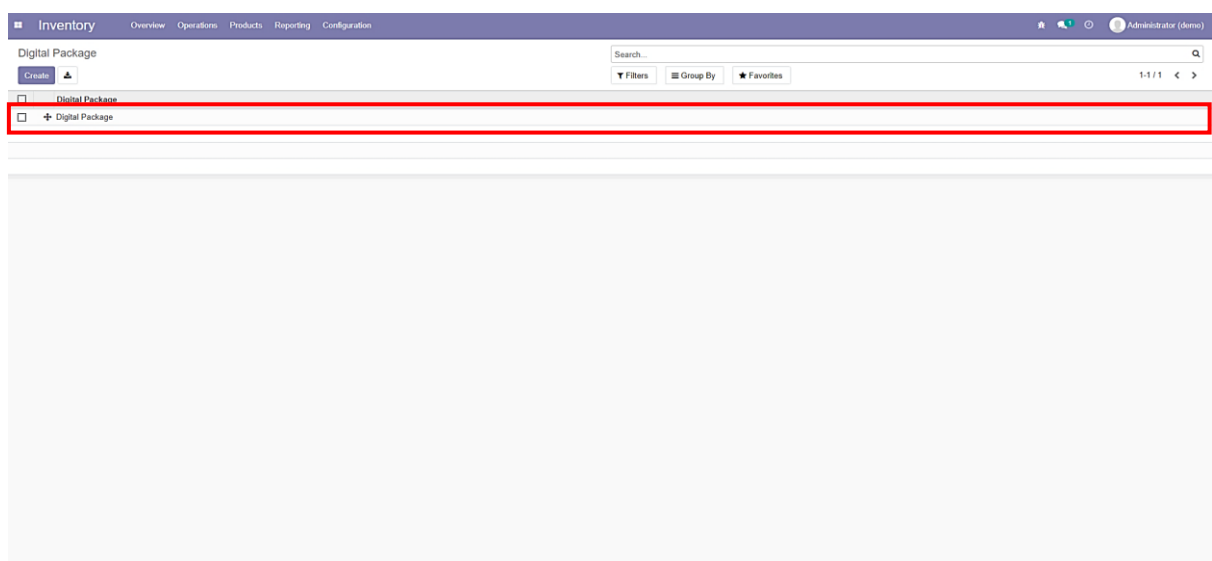
Digital Package Values

Value	
+ Starter	
+ Standard	
+ Enterprise	

Add a line

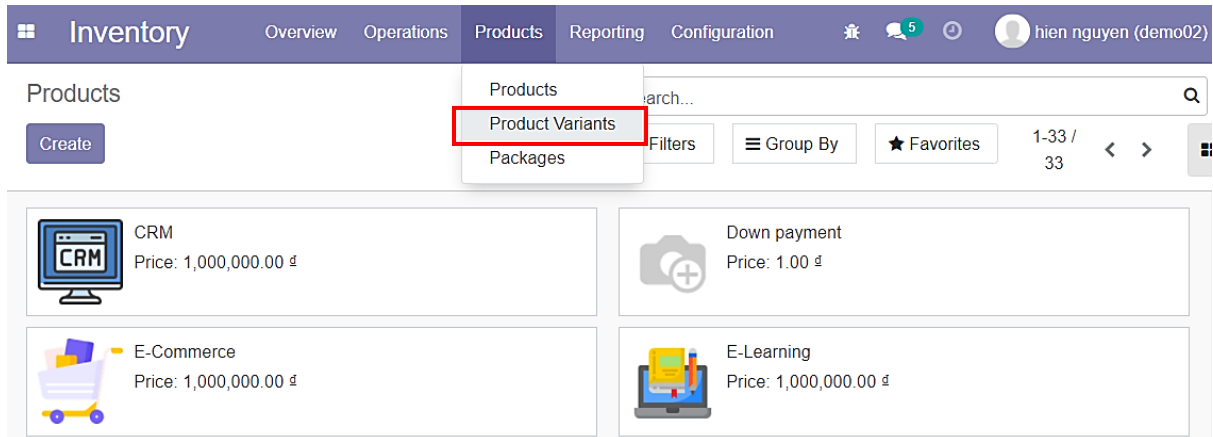
Hình 107: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 23)

- **Digital Package** mới đã được tạo:



Hình 108: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 24)

- Trong **Inventory**, chọn **Product Variants**:



Hình 109: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 25)

- Chú ý trường **Digital Package Value**:

<input type="checkbox"/>	Internal Reference	Name	Apps	Digital Package Value	Attribute Values	Sales Price
<input type="checkbox"/>		Down pa...				1.00
<input type="checkbox"/>		CRM				1,000,000.00
<input type="checkbox"/>		SERVER...				1,800,000.00

Hình 110: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 26)

- Chọn vào sản phẩm không phải là **Server**, sẽ thấy không có trường này:

Product 01

Can be Sold
 Can be Purchased
 (New Attribute: Attr 01)

General Information | Sales | eCommerce | Purchase | Inventory

Product Type	Storable Product	Public Price	1,000,000.00 đ → Extra Prices
Internal Reference		Customer Taxes	Thuế GTGT phải nộp 10%
Barcode		Cost	0.00 đ per Units
Product Category	Category 01	Unit of Measure	Units
		Purchase Unit of Measure	Units

Hình 111: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 27)

- **Digital Package Value** chỉ xuất hiện để được chọn khi sản phẩm là **Server**:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 hien.nguyen (demo02)

Product Variants / Server (1GB, 1GB, 10TB)

Edit Create Print Action 4 / 60

Server

Can be Sold
 Can be Purchased

RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 10TB

General Information Sales eCommerce Purchase

Product Type	Service	Public Price	10,900,000.00 ₫ → Extra Prices
Internal Reference		Customer Taxes	Thuế GTGT phải nộp 10%
Barcode		Cost	0.00 ₫ per Years
Product Category	Server Package	Unit of Measure	Years
Digital Package Value	Starter	Purchase Unit of Measure	Years
Apps	5		

Hình 112: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 28)

- Nhấn **Edit** và tiến hành chọn **Digital Package Value** cho biến thể của sản phẩm **Server**;
- Sau khi chọn xong thì nhấn **Save**;
- Những biến thể có trường **Digital Package Value** khác *null* thì mới được xuất hiện trong giao diện nâng cấp **Server** của người dùng:

Inventory Overview Operations Products Reporting Configuration 5 hien.nguyen (demo02)

Product Variants / Server (1GB, 1GB, 10TB)

Save Discard 4 / 60

Product Name: Server EN

Can be Sold
 Can be Purchased

RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 10TB

General Information Sales eCommerce Purchase

Product Type	Service	Public Price	10,900,000.00 ₫ → Extra Prices
Internal Reference		Customer Taxes	Thuế GTGT phải nộp 10%
Barcode		Cost	0.00 ₫
Product Category	Server Package	Unit of Measure	Years
Digital Package Value	Starter	Purchase Unit of Measure	Years
Apps	Starter Standard Enterprise		

Hình 113: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 29)

- Thay đổi hoàn tất, trường **Digital Package Value** đã được cập nhật:

The screenshot shows the 'Inventory' system interface. At the top, there are navigation tabs: Overview, Operations, Products, Reporting, and Configuration. Below the navigation is a search bar and a 'Product Variants' section with 'Create' and 'Download' buttons. A table lists product variants with columns: Internal Re..., Name, Apps, Digital Pac..., Attribute V..., Sales Price, Cost, Quantity O..., Forecasted..., and Unit of M. The 'Server' variant is selected, and its 'Digital Package Value' is '5 Starter', which is highlighted with a red box. To the right of the 'Starter' value, there are three buttons: 'RAM: 1GB', 'CPU: 1GB', and 'DISK: 10TB'.

Internal Re...	Name	Apps	Digital Pac...	Attribute V...	Sales Price	Cost	Quantity O...	Forecasted...	Unit of M
<input type="checkbox"/>	Down paym...				1.00	0.00			Units
<input type="checkbox"/>	CRM				1,000,000.00	0.00			Years
<input type="checkbox"/>	SERVER H...				1,800,000.00	1,500,000.00			Units
<input type="checkbox"/>	Server	5	Starter	RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 10TB	10,900,000.00	0.00			Years

Hình 114: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting . (Bước 30)

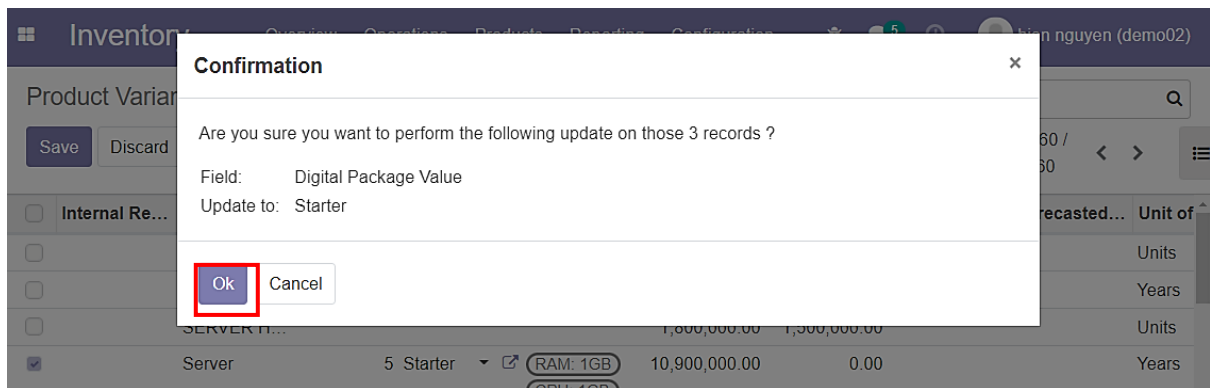
- Có thể chọn nhanh nhiều biến thể cùng lúc bằng cách tích vào cột ngoài cùng bên trái và **click** vào trường **Digital Package Value**
 → Một **selection** sẽ hiện ra (Chỉ áp dụng cho sản phẩm **Server**):

The screenshot shows the 'Inventory' system interface. At the top, there are navigation tabs: Overview, Operations, Products, Reporting, and Configuration. Below the navigation is a search bar and a 'Product Variants' section with 'Save', 'Discard', 'Download', '3 selected', 'Print', and 'Action' buttons. A table lists product variants with columns: Internal Re..., Name, Apps, Digital Pac..., Attribute V..., Sales Price, Cost, Quantity O..., Forecasted..., and Unit of M. The 'Server' variant is selected, and its 'Digital Package Value' is '5 Starter', which is highlighted with a red box. To the right of the 'Starter' value, there are three buttons: 'RAM: 1GB', 'CPU: 1GB', and 'DISK: 10TB'. A dropdown menu is open, showing 'Starter', 'Standard', and 'Enterprise' options. The 'Starter' option is highlighted with a red box.

Internal Re...	Name	Apps	Digital Pac...	Attribute V...	Sales Price	Cost	Quantity O...	Forecasted...	Unit of M
<input checked="" type="checkbox"/>	Server	5	Starter	RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 10TB	10,900,000.00	0.00			Years
<input checked="" type="checkbox"/>	Server	5	Standard	RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 20TB	11,000,000.00	0.00			Years
<input checked="" type="checkbox"/>	Server	9	Enterprise	RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 30TB	11,100,000.00	0.00			Years
<input type="checkbox"/>	Server	9	Starter	RAM: 1GB CPU: 2GB DISK: 10TB	11,200,000.00	0.00			Years
<input type="checkbox"/>	Server	9	Starter	RAM: 1GB CPU: 2GB DISK: 20TB	11,300,000.00	0.00			Years
<input type="checkbox"/>	Server	9	Starter	RAM: 1GB CPU: 2GB DISK: 30TB	11,400,000.00	0.00			Years

Hình 115: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 31)

- Sau khi chọn xong, nhấn **OK** trong thông báo để cập nhật tất cả biến thể được chọn:



Hình 116: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 32)

- Tiến hành lần lượt như vậy để được kết quả như mong muốn;
- Đến bước này, sản phẩm **Server** cùng các biến thể đã được tạo ra và thiết lập khá hoàn chỉnh tại **Inventory**;
- Việc quản lý tình trạng cái gói Server sau khi được mua sẽ được triển khai ở **Subscription**:

Product Variant	Quantity	Package	RAM	CPU	Disk	Price	Unit of Measure
Server	5	Starter	1GB	1GB	10TB	10,900,000.00	Years
Server	5	Starter	1GB	1GB	20TB	11,000,000.00	Years
Server	9	Starter	1GB	1GB	30TB	11,100,000.00	Years
Server	9	Starter	1GB	2GB	10TB	11,200,000.00	Years
Server	9	Starter	1GB	2GB	20TB	11,300,000.00	Years
Server	9	Starter	1GB	2GB	30TB	11,400,000.00	Years
Server	1		1GB	3GB		11,500,000.00	Years

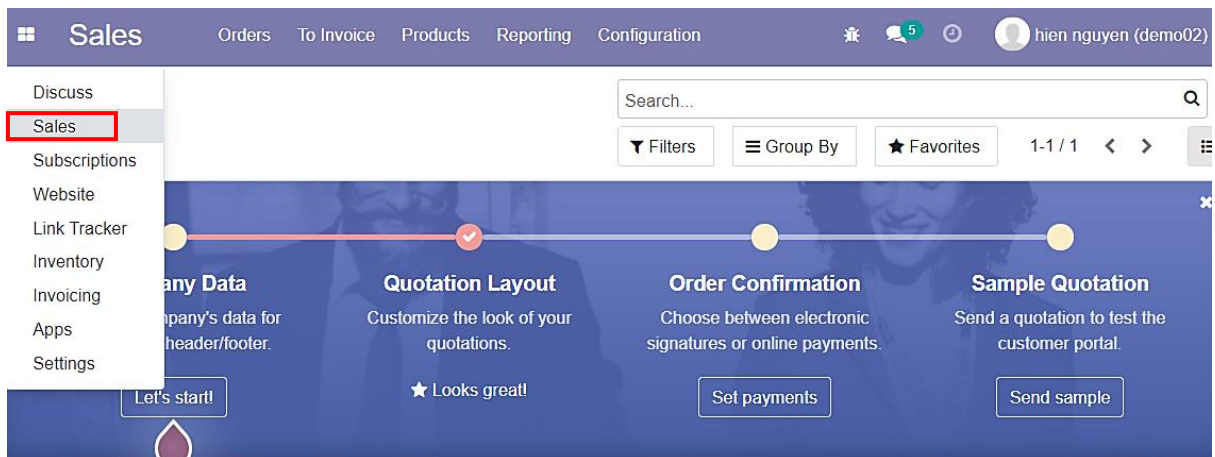
Hình 117: Quy trình tạo – quản lý sản phẩm dịch vụ hosting (Bước 33)

3.8 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG

*Quy trình bao gồm những bước chính:

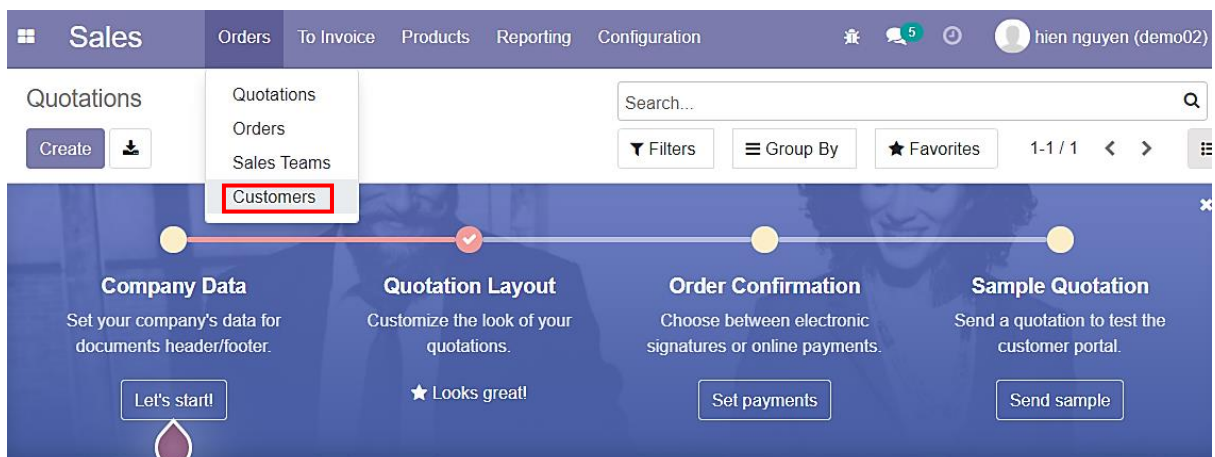
- Người dùng vào giao diện **Sales** -> Chọn thẻ **Orders** -> **Customers**;
- Tiến hành tạo mới khách hàng bằng cách chọn **Create**;
- Điền thông tin khách hàng và tiến hành lưu bằng cách nhấn **Save**;
- Có thể chỉnh sửa lại thông tin khách hàng bằng cách chọn **Edit** -> sửa thông tin và nhấn **Save** để lưu thay đổi;
- Có thể xóa khách hàng bằng cách chọn **Delete**.

- Vào Menu chọn mục **Sales**:



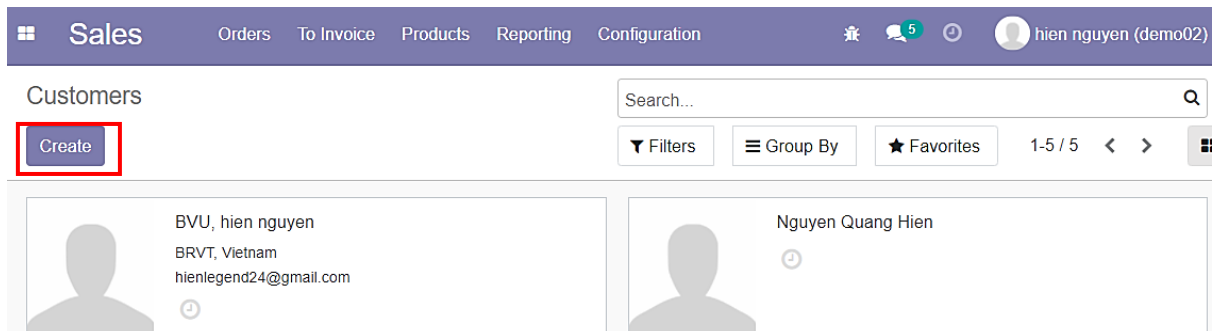
Hình 118: Quy trình tạo – quản lý khách hàng (Bước 01)

- Trong mục **Orders** chọn **Customers**:



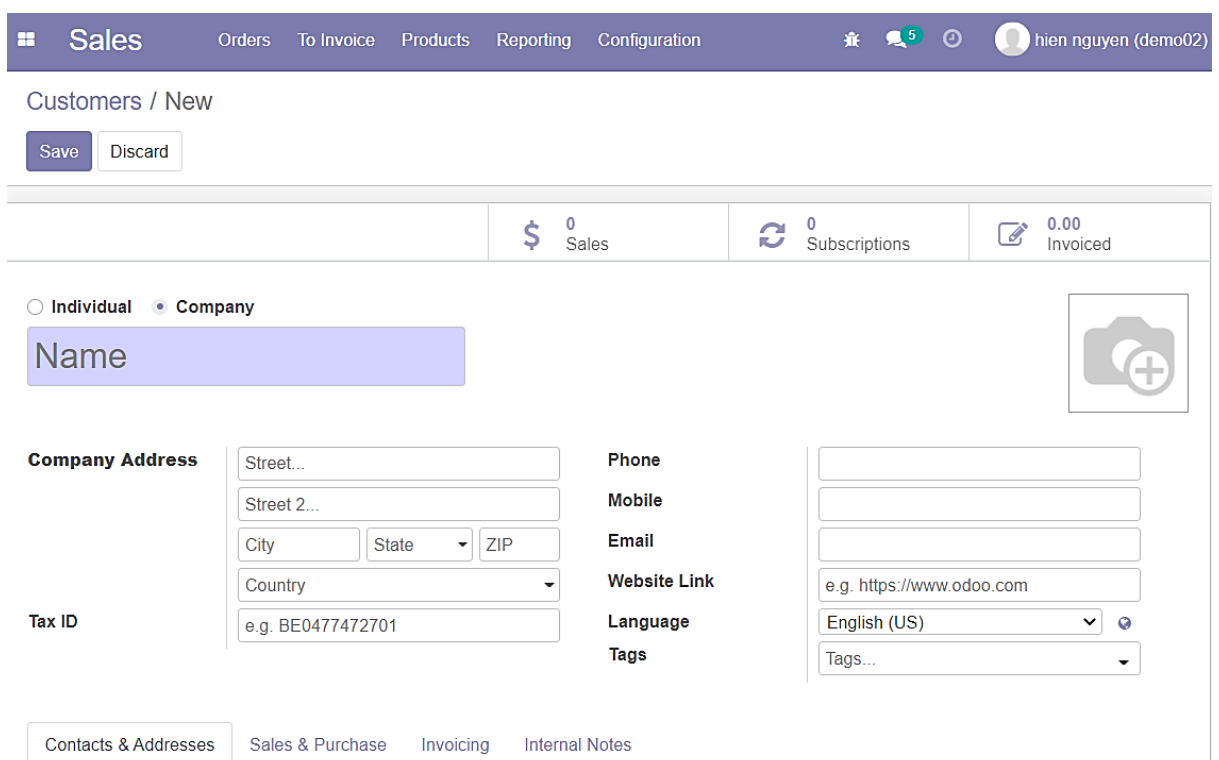
Hình 119: Quy trình tạo – quản lý khách hàng (Bước 02)

- Chọn **Create** để tạo mới một **Customer**:



Hình 120: Quy trình tạo – quản lý khách hàng (Bước 03)

- Tiến hành điền thông tin của **Customer**:



Hình 121: Quy trình tạo – quản lý khách hàng (Bước 04)

- Sau khi nhập thông tin đầy đủ thì tiến hành lưu **Customer**:

The screenshot shows the Odoo Customer form for 'Nguyen Van A'. The 'Save' button is highlighted with a red box. The form includes fields for 'Address Type' (Contact), 'Company Address' (80 trung cong dinh), 'Vung Tau', 'State', '75000', 'Vietnam', 'Tax ID' (AAA111111), 'Job Position' (e.g. Sales Director), 'Phone' (0798120731), 'Mobile', 'Email' (A@gmail.com), 'Website Link' (e.g. https://www.odoo.com), 'Title' (Doctor), 'Language' (English (US)), and 'Tags...'. A profile picture of a cat is visible on the right.

Hình 122: Quy trình tạo – quản lý khách hàng (Bước 05)

- Trong giao diện của **Customer**, có thể truy vấn nhanh đến các mục **Sales** (Báo giá), **Subscriptions** (Gói thuê bao) và **Invoiced** (Hóa đơn) của **Customer** đó:

The screenshot shows the Odoo Customer form for 'Nguyen Van A'. The 'Sales', 'Subscriptions', and 'Invoiced' summary boxes are highlighted with red boxes. The 'Sales' box shows '\$ 1 Sales', the 'Subscriptions' box shows '1 Subscriptions', and the 'Invoiced' box shows '1,000,000 đ Invoiced'. The form also includes 'Edit', 'Create', and 'Action' buttons. A profile picture of a cat is visible on the right.

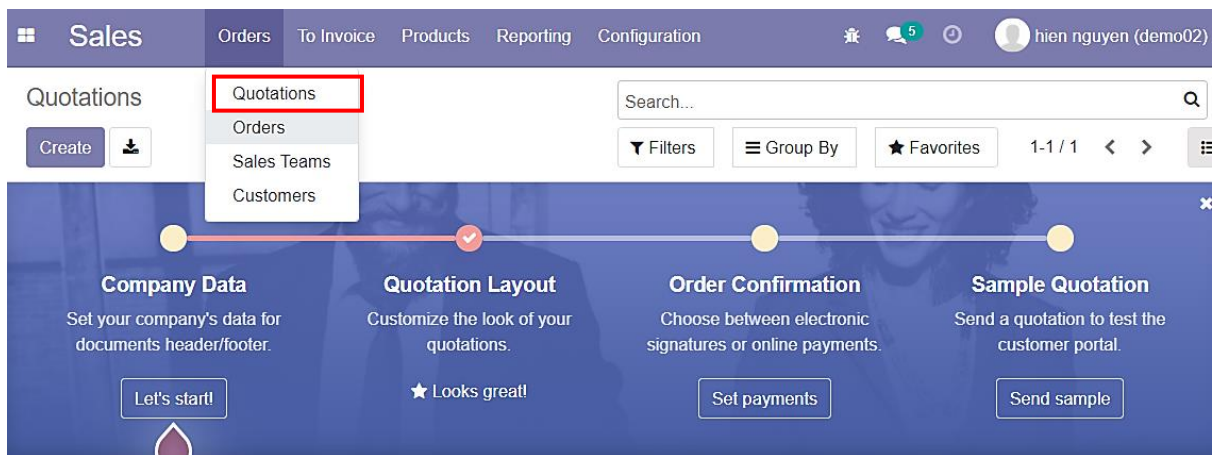
Hình 123: Quy trình tạo – quản lý khách hàng (Bước 06)

3.9 QUY TRÌNH TẠO – QUẢN LÝ ĐƠN HÀNG

*Quy trình bao gồm những bước chính:

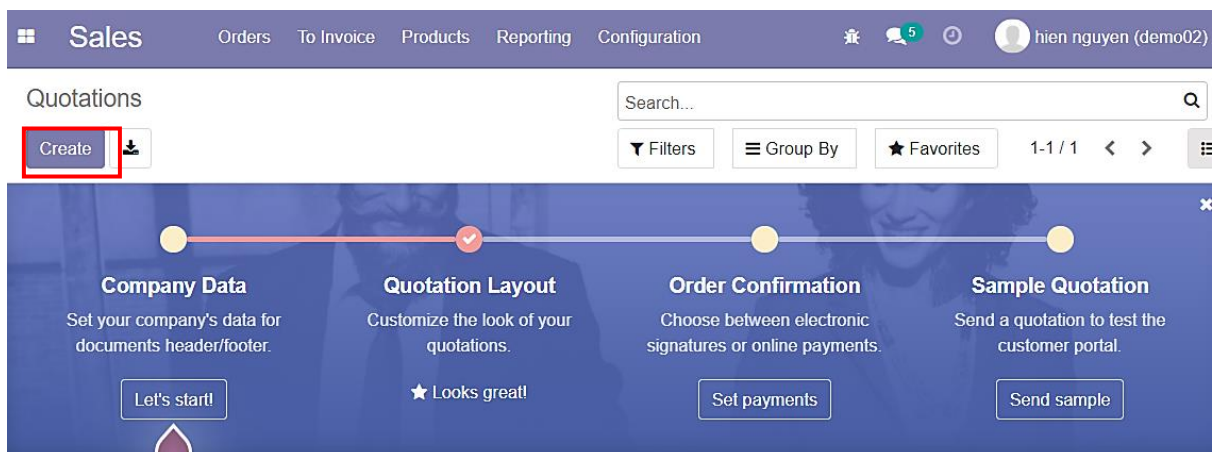
- Người dùng vào giao diện **Sales**;
- Tiến hành tạo đơn hàng mới bằng cách chọn **Create**;
- Điền thông tin đơn hàng và tiến hành lưu bằng cách nhấn **Save**;
- Có thể chỉnh sửa lại thông tin đơn hàng bằng cách chọn **Edit** -> Sửa thông tin và nhấn **Save** để lưu thay đổi;
- Có thể xóa đơn hàng bằng cách chọn **Delete**;
- Kiểm tra **Email** của đơn hàng;
- Kiểm tra đơn hàng trong giao diện người dùng.

- Trong mục **Order** chọn **Quotations**:



Hình 124: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 01)

- Chọn **Create** để tạo mới một **Quotation**:



Hình 125: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 02)

- Điền thông tin Customer của **Quotation**:

Quotations / New

Save Discard

Customer Preview

New

Customer: [Dropdown]
 Invoice Address: [Dropdown]
 Delivery Address: [Dropdown]
 Quotation Template: [Dropdown]

Expiration: [Dropdown]
 Quotation Date: 11/22/2021 15:07:49
 Pricelist: [Dropdown]
 Payment Terms: [Dropdown]

Order Lines Optional Products Other Info Customer Signature

+ Add Digital Products

Product	Descripti...	Quantity	UoM	Package	Unit Price	Taxes	Discount (...)	Subtotal
Add a product Add a section Add a note								

Hình 126: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 03)

- Chọn **Product**:

Quotations / New

Save Discard

New

Customer: Nguyen Van A
 Invoice Address: Nguyen Van A
 Delivery Address: Nguyen Van A
 Quotation Template: [Dropdown]

Expiration: [Dropdown]
 Quotation Date: 11/22/2021 15:07:49
 Pricelist: VND (VND)
 Payment Terms: [Dropdown]

Product 01

HP Z640 Workstation E5-1660 V3 3.0GHz 8C 128GB K600 480GB SSD Win 10 Pro
 ProLiant DL360p G8 SFF 8 Bay 2x E5-2667V2 3.3GHz 8C 192GB 8x 600GB 10K 2x10GbE

Product	Descripti...	Quantity	UoM	Package	Unit Price	Taxes	Discount (...)	Subtotal
pro		1.00			0.00		0.00	0 đ

Add a product Add a section Add a note

Hình 127: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 04)

- Chọn **Payment Term**
 → Payment Term quy định thời hạn hiệu lực của **Quotation** này:

The screenshot shows the 'New Quotation' form with the following fields and values:

- Customer: Nguyen Van A
- Invoice Address: Nguyen Van A
- Delivery Address: Nguyen Van A
- Quotation Date: 11/22/2021 15:07:49
- Pricelist: VND (VND)
- Payment Terms: 30 Days (highlighted in the dropdown menu)

The dropdown menu for Payment Terms includes the following options:

- Immediate Payment
- 15 Days
- 21 Days
- 30 Days
- 45 Days
- 2 Months
- End of Following Month
- Search More...

Hình 128: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 05)

- Sau khi điền thông tin đầy đủ, chọn **Save** để lưu **Quotation**:

The screenshot shows the 'New Quotation' form with the 'Save' button highlighted. The 'Payment Terms' field now displays '30 Days'.

The form fields and values are:

- Customer: Nguyen Van A
- Invoice Address: Nguyen Van A
- Delivery Address: Nguyen Van A
- Quotation Date: 11/22/2021 15:07:49
- Pricelist: VND (VND)
- Payment Terms: 30 Days

The table below the form shows the product details:

Product	Descripti...	Quantity	UoM	Package	Unit Price	Taxes	Discount (...)	Subtotal
Product 01	Product 01 (Attr 01)	1.00	Units		1,000,000.00	Thuế GT...	0.00	1,000,000

Hình 129: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 06)

- Chọn **Send by Email** để gửi mail thông báo cho **Customer**:

The screenshot shows the Odoo Sales interface for a quotation with ID S00309. The top navigation bar includes 'Sales', 'Orders', 'To Invoice', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. The user is logged in as 'hien.nguyen (demo02)'. The main area displays the quotation details, including customer information (Nguyen Van A), expiration date (11/22/2021 15:07:49), pricelist (VND (VND)), and payment terms (30 Days). The 'Send by Email' button is highlighted with a red box.

Hình 130: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 07)

- **Email** này sẽ được gửi đến địa chỉ **Email** của **Customer** được khai báo trong hệ thống trước đó
 → Nhấn **Send** để gửi:

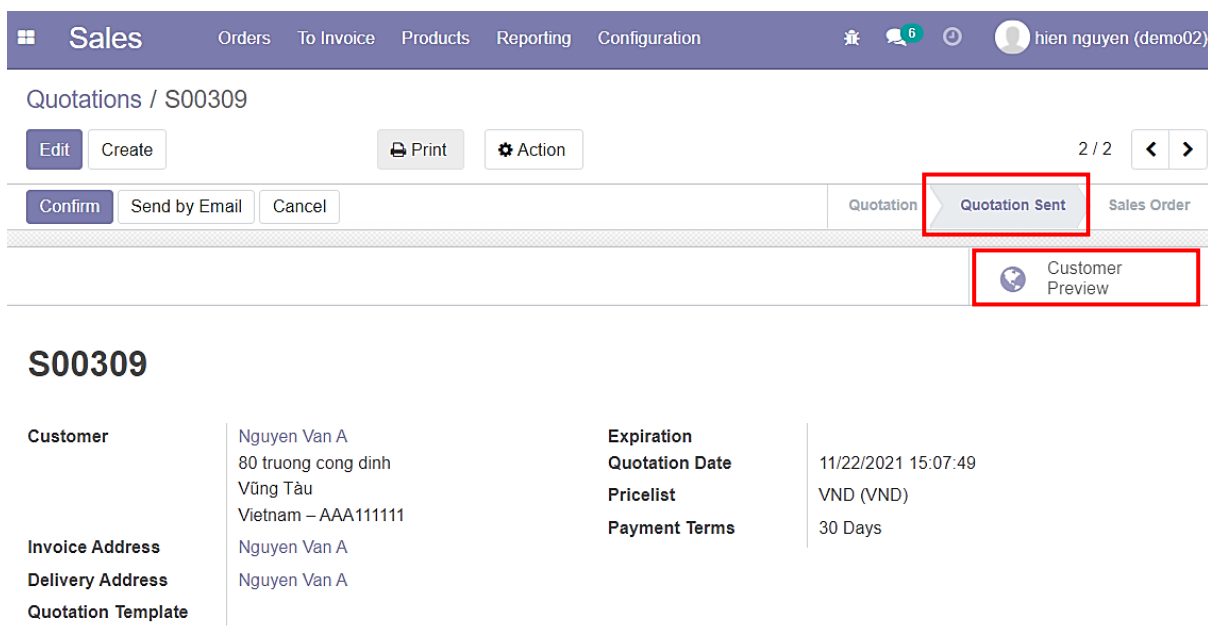
The screenshot shows the Odoo interface with an email confirmation dialog box open. The dialog is titled 'Odoo' and contains the following information:

- Recipients:** Followers of the document and Nguyen Van A (Add contacts to notify...)
- Subject:** W360S CORP Quotation (Ref S00309)
- Body:** Hello, Your quotation **S00309** amounting in 1,100,000 đ is ready for review. Do not hesitate to contact us if you have any questions.

 The 'Send' button is highlighted with a red box. The background shows the same quotation details as in the previous screenshot.

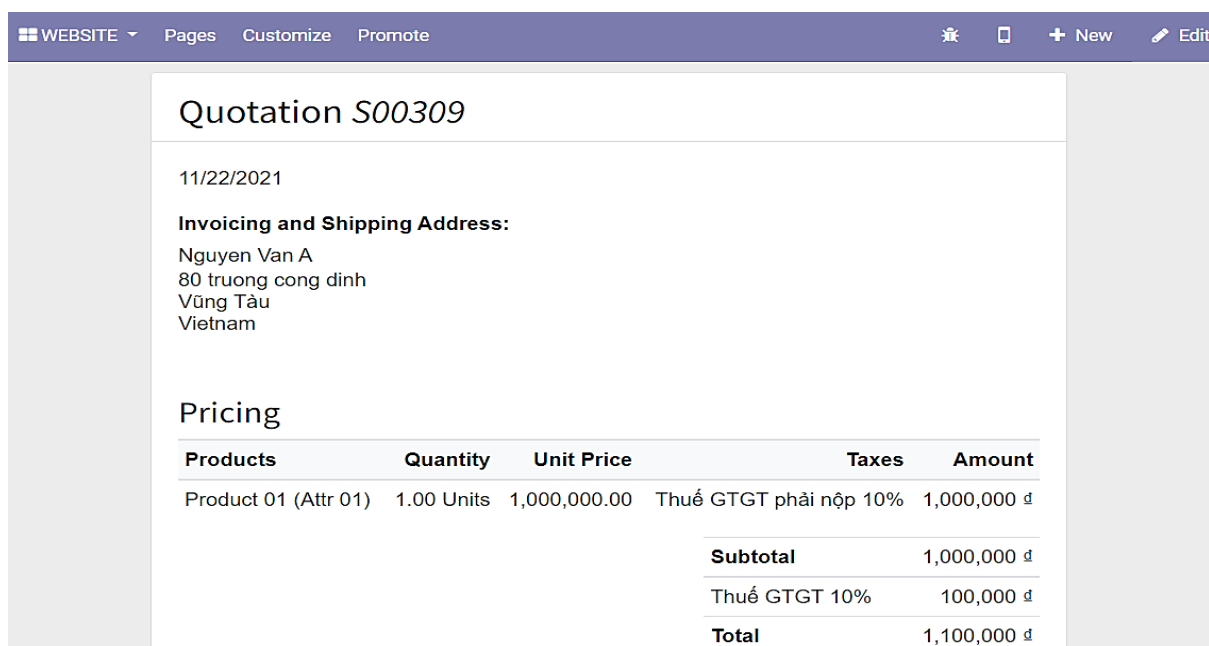
Hình 131: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 08)

- Sau khi gửi Email, trạng thái của **Quotation** hiện tại đang là **Quotation Sent**;
- Xuất hiện **Button Box** là **Customer Preview** (chọn để vào chế độ xem của **Customer** trên **Website** đối với **Quotation** này);
- Theo nguyên tắc, khi ở trạng thái **Quotation Sent**, khách hàng có thể chủ động **Confirm Quotation** này và tiến hành thanh toán mà không cần thông qua nhân viên của hệ thống:



Hình 132: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 09)

- Giao diện của **Customer Preview**, đây là giao diện để **Customer** tương tác với **Quotation**:



Hình 133: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 10)

- Quay lại giao diện của hệ thống, chọn **Confirm**:

Quotations / S00309

Edit Create Print Action 1 / 1 < >

Confirm Send by Email Cancel Quotation Quotation Sent Sales Order

Customer Preview

S00309

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Expiration	
Invoice Address	Nguyen Van A	Quotation Date	11/22/2021 15:07:49
Delivery Address	Nguyen Van A	Pricelist	VND (VND)
Quotation Template		Payment Terms	30 Days

Hình 134: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 11)

- Sau khi **Confirm**, trạng thái của **Quotation** sẽ chuyển sang **Sales Order**;
- Lúc này đã có thể tiến hành tạo hóa đơn cho **Quotation**;
- Có thể nhấn **Cancel** để hủy đơn hàng này:

Quotations / S00309

Edit Create Print Action 1 / 1 < >

Create Invoice Send by Email Cancel Quotation Quotation Sent Sales Order

Customer Preview 1 Delivery

S00309

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Order Date	11/22/2021 15:23:11
Invoice Address	Nguyen Van A	Pricelist	VND (VND)
Delivery Address	Nguyen Van A	Payment Terms	30 Days
Quotation Template			

Hình 135: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 12)

- **Quotation** lúc này đã được tạo gần như hoàn chỉnh
- Vào mục **Orders**, chọn **Quotations** để kiểm tra:

The screenshot shows the 'Sales' application interface. At the top, there is a navigation bar with 'Sales' and several menu items: 'Orders', 'To Invoice', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. A user profile 'hien nguyen (demo02)' is visible in the top right. Below the navigation bar, the 'Quotations / S00309' page is displayed. A dropdown menu is open under 'Quotations', showing options: 'Quotations', 'Orders', 'Sales Teams', and 'Customers'. The 'Quotations' option is highlighted with a red box. Below the menu, there are buttons for 'Edit', 'Create', 'Print', and 'Action'. A breadcrumb trail shows 'Quotation' > 'Quotation Sent' > 'Sales Order'. The main content area displays the details for quotation S00309, including customer information, invoice and delivery addresses, and order details like date, pricelist, and payment terms.

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Order Date	11/22/2021 15:23:11
Invoice Address	Nguyen Van A	Pricelist	VND (VND)
Delivery Address	Nguyen Van A	Payment Terms	30 Days
Quotation Template			

Hình 136: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 13)

- **Quotation** vừa tạo đã được hiển thị:

The screenshot shows the 'Sales' application interface with the 'Quotations' list view. The top navigation bar is the same as in the previous image. The 'Quotations' page has a search bar 'My Quotations x Search...' and filters. Below the search bar, there is a setup wizard with four steps: 'Company Data', 'Quotation Layout', 'Order Confirmation', and 'Sample Quotation'. Each step has a description and a button to proceed. The 'Company Data' step has a 'Let's start!' button. The 'Quotation Layout' step has a '★ Looks great!' button. The 'Order Confirmation' step has a 'Set payments' button. The 'Sample Quotation' step has a 'Send sample' button. Below the wizard, there is a table listing the quotations. The first row is highlighted with a red box.

<input type="checkbox"/>	Number	Creation Date	Customer	Salesperson	Next Activity	Total	Status
<input type="checkbox"/>	S00309	11/22/2021	Nguyen Van A	hien nguyen		1,100,000 đ	Sales Order

Hình 137: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 14)

- Vào mục **Orders**, chọn **Orders** để kiểm tra:

Number	Creation Date	Customer	Salesperson	Next Activity	Total	Status
S00309	11/22/2021	Nguyen Van A	hien nguyen		1,100,000 đ	Sales Order

Hình 138: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 15)

- Vì **Quotation** đã được **Confirm** nên sẽ xuất hiện trong mục **Orders**:

Number	Order Date	Website	Customer	Salesperson	Next Activity	Total	Invoice Status
S00309	11/22/2021		Nguyen Van A	hien nguyen		1,100,000 đ	To Invoice

Hình 139: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 16)

- Vào mục **Orders**, chọn **Customers** để kiểm tra:

Number	Order Date	Website	Customer	Salesperson	Next Activity	Total	Invoice Status
S00309	11/22/2021		Nguyen Van A	hien nguyen		1,100,000 đ	To Invoice

Hình 140: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 17)

- Chọn **Customer**:

The screenshot shows the 'Sales' application interface. At the top, there is a navigation bar with 'Sales' and sub-menus: 'Orders', 'To Invoice', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. On the right, there are notification icons and a user profile for 'hien.nguyen (demo02)'. Below the navigation bar, the page title is 'Customers'. A search bar contains the text 'van a'. There are buttons for 'Create', 'Filters', 'Group By', and 'Favorites'. Two customer cards are displayed. The first card has a generic profile picture and the name 'Nguyen Van A'. The second card, which is highlighted with a red box, has a cat profile picture and the name 'Nguyen Van A' with additional details: 'Vũng Tàu, Vietnam', 'A@gmail.com', and '\$ 2'.

Hình 141: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 18)

- Button Box **Sales** đã có thêm 1 giá trị mới:

The screenshot shows the customer profile for 'Nguyen Van A'. The navigation bar is the same as in the previous image. Below it, the breadcrumb trail is 'Customers / Nguyen Van A / Quotations and Sales / Customers / Nguyen Van A'. There are buttons for 'Edit', 'Create', and 'Action'. A summary box contains three items: '\$ 1 Sales' (highlighted with a red box), '1 Subscriptions', and '1,000,000 đ Invoiced'. Below the summary box, the name 'Nguyen Van A' is displayed next to a cat profile picture.

Hình 142: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 19)

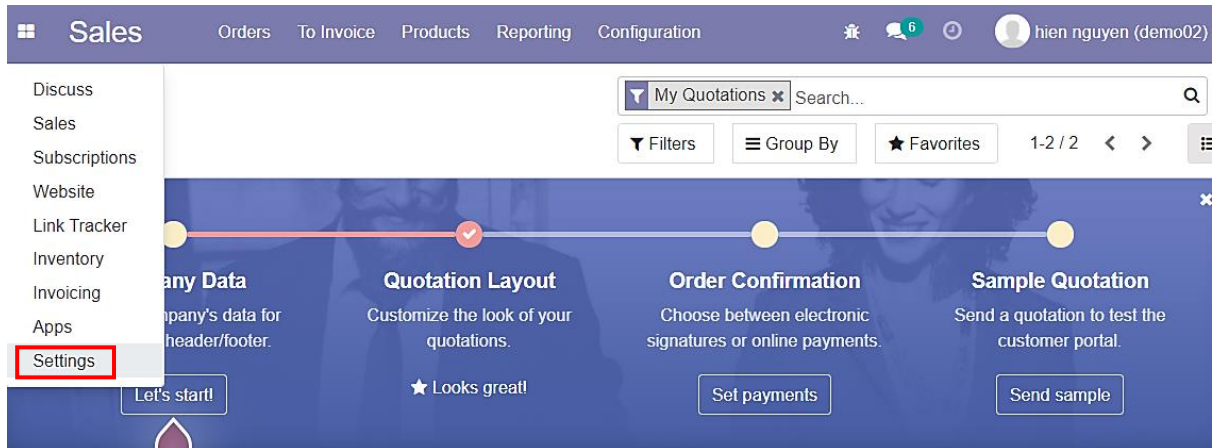
- Nhấn vào để kiểm tra **Quotation** của **Customer**:

The screenshot shows a list of quotations in the 'Sales' application. The navigation bar and breadcrumb trail are the same as in the previous images. A search bar contains 'Customer: Nguyen Van A'. Below the search bar, there are buttons for 'Create', 'Filters', 'Group By', and 'Favorites'. A table lists the quotations. The first row is highlighted with a red box.

<input type="checkbox"/>	Number	Order Date	Website	Customer	Salesperson	Next Activity	Total	Invoice Status
<input type="checkbox"/>	S00309	11/22/2021		Nguyen Van A	hien.nguyen		1,100,000 đ	To Invoice

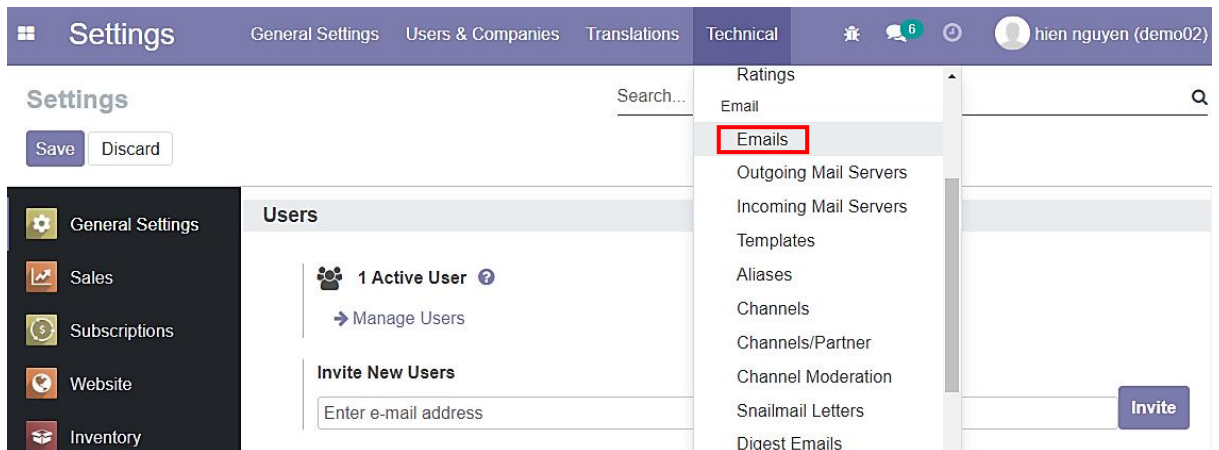
Hình 143: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 20)

- Kiểm tra **Email** của **Quotation**, vào **Menu** chọn **Settings**:



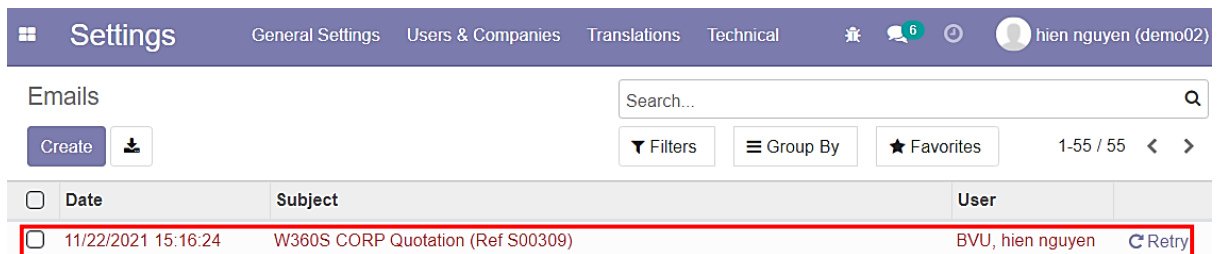
Hình 144: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 21)

- Trong mục **Technical** chọn **Emails**:



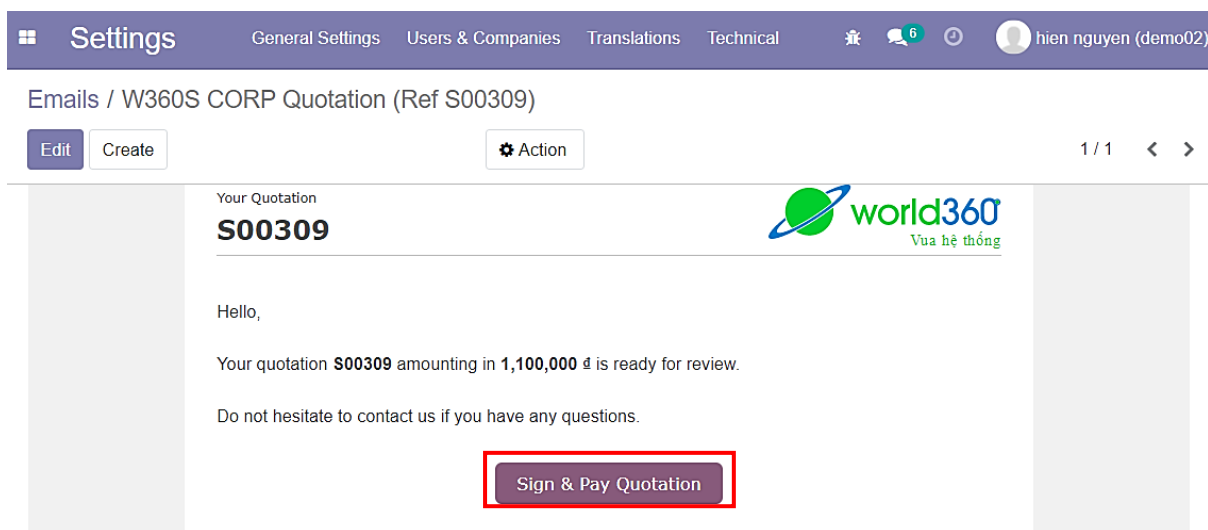
Hình 145: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 22)

- Chọn vào **Email** vừa mới gửi:



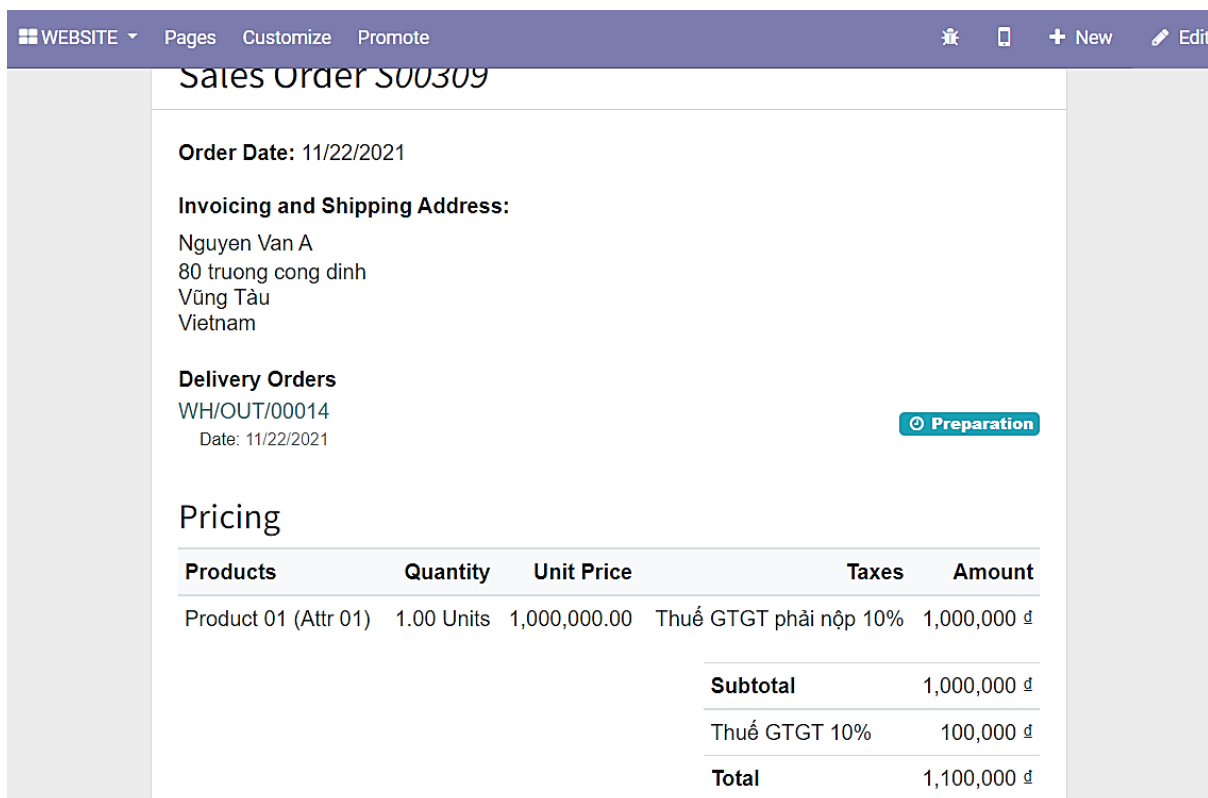
Hình 146: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 23)

- Thông tin và nội dung **Email** được thể hiện ở đây;
- Khi **Customer** click vào **Accept & Sign Quotation**
 - ➔ Điều hướng đến đường dẫn giống với **Button Box** là **Customer Preview** trong **Quotation** của **Back-end**:



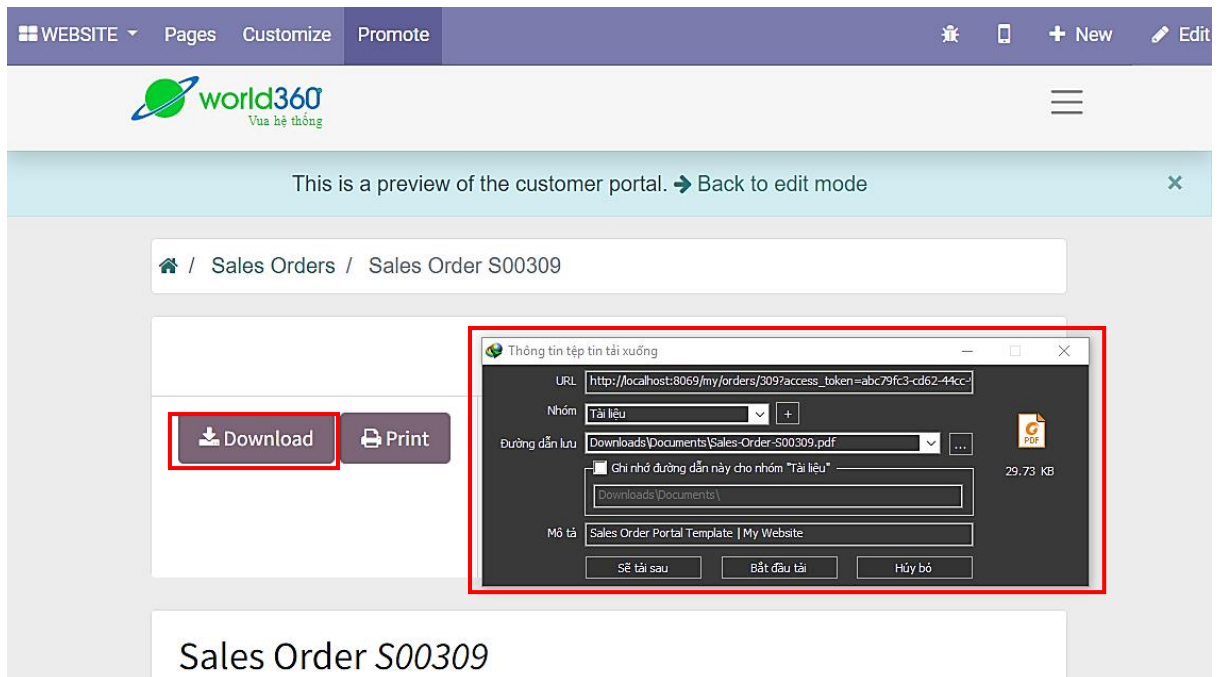
Hình 147: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 24)

- Giao diện sau khi điều hướng:



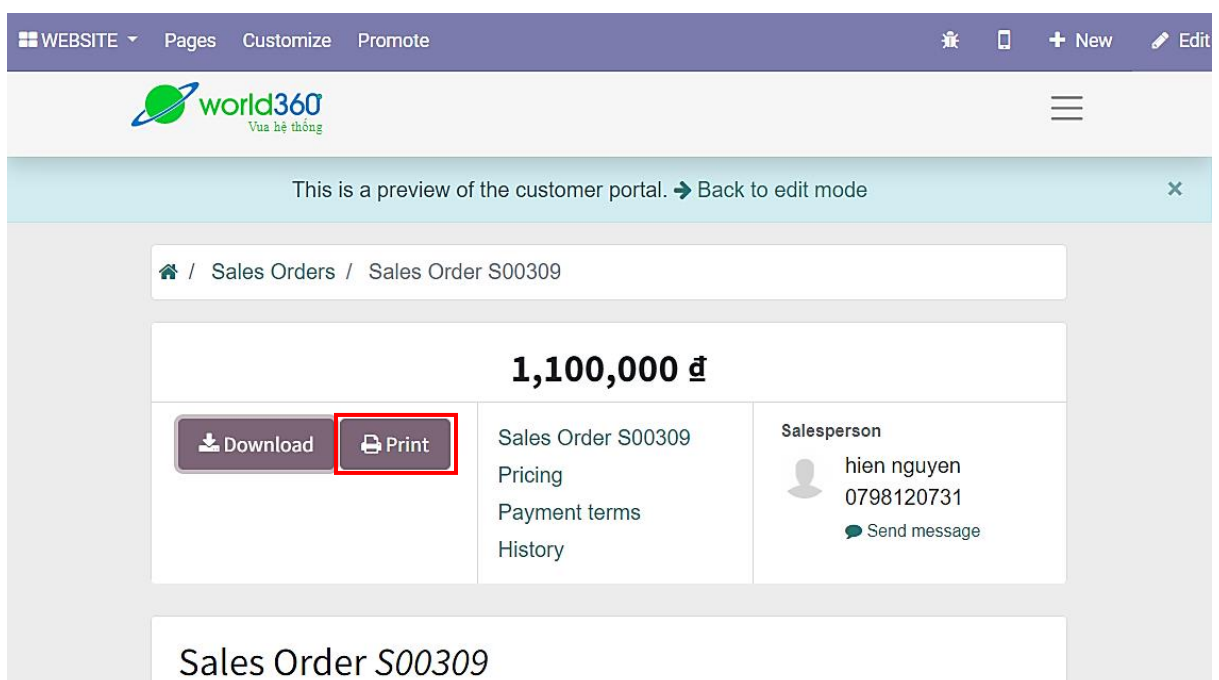
Hình 148: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 25)

- Customer có thể tải Sales Order:



Hình 149: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 26)

- Customer có thể Print:



Hình 150: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 27)

- Sau khi review, có thể chọn **in** ngay hoặc **tải**;
- Phần **tạo và quản lý đơn hàng** đến đây cũng được coi gần như là hoàn tất:

Description	Quantity	Unit Price	Taxes	Amount
Product 01	1.00 Units	1,000,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	1,000,000 đ
Subtotal				1,000,000 đ
Thuế GTGT 10% on 1,000,000 đ				100,000 đ
Total				1,100,000 đ

Hình 151: Quy trình tạo – quản lý đơn hàng (Bước 28)

3.10 QUY TRÌNH TẠO - QUẢN LÝ HÓA ĐƠN

***Quy trình bao gồm những bước chính:**

- Quy trình tạo hóa đơn thủ công (tạo hóa đơn cho đơn hàng):

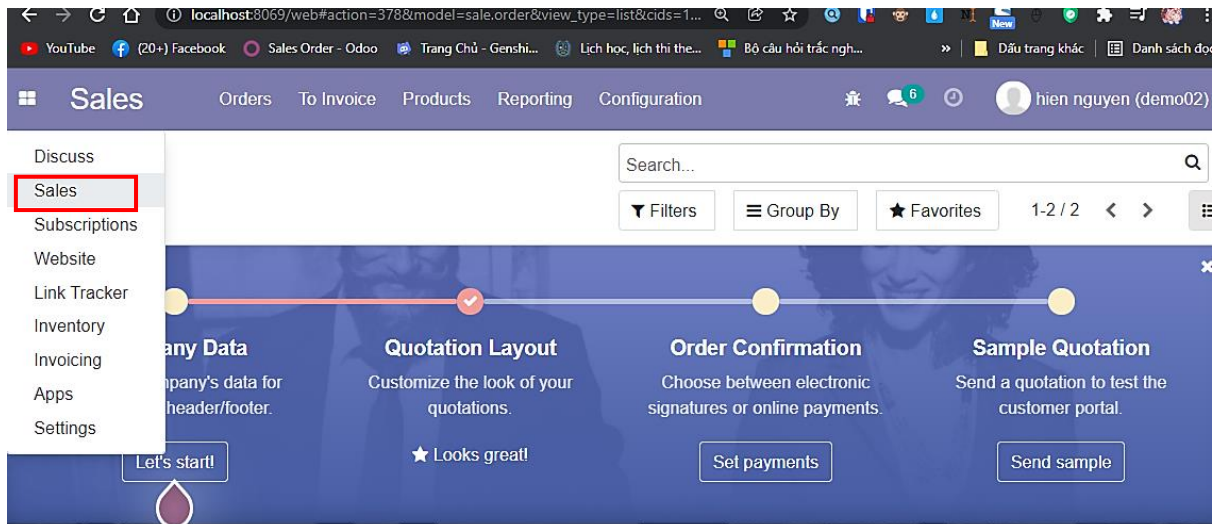
- Người dùng vào giao diện đơn hàng;
- Tiến hành tạo hóa đơn;
- Chọn hình thức thanh toán và tiến hành thanh toán.

- Quy trình tạo hóa đơn thủ công (tạo hóa đơn không thông qua đơn hàng):

- Người dùng vào giao diện **Invoicing**;
- Tiến hành tạo hóa đơn mới bằng cách chọn **Create**;
- Điền thông tin hóa đơn và tiến hành lưu bằng cách nhấn **Save**;
- Có thể chỉnh sửa lại thông tin hóa đơn bằng cách chọn **Edit** -> Sửa thông tin và nhấn **Save** để lưu thay đổi;
- Có thể xóa hóa đơn bằng cách chọn **Delete**;
- Tiến hành chọn hình thức thanh toán và thanh toán hóa đơn.

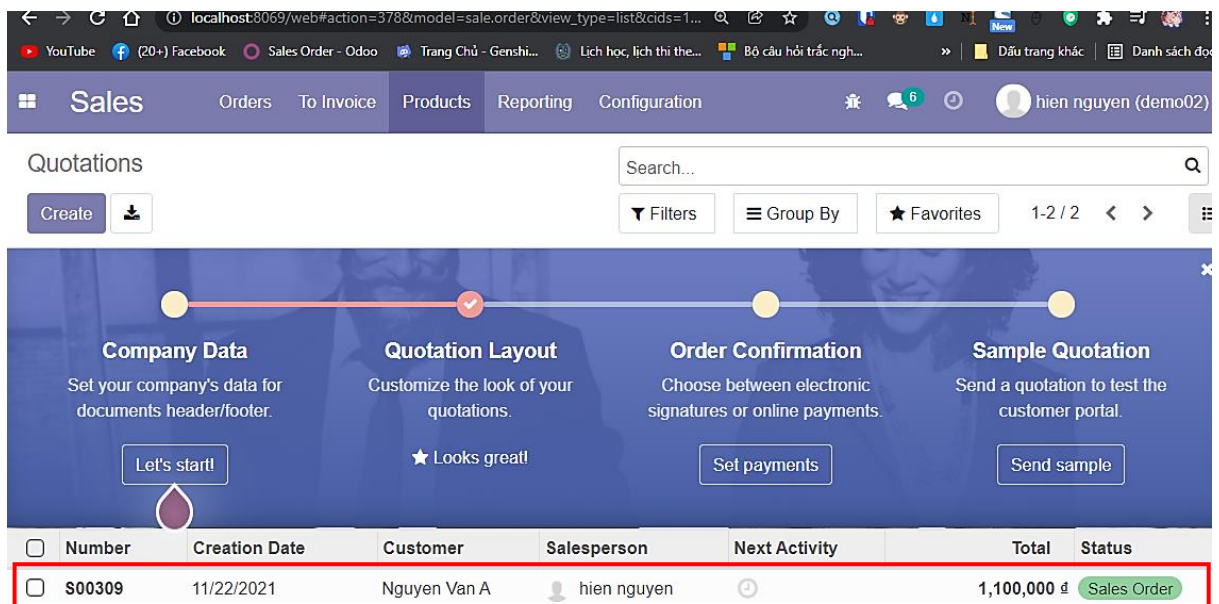
a. Quy trình tạo hóa đơn thủ công (tạo hóa đơn cho đơn hàng)

- Vào menu, chọn **Sales** để vào giao diện quản lý **Quotation/Sale Order**:



Hình 152: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 01)

- Chọn một Quotation/Sale Order:



Hình 153: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 02)

- Chọn **Button Box** là **Delivery**:

The screenshot shows the SAP Sales Quotation S00309 interface. The top navigation bar includes 'Sales', 'Orders', 'To Invoice', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. The breadcrumb trail is 'Quotations / S00309'. Below the breadcrumb, there are buttons for 'Edit', 'Create', 'Print', and 'Action'. A progress bar shows 'Create Invoice', 'Send by Email', and 'Cancel' buttons. The status bar indicates 'Quotation', 'Quotation Sent', and 'Sales Order'. On the right, there are 'Customer Preview' and '1 Delivery' buttons, with the latter highlighted by a red box. The main content area displays the quotation details for S00309:

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Order Date	11/22/2021 15:23:11
Invoice Address	Nguyen Van A	Pricelist	VND (VND)
Delivery Address	Nguyen Van A	Payment Terms	30 Days
Quotation Template			

Hình 154: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 03)

- Trong giao diện, click chọn **Validate**:

The screenshot shows the SAP Sales Quotation S00309 / WH/OUT/00014 interface. The top navigation bar is the same as in the previous screenshot. The breadcrumb trail is 'Quotations / S00309 / WH/OUT/00014'. Below the breadcrumb, there are buttons for 'Edit', 'Create', 'Print', and 'Action'. A progress bar shows 'Check Availability', 'Validate', 'Scrap', 'Unlock', and 'Cancel' buttons, with 'Validate' highlighted by a red box. The status bar indicates 'Draft', 'Waiting', 'Ready', and 'Done'. The main content area displays the quotation details for WH/OUT/00014:

Delivery Address	Nguyen Van A	Scheduled Date	11/22/2021 15:23:11
		Deadline	11/22/2021 15:23:11
		Source Document	S00309

Hình 155: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 04)

- Sản phẩm vật lý bình thường sẽ được **xác nhận việc giao hàng trước khi lên hóa đơn;**
- Sau khi thực hiện **Validate**, thanh trạng thái đã chuyển thành **Done**:

The screenshot shows the 'Sales' application interface. The top navigation bar includes 'Orders', 'To Invoice', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. The main header displays 'Quotations / S00309 / WH/OUT/00014'. Below this, there are buttons for 'Edit', 'Create', 'Print', and 'Action'. A status bar at the top right shows '1 / 1' and navigation arrows. The main content area has a status bar with 'Draft', 'Waiting', 'Ready', and 'Done' (highlighted with a red box). Below the status bar, there is a 'Valuation' section with a dollar sign icon. The main title is '☆ WH/OUT/00014'. The details section shows:

- Delivery Address: Nguyen Van A
- Scheduled Date: 11/22/2021 15:23:11
- Effective Date: 11/22/2021 15:49:00
- Source Document: S00309

Hình 156: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 05)

- Quay lại giao diện **Sale Order**;
- Trường Delivery đã được cập nhật;
- **Quantity** là số lượng sản phẩm trong đơn hàng;
- **Delivery** số lượng hàng hóa được xác nhận giao đi:

The screenshot shows the 'Sales' application interface. The top navigation bar includes 'Orders', 'To Invoice', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. The main header displays 'Quotations / S00309'. Below this, there are buttons for 'Edit', 'Create', 'Print', and 'Action'. A status bar at the top right shows '1 / 2' and navigation arrows. The main content area has a status bar with 'Create Invoice', 'Send by Email', 'Cancel', 'Quotation', 'Quotation Sent', and 'Sales Order' (highlighted with a red box). Below the status bar, there is a 'Customer Preview' section with a globe icon and a 'Delivery' section with a truck icon and '1 Delivery'. The main title is 'S00309'. The details section shows:

- Customer: Nguyen Van A, 80 trung cong dinh, Vũng Tàu, Vietnam - AAA111111
- Order Date: 11/22/2021 15:23:11
- Invoice Address: Nguyen Van A
- Delivery Address: Nguyen Van A
- Quotation Template: Nguyen Van A
- Pricelist: VND (VND)
- Payment Terms: 30 Days

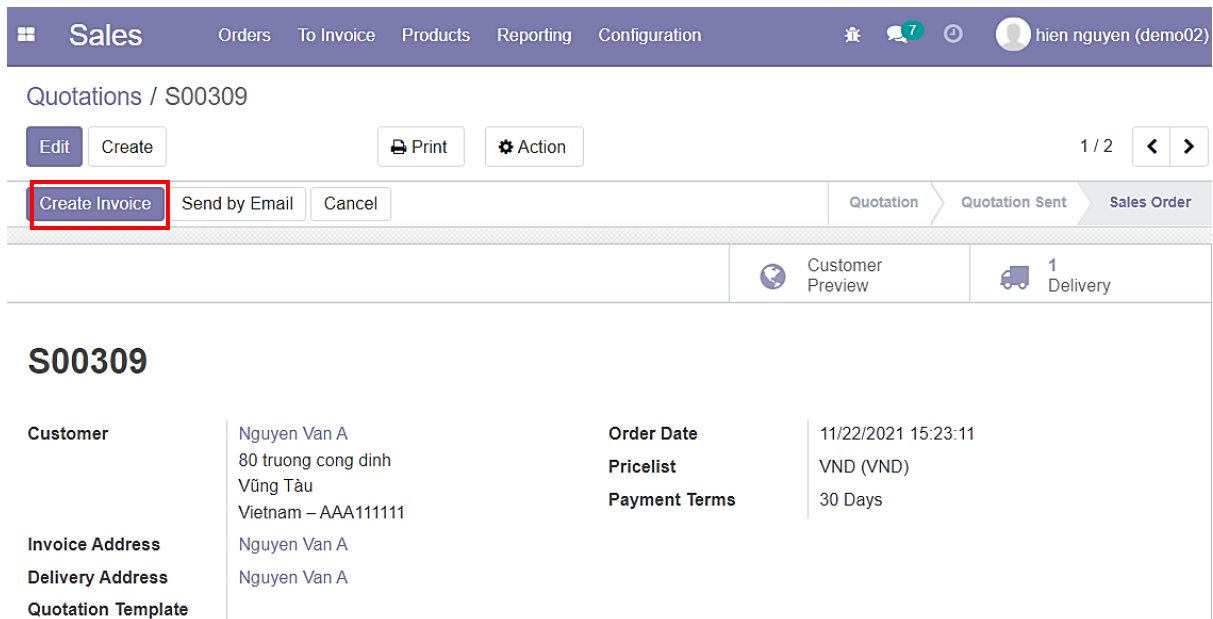
 Below the details, there are tabs for 'Order Lines', 'Other Info', and 'Customer Signature'. The 'Order Lines' tab is active, showing a table with columns: Product, Descriptio..., Quantity, Delivered, Invoiced, UoM, Package..., Unit Price, Taxes, and Discount (. The table has one row:

Product	Descriptio...	Quantity	Delivered	Invoiced	UoM	Package...	Unit Price	Taxes	Discount (.
Product ...	Product 01	1.00	1.00	0.00	Units		1,000,000.00	Thuế GTG...	0

 The 'Quantity' and 'Delivered' columns for the first row are highlighted with a red box.

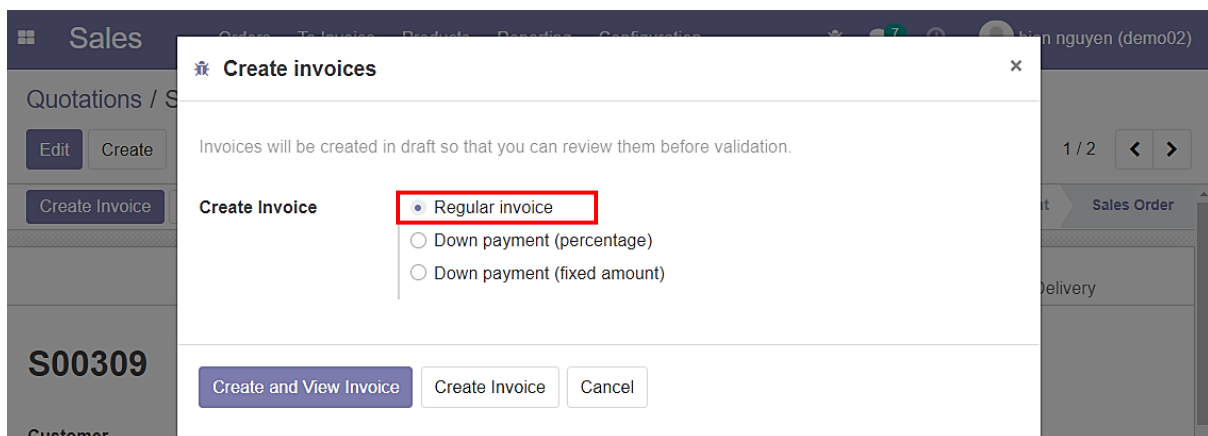
Hình 157: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 06)

- Nhấn vào **Create Invoice** để tiến hành tạo hóa đơn:



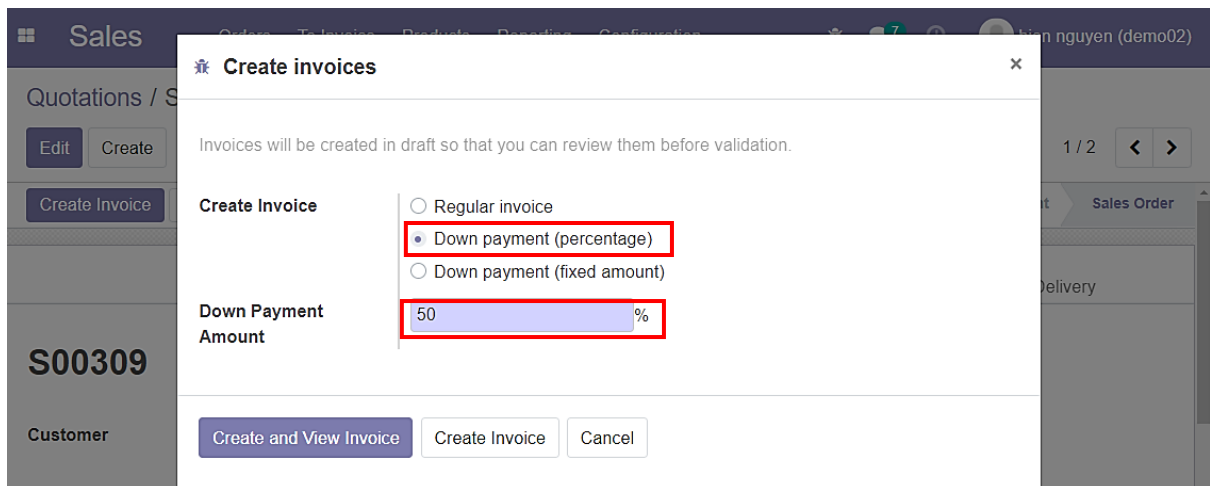
Hình 158: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 07)

- Xuất hiện bảng chọn định mức giá trị hóa đơn;
- **Regular Invoice** là sẽ hóa đơn **Fullpayment** (hóa đơn thanh toán toàn bộ chi phí đơn hàng):



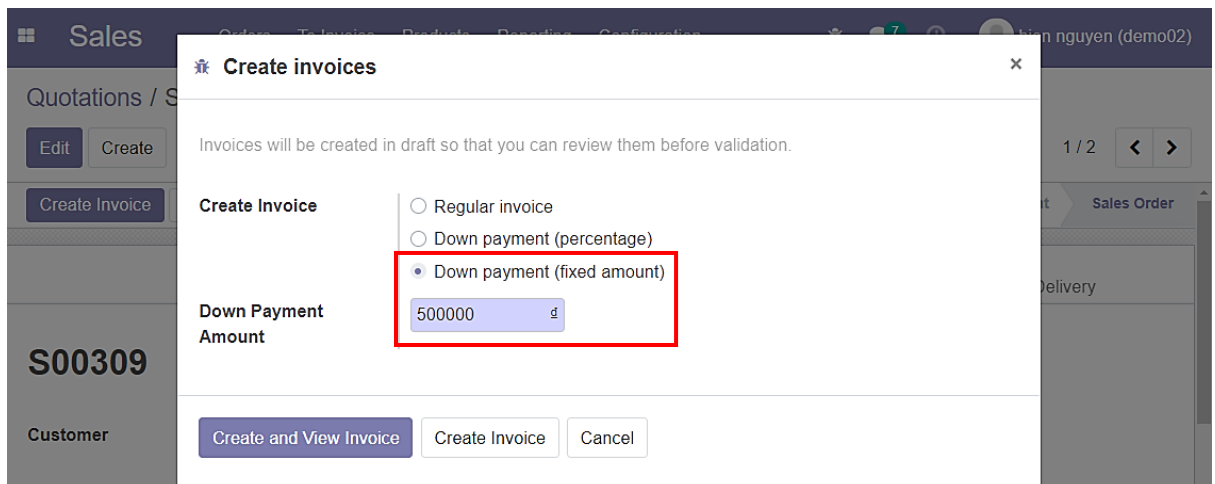
Hình 159: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 08)

- **Down Payment (percentage)** là tạo hóa đơn thanh toán ...% tổng chi phí của đơn hàng:



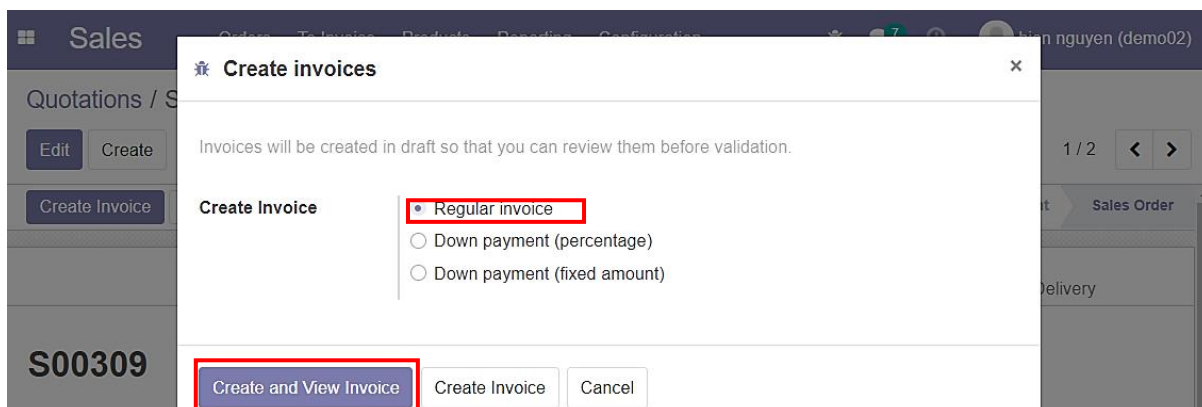
Hình 160: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 09)

- **Down Payment (fixed amount)** là tạo hóa đơn thanh toán 1 khoản cố định nhập bằng tay:



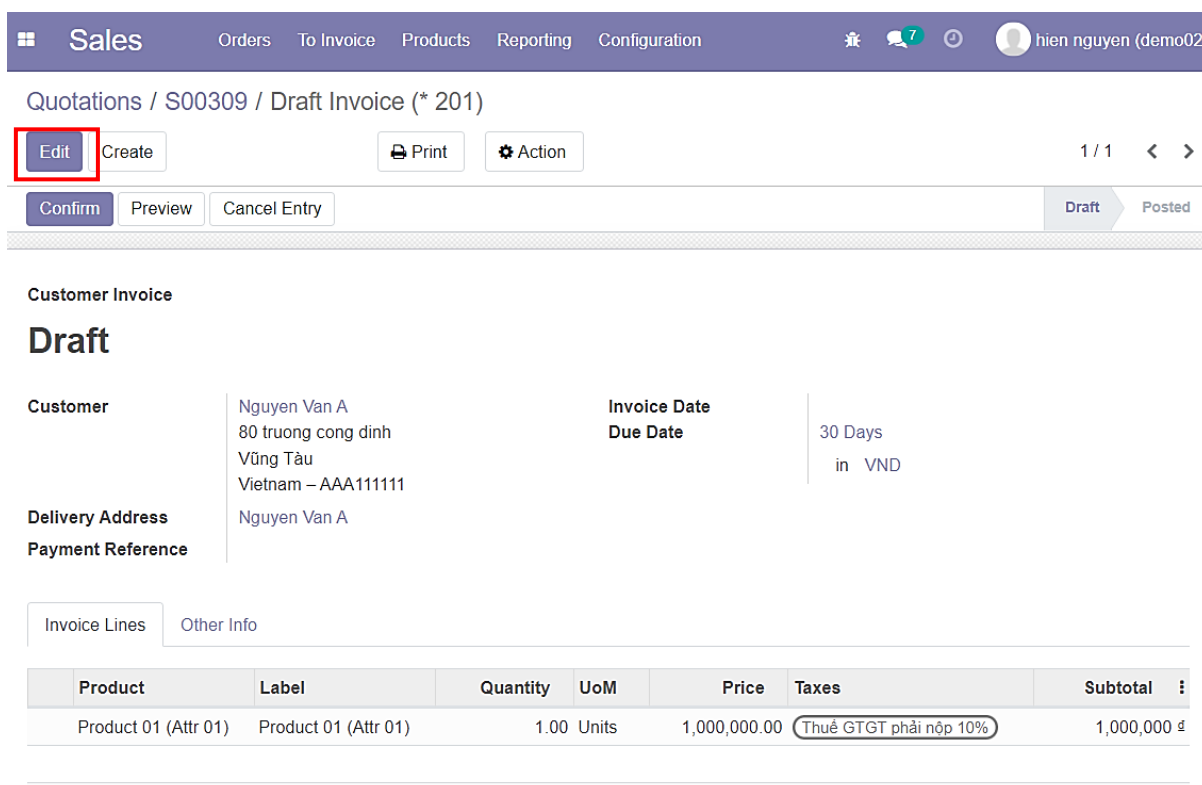
Hình 161: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 10)

- Chọn **Regular Invoice** và tiếp tục chọn **Create and View Invoice**;
- **Create and View Invoice** sẽ điều hướng đến hóa đơn vừa tạo;
- **Create Invoice** chỉ tạo hóa đơn và không điều hướng:



Hình 162: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 11)

- Hóa đơn được tạo thành công;
- Số tiền phải trả của hóa đơn bằng với số tiền của đơn hàng;
- Chọn **Edit** để chỉnh sửa hóa đơn:



Hình 163: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 12)

- Invoice Date sẽ là ngày tạo hóa đơn và có thể thay đổi (mặc định lấy ngày hóa đơn vừa được tạo):

Customer Invoice
Draft

Customer: Nguyen Van A

Delivery Address: Nguyen Van A

Payment Reference:

30 Days in VND

Buttons: Save, Discard, Confirm, Preview, Cancel Entry

Hình 164: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 13)

- **Due Date** là thời hạn hiệu lực của hóa đơn tính từ ngày tạo;
- Sau khi thiết lập xong thì nhấn **Save**, sau đó là **Confirm** để xác nhận hóa đơn:

Customer Invoice
Draft

Customer: Nguyen Van A

Delivery Address: Nguyen Van A

Payment Reference:

30 Days

Buttons: Save, Discard, Confirm, Preview, Cancel Entry

Product	Label	Quantity	UoM	Price	Taxes
Product 01 (Attr 01)	Product 01 (Attr 01)	1.00	Units	1,000,000.00	(Thuế C

Hình 165: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 14)

- Sau khi **Confirm**:
 - ➔ **Status** của hóa đơn chuyển sang **Posted** (bắt đầu có hiệu lực);
 - ➔ Có thể chọn **Reset to Draft** để quay về trạng thái bản nháp:

The screenshot shows the 'Sales' module interface. At the top, there is a navigation bar with 'Sales' and sub-headers: 'Orders', 'To Invoice', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. On the right, there are icons for search, notifications (7), and a user profile 'hien.nguyen (demo02)'. Below the navigation bar, the breadcrumb is 'Quotations / S00309 / INV/2021/11/0003'. There are 'Save' and 'Discard' buttons. A secondary navigation bar contains buttons: 'Send & Print', 'Register Payment', 'Preview', 'Add Credit Note', 'Reset to Draft' (highlighted with a red box), 'Draft', and 'Posted' (highlighted with a red box). The main content area is titled 'Customer Invoice' and 'INV/2021/11/0003'. It displays invoice details:

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Invoice Date	11/22/2021
Delivery Address	Nguyen Van A	Due Date	30 Days in VND
Payment Reference	INV/2021/11/0003		

Hình 166: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 15)

- Chọn **Register Payment** để tiến hành thanh toán hóa đơn:

The screenshot shows the 'Sales' module interface, similar to the previous one. The breadcrumb is 'Quotations / S00309 / INV/2021/11/0003'. The secondary navigation bar now has 'Register Payment' highlighted with a red box, and 'Reset to Draft' is no longer present. The 'Posted' button is also highlighted with a red box. The main content area is titled 'Customer Invoice' and 'INV/2021/11/0003'. It displays the same invoice details as in the previous screenshot:

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Invoice Date	11/22/2021
Delivery Address	Nguyen Van A	Due Date	30 Days in VND
Payment Reference	INV/2021/11/0003		

Hình 167: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 16)

- Giao diện thanh toán xuất hiện;
- Có thể chọn số tiền thanh toán trong hóa đơn:
 - ➔ Nếu số tiền thanh toán nhỏ hơn số tiền của hóa đơn thì được coi là hóa đơn đã được ứng trước. Và cần ít nhất 1 lần thanh toán tiếp theo để trả hết phần còn lại:

The screenshot shows a 'Register Payment' dialog box. The 'Amount' field is highlighted with a red box and contains the value '1,100,000 VND'. Other fields include 'Journal' set to 'Bank', 'Payment Date' set to '11/22/2021', and 'Memo' set to 'INV/2021/11/0003'. There are 'Create Payment' and 'Cancel' buttons at the bottom.

Hình 168: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 17)

- Giao dịch có thể được thực hiện trên 3 phương thức chính;
- Phương thức chuyển khoản ngân hàng;
- Số tiền của hóa đơn sau khi thanh toán sẽ được chuyển đến tài khoản ngân hàng đã được chỉ định cụ thể ở đây:

The screenshot shows the same 'Register Payment' dialog box. The 'Recipient Bank Account' field is highlighted with a red box and contains the text 'Start typing...'. The 'Amount' field still shows '1,100,000 VND'. Other fields remain the same as in the previous screenshot.

Hình 169: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 18)

- Phương thức **Wire Transfer**: có thể liên kết qua ví Momo, Paypal, Stripe,...
- Trong ví dụ vì hệ thống chưa liên kết với ví điện tử nên sẽ không có gợi ý:

The screenshot shows a 'Register Payment' dialog box. The 'Journal' dropdown menu is set to 'Wire Transfer' and is highlighted with a red box. The 'Amount' field is set to 1,100,000 VND. The 'Payment Date' is set to 11/22/2021. The 'Memo' field contains the text 'INV/2021/11/0003'. At the bottom of the dialog, there are two buttons: 'Create Payment' and 'Cancel'.

Hình 170: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 19)

- Phương thức sử dụng tiền mặt:

The screenshot shows a 'Register Payment' dialog box. The 'Journal' dropdown menu is set to 'Cash' and is highlighted with a red box. The 'Recipient Bank Account' field is empty and is also highlighted with a red box. The 'Amount' field is set to 1,100,000 VND. The 'Payment Date' is set to 11/22/2021. The 'Memo' field contains the text 'INV/2021/11/0003'. At the bottom of the dialog, there are two buttons: 'Create Payment' and 'Cancel'.

Hình 171: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 20)

- Sau khi chọn hình thức thanh toán và số tiền thanh toán, nhấn **Create Payment**;
- Số tiền đã được thanh toán toàn bộ;
- Hóa đơn sẽ được dán nhãn là **Paid**:

Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration 7 hien nguyen (demo02)

Quotations / S00309 / INV/2021/11/0003

Save Discard 1 / 1 < >

Send & Print Preview Add Credit Note Reset to Draft Draft Posted

Customer Invoice


INV/2021/11/0003

Customer Nguyen Van A
80 trung cong dinh
Vũng Tàu
Vietnam – AAA111111

Invoice Date 11/22/2021
Due Date 30 Days
in VND

Delivery Address Nguyen Van A

Payment Reference INV/2021/11/0003



Hình 172: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 21)

Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration 7 hien nguyen (demo02)

Quotations / S00309 / INV/2021/11/0003

Save Discard 1 / 1 < >

Product	Label	Quantity	UoM	Price	Taxes	Subtotal
Product 01 (Attr 01)	Product 01 (Attr 01)	1.00	Units	1,000,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	1,000,000 đ

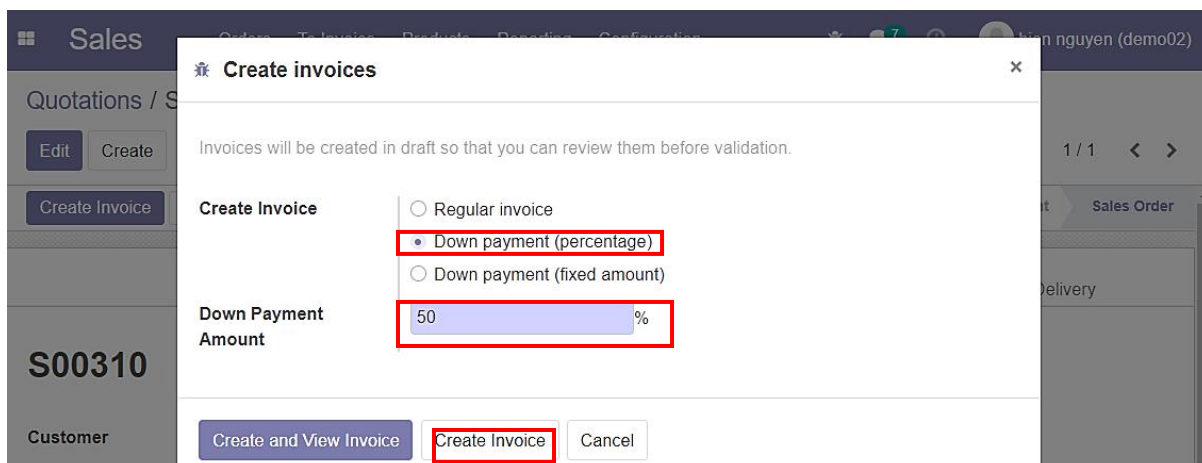
Terms and Conditions

Untaxed Amount:	1,000,000 đ
Thuế GTGT 10%:	100,000 đ
Total:	1,100,000 đ
Paid on 11/22/2021	1,100,000 đ
Amount Due:	0 đ

Hình 173: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 22)

*Trường hợp tạo hóa đơn trả trước 1 phần đơn hàng

- Tạo hóa đơn với phương thức là **Down payment** (percentage và fixed hoạt động gần tương tự nhau);
- Chọn **Create Invoice**:



Create invoices

Invoices will be created in draft so that you can review them before validation.

Create Invoice

Regular invoice

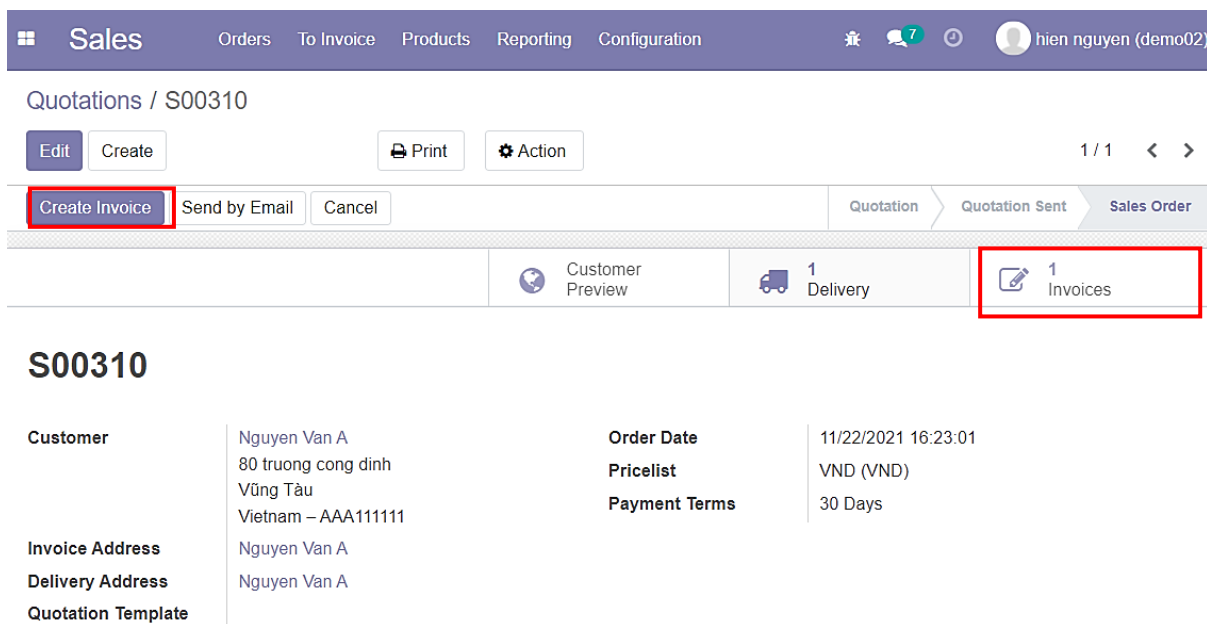
Down payment (percentage)

Down payment (fixed amount)

Down Payment Amount 50 %

Hình 174: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 23)

- **Button Box** là **Invoices** đã được cập nhật số liệu;
- Tiếp tục chọn **Create Invoice** để tiến hành thanh toán tiếp:



Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration

Quotations / S00310

Quotation > Quotation Sent > Sales Order

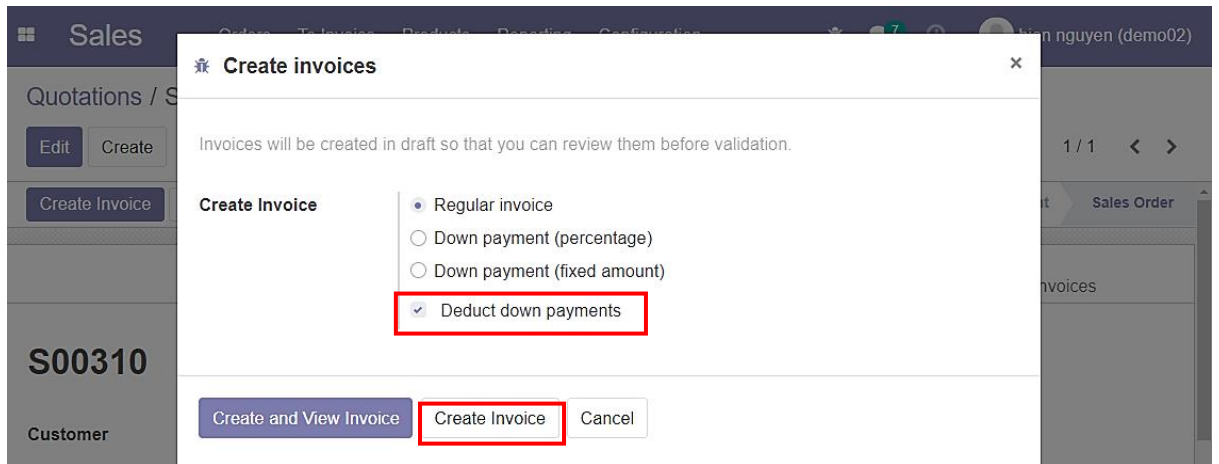
Customer Preview 1 Delivery 1 Invoices

S00310

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Order Date	11/22/2021 16:23:01
Invoice Address	Nguyen Van A	Pricelist	VND (VND)
Delivery Address	Nguyen Van A	Payment Terms	30 Days
Quotation Template			

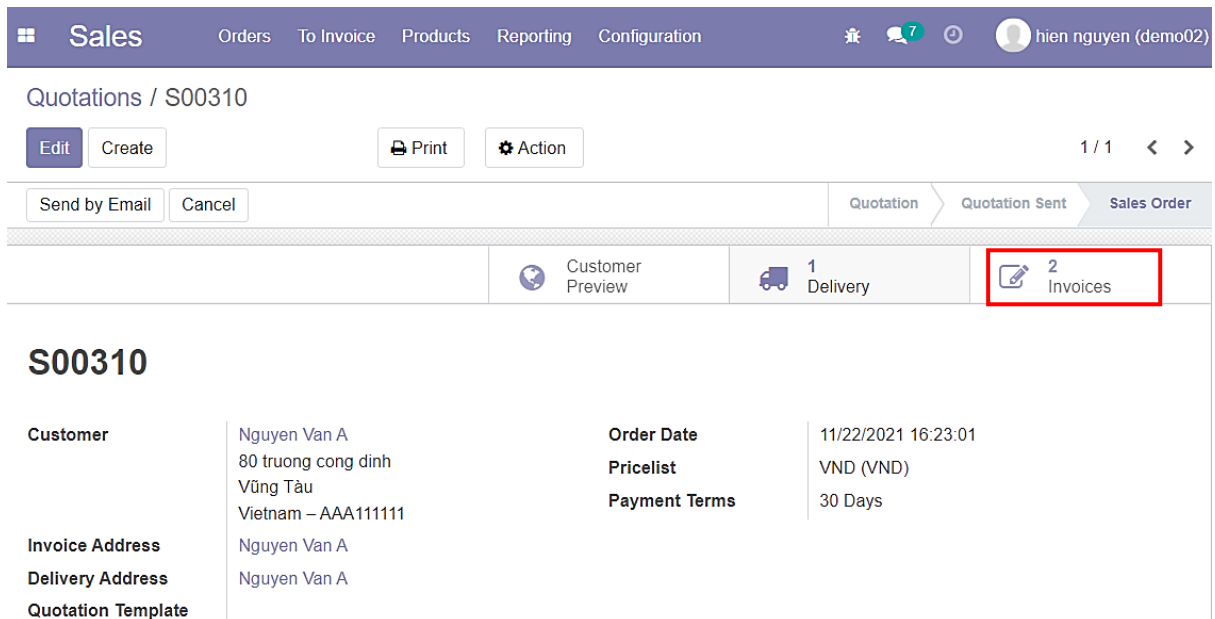
Hình 175: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 24)

- Lúc này có lựa chọn mới đó chính là **Deduct down payments**:
 - ➔ Hóa đơn này sẽ thanh toán toàn bộ phần còn lại của đơn hàng;
- Có thể tiếp tục chọn các phương thức **Down payment** để chia nhỏ hóa đơn (đồng nghĩa với việc sẽ có nhiều hóa đơn hơn);
- Chọn **Create Invoice**:



Hình 176: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 25)

- Nhấn vào Button Box là **Invoices** để xem tất cả hóa đơn của đơn hàng này:



Hình 177: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 26)

- Có 2 hóa đơn: hóa đơn **50%** (đã quy định trước đó) và hóa đơn của phần còn lại;
- **Status** là **Draft** vì chưa được **Confirm**;
- **Payment Status** là **Not Paid** vì chưa được thanh toán:

Quotations / S00310 / Invoices

Search...

Create Upload

Filters Group By Favorites 1-2 / 2

Company Data
Set your company's data for documents header/footer.
Let's start!

Invoice Layout
Customize the look of your invoices.
★ Looks great!

Create Invoice
Create your first invoice.
Create

<input type="checkbox"/>	Number	Customer	Invoice Date	Due Date	Next Activity	Tax Excluded	Total	Status	Payment Status
<input type="checkbox"/>	/	Nguyen Van A		In 30 days		450,000 đ	550,000 đ	Draft	Not Paid
<input type="checkbox"/>	/	Nguyen Van A		In 30 days		550,000 đ	550,000 đ	Draft	Not Paid

Hình 178: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 27)

- Giao diện của hóa đơn chi trả 50% đơn hàng:

Quotations / S00310 / Invoices / Draft Invoice (* 203)

Edit Create Print Action 2 / 2

Confirm Preview Cancel Entry Draft Posted

Customer Invoice
Draft

Customer
Nguyen Van A
80 trương cong dinh
Vũng Tàu
Vietnam - AAA111111

Invoice Date
Due Date
30 Days
in VND

Delivery Address
Nguyen Van A

Payment Reference

Invoice Lines Other Info

Product	Label	Quantity	UoM	Price	Taxes	Subtotal
Down payment	Down payment of 50.0%	1.00	Units	550,000.00		550,000 đ

Hình 179: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 28)

- Giao diện của hóa đơn chi trả phần còn lại của đơn hàng:

Quotations / S00310 / Invoices / Draft Invoice (* 204)

Customer Invoice
Draft

Customer | Nguyen Van A
80 trung cong dinh
Vũng Tàu
Vietnam – AAA111111

Invoice Date | Due Date | 30 Days
in VND

Delivery Address | Nguyen Van A

Payment Reference

Invoice Lines | Other Info

Product	Label	Quantity	UoM	Price	Taxes	Subtotal
Product 01 (Attr 01)	Product 01 (Attr 01)	1.00	Units	1,000,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	1,000,000 đ
Down Payments						
Down payment	Down Payment: 11 2021	-1.00	Units	550,000.00		-550,000 đ

Hình 180: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 29)

b. Quy trình tạo hóa đơn thủ công (tạo hóa đơn không thông qua đơn hàng)

- Vào Menu, chọn **Invoicing**:

Discuss
Sales
Subscriptions
Website
Link Tracker
Inventory
Invoicing
Apps
Settings

Search...

Filters | Group By | Favorites | 1-3 / 3

any Data
Company's data for header/footer.

Quotation Layout
Customize the look of your quotations.
★ Looks great!

Order Confirmation
Choose between electronic signatures or online payments.
Set payments

Sample Quotation
Send a quotation to test the customer portal.
Send sample

Let's start!

Hình 181: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 30)

- Trong giao diện **Invoicing** có thể thấy các đơn hàng;
- **Status** cho biết đơn hàng đã được **Confirm** hay chỉ là bản nháp (**Draft**);
- **Payment Status** cho biết hóa đơn này đã được trả toàn bộ (**Paid**), được trả một phần (**Partial**) hoặc chưa trả (**Not Paid**):

The screenshot shows the 'Invoicing' interface with a progress bar at the top. The progress bar has three steps: 'Company Data', 'Invoice Layout', and 'Create Invoice'. The 'Create Invoice' step is currently active and highlighted with a red checkmark. Below the progress bar is a table of invoices. The 'Status' and 'Payment Status' columns are highlighted with a red border. The table contains three rows of invoice data.

<input type="checkbox"/>	Number	Customer	Invoice Date...	Due Date	Next Activ...	Tax Excluded	Total	Status	Payment Sta...
<input type="checkbox"/>	INV/2021/11/00...	Nguyen Van A	11/22/2021			1,000,000 đ	1,100,000 đ	Posted	Paid
<input type="checkbox"/>	/	Nguyen Van A		In 30 days		450,000 đ	550,000 đ	Draft	Not Paid
<input type="checkbox"/>	/	Nguyen Van A		In 30 days		550,000 đ	550,000 đ	Draft	Not Paid

Hình 182: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 31)

- Nhấn **Create** để tạo hóa đơn mới:

The screenshot shows the 'Invoicing' interface, similar to the previous one, but with the 'Create' button in the top left corner highlighted with a red border. The progress bar and table below are the same as in the previous screenshot.

Hình 183: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 32)

- Sau khi vào giao diện hóa đơn, tiến hành điền thông tin hóa đơn và thời hạn hóa đơn:

The screenshot shows the 'Invoicing' interface with the following details:

- Customer:** Nguyen Van A
- Delivery Address:** Nguyen Van A
- Payment Reference:** (empty)
- Invoice Date:** (empty)
- Due Date:** 30 Days
- Currency:** VND

Hình 184: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 33)

- Chọn sản phẩm:

The screenshot shows the 'Invoicing' interface with the following details:

- Customer:** Nguyen Van A
- Delivery Address:** Nguyen Van A
- Payment Reference:** (empty)
- Invoice Date:** (empty)
- Due Date:** 30 Days
- Currency:** VND

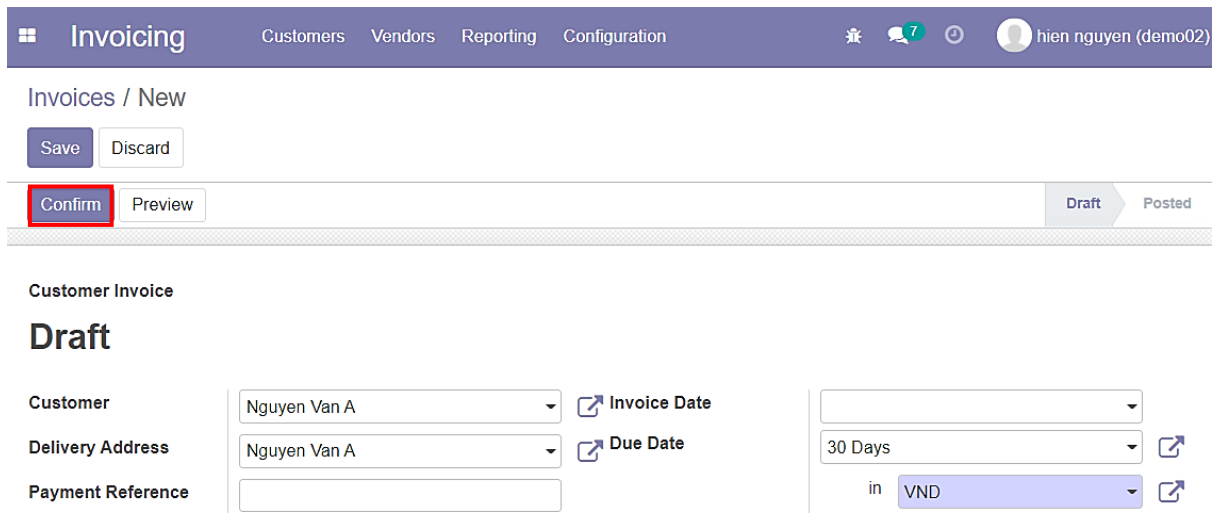
The product selection dropdown menu is open, showing the following options:

- Product 01 (Attr 01)
- Product 01 (Attr 02)
- Create "product"
- Create and Edit...

Product	Quantity	UoM	Price	Taxes	Subtotal
product	1.00		0.00	Thuế GTGT ph...	0 đ

Hình 185: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 34)

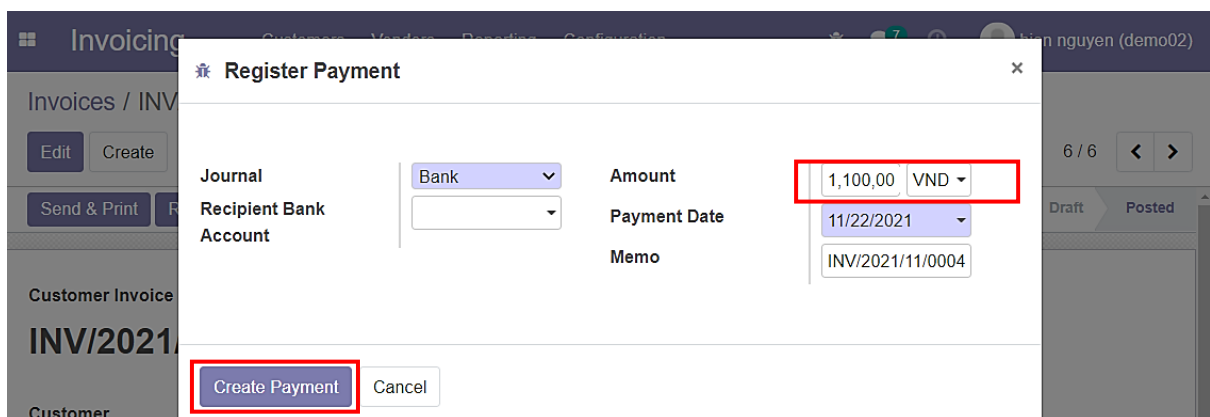
- Hoàn tất bước điền thông tin và chọn sản phẩm, tiến hành **Save** và **Confirm**:



The screenshot shows the 'Invoicing' system interface. At the top, there are navigation tabs: 'Customers', 'Vendors', 'Reporting', and 'Configuration'. The user is logged in as 'hien nguyen (demo02)'. The main heading is 'Invoices / New'. Below this, there are buttons for 'Save', 'Discard', 'Confirm' (highlighted with a red box), and 'Preview'. On the right side, there are 'Draft' and 'Posted' status indicators. The main content area is titled 'Customer Invoice Draft'. It contains several form fields: 'Customer' (Nguyen Van A), 'Delivery Address' (Nguyen Van A), 'Payment Reference' (empty), 'Invoice Date' (empty), 'Due Date' (30 Days), and 'Currency' (VND).

Hình 186: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 35)

- Chọn **Register Payment** và tiến hành thanh toán 1 phần hóa đơn;
- Chọn **Create Payment** để hoàn tất:



The screenshot shows the 'Register Payment' dialog box. It has a title bar with a close button. The dialog contains several fields: 'Journal' (Bank), 'Recipient Bank Account' (empty), 'Amount' (1,100,00 VND, highlighted with a red box), 'Payment Date' (11/22/2021), and 'Memo' (INV/2021/11/0004). At the bottom, there are 'Create Payment' and 'Cancel' buttons, with 'Create Payment' highlighted by a red box. The background shows the 'Invoicing' interface with the invoice number 'INV/2021' visible.

Hình 187: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 36)

- Hóa đơn bây giờ sẽ có nhãn là **Partial**;
- **Amount Due** sẽ là phần còn lại (chưa trả) của hóa đơn;
- Phần tiền được trả trước cũng được ghi chú kèm ngày trả:

Customer Invoice
INV/2021/11/0004

Customer | Nguyen Van A
80 trung cong dinh
Vũng Tàu
Vietnam – AAA111111

Invoice Date | 11/22/2021
Due Date | 30 Days
in VND

Delivery Address | Nguyen Van A
Payment Reference | INV/2021/11/0004

Hình 188: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 37)

Invoice Lines | Other Info | EDI Documents

Product	Label	Quantity	UoM	Price	Taxes	Subtotal
Product 01 (Attr 01)	Product 01 (Attr 01)	1.00	Units	1,000,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	1,000,000 đ

Summary:

- Untaxed Amount: 1,000,000 đ
- Thuế GTGT 10%: 100,000 đ
- Total: 1,100,000 đ**
- Paid on 11/22/2021: 110,000 đ**
- Amount Due: 990,000 đ**

Hình 189: : Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 38)

- Chọn **Register Payment** và thanh toán nốt phần còn lại;
- Nhấn **Create Payment**:

The screenshot shows a 'Register Payment' modal window. It contains the following fields:

- Journal:** Bank
- Recipient Bank Account:** (empty)
- Amount:** 990,000 VND
- Payment Date:** 11/22/2021
- Memo:** INV/2021/11/0004

At the bottom, there are two buttons: 'Create Payment' (highlighted with a red box) and 'Cancel'.

Hình 190: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 39)

- Hóa đơn đã được thanh toán toàn bộ;
- Lúc được gán nhãn là **PAID** thì coi như hóa đơn đó đã hoàn tất chu trình của bản thân:

The screenshot shows the 'Customer Invoice' page for invoice number **INV/2021/11/0004**. The invoice is marked as 'PAID' with a green diagonal sticker. The page displays the following information:

- Customer:** Nguyen Van A, 80 trung cong dinh, Vũng Tàu, Vietnam – AAA111111
- Delivery Address:** Nguyen Van A
- Payment Reference:** INV/2021/11/0004
- Invoice Date:** 11/22/2021
- Due Date:** 30 Days in VND

Hình 191: Quy trình tạo - quản lý hóa đơn (Bước 40)

3.11 QUY TRÌNH QUẢN LÝ CÁC GÓI DỊCH VỤ

*Quy trình bao gồm những bước chính:

- **Tạo trực tiếp (không cần thông qua đơn hàng):**

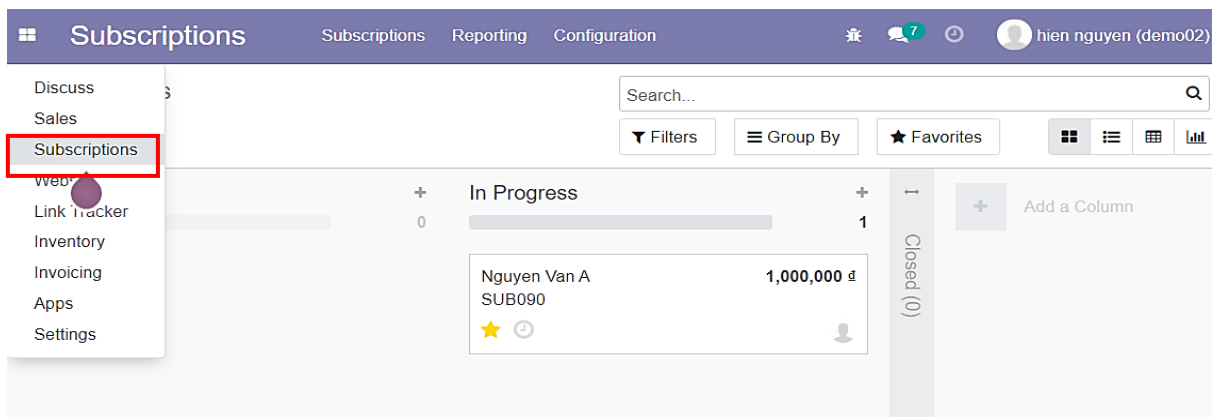
- Người dùng vào giao diện **Subscriptions**;
- Tiến hành tạo gói dịch vụ mới bằng cách chọn **Create**;
- Điền thông tin gói dịch vụ và tiến hành lưu bằng cách nhấn **Save**;
- Có thể chỉnh sửa lại thông tin gói dịch vụ bằng cách chọn **Edit** -> Sửa thông tin và nhấn **Save** để lưu thay đổi;
- Có thể xóa gói dịch vụ bằng cách chọn **Delete**.

- **Tạo thông qua đơn hàng:**

- Người dùng vào giao diện đơn hàng;
- Tiến hành thêm sản phẩm **Server** vào đơn hàng -> **Save**;
- Xuất hiện **Button Box Subscription** -> Nhấp chọn vào và tiến hành quản lý.

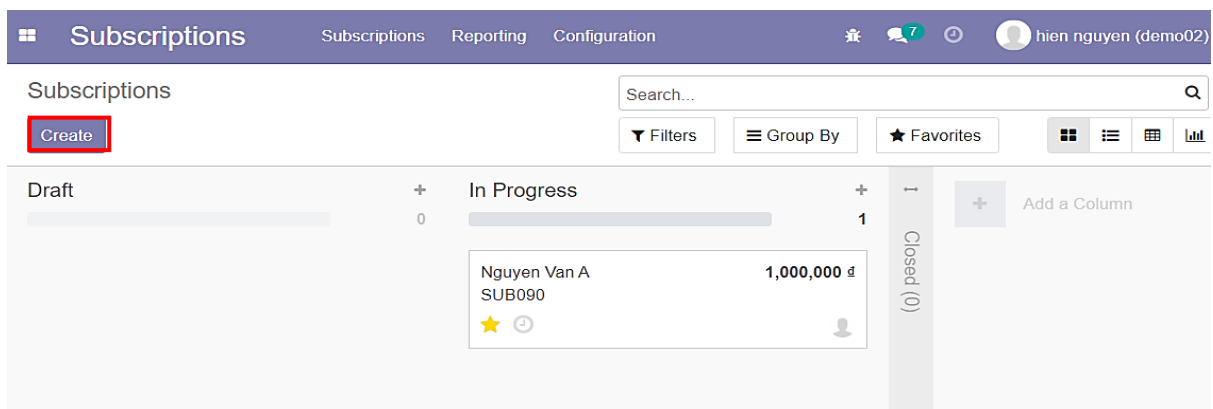
a. Tạo trực tiếp (không cần thông qua đơn hàng)

- Vào **Menu**, chọn **Subscriptions**:



Hình 192: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 01)

- Chọn **Create** để tạo mới:



Hình 193: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 02)

- Giao diện tạo và quản lý các sản phẩm dịch vụ nói chung:

Subscriptions Subscriptions Reporting Configuration 7 hien nguyen (demo02)

Subscriptions / New

Save Discard

Start Renewal Quotation Draft In Progress Closed

Customer Preview 0 Invoices

New

Customer [Dropdown] Subscription Template [Dropdown]
Pricelist VND (VND) Salesperson hien nguyen
End Date [Dropdown] Sales Team Sales

Subscription Lines Changes Other Info

Product	Description	Quantity	UoM	Unit Price	Subtotal
Add a line					

Hình 194: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 03)

- Chọn khách hàng:

Subscriptions Subscriptions Reporting Configuration 7 hien nguyen (demo02)

Subscriptions / New

Save Discard

Start Renewal Quotation Draft In Progress Closed

Customer Preview 0 Invoices

New

Customer [Dropdown] Subscription Template [Dropdown]
Pricelist [Dropdown] Salesperson hien nguyen
End Date [Dropdown] Sales Team Sales

Subscription Lines Changes Other Info

Product	Description	Quantity	UoM	Unit Price	Subtotal
Add a line					

Hình 195: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 04)

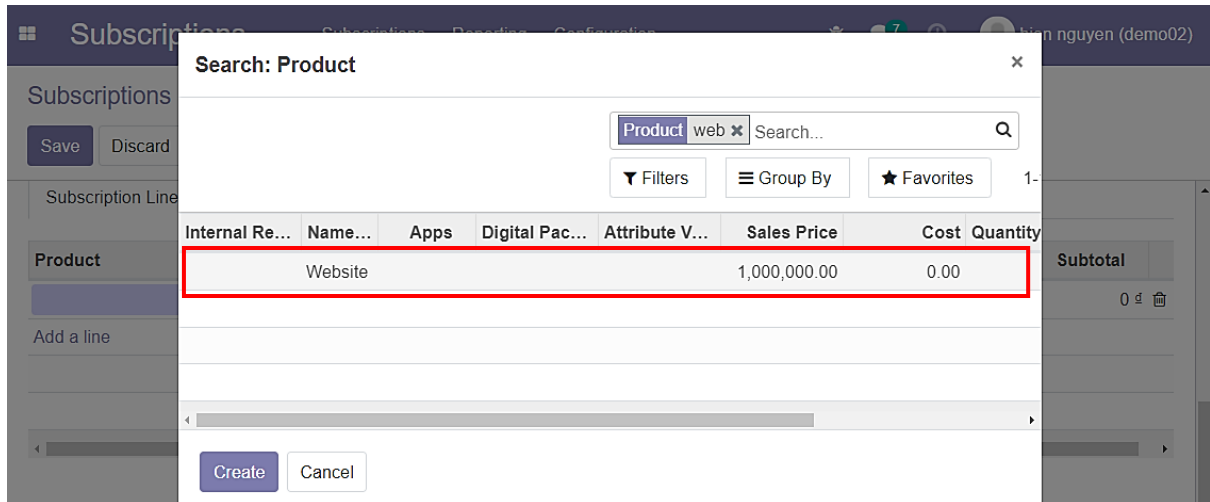
- Chọn **Subscription Template**:
 - ➔ Quy định chu kì thanh toán (hàng tháng, hàng năm,..) và số lần đáo hạn;
 - ➔ Có thể thay đổi linh động sau khi lưu **Subscription**:

Hình 196: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 05)

- Chọn sản phẩm dịch vụ (không phải là **hosting**);
- Sản phẩm dịch vụ thường và dịch vụ **hosting** có phương thức hoạt động khác nhau;
- Vào phần chọn sản phẩm và chọn **Search More...**

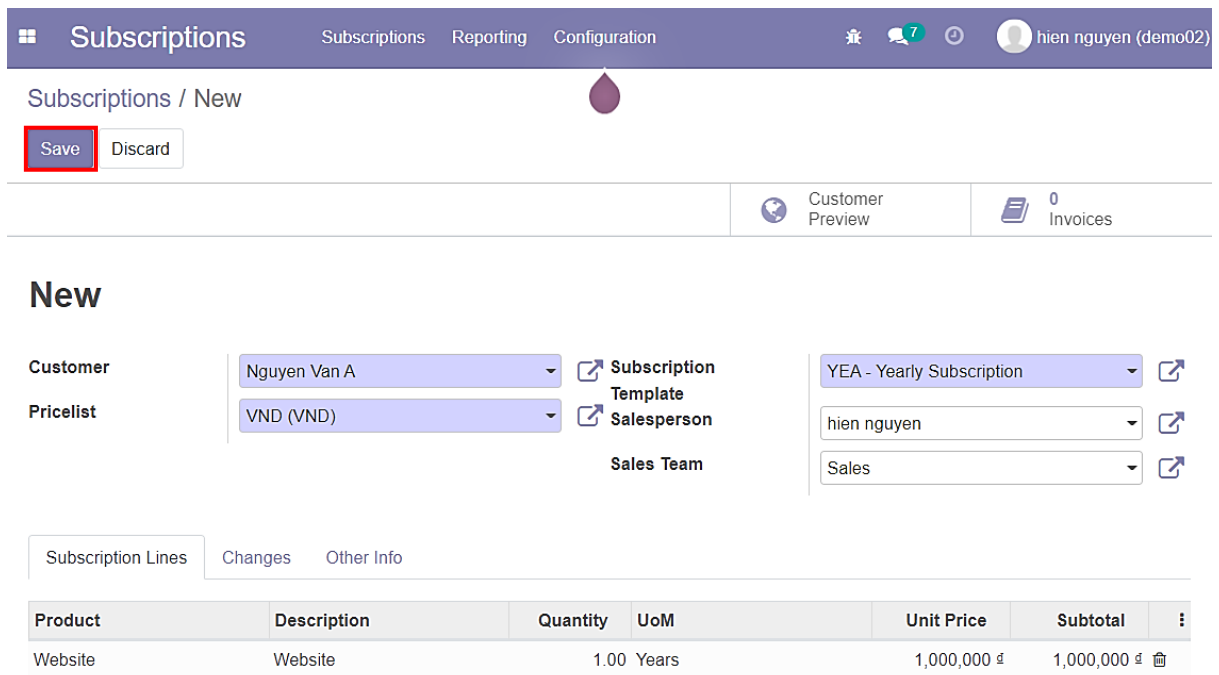
Hình 197: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 06)

- Chọn sản phẩm dịch vụ:



Hình 198: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 07)

- Chọn **Save** để lưu:



Hình 199: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 08)

- Chọn **Start** để “chạy” dịch vụ:

The screenshot shows the 'Subscriptions' page for 'YEA/SUB091 - Nguyen Van A'. The top navigation bar includes 'Subscriptions', 'Reporting', and 'Configuration'. The user 'hien nguyen (demo02)' is logged in. Below the header, there are buttons for 'Edit', 'Create', and 'Action'. A status bar shows 'Draft', 'In Progress', and 'Closed', with 'Draft' selected. A 'Start' button is highlighted with a red box. Below the status bar, there are icons for 'Customer Preview' and '0 Invoices'.

☆ YEA/SUB091 - Nguyen Van A

Customer	Nguyen Van A	Subscription Template	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Salesperson	hien nguyen
		Sales Team	Sales

Subscription Lines Changes Other Info

Product	Description	Quantity	UoM	Unit Price	Subtotal
---------	-------------	----------	-----	------------	----------

Hình 200: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 09)

- Thanh trạng thái chuyển sang **In Progress**;
- Xuất hiện thời gian bắt đầu và thời gian đáo hạn:

The screenshot shows the 'Subscriptions' page for 'YEA/SUB091 - Nguyen Van A'. The top navigation bar is the same as in Figure 200. The status bar now shows 'Draft', 'In Progress', and 'Closed', with 'In Progress' selected and highlighted in a red box. Below the status bar, there are icons for 'Customer Preview' and '0 Invoices'.

☆ YEA/SUB091 - Nguyen Van A

Customer	Nguyen Van A	Subscription Template	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Salesperson	hien nguyen
Start Date	11/22/2021	Sales Team	Sales
Date of Next Invoice	11/22/2021 → Generate Invoice		

Hình 201: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 10)

- Chọn **Edit** để chỉnh sửa:

The screenshot shows the 'Subscriptions' management interface. At the top, there is a navigation bar with 'Subscriptions', 'Reporting', and 'Configuration' tabs. The user is logged in as 'hien nguyen (demo02)'. The main header displays 'Subscriptions / YEA/SUB091 - Nguyen Van A'. Below this, there are buttons for 'Edit' (highlighted with a red box), 'Create', and 'Action'. A progress indicator shows '2 / 2' with left and right arrows. Below the progress indicator, there are buttons for 'Upsell' and 'Close', and a status bar with 'Draft', 'In Progress', and 'Closed' options. At the bottom, there are links for 'Customer Preview' and '0 Invoices'.

Customer	Nguyen Van A	Subscription Template	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Salesperson	hien nguyen
Start Date	11/22/2021	Sales Team	Sales
Date of Next Invoice	11/22/2021 → Generate Invoice		

Hình 202: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 11)

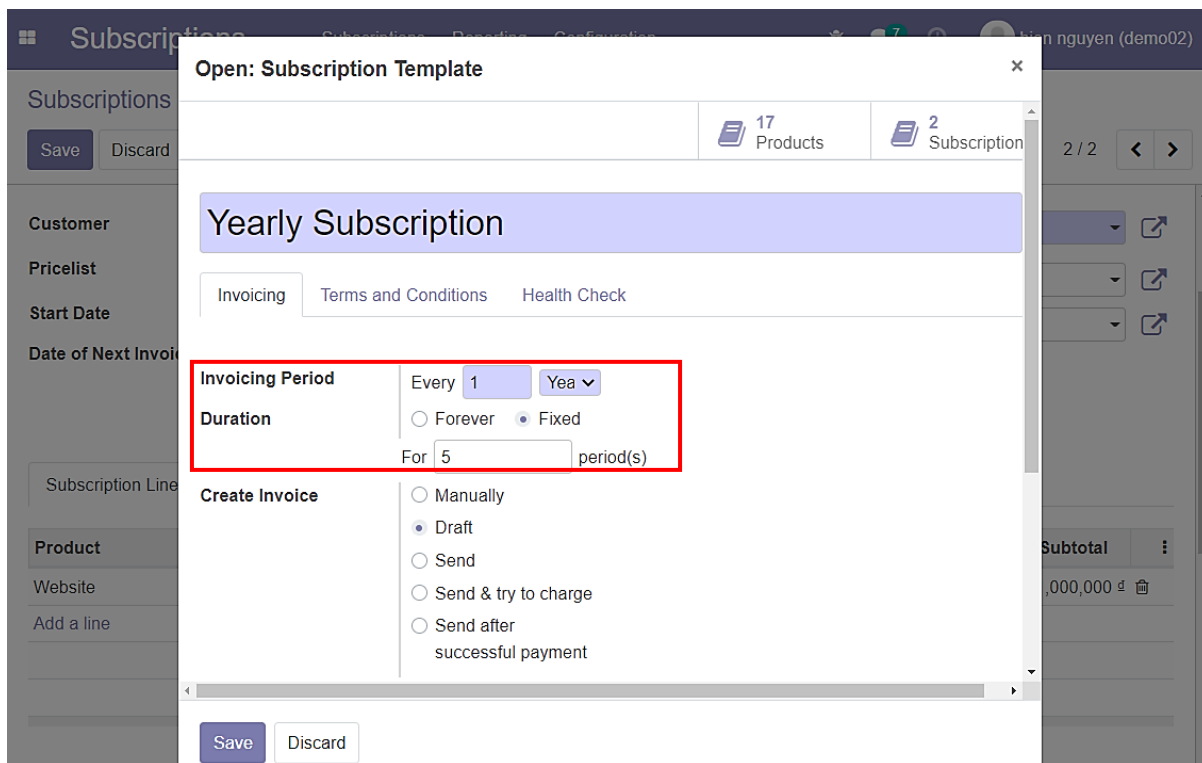
- Chọn vào cửa sổ mở rộng để thay đổi **Subscription Template**:

The screenshot shows the 'Subscriptions' management interface with the 'Subscription Template' dropdown menu expanded. The 'Edit' button is still highlighted with a red box. The expanded menu shows 'YEA - Yearly Subscription' selected, with a red box around the expand/collapse icon. Other options in the menu include 'hien nguyen' and 'Sales', each with its own expand/collapse icon. The rest of the interface, including the navigation bar, progress indicator, and status bar, remains the same as in the previous screenshot.

Customer	Nguyen Van A	Subscription Template	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Salesperson	hien nguyen
Start Date	11/22/2021	Sales Team	Sales

Hình 203: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 12)

- Thay đổi thông tin **Template**;
- **Invoicing Period** cho biết dịch vụ này sẽ được lên hóa đơn định mỗi x tháng hoặc x năm,..
- **Duration: Forever** cho biết hóa đơn sẽ được đảo hạn theo chu kỳ cho đến khi khách hàng dừng sử dụng dịch vụ;
- **Duration: Fixed** cho biết số lần đảo hạn hóa đơn của dịch vụ;
- Sau khi thiết lập xong, nhấn **Save** để lưu:



Hình 204: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 13)

- Thời gian đã được cập nhật;
- **Start Date** cho biết ngày bắt đầu sử dụng dịch vụ;
- **End Date** cho biết ngày kết thúc dịch vụ;
- **Date of Next Invoice** cho biết ngày đảo hạn gần nhất:

☆ YEA/SUB091 - Nguyen Van A

Customer	Nguyen Van A	Subscription Template	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Salesperson	hien nguyen
Start Date	11/22/2021	Sales Team	Sales
End Date	11/22/2026		
Date of Next Invoice	11/22/2021		

Hình 205: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 14)

b. Tạo thông qua đơn hàng

- Trong thực tế, khi đơn hàng có một hoặc nhiều sản phẩm là dịch vụ:
 - ➔ Một **Subscription** sẽ được tạo ra để quản lý các dịch vụ đó;
 - ➔ Dịch vụ sẽ tự động “chạy” ngay khi hóa đơn của đơn hàng của dịch vụ đó được thanh toán thành công;
- Đầu tiên, cần tạo một đơn hàng mà trong đó có một sản phẩm là dịch vụ:

The screenshot shows the SAP Sales Order S00311 interface. At the top, there's a navigation bar with 'Sales' and various menu items. Below it, the order details are displayed, including customer information (Nguyen Van A) and order date (11/22/2021). A red box highlights the '1 Subscriptions' button in the top right area. Below the order details, there's a table with columns: Prod..., Descriptio..., Quantity, Delivered, Invoiced, UoM, Package..., Unit Price, Taxes, and Discount (...). The first row of the table is highlighted with a red box and contains the following data: Website, Website, 1.00, 0.00, 0.00, Years, 1,000,000.00, (Thuế GTG...), 0.00.

Prod...	Descriptio...	Quantity	Delivered	Invoiced	UoM	Package...	Unit Price	Taxes	Discount (...)
Website	Website	1.00	0.00	0.00	Years		1,000,000.00	(Thuế GTG...)	0.00

Hình 206: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 15)

- Vào **Button Box là Subscriptions** để vào giao diện quản lý các dịch vụ có trong đơn hàng này:

The screenshot shows the SAP Subscription Management interface for YEA/SUB092 - Nguyen Van A. At the top, there's a navigation bar with 'Customer Preview', '0 Invoices', and '1 Sales'. Below it, the subscription details are displayed, including customer information (Nguyen Van A), subscription template (YEA - Yearly Subscription), start date (11/22/2021), end date (11/22/2026), and date of next invoice (11/22/2022). A 'Generate Invoice' button is visible at the bottom right.

Customer	Subscription Template
Nguyen Van A	YEA - Yearly Subscription

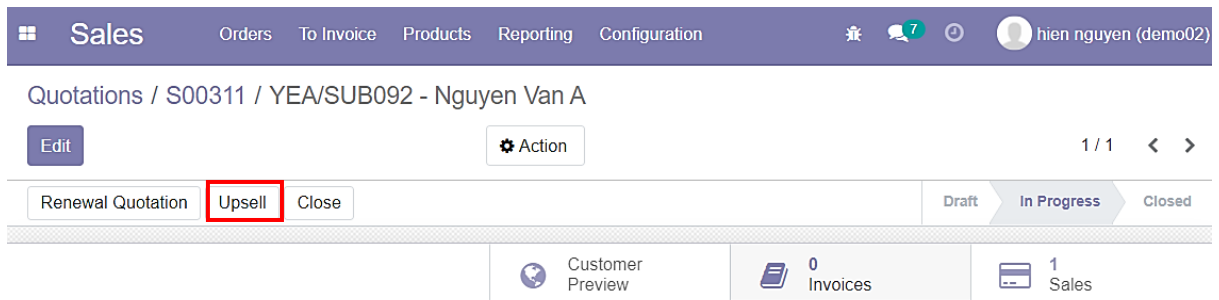
Pricelist	Salesperson
VND (VND)	hien nguyen

Start Date	Sales Team
11/22/2021	Sales

End Date	Date of Next Invoice
11/22/2026	11/22/2022 → Generate Invoice

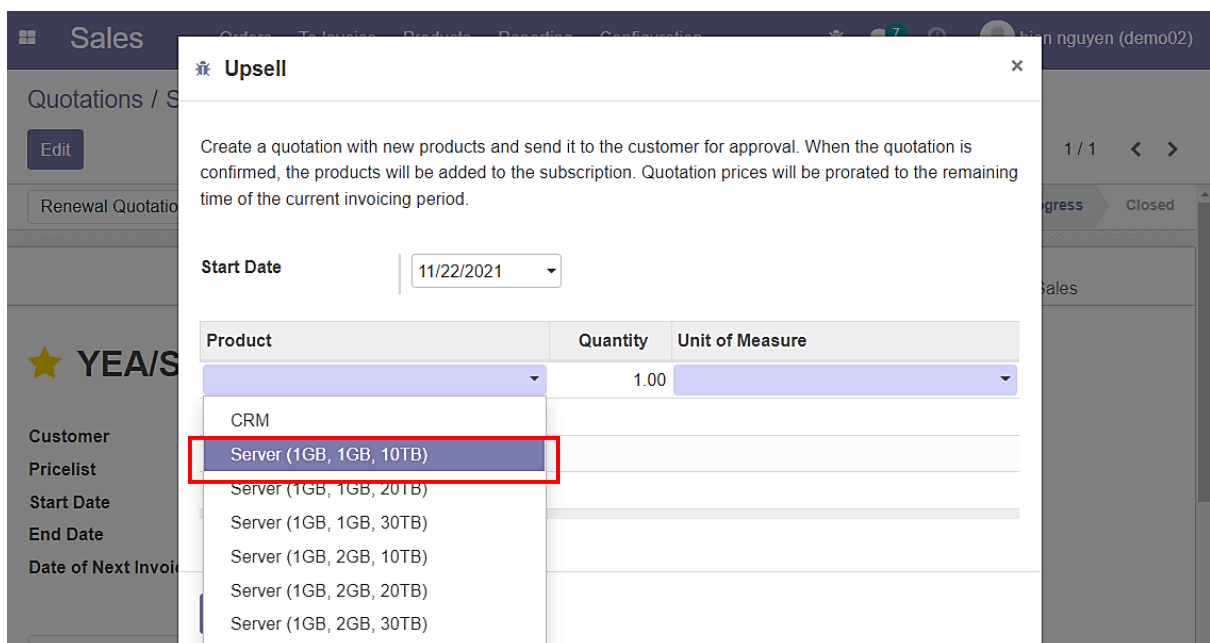
Hình 207: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 16)

- Sau khi **Save**, chọn **Upsell** để tiến hành mua thêm gói dịch vụ:



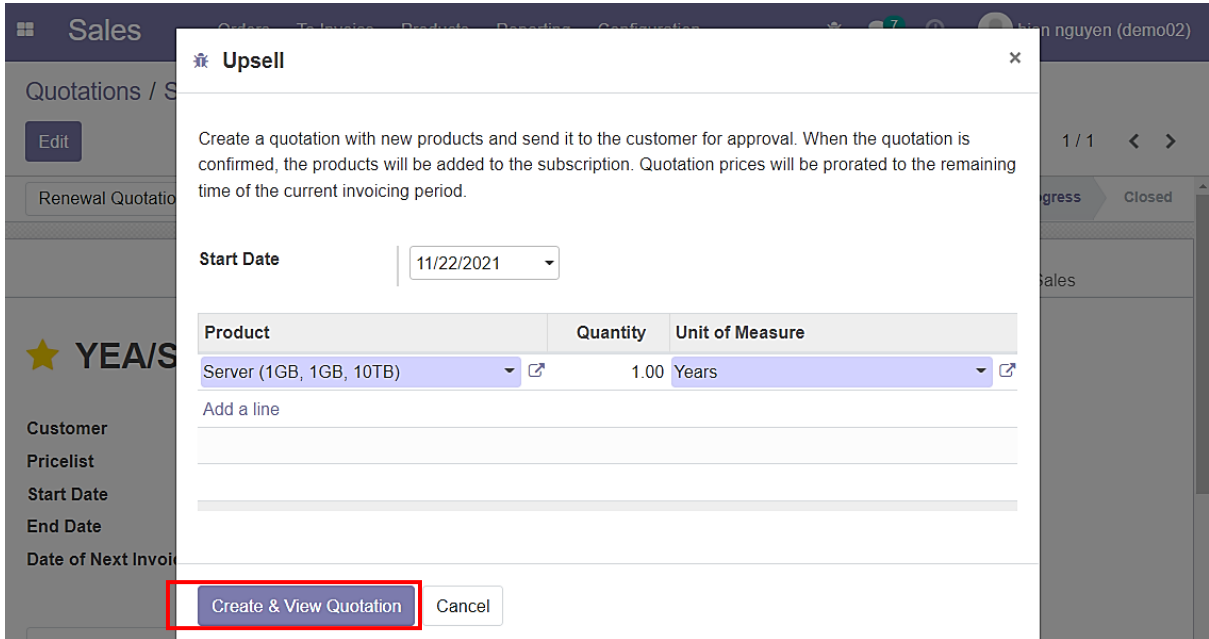
Hình 208: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 17)

- Chọn một sản phẩm là dịch vụ **hosting**:



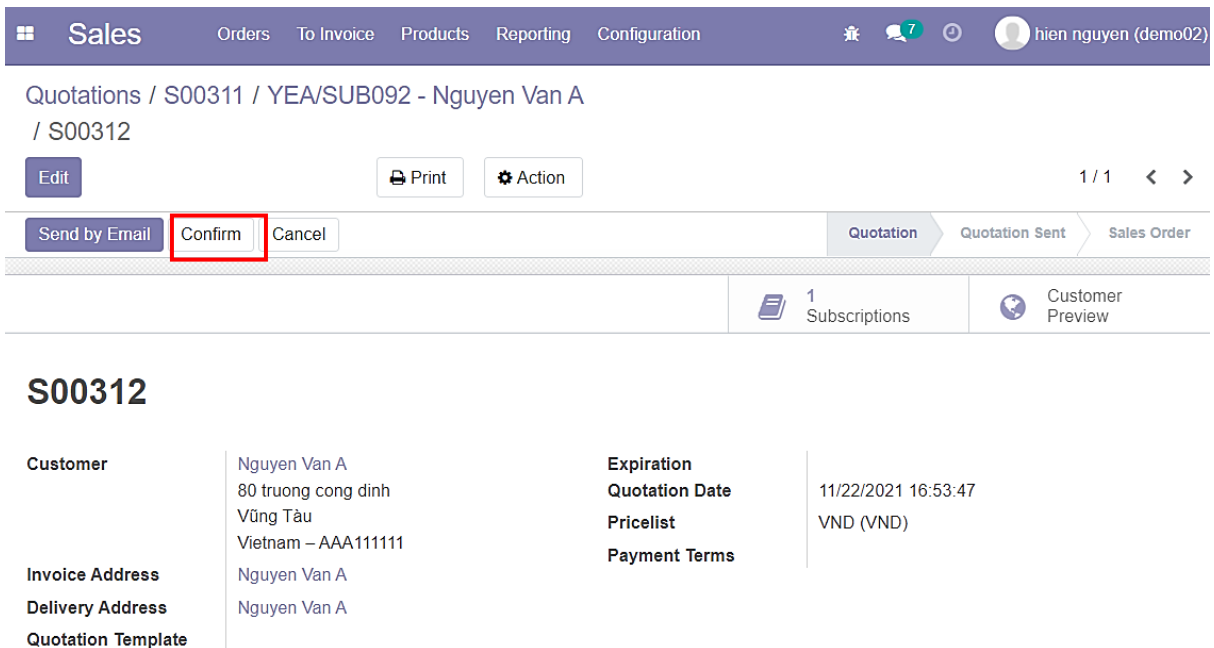
Hình 209: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 18)

- Chọn **Create & View Quotation**:



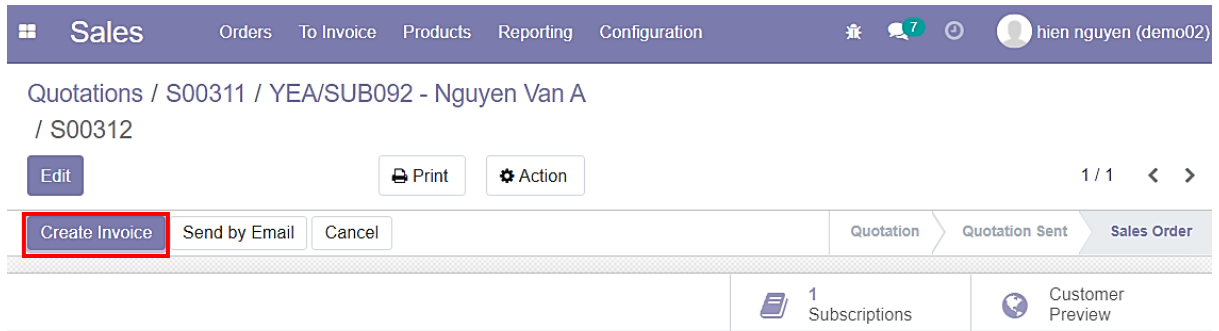
Hình 210: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 19)

- Chuyển đến giao diện đơn hàng để xác nhận và tiến hành thanh toán;
- Chọn **Confirm** để xác nhận đơn hàng này:



Hình 211: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 20)

- Chọn **Create Invoice** để tạo hóa đơn:

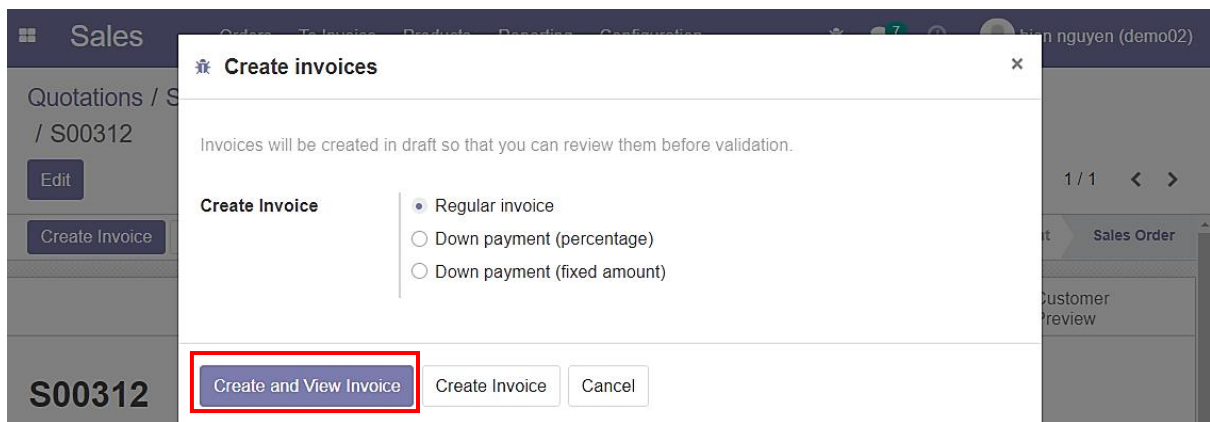


S00312

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Order Date	11/22/2021 16:54:21
Invoice Address	Nguyen Van A	Pricelist	VND (VND)
Delivery Address	Nguyen Van A	Payment Terms	
Quotation Template			

Hình 212: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 21)

- Chọn loại hóa đơn và chọn **Create and View Invoice** để được chuyển tới giao diện hóa đơn:



Hình 213: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 22)

- Trong giao diện hóa đơn, chọn **Confirm** để xác nhận hóa đơn này:

Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration 7 hien nguyen (demo02)

Quotations / S00311 / YEA/SUB092 - Nguyen Van A
/ S00312 / Draft Invoice (* 208)

Edit Print Action 1 / 1 < >

Confirm Preview Cancel Entry Draft Posted

Customer Invoice
Draft

Customer Nguyen Van A
80 trung cong dinh
Vũng Tàu
Vietnam – AAA111111

Invoice Date 11/22/2021
Due Date 11/22/2021
in VND

Delivery Address Nguyen Van A
Payment Reference

Invoice Lines Other Info

Product	Label	Quantity	UoM	Price	Taxes	Subtotal
Server (1GB, 1GB, 10...	Server (1GB, 1GB, 10TB) Invoicing period: 11/22/2021 -	1.00	Years	10,900,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	10,900,000 đ

Hình 214: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 23)

- Chọn Register Payment để tiến hành thanh toán:

Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration 7 hien nguyen (demo02)

Quotations / S00311 / YEA/SUB092 - Nguyen Van A
/ S00312 / INV/2021/11/0005

Edit Print Action 1 / 1 < >

Send & Print **Register Payment** Preview Add Credit Note Reset to Draft Draft Posted

Customer Invoice
INV/2021/11/0005

Customer Nguyen Van A
80 trung cong dinh
Vũng Tàu
Vietnam – AAA111111

Invoice Date 11/22/2021
Due Date 11/22/2021
in VND

Delivery Address Nguyen Van A
Payment Reference INV/2021/11/0005

Hình 215: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 24)

- Chọn **Create Payment** để hoàn tất việc thanh toán:

Hình 216: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 25)

- Sau khi thanh toán thành công, quay về giao diện quản lý dịch vụ để kiểm tra:

Product	Label	Quantity	UoM	Price	Taxes	Subtotal
Server (1GB, 1GB, 10...	Server (1GB, 1GB, 10TB)	1.00	Years	10,900,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	10,900,000.00

Hình 217: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 26)

- Sau khi cập nhật dịch vụ cung cấp hosting, giao diện quản lý có những thay đổi như sau:
 - Sản phẩm dịch vụ đã được thêm vào **Subscription Lines**;
 - Theo chính sách, khi khách hàng lần đầu mua sản phẩm dịch vụ **hosting** thì họ sẽ được **cộng thêm một khoảng thời gian** vào tổng thời gian sử dụng được thiết lập linh động;
 - Thêm trường mới là **End Trial Date** cho biết được thời điểm kết thúc thời gian dùng thử (Khách hàng khi trả một phần hóa đơn của sản phẩm dịch vụ hosting thì sẽ được một khoảng thời gian dùng thử, sau khi hết thời gian dùng thử sẽ yêu cầu trả hết phần còn lại. Khách hàng trả hết toàn bộ hóa đơn ngay từ đầu thì vẫn sẽ được thời gian dùng thử + thời gian của gói dịch vụ đó);
 - Lúc này nếu tiếp tục **upsell**, chỉ có những sản phẩm dịch vụ hosting thuộc gói lớn hơn gói hiện tại và các sản phẩm dịch vụ khác mới được xuất hiện;
 - Thêm mục **License Details** để quản lý sâu hơn các sản phẩm **hosting**;

Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration 7 hien.nguyen (demo02)

Quotations / S00311 / YEA/SUB092 - Nguyen Van A

Edit Action 1 / 1 < >

Customer Preview 1 Invoices 2 Sales

★ **YEA/SUB092 - Nguyen Van A**

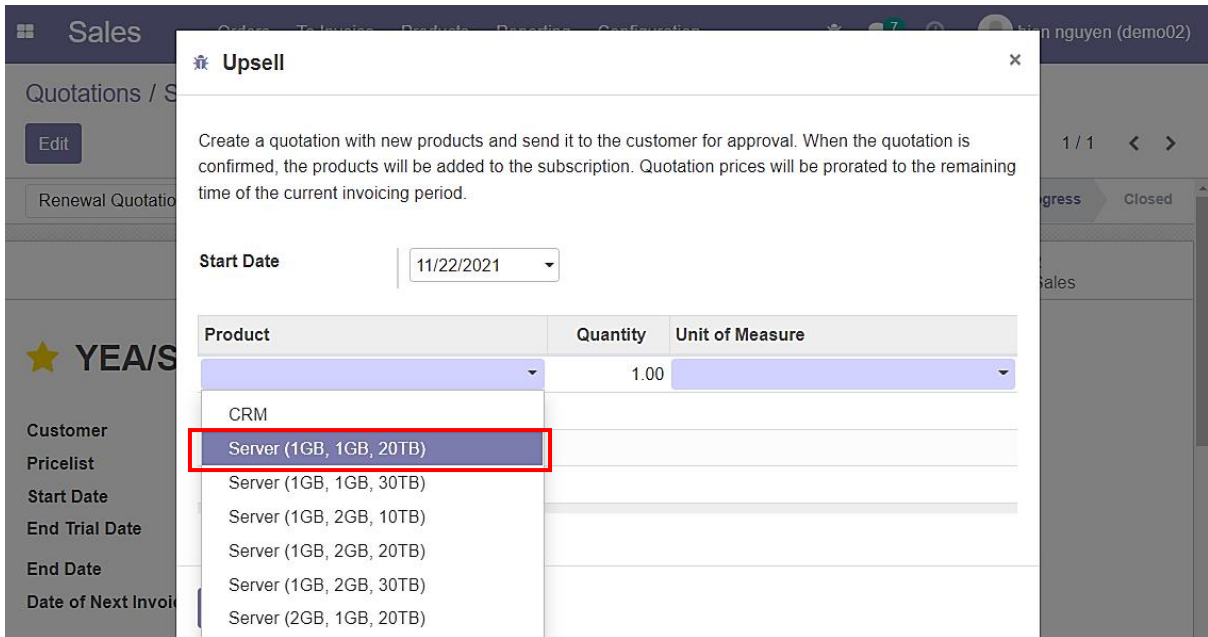
Customer	Nguyen Van A	Subscription	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Template	hien.nguyen
Start Date	11/22/2021	Salesperson	hien.nguyen
End Trial Date	12/22/2021 → Goto Invoice paid	Sales Team	Sales
End Date	12/22/2026		
Date of Next Invoice	12/22/2022 → Generate Invoice		

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Product	Description	Quantity	UoM	Unit Price	Subtotal
Website	Website	1.00	Years	1,000,000 đ	1,000,000 đ
Server (1GB, 1GB, 10TB)	Server (1GB, 1GB, 10TB)	1.00	Years	10,900,000 đ	10,900,000 đ

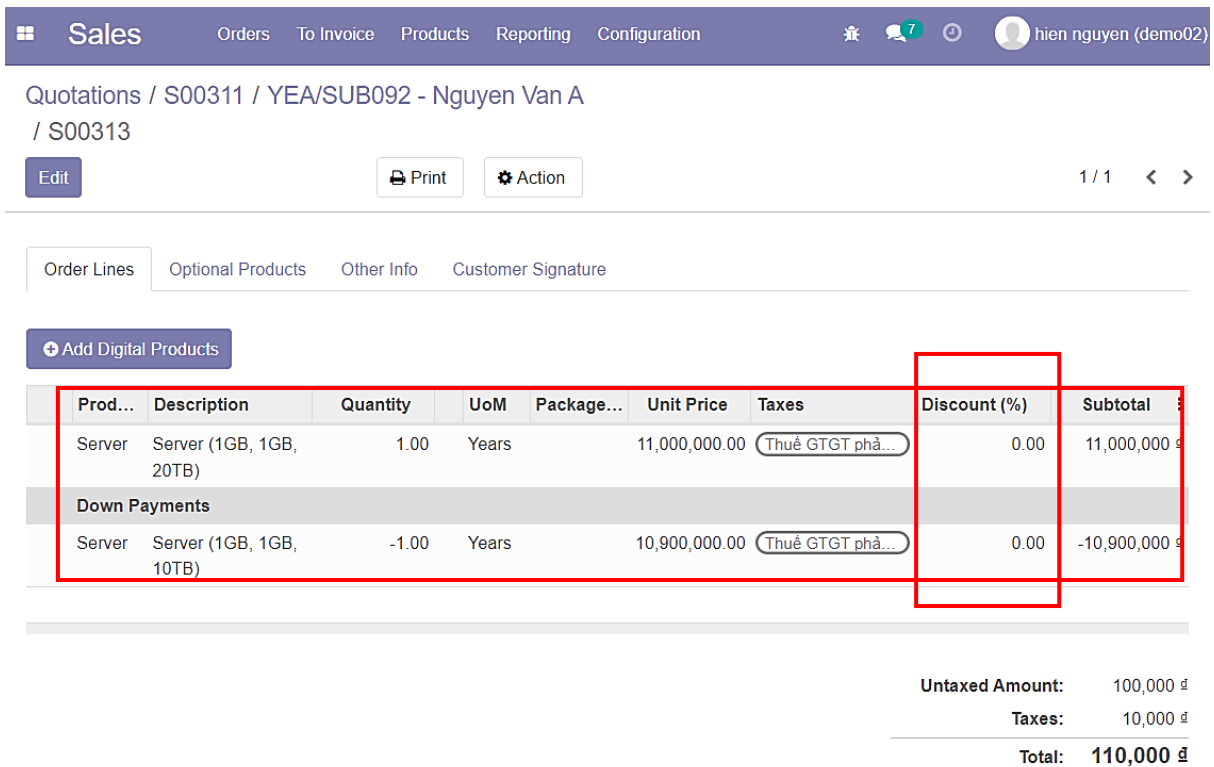
Hình 218: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 27)

- Vào **upsell**, chọn một gói dịch vụ **hosting** cao hơn:



Hình 219: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 28)

- Xuất hiện thêm mục **Down Payments**:
 → Thời gian chưa sử dụng hết của gói cũ sẽ được quy đổi ra thành tiền và được khấu trừ khi **upsell** gói mới (Trường **Discount** thể hiện % để tính ra số tiền khấu trừ). Vì vừa mua đã **upsell** nên **Discount** sẽ bằng 0%:



Hình 220: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 29)

- Sau khi **Confirm** đơn hàng thì giao diện hóa đơn cũng sẽ có **Down Payments** tương tự:

Prod...	Descriptio...	Quantity	Delivered	Invoiced	UoM	Package...	Unit Price	Taxes	Discount (...)
Server	Server (1GB, 1GB, 20TB)	1.00	0.00	0.00	Years		11,000,000.00	Thuế GTG...	0.00
Down Payments									
Server	Server (1GB, 1GB, 10TB)	-1.00	0.00	0.00	Years		10,900,000.00	Thuế GTG...	0.00

Untaxed Amount:	100,000 đ
Taxes:	10,000 đ
Total:	110,000 đ

Hình 221: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 30)

- Tiến hành thanh toán và quay lại giao diện quản lý dịch vụ để kiểm tra;
- Người dùng chỉ cần cho trả khoản chênh lệch chứ không phải trả toàn bộ gói nâng cấp:

Customer Invoice

INV/2021/11/0006

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Invoice Date	11/22/2021
Delivery Address	Nguyen Van A	Due Date	Immediate Payment in VND
Payment Reference	INV/2021/11/0006		



Hình 222: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 31)

- Sản phẩm dịch vụ hosting cũ được set **Quantity** về 0 chứ không bị xóa đi:
→ Số tiền của tổng dịch vụ phải trả theo chu kỳ sẽ được tính lại:

The screenshot shows the 'Sales' interface for a subscription. The top navigation bar includes 'Orders', 'To Invoice', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. The user is logged in as 'hien nguyen (demo02)'. The main header displays 'Quotations / S00311 / YEA/SUB092 - Nguyen Van A'. Below this, there are tabs for 'Edit' and 'Action'. The main content area is divided into two sections: 'Customer' and 'Subscription'. The 'Customer' section lists details like 'Customer: Nguyen Van A', 'Pricelist: VND (VND)', 'Start Date: 11/22/2021', 'End Trial Date: 12/22/2021', 'End Date: 12/22/2026', and 'Date of Next Invoice: 12/22/2022'. The 'Subscription' section lists 'Subscription Template: YEA - Yearly Subscription', 'Salesperson: hien nguyen', and 'Sales Team: Sales'. Below these sections, there are tabs for 'Subscription Lines', 'Changes', 'Other Info', and 'License Details'. The 'Subscription Lines' tab is active, showing a table with columns: Product, Description, Quantity, JoM, Unit Price, and Subtotal. The table contains three rows: 'Website' (Quantity: 1.00, Unit Price: 1,000,000 đ, Subtotal: 1,000,000 đ), 'Server (1GB, 1GB, 10TB)' (Quantity: 0.00, Unit Price: 10,900,000 đ, Subtotal: 0 đ), and 'Server (1GB, 1GB, 20TB)' (Quantity: 1.00, Unit Price: 11,000,000 đ, Subtotal: 11,000,000 đ). A red box highlights the 'Quantity' column. Below the table, there is a 'Recurring Price: 12,000,000 đ' label, also highlighted with a red box.

Hình 223: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 32)

* Quản lý tình trạng hosting

- Trong giao diện **Subscriptions**, vào thẻ **License Details**;
- Khi trong đơn hàng có một sản phẩm là dịch vụ hosting thì sau khi thanh toán (toàn bộ hoặc một phần):
→ Xuất hiện thẻ **License Details** để quản lý tình trạng của hosting;
→ Xuất hiện **End Trial Date** + lỗi tắt đèn hóa đơn đầu tiên của sản phẩm dịch vụ **hosting**:

The screenshot shows the 'License Details' tab for a subscription. The top navigation bar includes 'Subscription Lines', 'Changes', 'Other Info', and 'License Details'. Below this, there are buttons for 'Redeploy', 'Stop', and 'Delete'. The main content area is divided into two sections: 'Hidden State' and 'Config'. The 'Hidden State' section lists details like 'Hidden State: Running', 'User: Nguyen Van A', 'License Key: SUB09220211122HFJDMPVACGZROQI', 'UUID: e1176e85-c0bb-4fc6-be6f-21faeef95e31', 'Domain: SUB092.vuahethong.com', 'Addons Repo', and 'Dependencies'. The 'Config' section lists details like 'Namespace: SUB092', 'Config: RAM: 1GB, CPU: 1GB, DISK: 20TB'. Below these sections, there is a 'Force Extend Date' checkbox.

Hình 224: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 33)

- Trong thẻ **License Details** có phần quản lý tiến trình chủ động và hoạt động độc lập với thanh tiến trình của **Subscription** (chỉ khi đóng **Subscription** thì dịch vụ cũng sẽ đóng theo)
- Có các nút chính để gửi request đến server: **Create-Redeploy, Stop, Delete:**

Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration 7 hien nguyen (demo02)

Quotations / S00311 / YEA/SUB092 - Nguyen Van A

Edit Action 1 / 1 < >

Renewal Quotation Upsell Close Draft In Progress Closed

Customer Preview 2 Invoices 3 Sales

★ YEA/SUB092 - Nguyen Van A

Customer	Nguyen Van A	Subscription	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Template	
Start Date	11/22/2021	Salesperson	hien nguyen
End Trial Date	12/22/2021 → Goto Invoice paid	Sales Team	Sales
End Date	12/22/2026		
Date of Next Invoice	12/22/2022 → Generate Invoice		

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Redeploy Stop Delete Pending Running Closed Deleted

Hình 225: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 34)

- **Hidden State:** Cho biết tình trạng thực của hosting khi bị cưỡng chế đóng (đôi khi hosting có thể bị dừng vì một vài lý do như: quá hạn, subscription bị đóng,...). Lúc này, Hidden sẽ cho biết trạng thái của hosting khi không bị cưỡng chế đóng:

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Redeploy Stop Delete Pending Running Closed Deleted

Hidden State	Running	Namespace	SUB092
User	Nguyen Van A	Config	RAM: 1GB
License Key	SUB09220211122HFJDMPCVACGZROQI		CPU: 1GB
UUID	e1176e85-c0bb-4fc6-be6f-21faeef95e31		DISK: 20TB
Domain	SUB092.vuahethong.com		
Addons Repo			
Dependencies			

Force Extend Date

Hình 226: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 35)

- **License Key:** Được tạo ra theo cú pháp: Tên **Subscription** + thời gian tạo + 15 kí tự ngẫu nhiên. **User** sẽ dùng để kích hoạt hosting;
- **UUID:** Mỗi User sẽ có một UUID duy nhất để quản lý trong hệ thống:

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Redeploy Stop Delete Pending Running Closed Deleted

Hidden State	Running	Namespace	SUB092
User	Nguyen Van A	Config	RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 20TB
License Key	SUB09220211122HFJDMPVACGZROQI		
UUID	e1176e85-c0bb-4fc6-be6f-21faeef95e31		
Domain	SUB092.vuahethong.com		
Addons Repo			
Dependencies			

Force Extend Date

Hình 227: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 36)

- **Domain:** Tên domain;
- **Addons Repo:** Link repo chứa mã nguồn của website. Ví dụ: link github, gitlab,...
- **Dependencies:** Tên những công nghệ, phần mềm cần sử dụng:

Subscription Lines Changes Other Info License Details

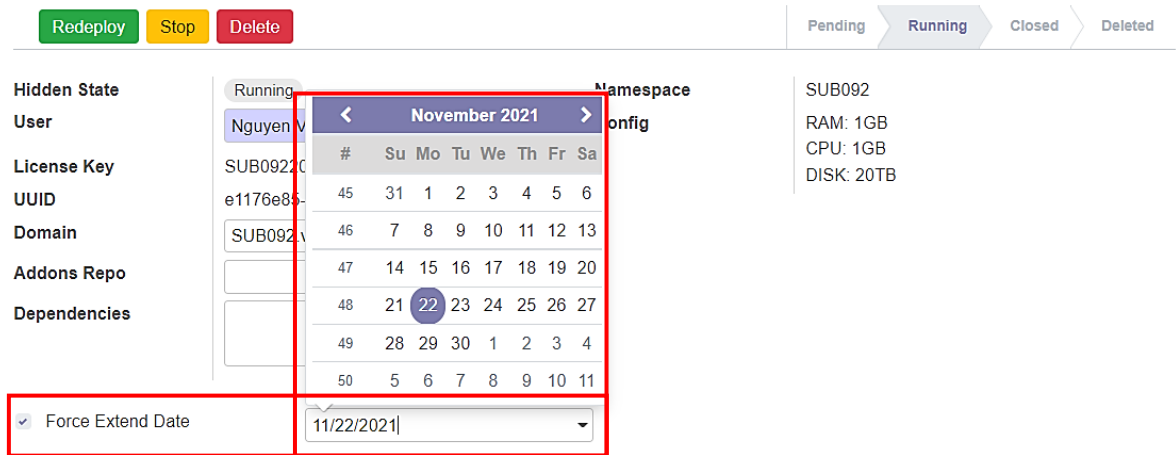
Redeploy Stop Delete Pending Running Closed Deleted

Hidden State	Running	Namespace	SUB092
User	Nguyen Van A	Config	RAM: 1GB CPU: 1GB DISK: 20TB
License Key	SUB09220211122HFJDMPVACGZROQI		
UUID	e1176e85-c0bb-4fc6-be6f-21faeef95e31		
Domain	SUB092.vuahethong.com		
Addons Repo			
Dependencies			

Force Extend Date

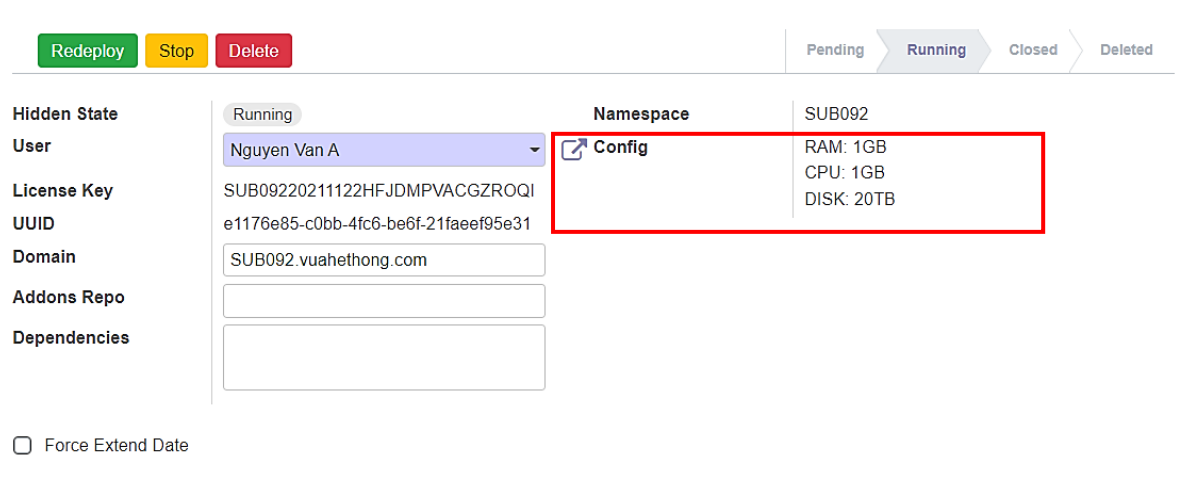
Hình 228: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 37)

- **Force Extend Date:** Sử dụng để can thiệp khi **hosting** bị cưỡng chế đóng do trễ hạn
 - ➔ Khi **Force Extend Date** được chọn. Ngày hết hạn của hosting sẽ phụ thuộc vào ngày được chọn trong **Force Extend Date**. Khi khách hàng vì lý do nào đó không gia hạn đúng ngày nhưng có cam kết sẽ thanh toán thì đây sẽ là giải pháp tốt nhất để can thiệp và giữ cho **hosting** không bị đóng:



Hình 229: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 38)

- Phần **Config** sẽ cho biết thông số của gói hosting đang sử dụng:



Hình 230: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 39)

- Lấy ví dụ: Ngày hôm nay là **22/11/2021**;
- Hóa đơn đầu tiên của sản phẩm dịch vụ hosting có trạng thái là **Partial** (đã trả một phần);
- Khi **End Trial Date** bị trễ (đã bị chỉnh thành ngày **21/11/2021** để kiểm tra):
 - ➔ Trạng thái của hosting là **Closed** (khi chưa thanh toán toàn bộ hóa đơn, chỉ có thể sử dụng **hosting** này trong thời gian dùng thử):

★ YEA/SUB094 - Nguyen Van A

Customer	Nguyen Van A	Subscription Template	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Salesperson	hien nguyen
Start Date	11/22/2021	Sales Team	Sales
End Trial Date	11/21/2021 → Goto Invoice partial		
End Date	12/22/2026		
Date of Next Invoice	12/22/2022 → Generate Invoice		

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Redeploy Start Delete Pending Running Closed Deleted

Hình 231: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 40)

- Vào **Goto Invoice** để tiến hành thanh toán phần còn lại của hóa đơn:

Subscriptions Subscriptions Reporting Configuration hien nguyen (demo03)

Subscriptions / YEA/SUB094 - Nguyen Van A

Edit Create Action 4 / 7 < >

Upsell Close Draft In Progress Closed

Customer Preview 2 Invoices 1 Sales

★ YEA/SUB094 - Nguyen Van A

Customer	Nguyen Van A	Subscription Template	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Salesperson	hien nguyen
Start Date	11/22/2021	Sales Team	Sales
End Trial Date	12/22/2021 → Goto Invoice partial		
Date of Next Invoice	11/21/2022 → Generate Invoice		

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Product	Description	Quantity	UoM	Unit Price	Subtotal
Server (1GB, 1GB, 20TB)	Server (1GB, 1GB, 20TB)	1.00	Years	11,000,000 đ	11,000,000 đ

Recurring Price: 11,000,000 đ

Hình 232: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 41)

- Hóa đơn cần thanh toán phần còn lại để trạng thái là **Paid**:

The screenshot shows a software interface for a Customer Invoice. At the top, there is a navigation bar with 'Sales' and various menu items like 'Orders', 'To Invoice', 'Products', 'Reporting', and 'Configuration'. Below this, the invoice details are displayed: 'Quotations / S00315 / YEA/SUB094 - Nguyen Van A / INV/2021/11/0008'. There are buttons for 'Edit', 'Print', and 'Action'. A secondary bar contains 'Send & Print', 'Register Payment', 'Preview', 'Add Credit Note', and 'Reset to Draft'. The main content area shows the invoice title 'Customer Invoice INV/2021/11/0008' and a table of details:

Customer	Nguyen Van A 80 trung cong dinh Vũng Tàu Vietnam – AAA111111	Invoice Date	11/22/2021
Delivery Address	Nguyen Van A	Due Date	30 Days in VND
Payment Reference	INV/2021/11/0008		

A green diagonal sticker with the word 'PARTIAL' is placed in the top right corner of the invoice details area, indicating that the invoice is not fully paid.

Hình 233: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 42)

- Thanh toán hoàn tất, tiến hành quay về **Subscription**:

This screenshot is similar to the previous one, showing the same Customer Invoice 'INV/2021/11/0008'. However, the green diagonal sticker in the top right corner now says 'PAID', indicating that the invoice has been fully paid. The rest of the interface, including the navigation bar, menu items, and invoice details table, remains identical to the previous screenshot.

Hình 234: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 43)

- Trạng thái của hóa đơn chuyển sang **Paid**;
- Trạng thái của **hosting** từ **Closed** chuyển sang **Running**;
- Sau khi thanh toán toàn bộ hóa đơn, **End Trial Date** bị trễ sẽ không khiến **hosting** bị cưỡng chế đóng nữa:

The screenshot shows a CRM interface for a subscription. The main header is 'Sales' with navigation links for Orders, To Invoice, Products, Reporting, and Configuration. The user is 'hien nguyen (demo02)'. The current view is 'Quotations / S00315 / YEA/SUB094 - Nguyen Van A'. There are buttons for 'Edit' and 'Action'. Below this are tabs for 'Renewal Quotation', 'Upsell', and 'Close', and a status bar with 'Draft', 'In Progress', and 'Closed'. A summary bar shows 'Customer Preview', '1 Invoices', and '1 Sales'. The main content area is titled '★ YEA/SUB094 - Nguyen Van A'. It contains a table of subscription details:

Customer	Nguyen Van A	Subscription Template	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Salesperson	hien nguyen
Start Date	11/22/2021	Sales Team	Sales
End Trial Date	12/22/2021 → Goto Invoice paid		
End Date	12/22/2026		
Date of Next Invoice	12/22/2022 → Generate Invoice		

Below the table are tabs for 'Subscription Lines', 'Changes', 'Other Info', and 'License Details'. At the bottom, there are buttons for 'Redeploy', 'Stop', and 'Delete', and a status bar with 'Pending', 'Running', 'Closed', and 'Deleted'. The 'Running' status is highlighted in a red box.

Hình 235: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 44)

- **Date of Next Invoice** là hạn của một gói hoàn chỉnh, vậy nên nếu trễ thì **hosting** sẽ bị cưỡng chế đóng;
- Khách hàng cần thanh toán hóa đơn tiếp theo để duy trì **hosting**. Trong trường hợp bị trễ hạn nhưng vẫn cam kết sẽ đóng đủ:
 - ➔ Nhân viên trong hệ thống sẽ sử dụng **Force Extend Date** để duy trì trạng thái của hosting dù đã trễ hạn:

Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration 7 hien.nguyen (demo02)

Quotations / S00315 / YEA/SUB094 - Nguyen Van A

Edit Action 1 / 1 < >

Renewal Quotation Upsell Close Draft In Progress Closed

Customer Preview 1 Invoices 1 Sales

★ YEA/SUB094 - Nguyen Van A

Customer	Nguyen Van A	Subscription	YEA - Yearly Subscription
Pricelist	VND (VND)	Template	
Start Date	11/22/2021	Salesperson	hien.nguyen
End Trial Date	12/22/2021 → Goto Invoice paid	Sales Team	Sales
End Date	12/22/2026		
Date of Next Invoice	11/21/2021 → Generate Invoice		

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Redeploy Start Delete Pending Running Closed Deleted

Hình 236: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 45)

- Sử dụng **Force Extend Date** và duy trì trạng thái hạt động của hosting đến cuối tháng;
- Nếu trễ hạn **Force Extend Date**, hosting sẽ bị cưỡng chế đóng:

Redeploy Stop Delete Pending Running Closed Deleted

Hidden State	Running	Namespace	SUB094
User	Nguyen Van A	Config	
License Key	SUB09420211122CKSWIEGVHZNXLUT	RAM	1GB
UUID	21fd2675-2950-4069-9737-91596acc0187	CPU	1GB
Domain	SUB094.vuahethong.com	DISK	20TB
Addons Repo			
Dependencies			

Force Extend Date 11/22/2021

Hình 237: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 46)

- Tiến hành xóa **hosting** khi bị cưỡng chế đóng;
- Trong trường hợp bị cưỡng chế đóng:
 - Trạng thái hosting là **Closed**, không thể **Start** lại;
 - Có thể xóa **hosting**;
 - Sau khi **Create** lại thì **hosting** sẽ mặc định trạng thái là **Closed** thay vì **Running**;

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Redeploy Start **Delete** Pending > Running > Closed > Deleted

Hidden State	Running	Namespace	SUB094
User	Nguyen Van A	Config	RAM: 1GB
License Key	SUB09420211122CKSWIEGVHZNXLUT		CPU: 1GB
UUID	21fd2675-2950-4069-9737-91596acc0187		DISK: 20TB
Domain	SUB094.vuahethong.com		
Addons Repo			
Dependencies			

Force Extend Date 11/21/2021

Hình 238: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 47)

- Cửa sổ hiện lên yêu cầu nhập lại **Namespace** để xác nhận:

Confirmation Required

You are going to delete the instance : **SUB094**. All data will be lost and cannot recovered. Are you **ABSOLUTELY** sure?

This action can lead to data loss. To prevent accidental actions we ask you to confirm your intention.

Please type **SUB094** to proceed or close this modal to cancel.

Delete Cancel

Hình 239: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 48)

- Trạng thái **hosting** là **Deleted**;
- Chọn **Create**:

Sales Orders To Invoice Products Reporting Configuration hien.nguyen (demo02)

Quotations / S00315 / YEA/SUB094 - Nguyen Van A

Edit Action 1 / 1 < >

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Create Pending Running Closed Deleted

Hidden State	Deleted	Namespace	SUB094
User	Nguyen Van A	Config	RAM: 1GB
License Key	SUB09420211122CKSWIEGVHZNXLUT		CPU: 1GB
UUID	21fd2675-2950-4069-9737-91596acc0187		DISK: 20TB
Domain	SUB094.vuahethona.com		

Hình 240: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 49)

- Trạng thái vẫn là **Closed**;
- **Hidden State** là **Running**: đây là trạng thái của **hosting** nếu không bị hạn chế đóng:

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Redeploy Start Delete Pending Running Closed Deleted

Hidden State	Running	Namespace	SUB094
User	Nguyen Van A	Config	RAM: 1GB
License Key	SUB09420211122CKSWIEGVHZNXLUT		CPU: 1GB
UUID	21fd2675-2950-4069-9737-91596acc0187		DISK: 20TB
Domain	SUB094.vuahethong.com		
Addons Repo			
Dependencies			

Force Extend Date 11/21/2021

Hình 241: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 50)

- Các trường khai báo bên dưới có thể được nhập từ trong **Back-end**. Nhưng trên thực tế, đây là những trường sẽ được khách hàng nhập trong giao diện **Website**;
- Có thể chọn **Edit** và thêm vào nếu cần thiết:

Subscription Lines Changes Other Info License Details

Redeploy Start Delete Pending > Running > Closed > Deleted

Hidden State	Running	Namespace	SUB094
User	Nguyen Van A	Config	RAM: 1GB
License Key	SUB09420211122CKSWIEGVHZNXLUT		CPU: 1GB
UUID	21fd2675-2950-4069-9737-91596acc0187		DISK: 20TB
Domain	SUB094.vuahethong.com		
Addons Repo	https://gitlab.com/my_repo		
Dependencies	odoo postgres		

Force Extend Date 11/21/2021

Hình 242: Quy trình quản lý các gói dịch vụ (Bước 51)

3.12 WEBSITE

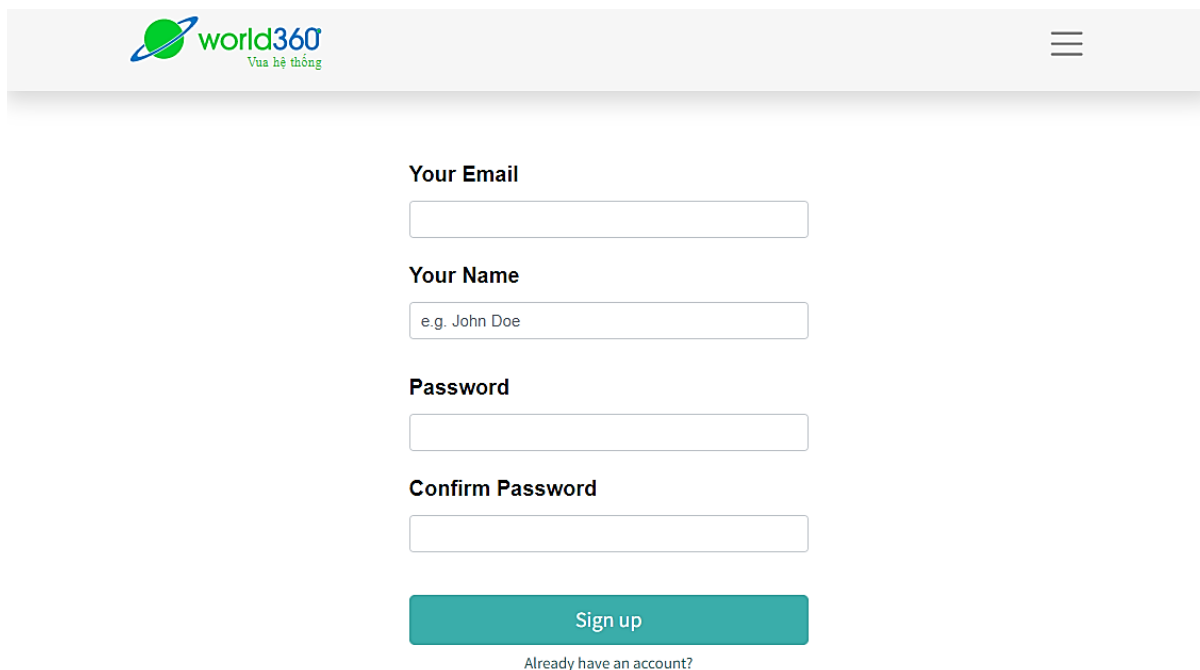
- Đây là website với 2 chức năng là bán hàng và cung cấp dịch vụ hosting.
- Đối với chức năng cung cấp dịch vụ hosting cho phép nhân viên quản lý thông tin hàng hóa, thông tin server, thông tin khách hàng, tình trạng hàng hóa trong hệ thống bán hàng online và cung cấp dịch vụ.
- Đối với chức năng bán hàng cho phép người dùng có thể sử dụng hệ thống để mua hàng trực tuyến và sử dụng các dịch vụ của Website.

Website bao gồm những trang chính:

- Trang “Sign up”;
- Trang “Login”;
- Trang “Home”;
- Trang “Contact”;
- Trang “Shop”;
- Trang “Product”;
- Trang “Pricing”;
- Trang “Cart”;
- Trang “Address”;
- Trang “Payment”;
- Trang “Confirmation”;
- Trang “Subscription”.

3.12.1 Trang “Sign up”

- Người dùng chưa có tài khoản sẽ phải đăng kí tài khoản để có thể tiến hành mua hàng. Thông tin đăng kí tài khoản bao gồm:
 - Địa chỉ Email;
 - Tên tài khoản;
 - Mật khẩu;
 - Nhập lại mật khẩu.



Your Email

Your Name

Password

Confirm Password

Sign up

[Already have an account?](#)

Hình 243: Trang Sign up

3.12.2 Trang “Login”

- Người dùng đã tạo tài khoản có thể tiến hành đăng nhập. Các trường cần khai bao khi đăng nhập bao gồm:
 - Địa chỉ Email;
 - Mật khẩu.

Database

demo02

Select

Email

admin

Password

.....

Log in

[Don't have an account?](#)

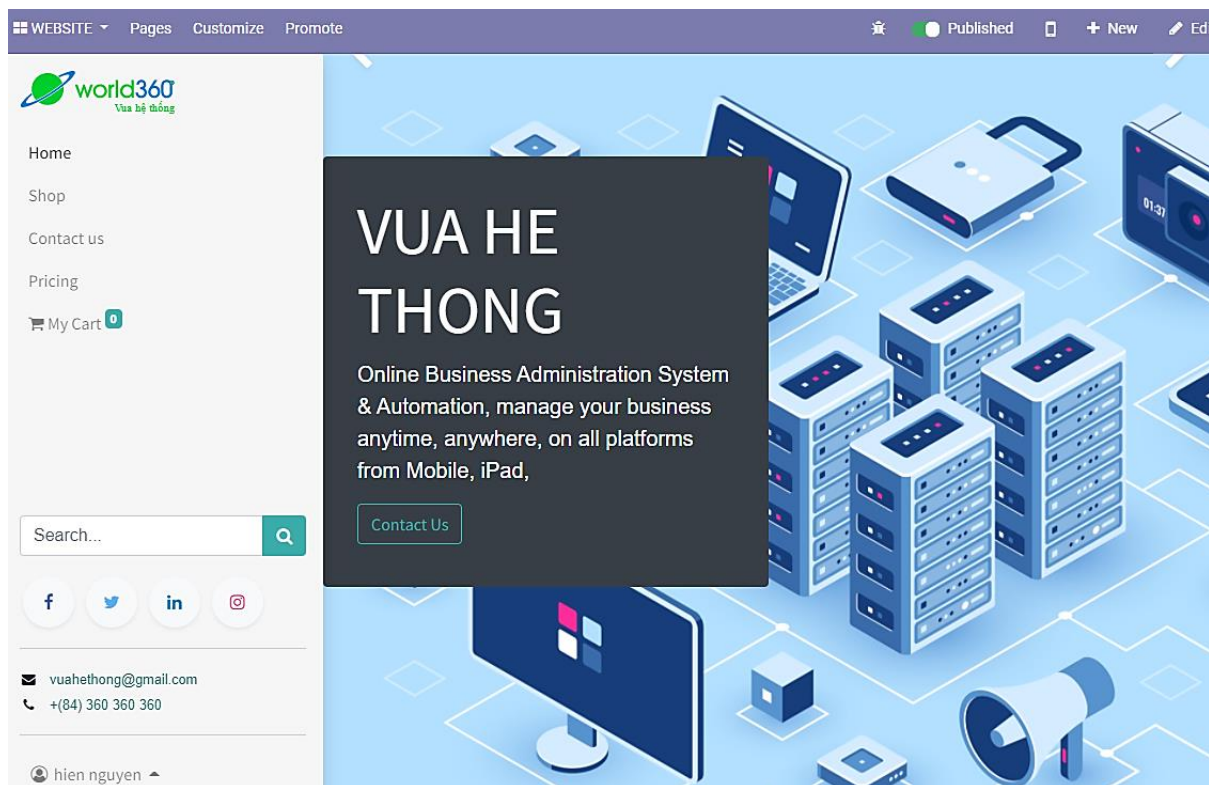
[Reset Password](#)

[Log in as superuser](#)

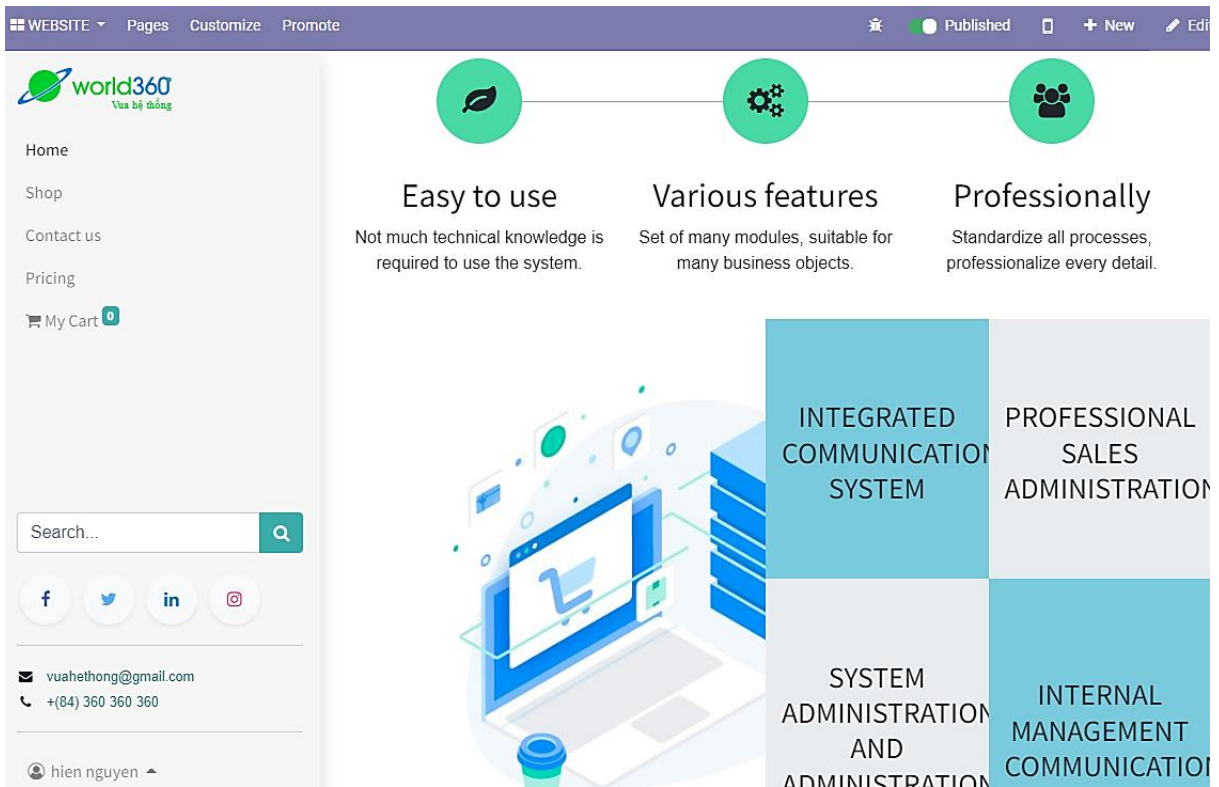
Hình 244: Trang Login

3.12.3 Trang “Home”

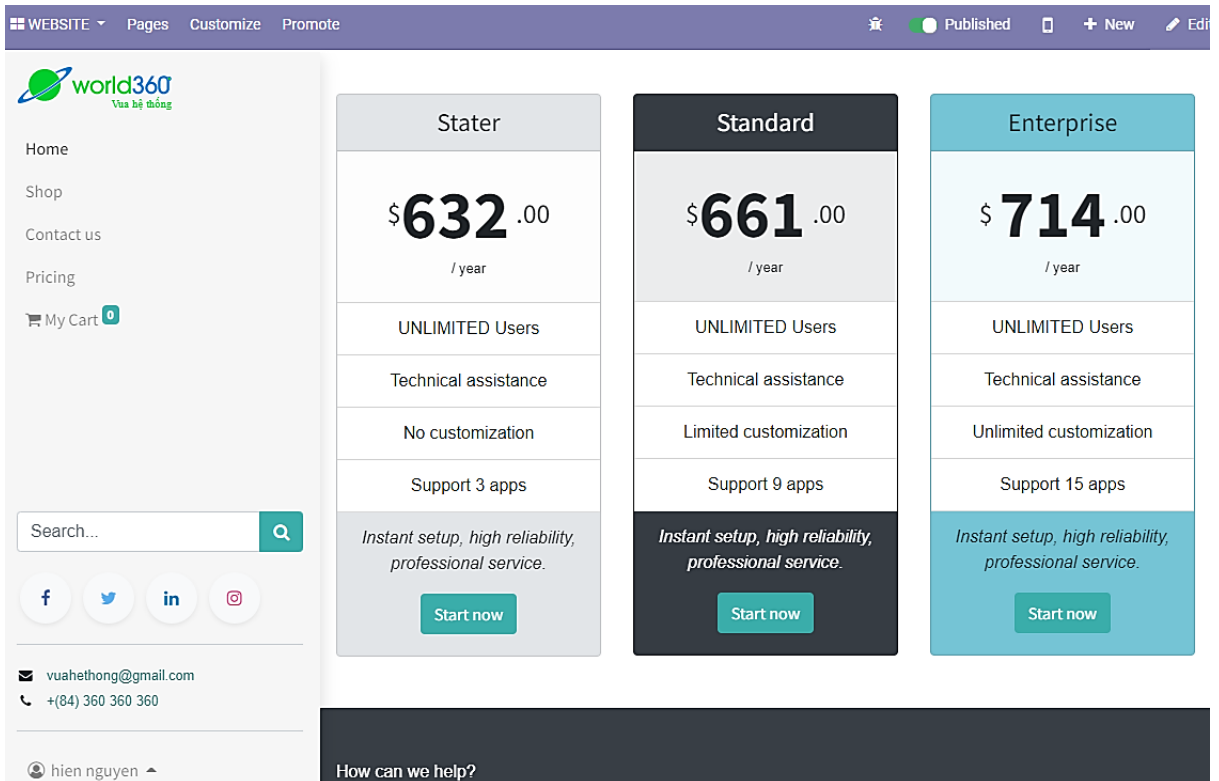
- Tại trang “Home”, người dùng có thể xem thông tin của công ty, xem các dịch vụ và chính sách của công ty;
- Người dùng có thể xem các danh mục của trang web ở thanh sidebar bên trái:



Hình 245: Trang Home 01



Hình 246: Trang Home 02



Hình 247: Trang Home 03

3.12.4 Trang “Contact Us”

- Người dùng có thể gửi yêu cầu, thắc mắc thông qua trang này:

Hình 248: Trang Contact Us

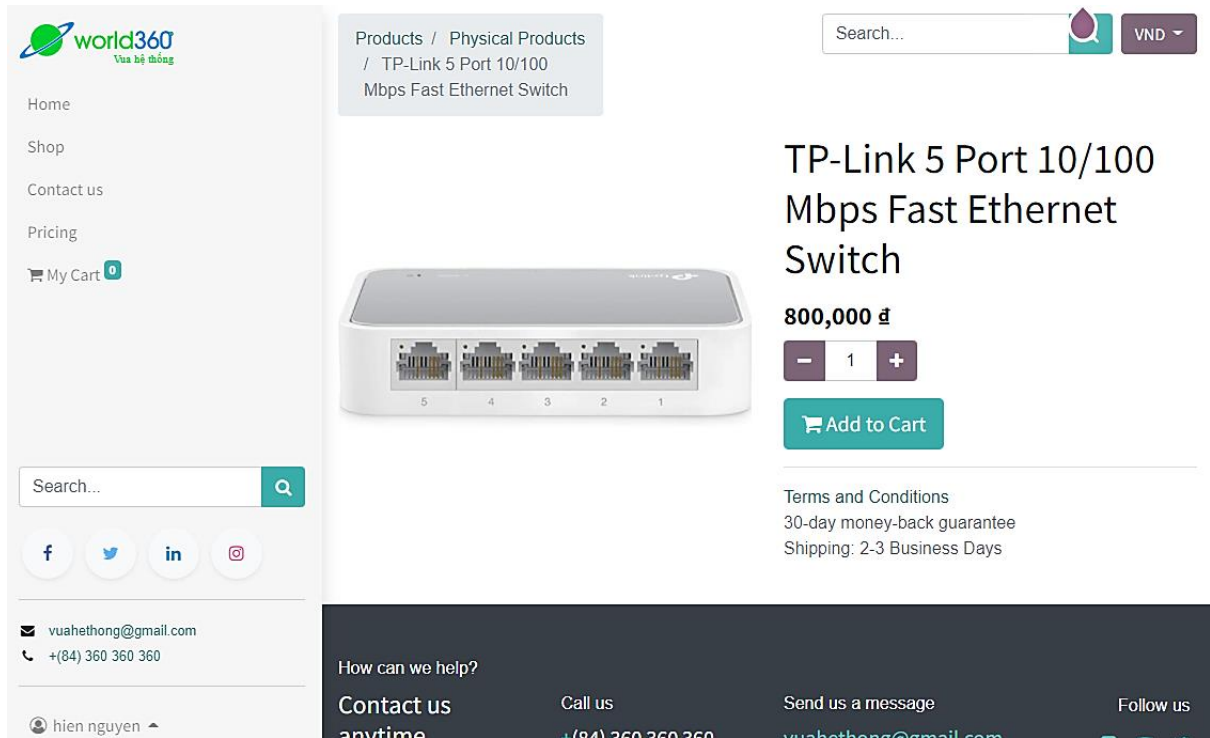
3.12.5 Trang “Shop”

- Sản phẩm có thể được search theo tên, lọc theo chữ cái, thay đổi đơn vị tiền tệ, đồng thời phân loại theo từng categories cụ thể:

Hình 249: Trang Shop

3.12.6 Trang “Product Details”

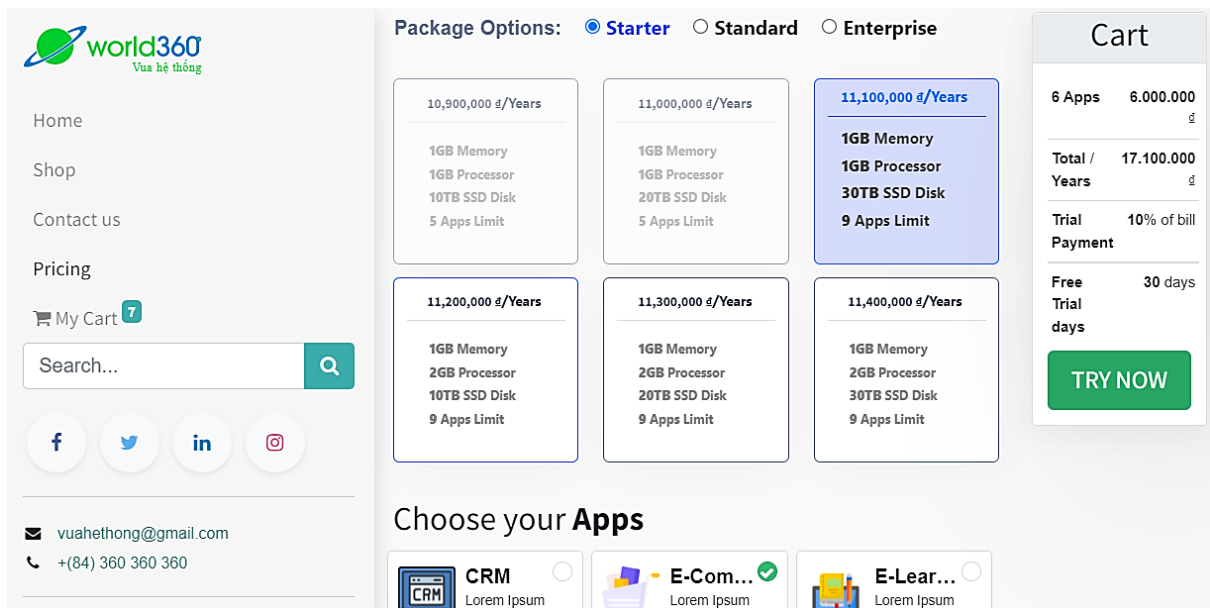
- Người dùng có thể xem chi tiết của sản phẩm thông qua trang “Product Details” bằng cách nhấn vào sản phẩm:



Hình 250: Trang Product Details

3.12.7 Trang “Pricing”

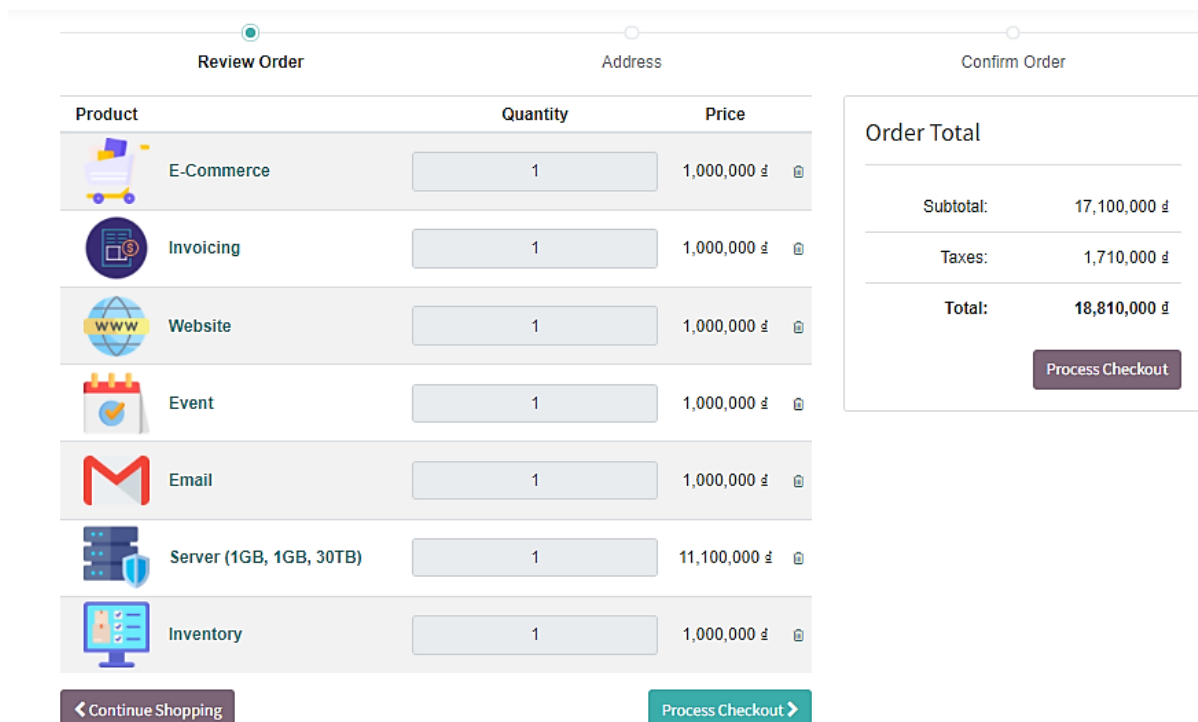
- Khu vực người dùng có nhu cầu về dịch vụ hosting;
- Khi người dùng chọn ít nhất một Apps, gói Server kèm theo là bắt buộc:



Hình 251: Trang Pricing

3.12.8 Trang “Cart”

- Sau khi thêm các sản phẩm vào giỏ, người dùng có thể vào giỏ hàng để kiểm tra lại các sản phẩm đã chọn;
- Người dùng có thể xóa bớt sản phẩm trong giỏ hàng. Đối với sản phẩm không phải là dịch vụ, người dùng có thể thêm bớt số lượng;
- Số lượng của sản phẩm khi bị trừ về 0 sẽ được xem là xóa khỏi giỏ hàng;



Hình 252: Trang Cart

3.12.9 Trang “Address” (dành cho khách hàng chưa tạo tài khoản)

- Người dùng cần cung cấp thông tin địa chỉ khi mua hàng;
- Nếu người dùng đã có tài khoản trước đó (đã điền đầy đủ thông tin địa chỉ) thì có thể tiến hành đăng nhập để bỏ qua bước này khi mua hàng;

Your Address or [Log In](#)

Name

Email **Phone**

Company Name **TIN / VAT**

Street and Number

Street 2

City **Zip Code**

Country

[← Back](#) [Next →](#)

Hình 253: Trang Address

3.12.10 Trang “Payment”

- Trang “Payment” là khu vực dùng để thanh toán sản phẩm;
- Khi có sản phẩm dịch vụ hosting xuất hiện trong giỏ hàng:
 - Xuất hiện đề xuất dùng thử trả trước 10% trong vòng 30 ngày trước khi thanh toán 90% còn lại;
 - Những sản phẩm dịch vụ nói chung và sản phẩm Server sẽ có Label và nằm trong từng Section riêng;
 - Các sản phẩm bình thường sẽ có Label và nằm trong Section riêng.
- Chính sách dùng thử và trả trước 10% chỉ áp dụng cho Server Package và Digital Package (sản phẩm thường trong giỏ hàng sẽ không được áp dụng chính sách này):

✔
Review Order

✔
Address

○
Confirm Order

Billing: 80 trung cong dinh, VT, BRVT, Bà Rịa - Vũng Tàu Vietnam ✎ Edit

Payment Package (Only for Server and Digital Product)

FULLPAYMENT + 30 DAYS
(Fully payment will get + 30 days bonus)

PAY 10% AND TRIAL IN 30 DAYS

Pay with

Wire Transfer

Credit Card (powered by Stripe) Test Mode
 and more

XXXXXXXXXXXX4242 ✓

XXXXXXXXXXXX4242 ✓

Product	Quantity	Price
Digital Product		
E-Commerce	1.0	1,000,000 đ
Invoicing	1.0	1,000,000 đ
Website	1.0	1,000,000 đ
Event	1.0	1,000,000 đ
Email	1.0	1,000,000 đ
Inventory	1.0	1,000,000 đ
Server Package		
Server (1GB, 1GB, 30TB)	1.0	11,100,000 đ
Subtotal:		17,100,000 đ
Taxes:		1,710,000 đ
Total:		18,810,000 đ

Hình 254: Trang Payment

- Khi không có sản phẩm hosting xuất hiện trong giỏ hàng:
 - Không xuất hiện đề xuất dùng thử 10% trong 30 ngày;
 - Các sản phẩm bình thường sẽ có Label và nằm trong Section riêng:

✔
Review Order

✔
Address

○
Confirm Order

Billing & Shipping: 80 trung cong dinh, VT, BRVT, Bà Rịa - Vũng Tàu Vietnam ✎ Edit

Pay with

Wire Transfer

Credit Card (powered by Stripe) Test Mode
 and more

XXXXXXXXXXXX4242 ✓

XXXXXXXXXXXX4242 ✓

XXXXXXXXXXXX4242 ✓

XXXXXXXXXXXX4242 ✓

Product	Quantity	Price
Normal Product		
TP-Link 5 Port 10/100 Mbps Fast Ethernet Switch	1.0	800,000 đ
Subtotal:		800,000 đ
Taxes:		80,000 đ
Total:		880,000 đ

Hình 255: Trang Payment

3.12.11 Trang “Confirmation”

- Khi khách hàng tiến hành thanh toán online sẽ chuyển đến trang “Confirmation”.
- Trang “Confirmation” sẽ cho biết tình trạng thay toán của đơn hàng:
 - Thông báo thanh toán thành công và được hệ thống Confirm;
 - Thông báo thanh toán thất bại và nêu nguyên nhân.
- Thanh toán sản phẩm không phải dịch vụ hosting thành công sẽ xuất hiện thông báo và không Redirect đến trang nào khác:

Order S00316 Confirmed

Thank you for your order. [Print](#)

Payment Information:

Stripe	Total: 880,000 đ
Your payment has been successfully processed. Thank you!	
Billing & Shipping: 80 trung cong dinh, VT, BRVT, Bà Rịa - Vũng Tàu Vietnam	
Your order: 880,000 đ	▼

Hình 256: Trang Confirmation

3.12.12 Trang “Subscription”

- Trang “Subscription” giúp khách hàng quản lý, chỉnh sửa, nâng cấp gói dịch vụ hosting;
- Khách hàng sẽ được chuyển đến trang này sau khi thanh toán thành công sản phẩm dịch vụ hosting;
- Ở đây, khách hàng có thể thiết lập các trường dữ liệu của dịch vụ;
- Có thể dễ dàng nâng cấp gói dịch vụ thông qua giao diện trực quan:

Next Invoice: 12/22/2022
Amount: 13,090,000 đ

[Set Payment Method](#)

[Close Subscription](#)

[Goto: SUB096.vuaheth...](#)

[Restart Server](#)

[Change Domain](#)

[Set Addons Repo](#)

[Set Dependencies](#)

Powered by world360

Subscription - YEA/SUB096 - BVU, hien nguyen ✔ In Progress

Your Plan

Current Plan: Yearly Subscription
Reference: SUB096
Billing: Every 1 years
Free trial: 30 days
Valid Until: 12/22/2026
Start Date: 11/22/2021
Next Invoice: 12/22/2022
License Key: SUB09620211122CRFTDWLJAEIGUHS

Your Details

BVU, hien nguyen
 80 trương công đình
VT
BRVT
Bà Rịa - Vũng Tàu Vietnam
 0798120731
 hienlegend24@gmail.com
(Wrong address?)

Plan Details

Package Options: **Starter** Standard Enterprise

<p style="text-align: center;">10,900,000 đ/Years</p> <p style="text-align: center;">1GB Memory 1GB Processor 10TB SSD Disk</p> <p style="text-align: center; background-color: #ffc107; padding: 2px;">Trial 30 days </p>	<p style="text-align: center;">11,000,000 đ/Years</p> <p style="text-align: center;">1GB Memory 1GB Processor 20TB SSD Disk</p> <p style="text-align: center;">Upgrade </p>	<p style="text-align: center;">11,100,000 đ/Years</p> <p style="text-align: center;">1GB Memory 1GB Processor 30TB SSD Disk</p> <p style="text-align: center;">Upgrade </p>
--	---	---

Hình 257: Trang Subscription 01

[Set Addons Repo](#)

[Set Dependencies](#)

Powered by world360

Upgrade

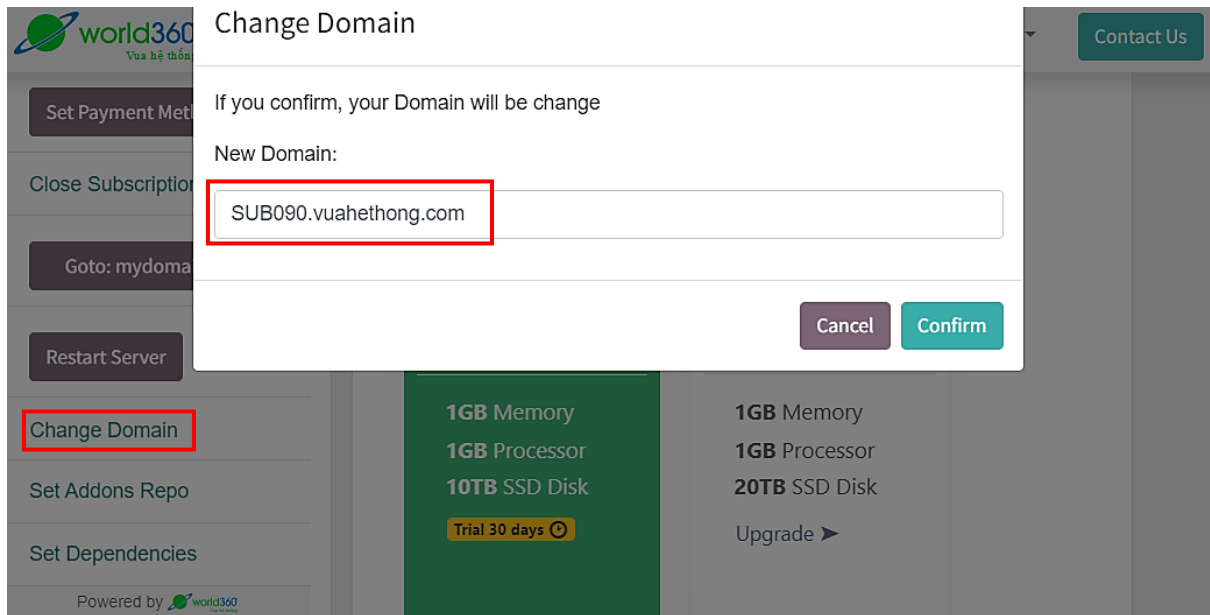
Upgrade

Upgrade

Product	Quantity	Unit Price	Total Price
Website	1.0 Years	1,000,000 đ	1,000,000 đ
Server (1GB, 1GB, 10TB)	1.0 Years	10,900,000 đ	10,900,000 đ
Subtotal			11,900,000 đ
Taxes			1,190,000 đ
Next Billing Amount:			13,090,000 đ

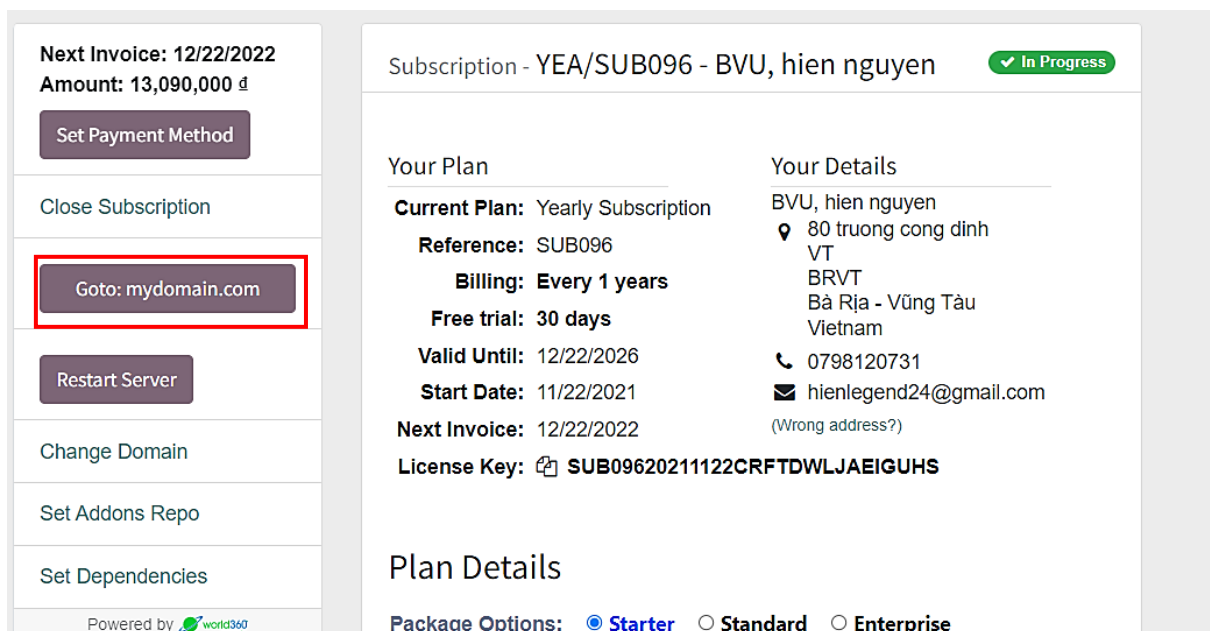
Hình 258: Trang Subscription 02

- Tiến hành đổi **domain** (khi khởi tạo một gói **hosting** thì **domain** đồng thời cũng được **server** tạo mặc định theo cú pháp: “Mã *Subscription.vuahethong.com*”):



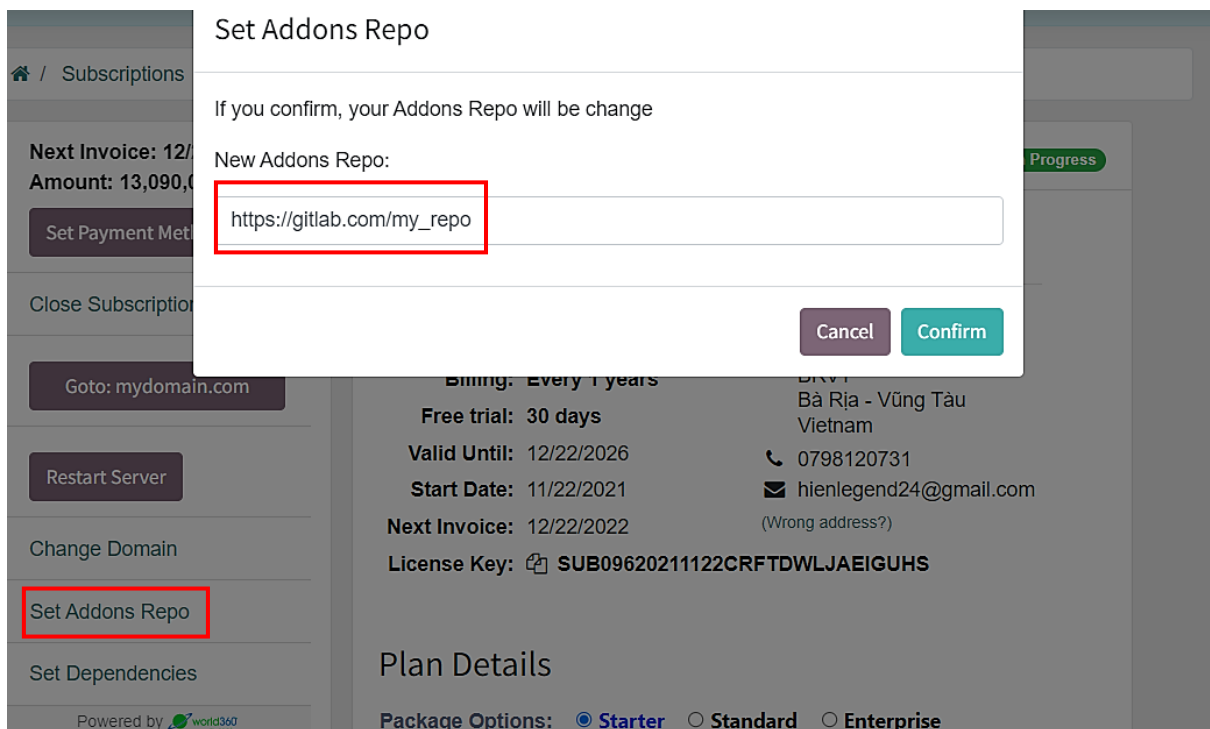
Hình 259: Trang Subscription 03

- Sau khi đổi **domain**, Button dùng để di chuyển nhanh đến domain cũng đã được thay đổi theo:



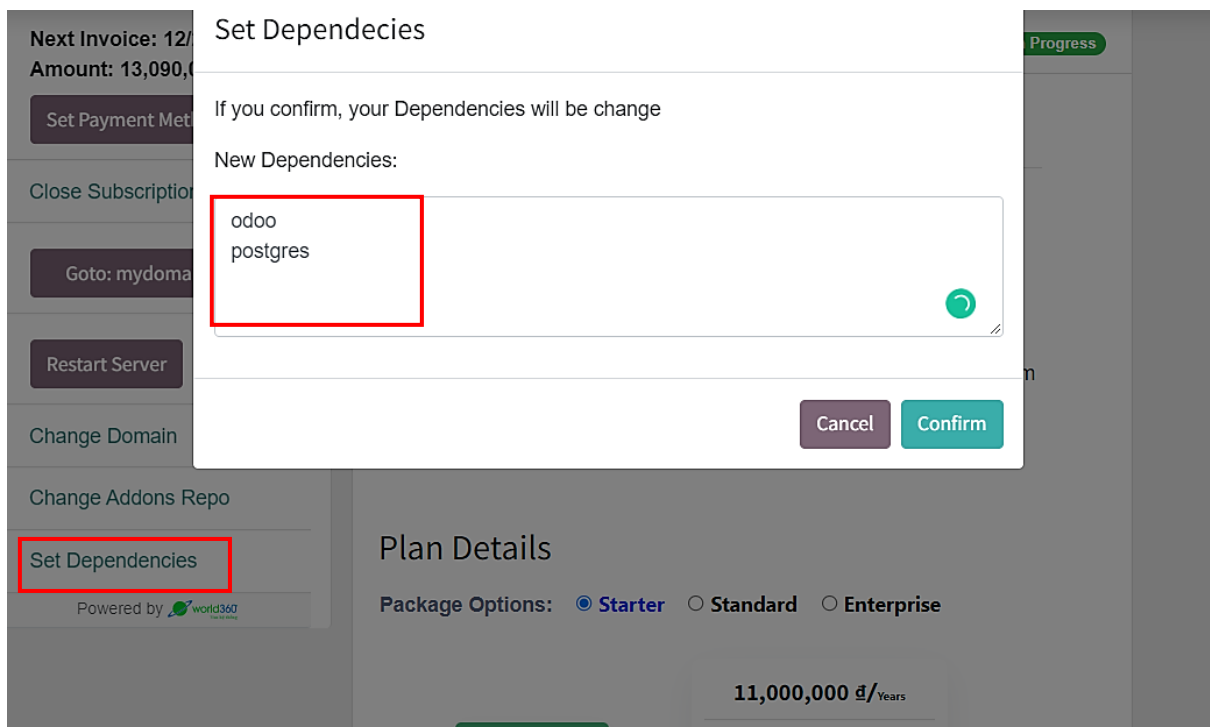
Hình 260: Trang Subscription 04

- Tiến hành thêm **Addons Repo** (địa chỉ liên kết đến mã nguồn lưu trữ tại **github, gitlab,..**):



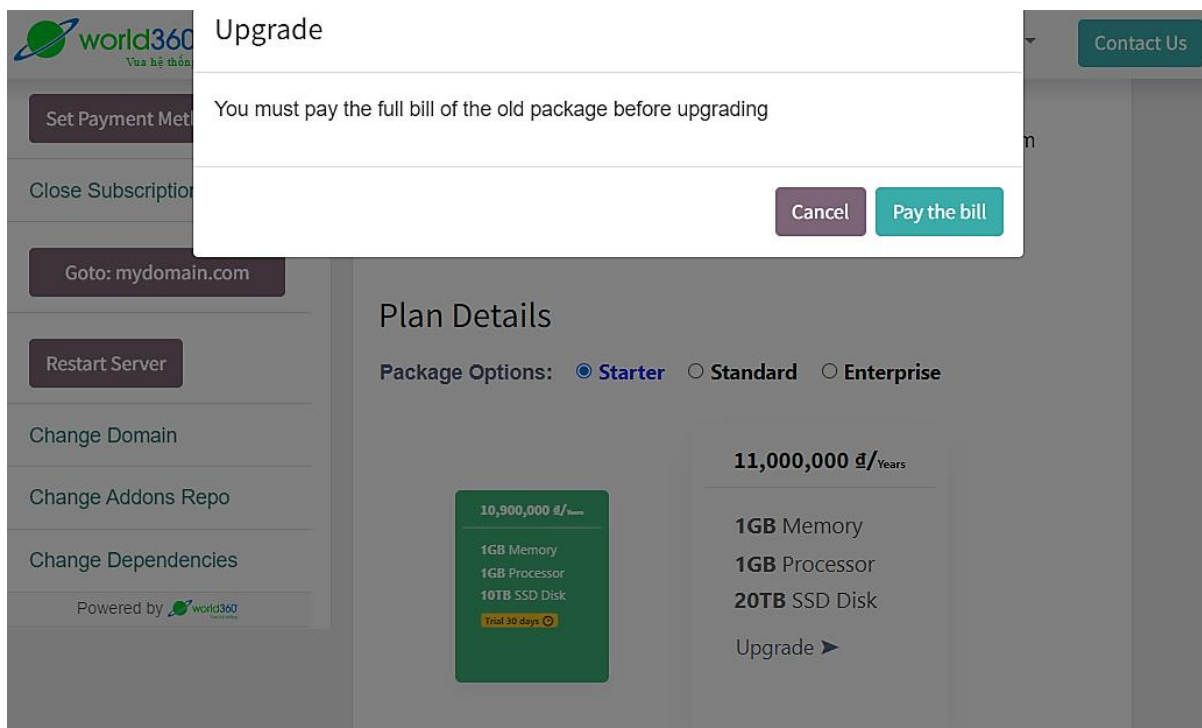
Hình 261: Trang Subscription 05

- Tiến hành thêm **Dependencies**:



Hình 262: Trang Subscription 06

- Vì đang sử dụng chính sách dùng thử của gói dịch vụ (đã trả trước 10% hóa đơn), khi khách hàng tiến hành nâng cấp bằng cách click vào phần giao diện sẽ xuất hiện thông báo yêu cầu trả toàn bộ hóa đơn của dịch vụ (90% còn lại) trước:



Hình 263: Trang Subscription 07

- Khách hàng sau khi chấp nhận thanh toán hóa đơn sẽ được chuyển tới trang quản lý hóa đơn dành cho khách hàng để tiến hành thanh toán:

11,781,000 đ
Due in 30 days

[Pay Now](#)

[Download](#) [Print](#)

Powered by

W360S CORP
Vung Tau
Angola

BVU, hien nguyen
80 trung cong dinh
VT
BRVT
Ba Rịa - Vũng Tàu Vietnam

Invoice INV/2021/11/0010

Invoice Date: 11/22/2021 Due Date: 12/22/2021 Source: S00317

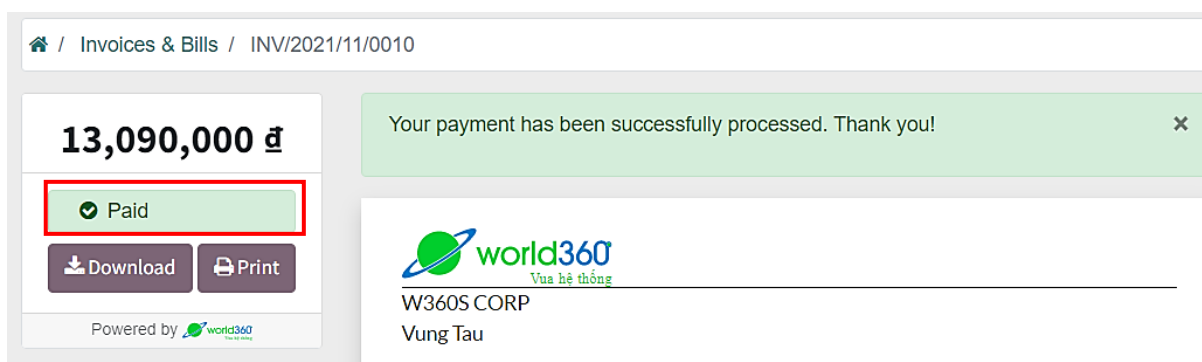
Description	Quantity	Unit Price	Taxes	Amount
Website Invoicing period: 11/22/2021 - 11/21/2022	1.00 Years	1,000,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	1,000,000 ₺
Server (1GB, 1GB, 10TB) Invoicing period: 11/22/2021 - 11/21/2022	1.00 Years	10,900,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	10,900,000 ₺
Subtotal				11,900,000 ₺
Thuế GTGT 10%				1,190,000 ₺
Total				13,090,000 ₺
Paid on 11/22/2021				1,309,000 ₺
Amount Due				11,781,000 ₺

Hình 264: Trang Subscription 08

- Khách hàng tiến hành thanh toán bằng phương thức thanh toán online:

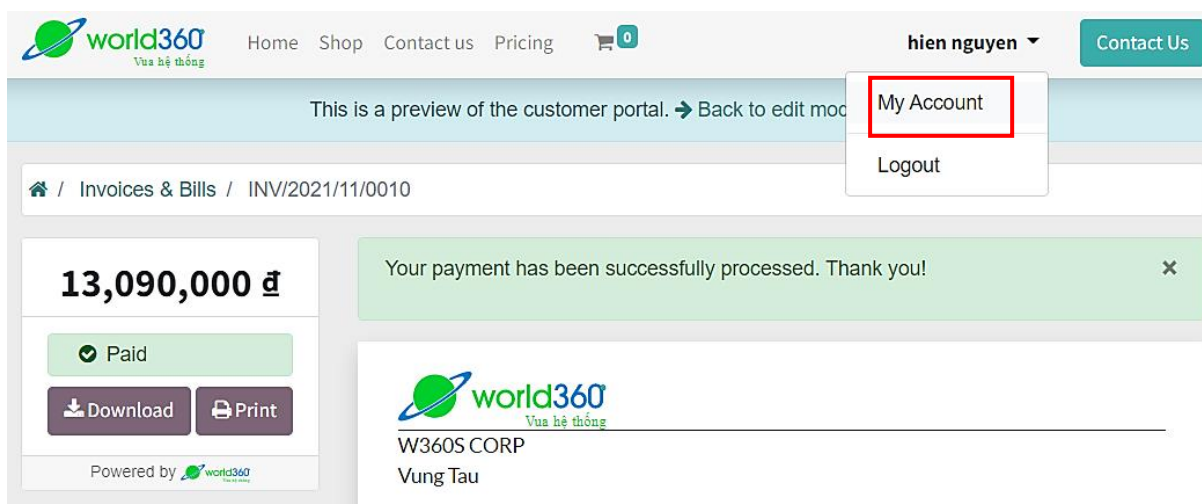
Hình 265: Trang Subscription 09

- Thanh toán thành công, hóa đơn sẽ được đánh dấu là **Paid**, số dư còn lại cũng được trừ về 0:



Hình 266: Trang Subscription 10

- Khách hàng rê chuột vào khu vực quản lý của **User** và chọn **My Account**:



Hình 267: Trang Subscription 11

- Tại đây, khách hàng có thể quản lý được **Đơn hàng, Hóa đơn, Bảng báo giá** và các dịch vụ **hosting** đã mua;
- Khi thao tác với dịch vụ **hosting**, khách hàng sẽ được luân chuyển chính xác đến các đơn hàng, hóa đơn cụ thể để dễ dàng thực hiện kiểm tra và thanh toán:

The screenshot shows the user profile page for 'hien nguyen'. On the left, under 'Documents', there are four categories: Quotations (0), Sales Orders (10), Invoices & Bills (12), and Subscriptions (2). On the right, under 'Details', the user's name is 'BVU, hien nguyen'. The address is '80 trung cong dinh VT, BRVT, Bà Rịa - Vũng Tàu Vietnam'. The phone number is '0798120731' and the email is 'hienlegend24@gmail.com'. There are links for 'Manage payment methods', 'Account Security', and 'Edit Security Settings'.

Hình 268: Trang Subscription 12

- Tiến hành chọn vào phân quản lý dịch vụ hoting và chọn gói dịch vụ cần quản lý:

The screenshot shows the 'Subscriptions' page. At the top, there are navigation links and a search bar. Below, there is a table with the following data:

Subscription	Status	Total
YEA/SUB096 - BVU, hien nguyen	In Progress	13,090,000 đ
YEA/SUB095 - BVU, hien nguyen	In Progress	880,000 đ

Hình 269: Trang Subscription 13

- Trạng thái của gói dịch vụ từ **Trial** đã chuyển sang **Activated** sau khi được thanh toán đầy đủ:

Set Payment Method

Close Subscription

Goto: mydomain.com

Restart Server

Change Domain

Change Addons Repo

Change Dependencies

Powered by world360

Billing: Every 1 years
Free trial: 30 days
Valid Until: 12/22/2026
Start Date: 11/22/2021
Next Invoice: 12/22/2022
License Key: SUB09620211122CRFTDWLJAEIGUHS

BRVT
 Bà Rịa - Vũng Tàu Vietnam
 ☎ 0798120731
 ✉ hienlegend24@gmail.com
 (Wrong address?)

Plan Details

Package Options: Starter Standard Enterprise

10,900,000 đ/Years	11,000,000 đ/Years	11,100,000 đ/Years
1GB Memory	1GB Memory	1GB Memory
1GB Processor	1GB Processor	1GB Processor
10TB SSD Disk	20TB SSD Disk	30TB SSD Disk
Activated ✓	Upgrade ►	Upgrade ►

Hình 270: Trang Subscription 14

- Tiến hành chọn một gói có giá trị cao hơn để tiến hành nâng cấp dịch vụ:

world360
 Vừa hệ thống

Upgrade

This action cannot be reversed. If you confirm, your Subscription will be upgraded

Cancel Confirm

Set Payment Method

Close Subscription

Goto: mydomain.com

Restart Server

Change Domain

Change Addons Repo

Change Dependencies

Powered by world360

10,900,000 đ/Years	11,000,000 đ/Years
1GB Memory	1GB Memory
1GB Processor	1GB Processor
10TB SSD Disk	20TB SSD Disk
Activated ✓	Upgrade ►

Hình 271: Trang Subscription 15

- Chuyển đến giao diện thanh toán;
- Khách hàng cần thanh toán khoảng chênh lệch giữa các gói dịch vụ khi nâng cấp (thay vì phải trả toàn bộ tiền của 1 gói dịch vụ);
- Nếu đã dùng gói cũ được một thời gian, số tiền cần thanh toán sẽ được tính lại dựa theo thời gian còn lại của gói cũ:

110,000 đ

✔ Sign & Pay

Download
Print

Quotation S00318

Pricing

Payment terms

History

Salesperson

hien nguyen
0798120731

Send message

Powered by world360

Quotation S00318

11/22/2021

Invoicing and Shipping Address:
BVU, hien nguyen
80 trung cong dinh
VT
BRVT
Bà Rịa - Vũng Tàu Vietnam

Pricing

Products	Quantity	Unit Price	Taxes	Amount
Server (1GB, 1GB, 20TB)	1.00 Years	11,000,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	11,000,000 đ
Down Payments				
Server (1GB, 1GB, 10TB)	-1.00 Years	10,900,000.00	Thuế GTGT phải nộp 10%	-10,900,000 đ
Subtotal				-10,900,000 đ
Subtotal				100,000 đ
Thuế GTGT 10%				10,000 đ
Total				110,000 đ

Hình 272: Trang Subscription 16

- Khách hàng xác nhận đơn hàng bằng chữ kí (có 3 hình thức: chữ kí tay, chữ kí điện tử hoặc dùng file chữ kí):

110,000 đ

✔ Sign & Pay

Download
Print

Quotation S00318

Pricing

Payment terms

History

Salesperson

hien nguyen
0798120731

Send message

Powered by world360

Validate Order

By signing this proposal, I agree to the following terms:

- Accepted on the behalf of: **BVU, hien nguyen**
- For an amount of: **110,000 đ**
- With payment terms: **Payment terms: Immediate Payment**

Full Name

hien nguyen

Draw Auto Load Style

hien nguyen

✔ Accept & Sign

Taxes	Amount
i nộp 10%	11,000,000 đ
i nộp 10%	-10,900,000 đ
Subtotal	-10,900,000 đ
	100,000 đ
%	10,000 đ

Hình 273: Trang Subscription 17

- Sau khi kí tên và thanh toán thành công bằng hình thức online, đơn hàng đã được đánh dấu là **Paid**:

110,000 đ

Your payment has been successfully processed. Thank you!

Sales Order S00318

Order Date: 11/22/2021

Invoicing and Shipping Address:
 BVU, hien nguyen
 80 trung cong dinh
 VT
 BRVT
 Bà Rịa - Vũng Tàu Vietnam

Invoices
 INV/2021/11/0011 Date: 11/22/2021 **✓ Paid**

Pricing

Products	Quantity	Unit Price	Taxes	Amount
Server (1GB, 1GB, 1.00 Years	1.00 Years	11,000,000.00	Thuế GTGT phải	11,000,000 đ

Hình 274: Trang Subscription 18

- Quay về trang quản lý dịch vụ, xác nhận đã nâng cấp gói dịch vụ thành công trên giao diện hiển thị:

Set Payment Method

Close Subscription

Goto: mydomain.com

Restart Server

Change Domain

Change Addons Repo

Change Dependencies

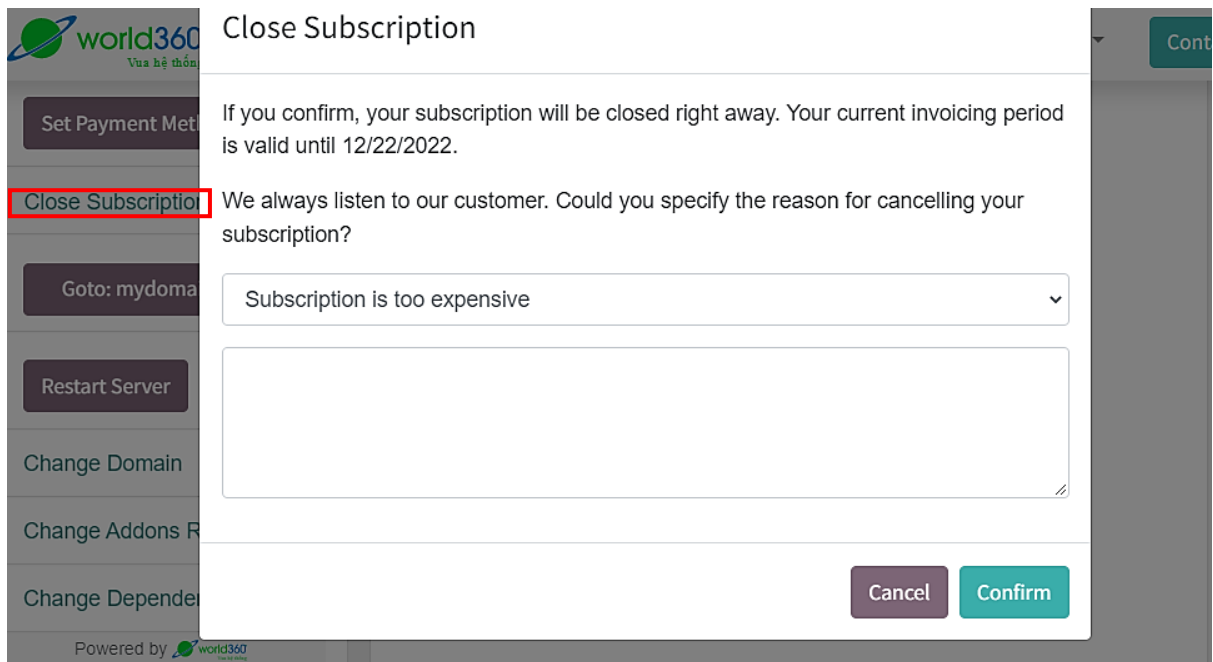
Powered by world360

Upgrade ▶

Product	Quantity	Unit Price	Total Price
Website	1.0 Years	1,000,000 đ	1,000,000 đ
Server (1GB, 1GB, 10TB)	0.0 Years	10,900,000 đ	0 đ
Server (1GB, 1GB, 20TB)	1.0 Years	11,000,000 đ	11,000,000 đ
Subtotal			12,000,000 đ
Taxes			1,200,000 đ
Next Billing Amount:			13,200,000 đ

Hình 275: Trang Subscription 19

- Khách hàng có thể chọn đóng dịch vụ nếu thực sự cần thiết:



Hình 276: Trang Subscription 20

The screenshot shows the 'Subscriptions' page. The table below lists the subscription details:

Subscription	Status	Total
YEA/SUB095 - BVU, hien nguyen	✔ In Progress	880,000 đ
YEA/SUB096 - BVU, hien nguyen	✘ Closed	13,200,000 đ

Hình 277: Trang Subscription 21

CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN

1. TỔNG KẾT

Đề tài “*Xây dựng Website bán hàng và cung cấp dịch vụ hosting*” vừa là khóa luận tốt nghiệp đồng thời cũng là một dự án thực tế được xây dựng cho doanh nghiệp.

Đồ án đã được xây dựng các chức năng chính và đạt được kết quả như mục tiêu đề ra:

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu;
- Hoàn thiện giao diện và chức năng của Backend;
- Hoàn thiện giao diện và chức năng của Frontend;
- Nghiên cứu cách vận hành của một hệ thống dành cho doanh nghiệp;
- Nghiên cứu cách hoạt động của Server;
- Nghiên cứu các ngôn ngữ lập trình, framework,.. phục vụ cho việc phát triển hệ thống;
- Nghiên cứu áp dụng Odo, Docker, Kubernetes,.. để xây dựng đề tài;
- Nghiên cứu và ứng dụng UX/UI vào sản phẩm;
- Giải quyết các vấn đề về thuật toán, hiện thực hóa ý tưởng bằng sản phẩm trực quan;
- Xây dựng được sản phẩm là Website với 2 chức năng chính là bán hàng và cung cấp dịch vụ hosting. Cho phép nhân viên quản lý thông tin hàng hóa, thông tin server, thông tin khách hàng, tình trạng hàng hóa trong hệ thống bán hàng online và cung cấp dịch vụ;
- Qua đánh giá sơ bộ kết luận đủ tiêu chí để ứng dụng vào thực tế.

2. HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Tiếp tục hoàn thiện và đưa ra sản phẩm hoàn chỉnh;
- Nghiên cứu chuyên sâu cách vận hành hệ thống dành cho doanh nghiệp;
- Nghiên cứu, đánh giá thị trường khi triển khai sản phẩm vào thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

<https://odoo-development.readthedocs.io/en/latest/>

<https://www.odoo.com/documentation/14.0/>

<https://doc.odoo.com/6.0/developer/>

<https://www.globalteckz.com/>

<https://odooforbeginnersblog.wordpress.com/>